

(...uyển chọn)





CD-MP3
Tặng kèm theo sách

CỔ TÍCH VIỆT NAM











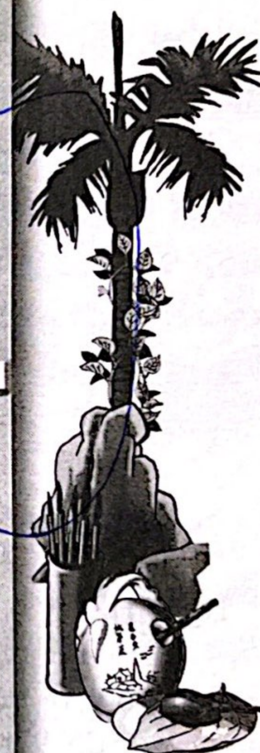
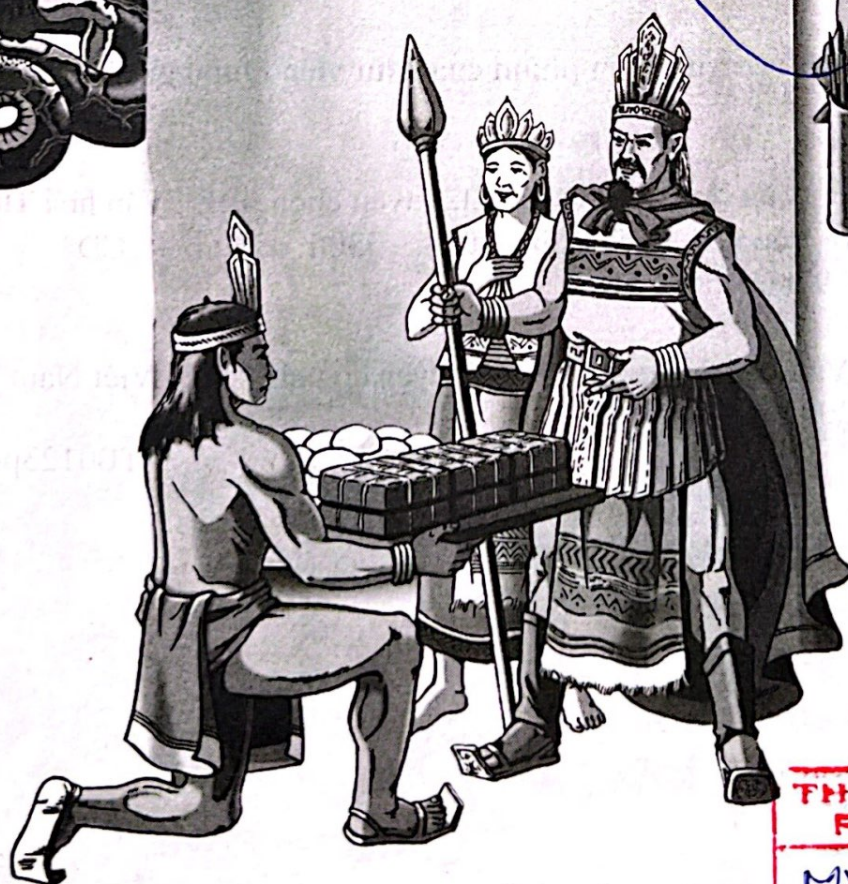
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

73/2014

NGỌC HÀ
(Sưu tầm & Tuyển chọn)

CD-MP3
Tặng kèm theo sách

CỔ TÍCH VIỆT NAM

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Ngọc Hà

Cổ tích Việt Nam / Ngọc Hà s.t., tuyển chọn. - H. : Văn hoá Thông tin ; Công ty Văn hoá Huy Hoàng, 2014. - 330tr. ; 24cm + 1CD

ISBN 9786045014448

1. Văn học dân gian 2. Truyện cổ tích 3. Việt Nam

398.209597 - dc23

VTB0123p-CIP

Ăn trầu ngắt đuôi

Thuở ấy, ở một xóm nọ có chàng thanh niên và cô thiếu nữ rất xứng đôi vừa lứa. Cha mẹ của đôi bên đều bằng lòng kết tình thông gia nhưng chưa nói cho con mình biết.

Vì quá yêu nhau, hằng đêm cô thiếu nữ lén mở cửa phòng rước chàng trai vào tình tự. Mãi đến gà gáy hừng đông, cậu trai mới ra về. Cứ như vậy ngày này qua tháng kia.

Buổi nọ, trước khi về, chàng trai ao ước được ăn một miếng trầu. Nhìn trong khay thấy hết trầu, cô thiếu nữ liền chạy ra vườn hái lá, têm vôi, mời chàng. Ngờ đâu miếng trầu nhai chưa dập chàng trai nọ ngã lăn, trào đờm rồi chết. Hoảng hốt nàng tri hô lên và đi báo quan. Quan chạy lại khám xét tử thi, thấy nhiều đốm đỏ loang khắp mình.

Thế là cô thiếu nữ nọ bị bắt giam để xét hỏi vì tội bỏ thuốc độc giết người. Cô cứ một mực kêu oan. Cuộc tra tấn kéo dài, dần dần cô trở nên ốm yếu gầy mòn, gần chết trong ngục.

May sao, có ông quan án đi qua. Quan án hỏi cô:

- Đầu đuôi sự việc như thế nào? Ngươi phải khai rõ.

Cô thiếu nữ nọ nói rõ sự thật. Nghe xong, vị quan suy nghĩ, gật đầu. Ông đi ra ngoài vườn xem từng lá trầu trên nọc. Ông quan sát thấy mấy lá ở sát gốc đều dính một chất gì nhớt ngay chót đuôi lá, giống như là con ốc, con sên bò qua nhả nước miếng.

Nhưng không thấy con ốc, con sên nào cả!

Ông quá tức trí, ra lệnh đào dưới đất, ngay nọc trầu đào thật sâu, bỗng nghe tiếng khò khè. Rõ ràng là con thuồng luồng nằm khoanh trong hang. Dân chúng chạy tứ tán.

Ông quan nói:

- Con thuồng luồng này hằng đêm lén bò lên mặt đất để

kiếm nước uống. Vì quá khát nước, nó phải liếm mấy giọt sương đọng ở chót đuôi mấy lá trầu gần mặt đất. Nọc con thuồng luồng dính lại trên lá, ăn vào sẽ trúng độc và chết. Cô gái này bị oan.

Chòm xóm nhìn nhận lời vị quan nọ là chí lý, tài trí như Bao Công thuở trước. Từ đó về sau, trước khi têm trầu, ai nấy đều ngắt chót đuôi lá vì sợ nọc con thuồng luồng. Bây giờ, giống thuồng luồng không còn nữa nhưng thói quen của con người hãy còn.

Ông Dài, Ông Cụt

Ngày xưa, có hai vợ chồng già làm ruộng một hôm đi ra ngoài đồng, thấy hai quả trứng lạ, nhặt đem về nhà. Được ít lâu, hai quả trứng nở ra hai con rắn rất khôn, hai vợ chồng đi đâu chúng nó thường bò theo. Hai người không có con nên cứ nuôi chúng, xem như là con, thường ngày cho ăn uống tử tế. Một hôm, người chồng cuốc vườn, vô ý cuốc đứt một khúc đuôi của một con. Sau đó, vợ chồng mới gọi hai con rắn đặt tên cho là con Dài, con Cụt. Hai con rắn lớn lên, ăn rất tợn, nhà nghèo không đủ nuôi, chúng thường đi bắt gà, chó của hàng xóm mà ăn. Hai vợ chồng không nuôi nổi, mới đem thả xuống sông Tranh, thuộc Hải Dương ngày nay.

Hai anh em rắn Dài và Cụt được Thủy Vương nhận làm bộ hạ và cho cai quản cả một vùng sông rộng. Rắn Cụt tính khí hung dữ hơn rắn Dài, hoành hành khắp vùng, làm cho dân chúng phải kiêng sợ gọi tên là ông Dài và ông Cụt. Có khi chúng bắt cả người, còn cướp súc vật là chuyện thường xảy ra. Ghe thuyền qua lại trên khúc sông, thường bị ông Cụt nổi sóng dữ dội làm cho đắm. Cha mẹ nuôi ông Dài, ông Cụt thỉnh thoảng lại phải ra bờ sông van xin con nuôi đừng làm hại người ta. Chúng cũng nghe theo được ít lâu, rồi lại đâu vẫn hoàn đấy. Có

lần hai vợ chồng họ Trịnh đi thuyền qua đó, ông Cụt thấy người vợ là Dương Thị nhan sắc xinh đẹp, muốn bắt về làm vợ, cho hai người con gái bưng lễ vật đến hỏi. Hai vợ chồng hoảng sợ bỏ thuyền lên bờ trốn tránh. Nhưng rồi ông Cụt cho bộ hạ theo dõi, thừa một đêm mưa gió, bắt Dương Thị đem về dưới Thủy Phủ. Sáng ngày, người chồng theo dấu ra đến bờ sông chỉ còn thấy quần áo của vợ trút bỏ lại đó.

Người chồng không biết làm thế nào, đành nuốt hận đi đây, đi đó tìm người phép tắc thần thông để trừ ông Cụt. Một hôm, họ Trịnh gặp một ông già ngồi bói ở chợ, lân la hỏi mới biết là Bạch Long Hầu tức là Thần Mưa ở dưới Thủy Cung. Bạch Long Thần rẽ nước mời họ Trịnh về nhà mình ở dưới biển, giúp bàn việc kiện ông Cụt với Long Vương. Họ Trịnh đưa cái thoa của vợ nhờ người nhà Bạch Long hầu làm của tin để dò tìm Dương Thị ở dưới Thủy Phủ. Khi đã bắt liên lạc được với Dương Thị rồi, họ Trịnh bèn nhờ Bạch Long Hầu đưa đến triều đình Long Vương để tố cáo tình địch đã cướp vợ mình. Long Vương cho đòi ông Cụt tới. Ban đầu ông Cụt còn chối cãi, toan làm dữ với họ Trịnh, nhưng đến khi Dương Thị ra kể lại sự tình bị ông Cụt bắt cóc, ép duyên, thì họ Trịnh liền được kiện. Long Vương xử cho Dương Thị trở về mặt đất với họ Trịnh, con của nàng sinh với ông Cụt thì giao lại cho ông Cụt.

Ông Cụt bị đày đến ở sông Kỳ Cùng, thuộc về Lạng Sơn ngày nay. Ngày ông Cụt bị giáng chức đi đày, các loài thủy tộc đi theo tiễn chân đầy cả một khúc sông.

Ông nghè hoá hổ

Ngày xưa, ở một làng kia, có một thanh niên bố chết từ hồi hắn còn nhỏ và để lại cho hắn một gia sản khá lớn. Hắn dư của ăn học, thường nói với mọi người trong làng: "Thầy tôi khi xưa làm một chức quan nhỏ, tôi nhất định sẽ làm to hơn". Rồi đối với những người không ưa, hắn nói: "Ông mà đỗ ông nghè thì chúng bay chết với ông".

Đến khoa thi, nhờ đút lót tiền cho quan trường, hắn đỗ hương cống. Đỗ hương cống, về làng hắn không còn coi ai ra gì. Đối với người hai thứ tóc hắn cũng mày tao, làm cho cả tổng lo ngay ngáy, chỉ sợ hắn mà đỗ ông nghè thì rồi dân hàng tổng không ai cất đầu lên được.

Nhưng chẳng bao lâu, nhờ có tiền lo lót gã thanh niên ấy đỗ ông nghè thật. Đỗ tiến sĩ, hắn được vua ban áo mũ, cờ biển, võng lọng về vinh quy, có lính theo hầu, có dân làng đón rước.

Đường từ Kinh về làng xa lắm, phải băng rừng, vượt đèo, lội suối, lại đi trong mùa hè, nên nhân dân và binh lính phục dịch rất là vất vả. Đến một khu rừng rậm, binh lính và nhân dân dừng lại để nghỉ. Mọi người mệt nhọc, nằm dưới bóng mát ngủ thiếp đi. Nghè ta được ngồi võng nên không mệt nhọc gì cả. Thấy rừng xanh um, lại nghe tiếng suối chảy róc rách ở gần, hắn liền dạo chơi, lần đến bờ suối, tìm tảng đá ngồi nghỉ, định nghĩ mấy vần thơ vịnh cảnh vinh quy giữa núi cao rừng thẳm, nhân cũng để tỏ "chí thanh cao" của mình. Thấy nước suối xanh trong và mát lạnh, lại vắng vẻ không người qua lại, nghè ta định tắm cho thân thể mát mẻ, tinh thần sảng khoái, để nghĩ cho ra những vần thơ hay...

Hắn cởi quần áo lội xuống suối. Chao ôi! Nước mát làm sao. Nhưng tắm xong, hắn thấy ngứa ngáy khác thường, ngứa và nóng bỏng như rôm sảy mọc lên khắp mình mẩy. Hắn lấy tay gãi thì thấy da thịt bị xước, máu chảy ròng ròng. Nhìn các đầu

ngón tay, hắn thấy móng tay đã mọc dài từ bao giờ, nhọn và sắc, nhìn đến chân tay mình mẩy thì lông lá xồm xoàm. Hắn thấy trong bụng cồn cào như hun, như đốt, cổ họng như bị bỏng, khát tưởng như có thể uống cạn giếng nước đầy. Hắn đến bờ suối, cúi đầu xuống dòng nước trong mát để uống thì thấy mặt mình đã hoá ra mặt hổ, thân hình mình cũng là thân hình hổ. Hắn kinh hãi quá, lên tiếng gọi quân sĩ thật to, mong họ cứu chữa cho mình, thì tiếng của hắn đã trở nên những tiếng gầm của hổ. Hắn càng gào thét thì những tiếng ở miệng hắn thốt ra đều là những tiếng gầm vang, chấn động cả khu rừng. Nghè ta thấy mình đã hoá hổ, tức tối chạy rong một lúc, rồi cúp đuôi chạy thẳng vào hang sâu. Quân sĩ và phu tráng đang ngủ say, bỗng nghe tiếng hổ gầm dữ dội, đều thức dậy. Họ tìm khắp mọi nơi không thấy ông nghè đâu, yên trí là ông nghè đã bị hổ tha đi mất. Mọi người đành nhặt nhạnh khăn gói, cùng nhau ra khỏi khu rừng, tìm đường quang đãng để đi, phu tráng thì trở về làng, còn quân lính thì trở về Kinh.

Từ đấy, cứ cách vài ngày, người ta lại thấy một con hổ xám rất lớn gầm lên những tiếng ghê rợn trên một ngọn núi trọc. Trong vòng ba tháng, con ác thú ấy đã ăn thịt hơn mười khách bộ hành. Con đường tắt qua rừng dần dần thưa người qua lại. Chỉ còn một số phường săn đến thăm dò, để giăng bẫy bắt con hổ xám. Nhưng con ác thú tinh lắm, đặt mồi to và ngon đến đâu, cũng không lừa nổi nó. Người ta nói: trong đêm thanh vắng, nó khóc thút thít như người. Săn mãi không được, những người phường săn cũng chán nản, bỏ khu rừng ấy không đến nữa. Câu chuyện ông nghè về vinh quy bị hổ tha mất cũng lu mờ dần trong trí nhớ mọi người...

Năm sáu năm sau, có một anh nông dân cùng làng với ông nghè hoá cọp đi lính được trở về làng. Anh đến địa đầu khu rừng thì trời đã xế chiều. Anh tính nếu đi qua rừng thì sáng sớm hôm sau đã về đến nhà, còn nếu đi đường vòng qua đồi, qua các bản làng thì hai ngày nữa mới tới nơi. Anh vào một cái quán bên đường uống nước, giở cơm nắm ra ăn, và đem việc tính toán đường đi nói chuyện với những người trong quán. Mấy

ông già bà già đều khuyên anh không nên qua rừng và nói cho anh biết con hổ xám mỗi ngày một hung dữ. Anh vốn là người gan dạ, lại đi lính đã lâu năm, đang nóng lòng muốn gặp gia đình, nên anh quyết băng rừng. Ăn đã chắc dạ rồi, anh vác một ngọn giáo, một bó nứa để phòng làm đuốc, đeo tay nải, bùi nhùi, mạnh dạn đi thẳng vào rừng...

Lâu năm cỏ đã mọc kín đường mòn, phải tinh mắt lắm mới nhận ra lối đi. Anh rảo bước để ra khỏi khu rừng trước khi mặt trời lặn. Mới đầu nghe tiếng lá rơi, tiếng cành khô gãy, anh cũng nhìn trước nhìn sau, rồi càng đi sâu vào rừng, càng thêm hiu quạnh, âm u, nhưng lòng hăng hái của anh càng tăng lên. Không những anh không sợ nữa, mà còn nghĩ thầm: "Thật người ta cũng nhát quá! Hổ xám hoạ hoằn mới ra, chứ có đâu lúc nào nó cũng ngồi chồm chỗm bên đường để rình người!". Anh vừa nghĩ xong thì chợt có tiếng động ở một bụi rậm bên đường. Tiếng sột soạt lúc nhẹ, lúc mạnh, như có người đang kéo cành khô. Anh cầm chặt ngọn giáo, lắng tai nghe...

Thốt nhiên có tiếng gọi, tiếng khàn khàn, ồ ồ, như kẻ rụt lưỡi, không hẳn là tiếng người, nhưng dùng lời thì thật sõi:

- Anh Lương đấy à? Hãy dừng lại, tôi hỏi một tí.

Anh nông dân thấy gọi đúng tên mình, liền đứng lại. Trong bụi có tiếng nói tiếp:

- Tôi là Bành đây, không biết anh có còn nhớ tôi không? Tên Bành đã đốt nhà anh, làm cho anh phải bỏ làng đi mất mấy năm ấy mà!

Anh nông dân đáp: Tôi nhớ ra rồi. Sao người ta lại nói anh bị hổ tha đi mất? Còn chuyện cũ kia, thôi đừng nhắc đến làm gì. Nếu có phải anh nhỡ độ đường thì ra đây, tôi đưa về làng. Trời sắp tối rồi!

Có tiếng thở dài trong bụi, rồi có tiếng nói ra: Tôi chỉ lo anh chưa quên chuyện cũ. Bây giờ thì tôi... tôi không ra đi với anh được. Anh hãy nán lại một chút, tôi xin kể nông nỗi của tôi anh nghe...

Rồi Bành kể hết mọi việc làm của hắn từ ngày hắn đỗ ông nghè, về vinh quy và hoá hổ.

Anh nông dân hỏi hổ xám:

- Thế bây giờ, muốn tôi giúp gì cho?

Hổ đáp:

- Tôi có đứa con trai, ngày tôi vào Kinh thi, nó mới lên hai, tôi lại còn mẹ già và vợ dại... Không biết có còn cả hay không? Nếu còn, nhờ anh trông nom, giúp đỡ cho.

Rồi hắn hỏi:

- Anh Lương ơi! Anh có thịt chín đấy không? Bao nhiêu năm nay, tôi ăn toàn thịt sống, những lúc tỉnh như lúc này, thèm thịt chín quá...

Anh nông dân lục trong tay nải, rồi bảo con hổ:

- Còn một gói nem và một mẩu chân giò luộc đây. Ra mà ăn!

Con hổ nói bằng giọng sung sướng:

- Xin anh nếm vào bụi cho tôi. Bây giờ khắp người tôi lông lá, hôi hám lắm, không dám đến gần anh.

Anh nông dân ném mẩu chân giò và gói nem vào bụi, rồi dặn con hổ:

- Từ nay nên vào rừng sâu, tìm kiếm hươu nai mà ăn, không nên luẩn quẩn trên đường này mà hại người.

Hổ đáp:

- Xin nghe lời anh.

Từ đó, trong đêm tối, người ta không nghe thấy tiếng con hổ xám gầm trên ngọn đồi trọc nữa. Con đường tắt qua rừng lại tấp nập người qua lại. Và khắp miền ấy, ai ai cũng thuộc câu chuyện ông nghè hoá Hổ.

Đôi Chim Tử Quy

Ngày xưa có nàng U Tiếm là con một nhà quan lang. Cổ nàng, tay nàng đeo rất nhiều "púc-khen" bằng bạc. Bộ xà tích, ống vôi lủng lẳng ở thắt lưng. Tiếng hát và tài sắc của nàng đã vang đi khắp vùng. Nàng tỉa lúa, dệt vải, giã gạo rất giỏi, nổi tiếng trong bản ngoài bản. Cha mẹ nàng rất thương quý nàng.

Nhiều con trai nhà giàu muốn tặng nàng "dỏn", muốn cất tiếng hát với U Tiếm, nhưng nàng chẳng ưng ai. Nàng lại mê một chàng trai nhà nghèo tên là Khum Lồ. Chàng sống trong cái nhà sàn bé tí. Khum Lồ phát rẫy, làm nương, săn bắn, lấy củi... đều rất giỏi, anh đan "dỏn" rất khéo, thổi sáo "ôi" rất hay. Nàng U Tiếm đam mê Khum Lồ từ tiếng sáo. Những đêm trăng sáng ngồi trên sàn nhà kéo sợi hoặc thêu thùa, hễ có tiếng sáo của Khum Lồ vọng lại là trái tim nàng xao xuyến. U Tiếm đã cùng cất tiếng hát với anh, đã nhận "dỏn" của anh tặng. Song nhà anh không thể sánh với nhà lang. U Tiếm bàn với Khum Lồ là hãy xuống xuôi học tập thành tài rồi sẽ về bản cưới nhau. Khum Lồ sẽ đi vài ba năm... nàng sẽ chờ!

Ở lại bản, U Tiếm vẫn thường ngắm trộm chiếc sáo "ôi" và cái áo của Khum Lồ để lại làm kỷ niệm. Thấm thoát đã qua một mùa rẫy. Bỗng một hôm, nhà nàng rộn rịp hẳn lên. Mọi người trong bản được quan lang đòi đến giúp việc, kẻ thịt trâu, người hông xôi, người nấu cháo... Mấy chum rượu trấu đã cắm cần. Bà con ra vào tấp nập. Nàng hỏi mới biết cái tin sét đánh ngang tai: Lão Hắc Xam - một quan lang khét tiếng giàu có và gian ác đến hỏi nàng làm vợ, bố nàng đã ưng thuận. Đêm ấy, trong buồng riêng, nước mắt nàng đã thấm ướt cái áo và chiếc sáo của Khum Lồ. Nàng đã xin cha nàng cho hoãn lại mấy năm vì còn nhỏ tuổi.

Hai năm sau, Hắc Xam đến xin bố nàng làm lễ cưới. Nàng

khóc lóc xin hoãn lại. Nhưng lần này cha nàng tham giàu, tham sang và ham đồ dẫn cưới, nhất quyết không nghe. Nhận đồ cưới của Hắc Xam cũng như là nhận làm vợ của hắn rồi. Còn lời hẹn với Khum Lồ? Lòng nàng như có lửa đốt. Lúc hai họ đang ăn uống linh đình, U Tiếm ăn lá ngón tự vẫn. Thi hài của nàng được quàn lại bản.

Giữa lúc ấy Khum Lồ đang trên đường về bản. Sính lễ cưới với U Tiếm là cái nghề mà chàng đã học được dưới xuôi. Nỗi lòng của người xa quê hương sắp được gặp mặt U Tiếm làm bước chân của chàng như có gió đẩy. Chàng về đến bản thì cảnh cũ vẫn y nguyên, mà U Tiếm đã là người thiên cổ. Chàng ôm lấy quan tài U Tiếm khóc lóc thảm thiết. Cuối cùng thì chàng cũng chết theo người yêu.

Hắc Xam lồng lên vì xót của, vì ghen tuông. Hắn sai người đi vứt xác Khum Lồ và U Tiếm mỗi người một bờ suối. Ít lâu sau mỗi bờ suối mọc lên một cây trúc xinh đẹp. Hai ngọn trúc khum khum vắt qua dòng suối rồi xoắn xuýt bên nhau. Hắc Xam càng giận dữ. Hắn cho đẵn hai cây trúc về đan thành hai cái lồng, vứt ra đồi. Song hai cái lồng cứ lần lại gần nhau, cái bé lọt trong lòng cái lớn. Hắc Xam càng điên cuồng, hắn bắt gia nhân đốt hai cái lồng đó rồi vứt nắm than ra hai sườn núi. Tự nhiên hai nắm than trở thành hai con vật màu đen xám, có cánh. Đó là hai con chim Tử Quy, một trống một mái, đêm đêm gọi nhau, con trống kêu "khảm", con mái kêu "khác" gióng giả cả rừng khuya im lặng, cho đến lúc chúng sắp gặp nhau thì trời rạng sáng.

Đồng tiền Vạn Lịch

Ngày xưa, có một người lái buôn tên là Vạn Lịch. Hắn ta buôn to, giàu có vào hạng nhất nhì trong nước. Hắn có ngót một trăm chiếc thuyền dùng vào việc chở hàng. Chiếc thuyền riêng của Lịch có buồng ăn, buồng nằm... Không khác gì nhà ở trên đất. Xung quanh chỗ ngồi trang sức bằng gấm vóc. Đồ dùng toàn bằng vàng bạc. Lịch có một người vợ trẻ và đẹp là Mai Thị. Trong những lúc đi buôn bán xa, hắn thường nghi ngờ vợ không thực lòng với mình. Hắn hay xét nét từng li từng tí làm cho nàng tuy sung sướng nhưng cũng rất khổ tâm.

Một hôm thuyền của Lịch đậu ở một bãi vắng. Mai Thị ngồi trước mũi nhìn ra ngoài. Bỗng có một người đánh giậm ở đâu đến cạnh thuyền xin một miếng trầu. Mai Thị thấy người đó đóng khố, mình mẩy lấm láp thì thương hại, hỏi thăm mấy câu rồi lấy mấy miếng trầu trong cơi vàng đem cho. Lịch đang ngủ chợt thức giấc thấy thế, cơn ghen nổi lên đùng đùng. Chờ cho anh đánh giậm đi khỏi, hắn gây chuyện với vợ rồi xỉ vả nàng thậm tệ. Mặc dù Mai Thị thề thốt hết lời nhưng hắn không nghe. Hắn trả xống áo cho nàng, vứt cho một thoi vàng, một thoi bạc và đuổi đi ngay.

Mai Thị bơ vơ một mình trên bãi biển. Nàng gặp lại người đánh giậm bèn gạt nước mắt kể lể sự tình. Anh chàng đánh giậm ngẩn ngơ cả người, không hiểu ra làm sao cả. Khi biết anh ta chưa có vợ lại sống một thân một mình, nàng bảo:

- Hắn bảo tôi dan díu với anh, âu cũng là số tôi không lấy được kẻ giàu sang, tôi xin lấy anh làm chồng, dù có khổ sở thế nào đi nữa tôi cũng chịu được. Chúng ta sẽ làm ăn nuôi nhau. Anh chàng đánh giậm không biết từ chối thế nào, cuối cùng dẫn người đàn bà kia về túp lều của mình dựng bên bờ sông. Và họ trở nên vợ chồng. Hàng ngày chồng vẫn làm nghề

cũ, còn vợ thì ở nhà chăn nuôi gà vịt. Tuy nghèo nhưng họ sống êm ấm, không xô xát với nhau bao giờ.

Ba năm trôi qua. Một hôm trời mưa, chồng rỗi việc ở nhà, vợ ngồi vá áo. Chồng thấy đàn gà thi nhau mổ thóc ở thúng, sẵn có thỏi vàng của vợ trong thúng khâu, hắn không biết là vật gì liền cầm lấy ném đàn gà. Chẳng may ném mạnh quá thỏi vàng văng luôn xuống sông. Thấy vậy, người vợ trách chồng:

- Kìa, người sao mà ngu đần thế! Anh có biết anh vừa ném cái gì không? Chồng đáp gọn lỏn:

- Chả biết.

- Đấy là vàng quý nhất ở trên thế gian đấy.

- Thứ ấy thì thiếu gì. Những lúc bắt cá ở một vũng kia tôi vẫn nhặt được luôn nhưng không biết dùng làm gì nên lại vứt bỏ.

Đến lượt vợ lại ngẩn cả người, liền hối hả giục chồng đi lấy về. Quả nhiên đó là vàng thực và lạ thay mỗi thỏi đều có dấu hiệu riêng của Vạn Lịch. Nguyên do Vạn Lịch từ ngày đuổi vợ, buôn bán có phần thua lỗ. Một chuyến bị bão, thuyền đắm, Lịch chỉ thoát được thân còn bao nhiêu vàng bạc của cải đều chìm xuống nước và trôi giạt vào đây. Thế là kho vàng của Lịch lại thuộc về tay vợ chồng Mai Thị. Từ khi có của, Mai Thị bèn xây dựng nhà cửa và sắm ăn sắm mặc cho chồng. Thấy chồng quá ngờ nghệch, vợ bảo phải năng chơi bời với người ta để học khôn học khéo hòng mở mặt với đời.

Chồng nghe lời, vào xóm gạ chuyện với mọi người để làm quen nhưng chả có ai thèm chơi với thằng nghèo lại nổi tiếng đần độn. Luôn mấy hôm liền, hắn đi không về rồi. Vợ hỏi: "Đã chơi được với ai chưa?". "Chưa". Mai Thị lắc đầu nói một mình rằng: "Người đâu u mê đến thế. Suốt mấy hôm trời mà không làm quen được một ai. Hoạ có chơi với phỗng thì được!".

Nghe nói thế, chồng tưởng vợ bảo mình không chơi với người thì chơi với phỗng, bèn tìm đến một ngôi đền vắng ở xa xóm. Hắn lân la toan làm quen với mấy bức tượng phỗng đặt ở hai bên sân đền. Thấy tượng phỗng nhe răng cười, hắn cũng cười theo, rồi lại quàng vai bá cổ làm như chơi đùa với người

thật. Sau đó hắn đi mua bún lòng về mời ăn, nhét cho mỗi tượng một miếng vào miệng. Cuối cùng chẳng thấy phỗng nói gì, hắn tức mình xô phỗng từ trên bệ lăn kềnh xuống đất rồi bỏ ra về. Khi vợ hỏi, hắn kể lại sự tình. Mai Thị giẫm chân kêu trời, đành giữ chồng lại nhà để dạy khôn cho hắn. Không ngờ ngôi đền mà anh chàng đánh giậm đến chơi lại là nơi phát tích của nhà vua. Tự nhiên, sau khi anh đánh giậm xô đổ tượng phỗng, nhà vua bị đau bại một nửa người. Bao nhiêu danh y được triệu vào cung chữa bệnh cho thiên tử đều lắc đầu bó tay. Một ông quan thái bốc gieo quẻ báo tin rằng ngôi đền này động. Lập tức triều đình phái quan tỉnh về làm lễ tạ. Pho thượng phỗng đổ xuống đất làm cho họ chú ý. Nhưng khi định dựng tượng dậy thì lạ thay, hàng chục người mó vào đều nâng không nổi. Quan truyền cho mấy cơ lính dùng đòn dây xúm vào cùng khiêng nhưng rốt cuộc tượng vẫn không hề nhúc nhích. Tin ấy bắn về kinh đô, nhà vua rất lo, liền sai yết bảng cho tất cả thần dân ai có phép gì dựng được phỗng lên bệ thì sẽ hậu thưởng. Hôm ấy Mai Thị đi chợ qua đó thấy bảng yết thế, bèn về hỏi chồng:

- Hôm ấy anh làm thế nào đẩy ngã pho tượng xuống được?

Hắn đáp:

- Tôi chỉ khẽ ẩy một cái là đổ ngay.

- Thế bây giờ có dựng lên được không?

- Làm gì mà chả được! Vợ bèn cùng chồng ra giật bảng xin quan cho vào nâng thử. Quả nhiên khi người đánh giậm mó tay vào tượng liền đứng lên được. Từ hôm đó nhà vua khỏi bệnh. Vua sai lấy vàng bạc thưởng cho vợ chồng Mai Thị nhưng họ không nhận, chỉ xin làm một chân tuần ty ở sông Cả. Chức vụ tuần ty chỉ ngồi thu thuế không cần biết chữ. Vua ưng cho ngay. Hai vợ chồng liền đi nhận chức. Sẵn vàng bạc, họ đưa ra xây dựng nhà cửa rất nguy nga ở bên cửa sông. Từ đó họ nổi tiếng giàu có trong vùng. Một hôm, thuyền của Vạn Lịch đi qua đấy, đỗ lại ở cửa tuần cho người lên nộp thuế. Mai Thị biết vậy liền ra lệnh bắt chủ phải đích thân đến nộp. Tiến vào công đường, Lịch xiết bao kinh ngạc khi thấy ngồi trước án là người vợ cũ

của mình cùng anh chàng đánh giậm ngày xưa. Mai Thị mỉa mai bảo hắn:

Biết rằng anh vẫn đi buôn
Em về kiếm chốn nha môn ngồi tuần.
Dù anh buôn bán xa gần
Làm sao tránh khỏi cửa tuần em đây.

Nghe câu ấy xong thì Vạn Lịch vô cùng xấu hổ. Hắn từ tạ trở về thuyền. Vừa thẹn vừa uất, hắn nghĩ không còn mặt mũi nào nhìn lại vợ lần nữa. Đoạn hắn làm giấy kê khai tất cả của cải đem biếu Mai Thị nói là để chuộc lỗi xưa, rồi đâm cổ tự tử. Mai Thị thấy vậy lấy làm hối hận. Sau đó nàng đem bao nhiêu tài sản của Vạn Lịch, tâu vua xin đúc một thứ tiền gọi là "tiền Vạn Lịch" rồi đem phân phát cho những người dân nghèo khổ làm phúc.

Ngày nay thỉnh thoảng người ta vẫn còn nhặt được một vài đồng tiền đó. Người đời về sau có câu hát:

Đồng tiền Vạn Lịch thích bốn chữ vàng,
Anh tiếc công anh dan díu với nàng bấy lâu.

Đít khỉ bị đỏ

Ngày xưa, có một người giàu nứt đố đổ vách mà tính tình lại rất bủn xỉn, hà tiện và hết sức khắt khe đối với kẻ nghèo khổ. Vợ người phú hộ cũng giống như chồng, chỉ biết bo bo chắt bóp giữ tiền, cả đời không hề bỏ một đồng giúp ai. Hai vợ chồng không có con cái, chỉ nuôi một đứa bé gái xấu xí giúp việc. Trái với chủ nhà, người đầy tớ rất tốt bụng, thấy ai đến cửa xin ăn bị xua đuổi tàn nhẫn, lấy làm thương hại, thường đem lời ngọt ngào an ủi.

Một hôm, vào lúc xế chiều, vợ chồng kẻ trọc phú đang ngồi ăn, có một bà lão ăn mày quần áo rách tả tơi, gầy yếu chỉ còn da bọc lấy xương, lọm khọm đến cửa kêu van đã nhịn đói mấy hôm

và xin một ít cơm ăn. Hai vợ chồng phú hộ không thèm ngó đến, sai người đầy tớ đuổi đi. Người đầy tớ miễn cưỡng vâng lời rồi theo bà lão ăn mày ra ngoài dặn nhỏ bảo bà ta đợi ở gốc cây bên đường, đợi chủ ăn xong nó sẽ lén đưa cơm ra cho. Bà lão ngồi chờ, một lát thấy người đầy tớ rón rén mang đến cho một gói lá chuối bọc cơm và cá.

Cho xong người đầy tớ vội vàng toan chạy đi thì bà lão ăn mày níu lại cảm ơn và bảo nó hôm nào chủ sai nó đi vào rừng lấy củi, hãy đến tắm ở suối cách đó hai dặm, tức khắc người sẽ đẹp ra.

Vài hôm sau, củi hết, bà phú hộ sai người đầy tớ vào rừng kiếm về. Nhớ lại lời bà lão, người đầy tớ tìm đến con suối, xuống tắm một lúc, rồi lên lượm củi vác về nhà.

Từ hôm đó, nó thấy khác trong người, mỗi ngày mỗi biến đổi, trở nên xinh đẹp lạ thường. Vợ chồng người phú hộ nhận thấy người đầy tớ xấu xí tự nhiên bỗng có nhan sắc tuyệt vời, bèn nảy ra ý định nhận nó làm con nuôi, hy vọng sẽ có rể làm quan lớn. Như vậy là vừa giàu có lại thêm danh vọng mà không phải mất tiền mua. Bàn tính lợi hại rồi vợ chồng mới ngỏ lời với người đầy tớ nhận nó làm con nuôi. Mồ côi cha mẹ từ lâu, bà con họ hàng cũng không có ai, người đầy tớ nhận lời. Vợ chồng người phú hộ mời làng đến làm giấy tờ đàng hoàng, chắc mẩm sẽ đòi được nhiều của thách cưới cô gái nuôi xinh đẹp.

Sau đó ít lâu, một hôm bà phú hộ hỏi con gái nuôi nhờ đâu mà được thành ra nhan sắc đẹp đẽ như vậy. Cô gái thật tình kể lại những lời chỉ bảo của bà lão ăn mày độ nọ. Nghe nói thế, vợ lão phú hộ dò chỗ suối tiên, rồi ngay hôm sau, cùng chồng tìm đến nơi để tắm, hy vọng sẽ hóa nên trẻ đẹp.

Theo lời con gái nuôi, vợ chồng tìm ra dòng suối, vội vàng cởi hết quần áo nhảy ùm xuống nước hụp lặn nhiều lượt. Đang lúc ngâm mình nước bỗng nóng sôi lên, vợ chồng nhảy lên bờ, thấy da thịt ngứa ngáy, cho là suối tiên biến hóa bắt đầu hiệu nghiệm. Song lần này suối tiên biến hóa trái ngược hẳn, hai vợ chồng phú hộ ngứa gãi khắp mình, và gãi đến đâu thì thấy mọc

lông đến đấy, chẳng mấy chốc đầy người, cả hai hóa thành khỉ. Họ cuống cuồng lên, quên cả quần áo, cứ thế mà chạy thẳng về nhà, muốn nói thốt không ra lời được nữa, chỉ ú ớ thành những tiếng kêu thét.

Người con gái nuôi trông thấy hai con vật lông lá dữ tợn muốn xông vào nhà, sợ hãi kêu ầm ĩ cả lên. Bà lão ăn mày độ nọ lại hiện ra bảo cô gái rằng:

- Con chớ sợ, hai con vật này là hai vợ chồng lão phú hộ hà tiện và ác nghiệt bị Trời phạt hóa kiếp đó.

Rồi Phật Quan âm đã hiện ra làm bà lão khuyên cô gái lấy hai hòn đá nung đỏ đặt ở trước cửa để ngăn trừ đôi khỉ đến quấy phá. Cô gái vừa thương tâm vừa lo sợ làm theo lời Phật dạy, rồi đóng cửa lại ở trong nhà. Hai vợ chồng khỉ trở lại khẹc khẹc đòi của, gào rú, lồng lộn một hồi mệt mỏi rồi ngồi phịch xuống hai hòn đá nung lửa. Bị phỏng cháy trụi cả lông ở sau đít, đôi khỉ hoảng sợ bỏ chạy tuốt vào rừng ở luôn không dám quay trở lại nữa. Cũng vì thế mà từ đó giống khỉ sinh ra là đỏ đít.

Bánh chưng bánh dày

Ngày xưa, vào đời vua Hùng Vương thứ sáu, sau khi đánh dẹp xong giặc Ân, vua muốn truyền ngôi cho con. Nhưng nhà vua có những 20 người con trai, không biết chọn ai cho xứng đáng. Giặc ngoài đã dẹp yên, nhưng giặc trong phải đề phòng, dân ấm no ngai vàng mới vững. Nhân dịp đầu xuân, vua mới gọi 20 hoàng tử lại, nói:

- Tổ tiên ta từ khi dựng nước đã truyền được sáu đời, giặc Ân nhiều lần xâm lấn bờ cõi, nhờ phúc ấm tiên vương, ta đều đánh đuổi được, thiên hạ được hưởng thái bình. Nhưng ta già rồi, không sống mãi ở đời, người nối ngôi ta phải biết nối trí ta, không nhất thiết phải là con trưởng. Năm nay, nhân lễ Tiên Vương chứng giám, các con mỗi người hãy làm một mâm cỗ

thật ngon và có ý nghĩa mang đến đây, ta sẽ chọn ai có lễ vật hợp lý nhất.

Các hoàng tử đua nhau tìm kiếm của ngon vật lạ dâng lên cho vua cha, với hy vọng mình lấy được ngai vàng. Người con trai thứ 18 của Hùng Vương, là Tiết Liêu (còn gọi là Lang Liêu) có tính tình hiền lành, lối sống đạo đức, hiếu thảo với cha mẹ. Vì mẹ mất sớm, thiếu người chỉ vẽ, nên ông lo lắng không biết làm thế nào.

Một hôm, Tiết Liêu nằm mộng thấy có vị Thần đến bảo: "Này con, vật trong Trời Đất không có gì quý bằng gạo, vì gạo là thức ăn nuôi sống con người và ăn không bao giờ thấy chán. Các thứ khác tuy ngon nhưng hiếm, mà người không làm ra được. Còn lúa gạo thì tự ta trồng lấy. Con hãy lấy gạo nếp làm bánh hình tròn và hình vuông để tượng trưng cho Trời và Đất. Hãy lấy lá bọc ngoài, đặt nhân trong ruột bánh, để tượng trưng cho Cha Mẹ sinh thành.

Tiết Liêu tỉnh dậy, vô cùng mừng rỡ. Ngẫm nghĩ bao nhiêu, ông càng thấy lời Thần nói đúng bấy nhiêu. Ông bèn chọn thứ gạo nếp thơm lừng, trắng tinh, hạt nào hạt nấy đều tròn mẩy, đem vo thật sạch, lấy đậu xanh, thịt lợn làm nhân, dùng lá dong trong vườn gói lại thành hình vuông, nấu một ngày một đêm thật nhừ. Để đổi vị, đổi kiểu, cũng thứ gạo nếp ấy ông đồ lên, giã nhuyễn, nặn hình tròn.

Đến ngày lễ Tiên Vương, các hoàng tử đều đem thức ăn đến bày trên mâm cỗ. Đủ cả sơn hào hải vị, nem công, chả phượng tới, chẳng thiếu thứ gì. Vua cha chỉ xem qua một lượt rồi dừng lại trước chồng bánh của Tiết Liêu, thấy rất vừa ý. Vua Hùng Vương lấy làm lạ hỏi, thì Tiết Liêu đem chuyện Thần báo mộng kể, giải thích ý nghĩa của hai loại bánh. Vua ngẫm nghĩ rất lâu, rồi chọn hai thứ bánh ấy đem bánh ra ăn cùng với quần thần. Ai cũng tấm tắc khen ngon.

Vua cho gọi mọi người và nói:

- Bánh hình tròn là tượng trưng cho Trời, đặt tên là *bánh dày*. Bánh hình vuông tượng trưng cho đất, đặt tên là *bánh chưng*. Lá gói ngoài, mĩ vị để trong là ngụ ý đùm bọc nhau.

Tiết Liêu đã dâng lễ vật hợp ý ta. Tiết Liêu sẽ nối ngôi ta, xin Tiên Vương chứng giám.

Kể từ đó, mỗi khi đến Tết Nguyên Đán, thì dân chúng làm bánh chưng và bánh dày để dâng cúng Tổ Tiên và Trời Đất. Về sau, trở thành tục lệ ở Việt Nam, đâu đâu cũng làm bánh chưng bánh dày trong dịp Tết, kể cả các lễ cưới và đám tang.

Bà Chúa Ngọc

Ngày xưa, ở xã Đại An gần cù lao Huân tỉnh Khánh Hòa có một đôi vợ chồng già không có con cái. Ông bà ở trong một căn nhà lá dựng bên vách núi, làm nghề trồng dưa. Năm ấy, đến độ dưa chín, sáng nào ra ruộng thăm, ông bà cũng thấy dưa bị hái trộm. Lạ một điều, chỉ có một quả dưa lớn nhất đẹp nhất là bị hái, nhưng kẻ trộm không ăn mà cũng chẳng mang đi. Quả dưa còn nằm ở một chỗ trống, nhưng bưng lên đã thấy rỗng.

Thấy sự lạ, hai ông bà bèn bàn với nhau cất công để ý rình. Rồi một đêm trăng sáng, họ đến nấp vào một bụi cây cạnh ruộng dưa. Gần đến nửa đêm, bỗng đâu có cô gái trạc độ mười ba mười bốn tuổi tự nhiên hiện ra ở giữa ruộng dưa. Cô gái rón rén đi, nhìn ngắm từng quả dưa một, rồi sau đó, hình như đã chọn được quả ưng ý nhất thì cúi xuống hái lên. Cô ngắm đi ngắm lại mãi, rồi tìm ra một chỗ trống, tung quả dưa từ tay bên này sang tay bên kia, và cứ như thế, một lúc lâu, sau lại ôm lấy quả dưa mà ngắm nghía mãi không biết chán...

Đúng lúc ấy, từ chỗ nấp, hai ông bà chạy ùa cả ra, nắm ngay lấy tay cô gái. Còn cô gái, tuy không chạy trốn kịp nhưng cũng chẳng tỏ ra có chút gì sợ hãi. Cô trả cho họ quả dưa, và khi được hỏi thì cô lễ phép trả lời: Cô là con nhà nghèo không còn cả cha lẫn mẹ, nhà cô ở cách đây rất xa và cô cũng chẳng nhớ được quê mình ở đâu nữa...

Thấy cô gái dễ thương, lại nghĩ mình không có con cái, nên ông bà bàn nhau nhận cô về làm con nuôi, rồi cả hai cùng nói với cô gái...

Còn cô gái, thấy cử chỉ, lời lẽ của hai ông bà đều chân thành thì cô im lặng lắng nghe và suy nghĩ, rồi sau đó nhận lời.

Cô theo họ về nhà. Sáng hôm sau, hai ông bà sửa lễ gia tiên, rồi hai bên chính thức nhận nhau là bố mẹ và con cái. Từ đấy trong ngôi nhà của họ, không khí vui vẻ đầm ấm hẳn lên. Hai ông bà hết lòng yêu thương chăm sóc cô, còn cô thì cũng rất mực yêu thương kính trọng bố mẹ.

Một hôm trời đổ cơn mưa lớn, nước lũ ở thượng nguồn tràn về mênh mông, khiến mọi người đều ở trong nhà không ai đi làm được cả. Bố mẹ cô, lẽ dĩ nhiên là rất lo lắng, mong sao cho nước mau cạn để cây cối khỏi bị chết úng, thì cô, do tính tình còn trẻ dại, lại thích nô đùa. Rồi cô xuống bên mé nước cậy đá lên, xếp chúng thành một hòn núi giả, lại đi tìm những cành lá gẫy cắm vào xung quanh, để chơi...

Thấy vậy, bố mẹ cô bực quá, nghĩ rằng con cái chẳng hiểu được lòng bố mẹ, bèn lên tiếng trách cứ rồi la mắng. Nào ngờ, cô gái thấy tủi thân quá, bèn lủi ra đầu hồi nhà, đứng khóc một mình. Một lúc sau, nhân lúc bố mẹ không ai để ý, cô lại lén ra khỏi nhà, rồi men theo những dải đất cao, đi ra phía bờ biển. Cũng lúc ấy, dập dềnh bên mé nước có một cây gỗ kỳ nam, không biết trôi từ đâu đến. Cô gái còn khóc hồi lâu, rồi nhìn quanh nhìn quẩn, thấy mình hoàn toàn lẻ loi, cô đơn, cô bèn nhảy luôn lên cây gỗ, và một điều kỳ lạ xảy ra: Cô gái đã nhập thân vào cây gỗ. Cây gỗ dập dềnh ở đấy một lúc nữa, như có điều gì còn ghi nhớ và lưu luyến, rồi sau đó, theo sóng biển, trôi mãi lên phương Bắc...

Bố mẹ nuôi cô gái đang bận việc chẻ củi và may vá trong nhà, tưởng con khóc rồi chơi ở đầu hồi, nên cũng không để ý. Đến mãi sau, khi lên tiếng gọi thì chẳng thấy con đâu! Hai người bèn nháo đi tìm khắp nơi, cũng vẫn bặt vô âm tín. Nước lụt mênh mông như thế, lại đang cuộn chảy mãi ra biển, họ cho là con gái sẩy chân đã trôi ra biển mất rồi. Thế là bố mẹ cô gào

thét, khóc than thảm thiết, sau đó làm lễ cúng chay cho con, và từ đấy trở đi, sống âm thầm, rầu rĩ cho đến cuối đời...

Còn cây gỗ kỳ nam, sau một hồi dập dềnh rồi trôi lên phương Bắc, và cứ thế trôi mãi... trôi mãi... Đến khi sóng lặng gió yên thì đã trôi được cả ngàn dặm đường và dạt vào bờ...

Một buổi sáng người dân địa phương ra bờ biển, họ vô cùng ngạc nhiên thấy có cây gỗ lạ rất đẹp. Họ bảo nhau mang thừng chão ra buộc vào rồi cùng kéo lên bờ, nhưng hàng trăm người xúm vào mà cây vẫn không nhúc nhích. Họ bèn đóng cọc ghim lại để tìm kế sách khác, và cũng từ đấy, dường như ngay tức khắc, tiếng đồn về cây gỗ kỳ lạ đã lan ra khắp cả vùng.

Hoàng tử ở phương Bắc bấy giờ vào tuổi kén vợ, đang đi chu du khắp chốn cùng nơi để tìm cho ra một người ưng ý. Khi đến vùng này, nghe chuyện cây gỗ kỳ lạ, chàng cũng tò mò tìm đến. Thấy cây gỗ đẹp thì có đẹp nhưng cũng không lớn lắm mà sao cả trăm người kéo không được thì chàng lấy làm lạ lắm. Cũng vẫn là tò mò, chàng xắn tay áo lên, bảo mọi người cho mình kéo thử một cái xem sao.

Chiều ý Hoàng tử, mọi người lui cả ra. Nhưng thật vô cùng bất ngờ, khi hoàng tử vừa cầm thừng co tay lại thì cây gỗ cũng lập tức chuyển động, rồi dần dần, theo sức kéo mà tiến vào bờ. Đến khi chạm đất, Hoàng tử kéo mạnh một cái nữa thì cây hoàn toàn đã nằm trên bãi biển.

Mọi người vô cùng phấn khởi, vỗ tay reo hò không ngớt. Xong xuôi, sau khi hỏi ý kiến dân làng, Hoàng tử cho quân lính đem cây gỗ về Kinh đô.

Về phía dân làng, tuy cũng có người còn tiếc rẻ, nhưng đa phần cho rằng, đưa cây gỗ về kinh là hợp lý hơn cả vì như vậy tất cả bàn dân thiên hạ sẽ đều được chiêm ngưỡng. Còn về phía Hoàng tử thì cũng chẳng có vui mừng nào hơn, chàng cho là có duyên cớ, bèn không tiếp tục đi tìm vợ nữa, mà cùng quân lính trở về kinh, cùng với cây gỗ.

Khỏi phải nói, khi về đến Kinh đô thì mọi người, mọi nơi nghe tiếng, náo nức tìm đến xem đông như thế nào. Nhưng rồi

sự kiện ấy cũng mau chóng qua đi bởi lẽ mọi người nhìn mãi rồi cũng chán, vì cây đẹp thì có đẹp nhưng chẳng thấy có biểu hiện gì là lạ lùng cả. Mà dân chúng cần là cần sự lạ lùng, xưa nay chưa từng có, chứ không phải là một cái cây đẹp.

Chỉ riêng có Hoàng tử, do chính tay mình đã chứng kiến và thực hiện được một điều kỳ diệu, nên còn giữ mãi trong lòng sự vui mừng và niềm mong đợi. Khi mọi người đã xem chán xem chê, đến mức không còn ai thiết xem nữa, thì Hoàng tử mới sai quân lính đem cây về trước Đông cung để hàng ngày được nhìn ngắm cây.

Từ đó trở đi, mỗi đêm trăng sáng, Hoàng tử bỗng thấy trong thân gỗ bước ra một người con gái xinh đẹp tuyệt trần, và cùng lúc, là mùi hương thơm ngào ngạt tỏa ra theo mỗi bước chân của nàng.

Mê mẩn trước người đẹp, Hoàng tử vội vàng chạy tới, nhưng lần nào cũng vậy, hễ cứ giáp mặt, là người con gái lại biến ngay vào trong thân gỗ.

Sau vài lần như thế, Hoàng tử đã nghĩ ra được một cách để được gần gũi người đẹp. Chàng cho mấy người lính hầu đứng nấp ở xung quanh, còn tự mình cũng nấp sẵn ở gần đấy. Khi cô gái vừa xuất hiện thì Hoàng tử đã bước ra nắm chặt lấy tay nàng, và mấy người lính cũng lập tức khiêng cây gỗ đem giấu đi. Hoàng tử bảo cô gái hãy vui lòng vì chàng mà ở lại. Cô gái e lệ cúi đầu. Thế rồi, ngay lúc đó chàng dẫn nàng đến trình với vua cha và hoàng hậu, kể lại hết đầu đuôi ngọn ngành, và xin cha mẹ hãy tác thành cho họ.

Nhà vua lắng nghe, rồi nói: “Được. Để ta xem”, xong cho gọi thị nữ đưa nàng về phòng riêng, còn Hoàng tử thì trở về Đông cung.

Sáng hôm sau thiết triều, nhà vua cho triệu quan Thái bốc lại để bói xem điều lành điều gở thế nào. Sau khi nghe tấu trình là quẻ đại phúc, nhà vua cả mừng rồi ngay sau đó, cho cử đại lễ để Hoàng tử sánh duyên cùng cô gái.

Từ đó, cuộc sum vầy của đôi trai gái diễn ra thật vô cùng êm ả, hạnh phúc. Ba năm sau, họ sinh được một gái và một trai.

Tưởng rằng cuộc tình duyên ấy sẽ mặn nồng mãi mãi đến đầu bạc răng long. Nào ngờ Hoàng tử cũng là kẻ bạc tình, chỉ chung thủy được mấy năm đầu. Khi vợ đã có con thì Hoàng tử đâm ra hay chơi bời chứ chẳng quan tâm được như trước. Nay rượu, mai cờ bạc, rồi đi rong ruổi khắp nơi, không chú ý gì đến việc dạy dỗ con cái. Nàng đã nhiều lần khuyên can nhưng Hoàng tử vẫn chứng nào tật ấy, làm nàng rất chán nản. Vì vậy, ở trong hoàng cung, sống giữa nhung lụa, kẻ hầu người hạ không thiếu, mà nàng cảm thấy bơ vơ, rồi buồn tủi xót xa, chỉ muốn tìm cách bỏ đi, không chút luyến tiếc.

Thế rồi một hôm, nhân khi Hoàng tử bỏ đi chơi lâu ngày, nàng tìm thấy cây kỳ nam mà khi trước bọn lính đã đem giấu biệt. Nàng gọi hai con đến rồi đọc một câu thần chú, thế là cả ba mẹ con cùng nhập vào cây kỳ nam. Cây kỳ nam tự chuyển động rời khỏi hoàng cung rồi lăn xuống sông. Từ sông, cây kỳ nam theo dòng nước trôi ra biển. Biển lúc ấy bỗng nhiên nổi luồng gió trái, và theo chiều gió, cây kỳ nam trôi mãi, trôi mãi... Cuối cùng trở lại biển phương Nam.

Đến đúng trước cù lao Huân thì gió lặng và cây kỳ nam dừng lại. Cây trôi vào sát mép nước. Từ thân cây, cả ba mẹ con bỗng chốc hiện ra, bước lên bờ, rồi trở về nhà cũ. Bố mẹ nuôi của cô lúc ấy đều đã mất. Nhà vắng vẻ tiêu điều. Ba mẹ con bắt tay ngay vào việc dọn dẹp sửa sang cửa nhà, lập bàn thờ cha mẹ, ông bà tổ tiên, rồi cùng làm ăn sinh sống với dân làng. Từ đấy trở đi, quê hương, vùng cù lao Huân mỗi ngày một thêm ấm no, trù phú. Thế rồi đến một hôm, giữa lúc trời quang mây tạnh, trước sự chứng kiến và ngạc nhiên của mọi người, cả ba mẹ con cùng bay vút lên trời...

Ở phương Bắc, Hoàng tử đi chơi về thấy vợ con mất tích. Tìm cây kỳ nam ngày trước thì cũng chẳng thấy đâu. Chàng hối hận vô cùng, lòng tự nhủ lòng sẽ tìm ra bằng được ba mẹ con, dẫu có phải đi xuống tận địa ngục.

Khi xưa, lúc ở bờ biển chàng có nghe dân chúng nói cây gỗ này trôi từ biển phương Nam lại. Thế là Hoàng tử vào từ biệt vua

cha và hoàng hậu, rồi cùng một số gia nhân, binh lính và thủy thủ xuống thuyền, dong buồm vượt biển hướng về phương Nam.

Khi thuyền vừa đúng đến cửa Đại An thì bỗng đâu một trận cuồng phong dữ dội nổi lên. Thuyền đắm, cả Hoàng tử cùng gia nhân thủy thủ đều chìm sâu xuống đáy nước. Nhưng khi cơn bão tan thì tự nhiên biển ở chỗ ấy cũng nổi lên một mô đá nhỏ, vượt cao khỏi mặt nước. Trên mặt mô đá có những hình thù ngoằn ngoèo tựa như những hàng chữ nổi. Từ bao đời nay, đã có nhiều người hay chữ và kiến thức uyên bác đi thuyền tới đó, nhưng chưa ai đọc được đấy là những chữ gì. Và có lẽ như thế nên có thể cho rằng, những điều bí mật của thiên cơ, chắc còn lâu người ở dưới trần gian mới có thể hiểu thấu được hết.

Ba mẹ con nàng tiên đã về trời, nhưng từ đó đến nay vẫn thường hiển linh ở các nơi gần xa quanh vùng cửa Đại An, vùng cù lao Huân, cù lao Yến. Vì vậy dân đi biển, đi đánh cá, đi tìm tổ yến vẫn thường bày lễ vật, thắp hương rồi hướng mặt lên trời cao cầu xin sự che chở, phù hộ độ trì của nàng tiên, mà từ đó trở đi được kính cẩn tôn xưng là bà chúa Ngọc.

Bà chúa Ngọc còn được gọi là bà chúa tiên hay Thánh mẫu Thiên Ya na, theo cách gọi của người Chăm pa, một dân tộc đã định cư lâu dài ở vùng đất này. Từ Huế đến Nha Trang ở đâu cũng có điện thờ bà chúa Ngọc. Triều Nguyễn có sắc thượng phong cho bà là "Hồng Nhân phổ tế linh ứng Thượng đẳng thần".

Tại Nha Trang có tháp lớn cao sáu trượng để thờ bà chúa Ngọc. Lại có cả những tháp nhỏ xung quanh để thờ Hoàng tử, hai người con và hai ông bà bố mẹ nuôi. Bia đặt trong tháp lớn do chính tay quan đại thần Phan Thanh Giản thời Tự Đức soạn.

Trước kia, hàng năm triều Nguyễn đều ủy thác cho bộ Lễ về đây làm lễ quốc tế.

Ba chàng trai tài giỏi

Ngày xưa, nhà họ Lê có một cô con gái nhan sắc xinh đẹp. Không những thế nàng còn văn hay chữ tốt, lại thạo đủ các nghề. Những cô con gái trong vùng khó có cô nào sánh kịp. Khi nàng đã đến tuổi lấy chồng, có nhiều con nhà quan, con nhà giàu hoặc cậu tú, cậu cử đến cầu hôn, nhưng ông già họ Lê đều từ chối. Ông nói với mọi người:

- Con gái tôi không muốn làm bà quan cũng như bà phú hộ, nó chỉ muốn lấy chồng có nghề cầm tay, mà nghề đó phải tinh thuần không ai hơn mới được. Nếu không thế thì chả nên đến làm gì cho mất công!

Tin kén rể bay ra, những tài năng bốn phương tấp nập kéo đến xin ra mắt, nhưng không ai làm cho ông họ Lê vừa ý. Người ta chỉ thấy ông than vãn sau mỗi lần thử tài:

- Tài năng trong thiên hạ thực hiếm lắm thay!

Một hôm, trong buổi sáng, ông lại tiếp luôn một lúc ba chàng tài giỏi, đẹp trai, khoẻ mạnh. Sau khi nghe họ trình bày tên tuổi, nghề nghiệp, ông già mới biết là ba nhân tài quê ở ba nơi, tình cờ gặp nhau ở đây. Một người giỏi bắn, tự xưng là có thể bắn trúng bất cứ vật gì dù khó khăn đến mấy, và dù xa bao nhiêu. Một người tự xưng là giỏi lặn, có thể sống dưới nước một tuần mà không sợ nguy hiểm đến tính mạng, có thể tìm được những vật nhỏ ở tít đáy đại dương. Còn người thứ ba tự xưng là một thầy thuốc lành nghề, có thể chữa bất kỳ một căn bệnh hiểm nghèo nào, kể cả những người bệnh vừa tắt thở.

Ông già họ Lê rất vui vẻ, vội dắt tay người thứ nhất ra sân, trỏ tay vào một cây thông cao chót vót ở bờ giậu và bảo:

- Tôi sẽ cho một người trèo lên ngọn cây đánh dấu vào một cái lá ở trên ngọn cây, anh phải bắn rơi xuống thì tôi mới tin là thực.

Nghe nói thế, anh chàng khó lòng từ chối, vội chuẩn bị cung nỏ. Quả nhiên, chỉ một mũi tên bay ra, ngọn lá thông có đánh dấu vôi rơi xuống trước con mắt kinh ngạc của mọi người.

Khi thử tài người thứ hai, ông già họ Lê dẫn anh ra bờ biển trước nhà. Đoạn ông đưa cho anh một chiếc nhẫn và nói:

- Tôi sẽ cho người đi thuyền đưa anh ra ngoài khơi, người đó sẽ thả chiếc nhẫn xuống nước, và anh cứ theo hướng đó mà tìm hộ tôi đưa về đây cho mọi người trông thấy.

Nói rồi, ông đưa nhẫn cho người chèo thuyền, chèo ra biển khơi. Chàng trai chẳng nói chẳng rằng, cởi áo nhảy ngay xuống biển, và chỉ giập bã trầu là chàng đã nổi nên khỏi mặt nước với một vẻ đắc thắng, chàng giơ cao chiếc nhẫn cho mọi người cùng xem.

Để thử thách người thứ ba, họ lại đem ngay ra chợ, chỉ vào người ăn mày đang sắp sửa nhắm mắt tắt hơi, ông già họ Lê bảo chàng hãy cố gắng chữa cho người đó sống lại. Người ta thấy anh chàng cúi xuống bắt mạch rồi bỏ đi. Đến bụi cây anh rẽ vào kiếm các thứ lá, đem về sắc lên, đổ vào miệng người ăn mày. Không mấy chốc, người ăn mày tỉnh dậy đòi ăn, y như một cơn mê ngủ.

Thấy cả ba người đều thiện nghệ, ông già họ Lê rất bối rối, không biết gả con gái cho chàng trai nào. Ông lão mới bảo:

- Cả ba vị quả là có tài, con gái tôi được sánh duyên cùng thì quả thật là điều may mắn, nhưng ngặt vì: "Thuyền quyên có một mà anh hùng có ba", biết làm thế nào bây giờ? Thôi thì chúng ta ra miếu Thành Hoàng làm lễ, gieo quẻ hỏi ý kiến. Nếu quẻ vào người nào thì xin để con gái "tiện nữ" cho người đó.

Ba chàng trai bằng lòng, cùng ra miếu Thành Hoàng. Nhưng đến lúc làm lễ, có người nhà hốt hoảng ra báo tin cô gái đang cuốc đất ở ruộng thì bị đại bàng cắp mất. Nghe nói thế, tất cả mọi người đều bỏ buổi lễ, chạy ù ra cánh đồng, thì thấy đại bàng đang bay thẳng ra biển. Chàng trai bắn giỏi vội vàng lắp tên vào cung bắn luôn một phát. Quả nhiên, không

đợi đến phát thứ hai, đại bàng đã bị trúng tên gãy cánh ngã xuống nước mang theo cả cô gái xuống luôn. Thấy vậy, chàng giỏi lặn vội nhảy xuống cứu ngay. Chàng lặn một hơi, đến chỗ xác con chim rơi và cuối cùng đưa được cô gái lên bờ. Nhưng bây giờ cô gái chỉ còn cái xác không hồn, bụng trương phềnh những nước. Chàng trai thứ ba vội tìm thuốc chữa cho cô gái. Và sau đó, chỉ một chốc nàng đã nôn ra đầy những nước và hồi tỉnh lại.

Bấy giờ, ba chàng cầu hôn tranh nhau kể công của họ với cha con họ Lê. Người thứ nhất nói:

- Nếu không có tôi bắn con quái vật thì chưa chắc đã tìm ra dấu vết của nàng, hãy gả cho tôi.

Người thứ hai cãi:

- Hãy khoan, nếu không có tôi vớt nàng lên thì mọi thứ cũng đều vô nghĩa.

Người thứ ba cũng tiếp luôn:

- Nhưng nếu không có tôi cải tử hoàn sinh thì dù các anh có cứu nàng, thì cũng chỉ là cái xác không hồn mà thôi. Vậy tôi mới xứng đáng là người kết hôn với nàng mới phải.

Cả ba người không ai chịu nhường ai. Ông già họ Lê và mọi người chứng kiến đều hết sức bối rối, không biết nên trả lời thế nào. Cuối cùng họ dắt nhau lên một vị quan nổi tiếng về tài phân xử, vừa công bằng, vừa có lý.

Sau hồi lâu suy nghĩ, vị quan đòi ba chàng trai cùng với hai cha con họ Lê tới công đường. Trước mặt họ quan phán:

- Trong việc giải cứu cô gái này, cả ba người đều có công lao ngang nhau, nếu thiếu một người cũng khó mà thành. Nhưng anh thầy thuốc, anh không thể kể công như thế được. Không phải cứu chữa lành cho người ta là đòi lấy người ta làm vợ. Vậy đối với anh, người được cứu sống phải coi là ân nhân chứ không bắt buộc được coi là chồng. Còn anh cung thủ, nếu không có người nào lặn ra thì công việc của anh chỉ được coi là báo thù, chứ không được coi là cứu vớt. Tuy nhiên anh bắn

trúng chim chứ không trúng người là có dụ ý tốt. Nhưng nếu giết chim mà không nghĩ rằng người cũng rớt luôn xuống nước thì dụ ý đó của anh hãy còn thiếu sót. Vậy đối với anh cô gái này cũng chỉ coi anh là ân nhân. Còn anh giỏi lặn, anh là một trong những người đã cứu cô gái, mà công việc cứu cô gái bắt buộc anh phải ôm cô gái trong tay suốt buổi. Sách xưa có nói rằng trừ vợ chồng ra thì "nam nữ thụ thụ bất tương thân". Bây giờ anh lỡ gần gũi cô gái đó thì hai người phải được kết duyên với nhau mới là hợp lẽ. Tuy nhiên, đối với ân nhân, hai vợ chồng phải nhận họ làm anh em kết nghĩa.

Nghe quan phán xử có tình, có lý, mọi người đều vui vẻ tuân lời. Ba chàng trai kết nghĩa trở thành anh em thân mật hơn ruột thịt. Còn chàng lặn giỏi kết hôn với cô gái nọ. Lễ cưới được tổ chức rất linh đình, có cả hai chàng kia cùng tới dự.

Ba phần gia tài

Ngày xưa có một ông lái buôn tính tình hiền lành cẩn thận, trước khi nhắm mắt lìa đời, ông làm một chúc thư để lại phân chia gia tài cho ba đứa con.

Gia tài của ông gồm có 17 con trâu và 19 con lợn. Theo chúc thư thì người con cả được 1/2, người con thứ được 1/3 và người con út được 1/9 đàn trâu. Còn số lợn thì con cả được 1/2, con thứ 1/4 và con út 1/5.

Trong chúc thư có dặn hai điều: Thứ nhất không được bán trâu và lợn để lấy tiền chia, thứ nhì không được giết hại súc vật, nghĩa là để nguyên vẹn vậy mà chia.

Thật là chuyện rắc rối. Người con cả lên tiếng giành phần:

- Nửa đàn trâu 17 con và đàn lợn 19 con, toàn là số lẻ làm sao mà chia.

Đến lượt người con thứ cũng càu nhàu:

- Phần tôi thì 1/3 đàn trâu là 5 con với 2/3 và 1/4 đàn lợn

tức 4 con với 3/4. Như vậy phải giết trâu với lợn mới chia được, mà cha thì cấm giết...

Người con út cũng tỏ vẻ bực mình:

- Phần tôi thì 1/9 đàn trâu và 1/5 đàn lợn như thế cũng chẳng chia được, trừ khi làm thịt nó ra.

Tuy vậy, cả ba anh em không ai chịu nhân nhượng ai, triệt để giữ đúng các phần như trong chúc thư, không ai chịu sửa đổi một khoản nào.

Ban đầu còn bàn bạc nhỏ nhẹ với nhau, rồi sinh ra cãi vã to tiếng với nhau. Cuối cùng người con cả đề nghị:

- Trong nhà phân xử không xong vậy cứ nhờ người ngoài phân xử vậy.

Cả ba dắt tới nhà một ông đồ giỏi nhờ về xử lý.

Lúc bấy giờ ông đồ đang ngồi đọc sách chợt thấy ba anh em kéo tới biết có rắc rối về chuyện phân chia gia tài nên bảo:

- Ừ, nếu các anh đem việc này tới cửa quan thì tốn kém rất nhiều, còn với tôi, chỉ lấy chút đỉnh công lao thôi. Vậy các anh định phần công lao của tôi bao nhiêu?

Sau một hồi bàn tính, họ dành phần ông đồ ba con lợn.

Tảng sáng hôm sau, ông đồ dắt một con trâu và một con lợn đến nhà ba anh em con người lái buôn, rồi thả hai con vật này nhập vào bầy trâu và lợn. Xong rồi, ông gọi tất cả ba anh em đến hỏi:

- Bây giờ trong chuồng có bao nhiêu con trâu vậy các chú?

Cả ba trả lời 18 con. Ông đồ hỏi:

- Này chú Hai, phần của chú bao nhiêu?

- Thưa một nửa đàn trâu tức là 9 con.

Ông đồ bảo:

- Vậy chú hãy vào dắt 9 con của chú đi.

Người thứ hai mừng rỡ và thấp thỏm sợ ông đồ biết về phần lợi của mình, đúng lẽ thì chỉ 8 con và một phần hai con chớ không được trọn 9 con.

Quay sang chuồng lợn, ông đồ hỏi tiếp:

- Bây giờ có cả thảy bao nhiêu lợn vậy chú?

- Dạ 20 con.

- Phần của chú Hai bao nhiêu?

Người thứ Hai đáp:

- Nửa đàn là 10 con.

Ông đồ ra lệnh:

- Chú hãy dắt đủ 10 con nhưng trừ con của tôi lại.

Người thứ hai lấy đủ phần của mình rồ lật đật đem trâu và lợn về nhà, chỉ để lại cho ông một con lợn phần công lao.

Giờ đến lượt người con thứ ba:

- Thưa cụ tôi được 1/3 vậy cụ chia cho.

Ông đồ hỏi.

- Một phần ba của đàn trâu 18 con là bao nhiêu vậy chú Ba?

- Dạ 6 con.

- Được rồi, chú mau vào chuồng dắt 6 con của chú ra, nhưng nhớ để con có dấu của tôi lại. À còn lợn chú được mấy phần?

- Thưa 1/4 tức là 5 con.

- Vậy chú cứ bắt 5 con, nhớ để cho tôi một con lợn phần công lao nhé.

Người con thứ cũng như con trưởng lật đật đem phần của mình đi không cần bàn cãi gì nữa cả.

Đến lượt người con út, ông đồ hỏi:

- Này chú, chú được bao nhiêu phần trâu và lợn.

Người này đáp:

- Dạ 1/9 đàn trâu và 1/5 đàn lợn.

Ông đồ tính toán xong liền bảo:

- Chú hãy vào chuồng dắt hai con trâu và hai con lợn, nhưng nhớ để tôi một con lợn phần công lao.

Người con út mừng vì đúng lẽ anh chỉ được 3 con và 4/5 thôi, thế mà được những 4 con thì có lợi vô cùng. Trong khi ấy ông đồ trở về nhà với 1 con trâu và 3 con lợn, tất nhiên là ông cũng có lợi.

Bạn đọc sẽ ngạc nhiên tự hỏi: trong ba phần gia tài, kẻ được chia đều hưởng quá số lợi của mình tưởng tượng, nên cả thảy đều mừng, vậy đâu là phần thiệt hại?

Không có gì khó hiểu cả, người có lợi trong vụ này chính là ông đồ chứ không phải ba anh em nhà kia. Ông đem tới 1 trâu và 1 lợn là cốt làm cho phần chia đúng vào các con số đã trù tính, nhưng ông đã khôn ngoan giữ lại 1 con trâu và 1 con lợn của ông mang tới, thêm vào đó hai con lợn phần công lao. Hai con lợn này đã rút ngay trong ba phần gia tài, lẽ tất nhiên nếu ba anh em không tranh chấp thì 2 con lợn này không lọt ra ngoài được.

Cái cân thủy ngân

Ngày xưa, có một nhà làm nghề buôn bán, âm mưu chế ra một cái cân rỗng, trong đổ thuỷ ngân, hai đầu bịt đồng mà không ai biết. Khi cân hàng bán cho người ta thì dốc cái cân vào đầu móc. Khi cân hàng mua của ai thì lại dốc cái cân vào đằng quả. Như vậy một cái cân vừa nặng, vừa nhẹ thì phần được bao giờ cũng về mình. Vì buôn bán điên đảo như thế, nên không bao lâu nhà ấy trở nên giàu có. Trời cho lại sinh ra được hai đứa con trai, mặt mũi khôi ngô, học hành thông thạo. Thiên hạ ai nấy đều khen nhà có đại phúc.

Một hôm hai vợ chồng ngồi bàn với nhau rằng:

- Nhà ta bây giờ giàu có hơn người nhiều, lại sinh được hai đứa con khôn ngoan, "một mặt người bằng mười mặt của", thôi thì bây giờ ta đem cái cân điên đảo kia chẻ đi, để dành cái đức lại cho con về sau.

Bàn xong, hai vợ chồng thuận tình sửa cái lễ sám hối, trên thì cúng Phật, dưới thì cúng ông bà. Rồi đem cái cân ra chẻ. Nhưng khi chẻ, thật ghê thay, lại thấy trong cái cân có đọng một cục máu đỏ hon hỏn.

Từ đó hai vợ chồng bảo nhau ăn ở tu nhân tích đức, tránh điều dữ, làm điều lành. Nhưng cách đó vài năm, bỗng một hôm, một đứa con lăn ra chết. Và chẳng bao lâu, đứa kia cũng lăn ra chết nốt. Hai vợ chồng kêu gào khóc lóc rất thảm thiết, nghĩ rằng mình đã có bụng cải ác vì thiện mà trời không chứng quả. Hai vợ chồng rầu rĩ, khổ sở cứ ngồi than dài thở vắn trong mấy tháng trời, không buồn động đến việc gì nữa.

Một đêm, hai vợ chồng cùng nằm mơ thấy có một ông bụt đến bảo rằng:

- Hai vợ chồng mày hãy nên lo toan làm ăn tu tỉnh lại. Chớ vội trách trời không có mắt! Trời thương chúng mày lắm đấy! Trước trời thấy chúng mày buôn bán lọc lừa, trời đã sai hai con quỷ xuống đầu thai làm con để phá tan hết những của phi nghĩa chúng mày chắt bóp nhặt nhạnh bao nhiêu năm nay. May mà chúng mày sớm biết hối hận cải tà quy chính, tránh dữ làm lành. Trời mới sai bắt hai con quỷ ấy về. Đừng thương tiếc chúng nó làm chi nữa. Chúng mày cứ ăn ở ngay lành rồi trời lại đền cho hai đứa con khác để ngày sau mà nhờ.

Hai vợ chồng biết thế, không thương khóc con nữa, lại làm ăn như cũ, và lúc nào cũng tâm tâm niệm niệm cố gắng làm bao điều từ thiện tích đức.

Quả nhiên, về sau họ sinh được hai đứa con trai khác. Cả hai cũng hiền lành, tử tế, văn hay chữ tốt, và sau lớn lên làm cho cha mẹ được vẻ vang, vui sướng cái cảnh về già.

Cái chén sơn son

Ngày xưa, lâu lắm rồi, có một người tiều phu nghèo khổ, sống trong một chiếc lều chỏng chơ bên chân núi. Hàng ngày, anh phải đốn củi để sống cho qua ngày.

Một buổi tối, có một người khách lạ tay chống gậy, thất thểu lê chân đến túp lều của anh và khẩn khoản nói:

- Anh bỏ qua cho, tôi đành lòng phải nhờ anh việc này. Tôi đi đến đây thì bị lạc đường, không biết làm sao bây giờ. Anh cho tôi ngủ trọ một đêm có được không?

Người tiều phu nhìn qua cũng biết là người khách đường đi đã xa lắm rồi, thân mình đầy bụi, người mệt lử không đứng vững. Anh động lòng thương xót đáp lại:

- Vâng, được, tôi biết ông đã mệt lắm. Nếu ông không chê bai đến chiếc lều rách nát này, xin ông cứ nghỉ lại đây.

Người khách đường vui vẻ bước vào. Người tiều phu dốc hết gạo trong hũ đem nấu cơm đãi khách. Cơm ăn với đậu kho lạt, nhưng người khách vừa ăn, vừa tấm tắc khen ngon. Thoáng một lúc, người ấy đã ăn hết sạch. Người tiều phu phải tạm uống chút nước lã, nhưng vẫn giấu không cho khách biết. Sáng hôm sau, ông khách nói:

- Tôi cám ơn anh nhiều lắm. Nhờ anh tôi tỉnh táo hẳn lại. Cảm ơn anh! Không bao giờ tôi quên được ơn này. Trên sườn núi này có một chiếc hồ. Khi nào thấy quá khó khăn, anh cứ đến chỗ hồ đó mà vỗ tay ba cái: Bốp! bốp! bốp! Mỗi lần làm như vậy anh sẽ được ăn uống thoả thuê. Anh chỉ việc để mâm bát lại mà thôi. Nói thật với anh, tôi là thần Cá Chép sống ở hồ đó.

Nói xong, ông khách biến mất. Thấy lạ! Người tiều phu liền tự cấu vào má mình mấy cái mới tin rằng không phải mình

chiêm bao. Anh nghĩ bụng: Cứ đến đó làm thử xem sao còn hơn ngồi mà phán đoán, và anh đi thẳng tới chiếc hồ.

Nước hồ trong xanh, phản chiếu cả trời mây, cây cỏ ở trên bờ. Quang cảnh ở đây, cũng chẳng có gì lạ mắt. Chưa hẳn tin ở lời ông khách, cứ cho là ông ta giỡn mình, anh tiều phu liền vỗ tay ba cái thật kêu: Bốp, bốp, bốp!

Và thật lạ! trước mắt anh, nước hồ bỗng cuộn lên, rồi một chiếc bàn bóng loáng và sang trọng nhô lên mặt nước, trên bàn có bày biện la liệt đủ các món sơn hào, hải vị. Chiếc bàn cứ lặng lẽ chuyển đến sát người tiều phu đứng trên bờ.

- Đúng như vậy! Kỳ lạ thật! Kỳ lạ thật!

Người tiều phu cảm thấy rất vui sướng, nhảy cẫng lên vài lần rồi bê cả mâm cỗ về nhà ăn. Ăn xong, anh lại xách mâm ra hồ và trả lại đúng như lời dặn. Chiếc mâm lại từ từ chìm xuống đáy hồ.

Từ đó, người tiều phu sống rất sung sướng. Cứ thấy đói bụng lúc nào, anh lại vỗ tay ba lần, thế là một bữa cơm thịnh soạn lại bày ra trước mặt. Thường ngày, anh tự bảo: "Mình ngốc quá, tội gì mà cứ phải làm quần quật không chịu nghỉ ngơi cho đỡ vất vả?". Vì vậy anh hết ăn lại nằm ngủ, cứ thế hết ngày này sang ngày khác đến nỗi thân hình anh béo phệ một cách ghê gớm.

Một lần, sau khi ngốn hết bữa cỗ linh đình của chiếc hồ thần diệu, anh ngồi ngắm nghía một chiếc chén sơn son rồi bỗng thốt lên: "Chà, đẹp tuyệt!". Sao anh lại nghĩ bụng: "Giá mình có lấy một cái chén tuyệt đẹp thế này thì hay biết mấy! Thần Cá Chép dặn mình ăn xong phải trả lại tất cả thật đấy. Nhưng, lấy một cái thì đã làm sao? Thôi, rồi thế nào đâu cũng vào đấy!".

Anh lấy cái chén và giấu vào trong tráp. Xong, anh lại bày biện mọi thứ như cũ rồi trả lại mâm ăn cho Thần Cá Chép.

Ngày hôm sau, khi thấy đói bụng, anh lại ra hồ vỗ liền ba cái. Nhưng trên mặt hồ vẫn không có gì nổi lên cả. Mặt nước vẫn phẳng lặng. "Bốp, bốp, bốp!" Anh lại vỗ tay mạnh hơn, nhưng vẫn không thấy tăm hơi cái mâm cỗ.

- Đồ khốn kiếp, hắn biết mình lấy cái chén thật rồi!

Anh giận giữ dậm chân thình thịch, nhưng vẫn thấy im ắng như trước. Lần này anh cương quyết hơn: "Được rồi, đã lấy là lấy hẳn. Ta sẽ đem bán, nhất định được khối tiền!".

Tối hôm đó, chiếc tráp trong nhà anh bỗng dưng cháy bùng lên, rồi cả căn nhà cũng ngùn ngụt cháy ra tro hết cả. Cả cái chén sơn son cũng cháy biến không còn một dấu vết. Người tiều phu ngồi than thở bên đống tro tàn:

- Trời ơi! Mình thật ngu đần hết sức! Thế mới đáng kiếp!

Cái Kiến mày kiện củ khoai

Ngày xưa, có một anh chàng sinh trưởng trong một gia đình giàu có. Nhà hắn có ao thả cá, có trâu bò, ruộng vườn khá nhiều. Ngày ấy ở gần làng hắn có một cô gái nết na, nhan sắc xinh đẹp, chỉ phải cái tội nghèo. Hàng ngày cô gái phải làm thuê làm mướn kiếm ăn. Anh chàng nhà giàu kia từng ngây ngất vì nhan sắc của cô. Mặc dầu không môn đăng hộ đối, nhưng hắn ao ước được cùng nàng kết làm bạn trăm năm. Sau đó nhờ có một người đàn bà làm mối, hắn được gặp nàng nhiều lần và chỉ non thề bể quyết lấy nàng làm vợ. Nghe hắn nói thế, cô gái vô cùng sung sướng và hiến thân cho hắn không tiếc gì nữa.

Nhưng người đàn bà mối lái vốn là người chỉ biết có đồng tiền. Được tiền của anh nhà giàu cho, mụ vẫn chưa thỏa mãn. Bấy giờ ở gần vùng đó có một cô gái nhà giàu ế chồng. Mụ bèn tìm tới tỉ tê với cô nọ bảo nếu cho mình nhiều tiền, mình sẽ đánh tiếng cho anh chàng nhà giàu kia. Cô gái nọ nghe nói mừng lắm, đút tiền cho bà mối để mụ ta liệu bề tác thành cho mình. Từ đó mụ mối luôn luôn buông lời gièm pha cô gái nhà nghèo.

- Con này - Mụ nói: Thế mà không được đoan chính. Đã nhiều lần tôi bắt gặp nó tằng tịu với Đồ Vân. Đồ Vân học giỏi nay mai sẽ đỗ đạt...

Thế rồi mụ ta nhen nhóm thêm lòng ghen tuông và tức giận của anh chàng, đồng thời nói tốt cho cô con gái mà mụ bòn lần hồi khi năm quan, khi ba quan không biết mỏi. Và mưu kế của mụ có hiệu quả: Anh chàng kia từ ghen tức đến chán ghét người vợ cũ. Cuối cùng anh chàng cho người đưa trầu cau dạm hỏi cô gái nhà giàu kia làm vợ. Ngày cưới của hai bên, cô gái nhà nghèo nọ bị tình phụ, lòng đau như cắt. Trong một phút tủi phận hờn duyên, nàng nhảy xuống sông tự tử. Cái chết của nàng đã làm cho cặp vợ chồng mới trở nên hối hận và lo sợ. Nhất là mụ mối thì như sét đánh ngang tai.

Khi tất cả mấy người đó lần lượt chết xuống âm phủ, Diêm Vương đã đọc hồ sơ, hiểu rõ nỗi oan uổng cũng như tội trạng của từng người và bắt họ phải trở lại dương thế để đền "nợ" hay báo "oán" của chính mình một cách xứng đáng. Mụ mối được thác sinh vào nhà một phú ông, anh chàng phụ tình lại thác sinh làm một người học trò nhưng không đất cắm dùi. Còn người bạc mệnh thì được ở lại cõi âm để theo dõi chúng mà báo thù.

Cái Kiến, cô con gái phú ông rất đẹp và thông minh (mụ mối thác sinh). Nhưng cha của nàng thì tính khí biển lận. Ông ta chỉ biết có tiền tài và danh vọng, còn ngoài ra ông chả coi ai ra gì. Chàng thư sinh rất khôi ngô, học giỏi, văn hay, nhưng nghèo rớt mồng tơi. Chàng đã từng vác lều chiếu đi thi. Văn tài của chàng nổi tiếng khắp kinh kỳ, thế mà cứ hễ vào trường nhất hay giỏi lắm vào đến trường nhì là bị loại ra ngay. Không làm cho đau bụng thì cũng bắt phạm "trường quy", oan hồn của người bạc mệnh quyết không cho hắn đỗ. Mỗi lần không đỗ là một lần sự buồn bực kèm thêm với sự khốn khó dằn vặt anh ta. Thế nhưng chàng vẫn lọt vào mắt xanh của cô Kiến. Cô gái phú ông vẫn tin tưởng rằng người học trò đó sẽ làm nên. Cô ao ước sẽ được sánh duyên với chàng mới phỉ dạ. Hai người đã gặp nhau và thề bồi với nhau quyết giữ một lòng son sắt. Khi nghĩ đến cha mình, cô con gái phú ông rất buồn vì biết ông khó tính. "Không đời nào ông ấy lại gả con gái cho một người nghèo xơ nghèo xác".

Nghĩ thế, nàng lập mưu ăn trộm tiền bạc của cha, mua vàng đúc thành một khối hình củ khoai. Không gặp nhau được, nàng nhắn người yêu giả làm người ăn xin đến nhà mình xin khoai, nàng sẽ tận tay trao cho món ấy để dùng làm sính lễ. Anh chàng y hẹn đã cải trang, mang bị gậy đến nhà phú ông xin ăn. Cô con gái mang khoai ra cho, trong đó có giấu củ khoai bằng vàng. Sau đó, người làm mối của anh chàng xin dạm ngõ con gái phú ông. Phú ông nghe nói sính lễ là một củ khoai bằng vàng mười thì ngạc nhiên. Nhưng rồi ông cũng nhận lời.

Đến ngày cưới, khi họ nhà trai bưng sính lễ đến, họ nhà gái đổ xô ra xem để biết chàng rể của phú ông giàu có ngầm như thế nào. Củ khoai vàng được gói ba bốn tầng vải hồng điều. Không ngờ khi mở ra xem thì chả thấy vàng đâu cả mà chỉ là một củ khoai lang luộc thực sự. Oan hồn cô gái cố ý làm ra như vậy. Cả hai họ bật cười. Phú ông tức giận chửi mắng om sòm. Rồi để chế nhạo, ông cắt khoai biếu mỗi người một miếng. Chàng học trò không ngờ có sự lạ lùng ấy, vừa buồn rầu vừa xấu hổ đi luôn một mạch không trở về nhà nữa. Còn con gái phú ông tưởng người yêu là một tay đại bợm: Đã lấy mất vàng lại bày trò giễu cợt đó nên tức tối thành bệnh mà chết.

Xuống âm phủ lần này, nàng kiện với Diêm Vương về việc củ khoai vàng, nhưng Diêm Vương đã giở sổ vạch cho hắn biết những tội lỗi kiếp trước. Vì thế mới có câu:

Cái Kiến mày kiện củ khoai.

Và sau này những anh con trai nhà nghèo thường thêm vào:

Mày chê tao đói lấy ai cho giàu.
Nhà tao chín đụn mười trâu,
Lại thêm ao cá bắc cầu rửa chân.

Để mỉa mai những cô gái kiêu kỳ.

Công và Quạ

Xưa con công với con quạ làm bạn với nhau thân lắm, vì hai con cùng xấu cả. Một hôm Công và Quạ ngồi nói chuyện với nhau, Quạ bảo Công rằng:

- Thử xem, các giống chim trên rừng, trên núi, giống nào cũng đẹp. Này như: con phượng hoàng, cái mình nó quý giá biết bao, đến nỗi người ta thường khen: "Một cái lông con phượng hoàng bằng cả một làng chim chích". Còn như con hạc, cái hình, cái dạng, cái chân, cái tóc nó thanh tao biết bao, để cho người ta phải nói: "Hạc đứng chầu Vua", "Nghìn năm tóc bạc, tuổi rùa càng xinh". Còn như anh em ta đây! Than ôi! Thân hình thật không còn giống nào xấu bằng nữa.

Công nói:

- Phận xấu đành vậy, chớ biết làm sao bây giờ?

Quạ nghĩ một lúc rồi bàn rằng:

- Xấu mà làm ra đẹp, cũng được chứ gì! Bây giờ hai đứa ta thử tô điểm vẽ vời lẫn cho nhau xem có đẹp hay không?

Công bằng lòng.

Quạ bèn tô điểm, vẽ vời cho Công trước. Quả nhiên cái mình, cái đuôi Công lóng lánh, có bao nhiêu màu sắc đẹp, đẹp hơn những giống chim khác nhiều.

Đến lượt Công ngồi tô điểm, vẽ vời cho Quạ, thì chợt nghe tiếng ríu rít, biết bao nhiêu chim con ở phía đông bay lại.

Quạ liền hỏi:

- Các bạn đi đâu mà kéo đàn, kéo lũ như thế?

Đàn chim nói:

- Chúng tôi nghe đồn ở dưới phương nam có thật nhiều gạo, nhiều gà, và rất nhiều đồ ăn ngon khác... Chúng tôi rủ nhau đi kiếm ăn đây. Anh làm gì đấy? Hay ta cùng đi một thể?

Quạ nghe nói, trong lòng háo hức muốn đi theo đàn chim kia ngay lập tức. Quạ mới nói với Công rằng:

- Bây giờ mà tôi ngồi đợi để cho anh tô điểm vẽ vời, thì chưa biết đến bao giờ mới xong. Thôi, hay sẵn cả đĩa mực đây, anh cứ cầm thế mà đổ lên mình tôi để tôi đi theo bọn kia, kẻo lỡ mất một dịp may kiếm ăn tốt.

Công thấy Quạ bảo thế, chiều ý làm theo, cầm cả đĩa mực dốc vào mình Quạ. Bao nhiêu lông cánh của Quạ toàn một màu đen như mực.

Quạ bay đi kiếm ăn không còn nghĩ gì đến xấu với đẹp nữa. Nhưng đến lúc ăn no trở về, Quạ thấy con cò trắng muốt bay qua trông thấy nó mà cười. Quạ tức lắm, bèn ngắm lại mình thì ôi thôi... Quạ thấy mình đen thui thủi, thiệt xấu xí, thẹn quá bèn bay đi trốn.

Từ đó, không ai còn thấy Quạ đâu nữa, trừ ở những nơi hoang dã vắng vẻ.

Cây cầu Phúc Đức

Ngày xưa có anh chàng chuyên sống bằng nghề ăn trộm. Trong nhà còn có mẹ già phải nuôi. Tuy có lúc được nhiều, có lúc được ít, nhưng trong nhà không bao giờ có của để dành. Hai mẹ con chàng thường phải chịu bữa ăn, bữa nhịn.

Một hôm, nhân ngày giỗ cha, mẹ chàng ôn lại cho chàng nghe cuộc đời của ông và cha chàng xưa kia. Xưa kia ông nội của chàng cũng làm nghề ăn trộm, có đêm kiếm được những món đáng bạc chục, bạc trăm, vậy mà khi nhắm mắt xuôi tay cũng không để lại cho cha chàng được chút gì.

Rồi đến đời cha chàng. Lớn lên, không biết chọn nghề gì khác tốt hơn, cha chàng lại nối nghề ông cụ, đến đêm lại đi rình mò hết làng trên đến xóm dưới, mà cũng không bao giờ kiếm được nổi hai bữa chọ hai vợ chồng và đứa con. Rồi cha

chàng chết đi cũng không có gì để lại. Nay đến đời chàng, lao theo cái nghề này đã gần hai chục năm rồi mà tay trắng vẫn hoàn trắng tay. Đã vậy, chàng cũng không tìm được nổi một người vợ, mặc dầu đã gần bốn chục tuổi đầu.

Ôn lại đời cha ông xưa và nhìn cuộc đời mình chàng không khỏi thấy ngán ngẩm.

Một đêm, chàng đến rình nhà ông thầy đồ ở xóm bên, định ăn trộm cái thủ lợn mà một nhóm học trò mang đến biếu. Rình mãi tới khuya, ông thầy vẫn chưa đi ngủ, ông đọc hết trang sách này tới trang sách khác. Chợt ông thầy đọc tới câu: "Tích thiện chi gia tất hữu dư hương, tích bất thiện chi gia tất hữu dư ương". Chàng bụng bảo dạ: "Phải chăng ông cha ta làm nghề thất đức nên để khổ nhục lại cho ta"? Rồi tự đáp: "Phải, quả thật đúng như vậy". Đoạn chàng chạy một mạch về nhà, quyết từ nay bỏ nghề ăn trộm.

Sáng hôm sau, chàng vác búa vào rừng hái củi mang ra chợ bán. Công việc thật là vất vả, hái được một gánh củi chàng phải đổi một bát mồ hôi mới kiếm được một món tiền mua gạo, nhưng chàng thấy yên tâm hơn mọi ngày. Tuy vậy, đi đến đâu, chàng cũng nghe tiếng người xì xào: "Cẩn thận đấy! Cái thằng ba đời ăn trộm đã đến kia!". Cái tiếng "ba đời ăn trộm" làm cho chàng buồn bã. Chàng nghĩ: "Từ nay ta phải làm những việc gì phúc đức may mới xóa được mấy tiếng đó".

Một ngày mùa hạ, trời mưa to nước lũ tràn về. Chàng đem củi đi chợ bán, vì nước lũ tràn về nhanh quá, không thể lội qua sông như mọi hôm được. Hàng trăm người ùn lại vì chưa có đò, mặt trời đã khuất sau rặng núi, mà mọi người vẫn loay hoay ở bờ sông. Chàng bèn nghĩ tới việc bắc một cái cầu. Đêm ấy, ngủ lại bến sông cùng với nhiều người khác, chàng đem chuyện bắc cầu ra hỏi bà con, nhiều người nói:

- Đó là một điều phúc đức được muôn ngàn người nhớ ơn. Trước đây cũng đã có người làm nhưng rồi lại bỏ dở...

Sáng hôm sau, nước rút, chàng lội sông về nhà, tới nhà, chàng đem ý định bắc cầu ra hỏi ý kiến mẹ. Mẹ chàng rất vui và giục chàng dốc sức bắc cầu!

Từ đó, cứ sáng chàng lên rừng chặt cây, chiều ra sức chuyển gỗ, trưa cố hái thêm một gánh củi để về cho mẹ đi chợ.

Chàng làm việc quên ngày tháng. Buổi chặt cây, buổi chuyển gỗ, buổi bắc cầu, không bao lâu đã bắc được hơn chục sải cầu. Công việc còn nhiều nặng nhọc vì con sông rộng gần hai trăm sải. Vì ăn đói mà làm nhiều nên chàng bị kiệt sức. Một hôm đói quá chàng nằm lăn ra mê man ở đoạn cầu đang làm dở. Những người đi qua xúm lại cứu chữa, nhưng chàng vẫn chưa hồi tỉnh.

Giữa lúc ấy có một viên quan võ đi đến, thấy một đám đông đang xúm quanh một người nằm sõng soài, viên quan xuống ngựa đến gần hỏi chuyện. Mọi người cho biết đây là anh chàng bắc cầu làm phúc đang làm thì vì mệt quá mà lăn ra ngất đi... Viên quan liền mở túi lấy thuốc cho chàng uống. Được một lúc, chàng bắc cầu tỉnh lại, mọi người tản dần ra về, viên quan ngồi lại bên chàng ân cần hỏi chuyện. Chàng thật thà kể hết cho ông nghe cuộc đời của mình và nói rõ ý định cùng công việc đang làm. Viên quan võ nghe nói tỏ ra cảm động, ông ngồi ngẫm nghĩ hồi lâu rồi nói:

- Xưa kia cha ông chàng làm nghề thất đức để cho chàng ngày nay phải đói nghèo. Nay, chàng muốn làm điều phúc đức để chuộc lỗi lầm xưa kia, quả là hay vô cùng! Về phần tôi, tôi xin nói thật: cha tôi, ông tôi, ông cụ ông kỵ tôi, đời đời làm quan ức hiếp dân lành, bóp hầu bóp cổ để nã tiền, nã của. Đấy cũng là điều thất đức, vì vậy đến tôi ngày nay trời quả báo: lấy vợ đã hơn hai mươi năm rồi mà không có một đứa con để vui cửa vui nhà, cho nên, tuổi đã ngoài bốn mươi, chúng tôi vẫn phải sống hiu quạnh. Nay tôi cũng muốn làm điều phúc đức để chuộc lỗi lầm xưa, chẳng hay chàng có cho tôi góp sức cùng nhau bắc cầu được không?

Chàng bắc cầu vui mừng nói:

- Nếu quan lớn có chí hướng như vậy thì cái cầu này sẽ chóng xong, dân chúng sẽ mau được qua lại, còn gì tốt hơn!

Hai người bèn kể cho nhau biết tên tuổi, quê quán rồi kết

làm anh em, viên quan võ hơn chàng bắc cầu bốn tuổi, được nhận là anh. Chàng bắc cầu nói:

- Em còn có mẹ già ở nhà, vì nhà nghèo, phải bán củi lấy tiền mua gạo cho nên ngày nào em cũng phải đem củi về nhà để sáng hôm sau mẹ đem củi ra chợ bán lấy tiền.

Viên quan võ thân mật bảo chàng:

- Anh có nhiều tiền của, anh sẽ bỏ ra nuôi mẹ để em khỏi phải bận tâm, như vậy chúng ta sẽ chuyên chú vào việc bắc cầu, em nghĩ thế nào?

Chàng bắc cầu nói:

- Nếu vậy thì còn gì hay hơn!

Từ đấy, hàng ngày hai anh em cùng nhau lên núi đốn cây, chuyển gỗ. Chẳng bao lâu, hai người đã dựng xong chiếc cầu gỗ hơn hai trăm sải. Dân chúng ai cũng vui mừng, họ đặt tên là cầu Phúc Đức. Các cụ hai làng hoan hỉ cùng nhau bàn định góp tiền làm một bữa tiệc ăn mừng cầu.

Ngày ăn mừng chiếc cầu, các vị bô lão và tất cả dân chúng quanh vùng nô nức đến dự, ai cũng cầu xin Ngọc Hoàng ban phúc cho hai người bắc cầu, họ ăn uống linh đình suốt cả buổi sáng. Bỗng một cơn gió bất chợt kéo đến, gió thổi mạnh, làm cúi rạp ngọn cỏ nghiêng ngả cành cây. Gió thổi mỗi lúc một mạnh, rồi bất thình lình cuốn anh chàng bắc cầu đi mất. Viên quan võ thất thanh kêu gọi, tất cả mọi người đều ngậm ngùi.

Thấy người em kết nghĩa của mình hết lòng hết sức hàng ba năm trời ra làm cầu mà lại không được hưởng phúc, viên quan xót xa lắm. Sau khi mọi người đã ra về, ông đón vợ sang ở chung với bà cụ để sớm hôm trông nom, phụng dưỡng bà thay người em kết nghĩa.

Lại nói đến chàng bắc cầu bị gió lốc cuốn tới một cái hang trên một ngọn núi cao. Chàng lảo đảo đứng chưa kịp vững. Cơn gió bỗng vụt hóa thành người tươi cười nói với chàng:

- Nhà ngươi chớ sợ, ta là thần Gió được Ngọc Hoàng sai đi đón nhà ngươi về đây để thưởng cho ngươi cái công thành

tâm làm chuyện phúc đức. Bạc vàng đấy, nhà ngươi muốn lấy bao nhiêu thì lấy.

Chàng bắc cầu nhìn vào hang thấy đống vàng sáng chói. Chàng cởi áo gói lấy một số vàng, rồi buộc lại cẩn thận, chàng vác gói vàng lên vai, tiến ra cửa hang, thần Gió lại hóa thành cơn gió lốc cuốn chàng đi, trả về bản và đặt chàng nhẹ nhàng xuống giữa sân nhà.

Chàng bắc cầu sung sướng để gói vàng xuống rồi lên tiếng gọi cửa. Nghe tiếng gọi, mẹ chàng và hai vợ chồng viên quan võ tưởng là hồn chàng bắc cầu hiện về, liền dắt nhau lại ngồi quanh chiếc bàn thờ thắp hương khấn vái lầm rầm. Nhìn qua kẽ liếp thấy ba người vừa cúi lạy, vừa khấn, chàng bắc cầu bật cười lại một lần nữa chàng lên tiếng gọi:

- Mẹ ơi! Anh ơi! Em đây mà! Em hãy còn sống trở về nhà đây! Mau mau mở cửa!

Nghe rõ tiếng gọi của con, bà mẹ mừng quýnh, lật đật chạy ra cửa. Vợ chồng viên quan võ cũng chạy ra mở cửa, đón người em kết nghĩa.

Chàng bắc cầu ngồi xuống kể lại ngọn ngành câu chuyện được thần Gió đưa đi lấy vàng cho cả nhà nghe, mọi người reo mừng sung sướng.

Từ đấy mẹ con chàng bắc cầu bắt đầu trở nên giàu có, chàng mời hai vợ chồng người anh kết nghĩa ở lại và cùng nhau làm ăn.

Ít lâu sau, vợ viên quan võ có thai đến tháng đến ngày chị sinh hạ được một con trai. Hai vợ chồng mừng vô kể. Còn chàng bắc cầu ít lâu sau cũng lấy vợ có con và sống sung sướng đến già.

Cây khế

Ngày xửa ngày xưa, một nhà kia có hai anh em, cha mẹ đều mất cả. Hai anh em chăm lo làm lụng, nên trong nhà cũng đủ ăn. Muốn cho vui cửa vui nhà, hai người cùng lấy vợ. Nhưng từ khi có vợ, người anh sinh ra lười biếng, bao nhiêu công việc khó nhọc, đều trút cả cho hai vợ chồng người em.

Hai vợ chồng người em thức khuya dậy sớm, lại cố gắng cày cấy, làm cỏ, bỏ phân, lúa tốt hơn trước, nên đến mùa, được bội thu. Thấy thế, người anh sợ em kể công chiếm lấy phần hơn, vội bàn với vợ cho hai vợ chồng người em ra ở riêng.

Ra ở riêng với vợ, người em được người anh chia cho có một căn nhà tranh lụp xụp, trước nhà có một cây khế ngọt. Hai vợ chồng người em không phàn nàn một lời, hết vào rừng đốn củi đem ra chợ bán, lại đi gánh mướn, làm thuê.

Còn người anh có bao nhiêu ruộng nương đều cho làm rẽ, để ngồi không hưởng sung sướng với vợ. Thấy em không ca thán, người anh cho em là ngu si, lại càng lên mặt, không lui tới nhà em và cũng không để ý gì đến em nữa.

Những ngày sung sướng nhất của hai vợ chồng người em là những ngày khế chín. Quanh năm, hai vợ chồng đã chăm bón và bắt sâu, đuổi kiến cho cây khế, nên cây khế xanh mơn mởn, bóng rợp khắp mảnh vườn nhỏ bé, quả lúc lỉu cả ở những cành là sát mặt đất, trẻ lên ba cũng với tay được.

Một buổi sáng, hai vợ chồng mang quang gánh và thúng bị ra gốc khế, định trèo lên hái quả đem ra chợ bán thì thấy trên ngọn cây rung động rất mạnh, như có người đang trèo. Hai vợ chồng nhìn lên thì thấy một con chim rất lớn đang ăn những quả khế chín vàng. Hai vợ chồng đứng dưới gốc cây xem chim ăn, đợi chim bay đi rồi mới trèo lên cây hái quả. Từ đấy, cứ

mỗi buổi sáng tinh mơ, hai vợ chồng ra hái khế, thì đã lại thấy chim ở trên cây rồi. Thấy có người, chim vẫn cứ ăn, ung dung một lúc lâu, rồi mới vỗ cánh bay đi. Chim ăn ròng rã như thế ngót một tháng trời, cây khế vơi hẳn quả.

Một hôm, đứng đợi cho chim ăn xong, người vợ nói nửa đùa nửa thật với chim: "Chim ơi, chim ăn như thế thì còn gì là khế của nhà tôi nữa! Cây khế nhà tôi cũng sắp hết quả rồi đấy, chim ạ!". Chim bỗng nghển cổ, nheo mắt như cười, đáp lại: "Ăn một quả, trả cục vàng! May túi ba gang, đem đi mà đựng". Chim nhắc đi nhắc lại câu ấy ba lần, rồi mới vỗ cánh bay đi.

Hai vợ chồng thấy chim biết nói rất lấy làm lạ, lại thấy chim bảo mình như thế, nhắc lại cho mình đến ba lần, nghe rõ mồn một, nên càng suy nghĩ, phân vân.

Nhưng rồi hai vợ chồng cũng làm theo lời chim. Người vợ lấy vài vuông vải nâu may cho chồng một cái túi, ngang dọc đúng ba gang.

Sáng hôm sau, hai vợ chồng vừa ăn xong thì thấy một luồng gió mạnh cuốn cả cát bụi trước sân nhà, rồi trong chớp mắt một con chim cực kỳ lớn hạ xuống giữa sân, quay đầu vào nhà kêu lên mấy tiếng như chào hỏi. Người chồng xách cái túi ba gang ra sân, chim nằm rạp xuống, quay cổ ra hiệu cho anh ngồi lên lưng mình. Anh ngồi lên lưng chim, bám vào cổ chim thật chặt. Chim đứng dậy vươn cổ, vỗ cánh bay bổng lên trời xanh. Chim lúc bay cao, lẩn vào mây bạc, lúc bay thấp, là là trên rừng xanh, đồi núi trập trùng. Rồi chim bay ra biển cả mênh mông, sóng biếc cao ngất vật vào sườn những hòn đảo nhỏ, làm tung lên những bọt trắng xóa. Anh ngồi trên lưng chim thấy biển tuyệt mù, không biết đâu là bờ... Thốt nhiên chim bay vào một hòn đảo toàn đá trắng, đá xanh, đá đỏ, đá ngũ sắc, phản chiếu ánh sáng rực rỡ, anh chưa từng thấy bao giờ. Chim bay một vòng thật rộng xung quanh đảo như muốn tìm một nơi hạ cánh, rồi bay những vòng hẹp hơn, là là trên các ngọn đá, lắm lúc anh tưởng như mình sắp bị va vào những tảng đá khổng lồ. Bay đến trước mặt cái hang rộng và sâu,

chim từ từ hạ xuống. Đặt chân xuống đảo, anh nhìn ngó khắp nơi, tuyệt nhiên không thấy một sinh vật nào, không có đến một ngọn cỏ hay một mống chim sâu.

Chim ra hiệu bảo anh vào hang, muốn lấy gì thì lấy. Ở ngay cửa hang, anh đã thấy toàn những thứ đá trong như thủy tinh và hổ phách đủ các mầu, có thứ xanh như mắt mèo, có thứ đỏ ối như mặt trời, còn vàng bạc thì nhiều như sỏi đá. Thấy hang sâu và rộng, anh không dám vào sợ lạc. Anh nhặt một ít vàng và kim cương bỏ vào túi ba gang, rồi trèo lên lưng chim, ra hiệu cho chim bay về.

Chim tỏ vẻ vui mừng, gật gật cái đầu, vươn cổ kêu vài tiếng, rồi vỗ cánh bay lên trời xanh, bay qua biển, qua rừng, qua núi. Mặt trời mới vừa đứng bóng, chim đã hạ cánh xuống cái vườn nhỏ có cây khế ngọt. Người vợ thấy chồng về bình yên, mừng rỡ vô cùng, chạy ra vuốt lông chim, tỏ ý cảm ơn, ra hiệu mời chim bay lên cây khế giải khát. Chim bay lên cây khế ăn một lúc, rồi kêu ba tiếng như chào vợ chồng người nông dân, rồi bay đi. Từ đấy, lâu lâu chim mới lại đến ăn khế.

Tiếng đồn hai vợ chồng người em thốt nhiên giàu có bay đến tai hai vợ chồng người anh. Hai vợ chồng người anh vội vã đến chơi nhà em để dò xét. Nghe em thật thà kể chuyện, người anh gạ đổi hết tài sản của mình để lấy túp lều tranh và cây khế. Hai vợ chồng chỉ lo người em không chịu đổi, không ngờ người em vui vẻ ưng thuận ngay.

Hai vợ chồng người anh mừng rỡ như mở cờ trong bụng, lập tức giao hết tài sản của mình cho em, và sáng hôm sau dọn ngay đến ở túp lều tranh trên mảnh vườn nhỏ có cây khế ngọt. Đến ở mảnh vườn chật hẹp, hai vợ chồng người anh không làm việc gì cả. Còn được ít tiền hai vợ chồng đem tiêu dần, cả ngày chỉ nằm khểnh ngoài hè, hí hửng nhìn lên cây khế, chờ chim bay đến. Một buổi sáng, có một luồng gió mạnh tạt vào nhà, rồi hai vợ chồng thấy ngọn cây khế rung chuyển. Hai người hớt hải chạy ra sân, vội nhìn lên cây thì quả nhiên thấy một con chim lớn đang ăn khế.

Chim mới ăn vài quả, hai vợ chồng đã tru tréo lên: "Cả nhà chúng tôi trông vào có cây khế, bây giờ chim ăn tào ăn huyệt như thế thì chúng tôi còn trông cậy vào đâu!". Chim liền đáp: "Ăn một quả, trả cục vàng. May túi ba gang, đem đi mà đựng", rồi chim bay vụt đi.

Hai vợ chồng người anh mừng quá, cuống quýt vái theo chim, rồi bàn nhau may túi, cãi cọ om sòm. Mới đầu, hai người định may thật nhiều túi, sau lại sợ chim không đưa đi, nên rút cục cũng chỉ may một cái túi như người em, nhưng may to gấp ba, mỗi chiều chín gang, thành một cái tay nải lớn.

Sáng hôm sau, chim hạ cánh xuống sân trước túp lều tranh. Người anh đang ăn, thấy chim bay đến, bỏ cả ăn hấp tấp chạy ra, tay xách cái túi lớn trèo tót lên lưng chim, còn người vợ vái lấy vái để chim thần. Chim cất cánh bay bổng lên mây xanh, qua núi qua biển cả, rồi cũng hạ cánh xuống cái đảo khi trước.

Trên lưng chim bước xuống, người anh hoa cả mắt về những ánh ngũ sắc ở các loại kim cương và ngọc quý chiếu ra. Đến khi vào hang, người anh lại càng mê mẩn tâm thần, quên cả đói cả khát, cố nhặt vàng và kim cương cho thật đầy tay nải, lại buộc đầu ống quần và tay áo cho thật chặt rồi nhồi nhét đầy cả hai tay áo và hai ống quần, đến nỗi nặng quá, chàng ta cố kéo lê từng bước mà vẫn chưa ra được khỏi hang.

Chim đợi lâu quá, chốc chốc lại kêu lên vài tiếng vang cả đảo, thúc giục anh chàng ra về. Mãi gần chiều, anh ta mới kéo được cái tay nải đầy vàng và kim cương đến chỗ chim đang đợi. Muốn cho khỏi rơi, anh ta đặt tay nải dưới cánh chim, rồi lấy dây thừng buộc chặt tay nải vào lưng chim và vào cổ mình.

Chim vỗ cánh bay lên, nhưng vì nặng quá, mới bay lên khỏi mặt đất một ít lại sa xuống. Sau chim cố gắng đạp hai chân thật mạnh xuống đất, vươn cổ bay bổng lên. Anh chàng ngồi trên lưng chim khấp khởi mừng thầm, cho là chỉ trong giây phút mình sẽ về đến nhà, sẽ có nhà cao cửa rộng, vườn ruộng khắp nơi, tiêu pha cả đời thật hoang tàn cũng không hết của.

Lúc ấy, chim đã bay trên biển cả. Trời trở gió, những con sóng xám xì cất cao lên bằng mấy nóc nhà. Chim bay ngược gió nên rất nhọc mệt, cổ gập hẳn xuống, hai cánh mỗi lúc một yếu dần. Túi vàng lớn thốt nhiên bị gió hất mạnh vào cánh chim. Chim buông xuôi hai cánh, đâm bổ từ lưng trời xuống biển. Chỉ trong chớp mắt, người anh bị sóng cuốn đi, cái túi lớn và những ống quần, tay áo chứa đầy vàng và châu báu dìm anh ta rất mau xuống đáy biển.

Còn chim chỉ bị ướt lông, ướt cánh một lúc, rồi chim lại vùng lên khỏi mặt nước, bay về núi, về rừng.

Cây tre trăm đốt

Ngày xưa, có một trưởng giả gian ác, xảo trá. Hắn ta dùng đủ mọi thủ đoạn để bóc lột người ở và người làm thuê cho hắn, nhờ đó mà hắn trở nên giàu có nhất vùng. Hắn có một cô con gái rất xinh đẹp, chưa chồng. Trong nhà có anh Khoai, ở với hắn từ thuở nhỏ, làm đủ trăm công ngàn việc nhọc nhằn. Năm nay lớn lên, được mười tám đôi mươi, vì sợ anh đi nơi khác, một hôm hắn gọi anh lên bảo:

- Mày chịu khó ở với tao làm lụng cho thật giỏi, thức khuya dậy sớm, siêng năng, rồi tao gả cô út cho mày.

Anh Khoai nghe nói tưởng thật, mừng lắm, từ đó anh làm việc gấp năm gấp mười lần. Được ba năm, cô út đã lớn lắm rồi. Nhân trong vùng có một cai tổng khét tiếng giàu có đến hỏi cô con gái cho con trai ông ta. Lão trưởng giả nhận lời chuẩn bị làm lễ cưới linh đình.

Thấy mình bị lừa, anh Khoai tức lắm, lên gặp lão trưởng giả để hỏi chuyện. Anh bảo:

- Ông đã hứa gả cô út cho tôi, sao bây giờ lại nuốt lời mà gả cho kẻ khác?

Tên trưởng giả hầm hầm nổi giận, định đánh cho anh một trận, song nghĩ lại, hắn lại thôi, hắn trả lời anh rằng:

- Ấy! Tao thấy rằng năm nay cô út cũng lớn tuổi, cho cưới đi là vừa. Tao chuẩn bị đám cưới là chuẩn bị cho mày đấy chứ! Nhưng mày mà muốn cưới ngay thì mày phải làm cho tao việc này: mày chịu khó lên rừng tìm lấy một cây tre trăm đốt, mày gánh về đây để vót đũa dùng trong cỗ cưới thì tao cho mày cưới cô út ngay.

Khoai thật thà tin, lập tức vác dao lên rừng. Nhưng hết ngày nọ đến ngày kia, hết khu rừng này đến khu rừng khác anh cố tìm những bụi tre cao rồi lách vào mà chặt. Nhưng mỗi một cây tre ngả xuống là một lần Khoai thất vọng. Anh tìm mãi, tìm mãi. Đến nỗi gai rừng cào xước hết quần áo và người anh, bàn chân anh bị rớm máu, nhưng chẳng có cây tre nào trăm đốt cả. Thất vọng, anh ngồi trong rừng khóc nức nở. Tiếng khóc của anh vang động cả núi rừng.

Bỗng một ông lão đầu tóc bạc phơ, da đỏ hồng hào, mắt sáng, miệng tươi khoan thai đến gần anh hỏi:

- Làm sao con khóc?

Khoai thưa rõ đầu đuôi câu chuyện. Ông lão nghe xong, bảo với anh rằng:

- Con đi chặt cho đủ một trăm đốt tre, mang về đây cho ta.

Anh nghe lời, vác dao chặt bên tả, bên hữu, chỉ một loáng đã đủ một trăm đốt tre.

Ông già khẽ đọc:

- Khắc nhập! Khắc nhập!

Vừa đọc xong, thì trăm đoạn tre nằm ngổn ngang, tự nhiên chạy tới với nhau, nối liền lại thành một cây tre đủ trăm đốt.

Khoai mừng quá, toan sụp xuống lạy tạ ông lão nhưng ông cụ đã biến đi đâu mất rồi. Anh mới biết ông là Bụt.

Anh ghé vai định vác tre về, nhưng không đi được, vì tre dài quá. Nó cứ vướng vào cây này cây khác giữa rừng. Lo buồn, anh lại ngồi xuống khóc nức nở. Bụt lại hiện lên hỏi:

- Làm sao con lại khóc?

Anh kể rõ sự tình. Bụt đưa tay chỉ vào cây tre mà đọc:

- Khắc xuất! Khắc xuất!

Tự nhiên cây lại rời ra từng đốt. Mừng quá, anh hết lời cảm tạ Bụt, rồi xếp tre làm hai bó gánh về nhà. Lúc về tới nơi thì thấy hai họ đông đủ đang ăn uống ồn ào và đầy sân bàn này, cỗ nọ đang chực sẵn để rước dâu đi. Anh tức quá, xông thẳng tới trước mặt lão trưởng giả mà hỏi, thì hắn cả cười bảo anh rằng:

- Tao bảo mày chặt cho được cây tre cao một trăm đốt, chứ tao bảo mày chặt một trăm đốt tre đâu!

Cả hai họ ngừng tay đũa, đều cười theo, chế nhạo anh Khoai khờ khạo. Anh bảo lão phú ông ra sân mà xem. Rồi anh đọc khẽ:

- Khắc nhập! Khắc nhập!

Tức thì trăm đốt tre dính liền với nhau thành một cây tre cao ngất nghểu. Phú nông vừa tức mình, vừa kinh ngạc. Lão chạy ra lay cây tre cho nó rời ra. Khoai lại hô:

- Khắc nhập! Khắc nhập!

Ngay lập tức lão trưởng giả bị dính chặt vào cây tre, hắn cố dứt mấy cũng không ra. Lão cai tổng thông gia và con trai lão thấy thế chạy ra định gỡ giúp lão trưởng giả, anh Khoai đợi hai người tới gần, lại khẽ đọc:

- Khắc nhập! Khắc nhập!

Lập tức lão cai tổng và con trai lão đều dính vào với lão trưởng giả, càng giẫy càng đau, cả ba sợ hãi kêu khóc.

Cả hai họ lúc bấy giờ mới tái mặt, dựng tóc gáy, không còn ai nghĩ đến chuyện ra gỡ hoặc chế nhạo nữa. Họ mặc áo rộng, đứng sắp thành hàng, van xin anh Khoai thả ba người kia ra và hứa sẽ tổ chức cưới cô gái cho anh. Chờ một lúc lâu, anh Khoai mới đọc khẽ:

- Khắc xuất! Khắc xuất!

Bấy giờ hai thông gia và chú rể mới rời ra được, và cây tre cũng đổ xuống, chia thành trăm đoạn. Họ nhà trai thoát nạn, cuốn gói ra về. Còn anh đầy tớ và con gái phú ông nên vợ nên chồng, sống bên nhau hạnh phúc trọn đời.

Cậu bé nghèo khổ và chiếc bật lửa

Xưa, có một đứa bé mồ côi, không anh em, cũng chẳng có họ hàng thân thích. Mồ Côi phải đi xin ăn. Nhưng lang thang hết làng này sang xóm khác, chẳng mấy khi Mồ Côi được no bụng. Một hôm, Mồ Côi gặp thầy mo già đi cúng ở làng bên đang trên đường về. Thầy mo thấy Mồ Côi quần áo rách rưới, mặt mày hốc hác, bèn hỏi:

- Này thằng bé nghèo khổ kia, mày muốn có nhiều tiền tiêu không?

Cậu bé Mồ Côi buồn bã đáp:

- Sao cụ lại hỏi thế? Cháu cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, bây giờ có tiền tiêu sao lại không muốn. Nhưng làm thế nào lại có được hả cụ?

Thầy mo bảo:

- Cứ theo lời tao bảo mà làm thì tức khắc có nhiều tiền. Tao biết ở dưới hang núi sâu kia có rất nhiều vàng bạc. Mày vào lấy ra. Nhưng mày hãy nghe cho kỹ mà nhớ lấy điều này: vàng bạc thì cho tha hồ, mày muốn lấy bao nhiêu cũng được. Nhưng còn chiếc hộp nhỏ nằm trên phiến đá vuông thì đấy là của tao. Mày cầm ra cho tao thì khắc sung sướng.

Mồ Côi nghe theo lời dặn, cố lần theo đường hang tối dưới nước đi tìm cái hộp. Hang sâu lắm, càng đi sâu vào càng thăm thẳm. Mồ côi vẫn cố dò dẫm tiến vào. Một lúc sau, trong hang bớt tối, lại còn ít ánh sáng mờ mờ ở góc hang. Mồ Côi liền mạnh bạo đi đến, thì thấy một con chó đá ngồi sừng sững trong hang. Mồ Côi sợ quá, nhìn quanh lại chẳng thấy vàng bạc đâu cả. Nó bèn lên tiếng hỏi chó đá:

- Chó đá ơi! Chó đá ngồi đây canh giữ hang, có thấy vàng bạc ở đâu chỉ giúp tôi với.

Mồ Côi vừa nói dứt lời thì bỗng nhiên chó đá cất tiếng nói:

- Bạc thì phía sau lưng ta đây rồi. Còn vàng thì ở sâu phía trong kia, cứ việc vào mà lấy.

Mồ Côi mừng rỡ đi vào trong, lấy vàng trước. Vừa bước vào phía trong hang sâu, nó giật mình vì lại thấy con chó đá vừa rồi. Mồ Côi hết sợ, lên tiếng hỏi xin, con chó đá lại chỉ ra phía sau:

- Vàng ở sau lưng ta ấy, vào mà lấy.

Mồ Côi nhanh nhẹn giắt vàng vào người rồi quay trở ra. Mãi đến lúc này nó mới chợt nhớ đến cái hộp thầy mo dặn. Nhưng chiếc hộp ấy nằm ngay trên lưng phiến đá, chẳng phải tìm lâu. Nó nhặt chiếc hộp rồi tìm đường ra khỏi hang. Bao nhiêu vàng bạc, Mồ Côi không quên khuân hết ra cửa hang, lão thầy mo vội vã giục:

- Cái hộp đâu? Đưa ngay cho ta!

Thầy mo cuống quýt vì cái hộp, cậu bé Mồ Côi giấu đi và nói:

- Trong hang chỉ toàn là vàng bạc thôi, chẳng thấy cái hộp ở đâu cả! Không tin ông thử lần vào hang mà xem.

Thầy mo nghe thế thì giận lắm. Vừa tiếc, vừa chẳng biết làm thế nào hơn, lão đành bảo:

- Mày thật là đồ ăn hại! Thôi thế này vậy: không tìm thấy cái hộp thì mày phải nhường hết vàng này cho tao. Còn bạc thì phần mày. Thế là may lắm rồi đấy!

Nói rồi thầy mo lấy vàng, Mồ Côi lấy bạc, đường ai nấy đi.

Mồ Côi được bạc trở nên giàu có. Nhưng cậu không giữ lấy một mình. Cậu đi khắp thiên hạ, thấy ai nghèo khổ thì lại lấy bạc đem cho. Chẳng bao lâu số bạc đã hết sạch, Mồ Côi lại trở nên nghèo túng. Một hôm trong lúc vét túi, Mồ Côi mới sực nhớ ra có cái hộp mà bấy lâu nay quên bẵng. Cậu vội mở hộp thì bên trong có một chiếc bật lửa, cậu lấy tay thử bật một lần đầu. Chiếc bật lửa vừa kêu "xạch" một tiếng thì xung quanh sáng loé

lên: Tiền bạc ở đâu đã theo lửa bắn ra tung toé. Cậu lấy tay bật liên hồi một lúc thì đã đầy vàng bạc. Mồ Côi lại lấy tiền vàng bạc đi khắp nơi cho người nghèo, và ai ai cũng yêu quí cậu. Mồ Côi trở nên giàu có nhưng vẫn không quên cuộc sống nghèo khó cũ. Vì thế hễ thấy các em bé đói rách, bao giờ cậu cũng mua quần áo và cho ăn uống. Các em bé nghèo rất quý bạn mới của mình, trong số đó có một em bé nhà nghèo thấy Mồ Côi, cứ đi theo không rời nửa bước.

Tin đồn về cậu bé có bật lửa quý xôn xao đến tai vua. Vua sai lính bắt Mồ Côi đến. Nhưng Mồ Côi đoán biết được mưu mô nên đã để bật lửa ở nhà. Vừa nhìn thấy Mồ Côi, vua đã vội vã hỏi ngay:

- Nghe nói mày có bật lửa quý bật ra tiền và bạc phải không? Mày hãy nộp cho tao.

Mồ Côi không chịu. Vua sai quân lính bắt nhốt Mồ Côi, đánh đập rất đau. Tin đó lan truyền đi trong dân chúng, cậu bé nhà nghèo chạy về nhà lấy chiếc bật lửa ra. Cậu bé bật lên hai cái thì hai con hổ xông ra chỗ nhà vua. Cả lũ quan cũng bị hổ cắn chết. Từ đấy Mồ Côi lại lang thang trên khắp các bản làng, với chiếc bật lửa thần trong tay, cậu mang đến sự no ấm và bình yên cho mọi người.

Chôn của

Ngày xưa có hai anh em một gia đình rất nghèo. Ngày ngày hai anh em vào rừng kiếm củi, hái rau về bán để sinh sống. Trong nhà có một con chó cái, đẻ ra một con chó trắng chỉ có ba chân. Hàng xóm cho là quái vật, xui bảo mang vứt chó ấy đi, nhưng hai anh em không nghe.

Một hôm, có người gầy yếu đến xin ăn ở trước cửa. Hai anh em mang cơm ra cho. Ăn xong, người ấy nói rằng: "Tôi không phải là ăn mày, mà là hiện thân của thần giữ của đất này. Trước đã có một người Tàu tên là Mã Ký có chôn giấu ở trong vườn nơi kia một ngàn cân vàng và ba vạn cân bạc giao cho tôi giữ, hẹn đúng một trăm năm thì lại lấy. Nay đã quá kỳ hạn không thấy đến lấy, tôi định xem người nào có đức thì tôi cho số vàng bạc ấy. Nay tôi nhận thấy anh em nhà này là người hiền lành, phúc hậu nên tôi cho hai anh em số vàng bạc ấy. Nhưng phải có con chó trắng ba chân thì mới lấy được của chôn đó". Hai anh em liền dắt con chó trắng ba chân trong nhà ra cho xem, thần giữ của bảo được, rồi dặn rằng: "Đêm hôm sau, hai anh em đem giết con chó trắng luộc lên và kiếm thêm một đĩa măng luộc và một đĩa đựng năm mươi hạt cau khô rồi mang ra miếu ở giữa vườn kia mà cúng. Cúng xong thì đào cái bệ xây ở giữa miếu lên thì sẽ lấy được của". Nói xong thì thần giữ của ấy biến mất.

Theo lời dặn, đến đêm hôm sau hai anh em giết con chó ấy và kiếm đủ măng cùng hạt cau khô đem ra cúng ở miếu. Cúng xong lấy thuổng cuốc đào cái bệ gạch ở giữa miếu lên thì quả thấy một dãy chum, vại kê liền nhau ở dưới đất. Mở nắp chum vại ra thì thấy toàn vàng bạc đúng như lời thần giữ của đã nói. Hai anh em được của trở nên giàu có lớn. Họ chia một phần của cải cho người nghèo, còn một phần tiêu dùng.

Cách ba năm sau, có năm sáu người Tàu đến chỗ đất để của. Họ thấy có người đào lấy hết cả rồi, lăn ra khóc thảm thiết. Hai anh em sai người ra hỏi thì họ nói rằng: "Chúng tôi là con cháu Mã Ký ở bên Tàu, khi trước ông cha chúng tôi có để của ở đây, hiện có gia phả để lại hẳn hoi, không biết người nào đã lấy mất hết của rồi". Hai anh em bảo rằng: "Chúng tôi đã lấy được của ấy". Mấy người Tàu nói: "Muốn lấy được của ấy phải có con chó ba chân, vậy các ông đã làm thế nào mà có giống chó ấy?". Hai anh em đáp: "Nhà chúng tôi đã có sẵn". Họ nói: "Thế thì Phật trời cho các ông rồi, chứ giống chó ba chân chỉ có sứ Sầm Châu tỉnh Quảng Đông bên Tàu mới có mà thôi, vậy mà con chó của các ông lại đẻ ra giống chó trắng ba chân như thế tất cũng là do trời cho. Bây giờ của ấy các ông đã lấy rồi thì con chó ba chân của chúng tôi mang từ bên Tàu sang đây cũng chẳng cần đến nó nữa, vậy xin tặng lại hai ông làm vật hiếm có". Hai anh em thương tình cho họ 30 cân vàng và 100 cân bạc để làm lộ phí trở về Tàu và rất cảm tạ tấm lòng của họ.

Chàng Lười

Xưa ở vùng nam Tây Nguyên có một bà cụ nghèo, goá bụa, có một người con trai siêng ăn biếng làm, dân làng quen gọi là chàng Lười. Lười có thể nằm ngủ suốt ngày, chỉ cần mở mắt dậy ăn một bát cơm, xong lại nhắm mắt ngủ tiếp. Mẹ nói không được. Có hôm, mẹ bưng cơm canh đến tận buồng mà Lười vẫn không chịu thức dậy. Từ nhỏ đến lớn Lười chưa biết nắng thiêu, lửa đốt, khó nhọc là gì.

Một hôm Lười nghe người ta đồn ngoài sông Hinh có nhiều cá, quờ tay xuống là bắt được cá. Lười lấy chiếc cần câu cũ của người cha để lại, đem ra câu. Hắn nằm ngửa, buộc cần câu vào cổ chân, chờ cá động mới giật. Từng đàn cá thấy mồi, bơi lượn

xung quanh, không có con nào đớp cả. Mãi tới chiều, Lười mới giật được một con cá nhỏ. Cá lên bờ rồi Lười cũng không thèm bắt, cứ để cho nó nhảy tanh tách dưới gốc sung. Vừa lúc ấy, một con quạ khoang bay qua, trông thấy cá liền sà xuống cắp mất. Lười đưa mắt nhìn theo một cách tiếc rẻ. Chàng ngáp dài, ngáp ngắn, thả cần câu cho trôi theo dòng nước rồi đi về. Lười lên cầu thang, bước vào sân ngồi phịch xuống, bốc cơm ăn một mạch. Ăn no lại ngủ ngay đến tối mịt.

Tin đồn gần xa, con gái xinh đẹp của Pơ-Tao giàu có nhất vùng không chồng mà đẻ con trai. Thằng bé lớn lên, nước da hơi đen, nhưng có khuôn mặt rất thông minh, kháu khỉnh. Pơ-Tao gạn hỏi mãi con gái nhưng nàng chỉ một mực nói: "Con chẳng đi lại với ai cả". Tức quá, Pơ-Tao cho tôi tớ cưỡi ngựa đi loan báo khắp vùng: "Con gái Pơ-Tao sinh được một con trai, ai là cha đứa bé đến nhà mà nhận con sẽ được thưởng một ngàn con voi và mấy căn nhà dài chứa đầy choé ba, choé túc (một loại choé quý bằng đất nung)".

Thanh niên trong vùng nghe tin ấy, mặc những chiếc áo thêu đẹp nhất, những chiếc khố dài viền nẹp đỏ, lũ lượt kéo đến nhà Pơ-Tao. Cô con gái Pơ-Tao cõng con chỉ từng thanh niên bảo: "Đây là cha mày! Đây là cha mày!". Nhưng em bé cứ khóc giãy nảy lên. Đám trai tráng này kéo về, đám trai tráng khác kéo đến, nhưng chẳng có người nào được làm cha cậu bé. Giữa lúc chàng Lười vẫn còn hết giấc này đến giấc khác. Pơ-Tao sai người đi từng làng xem còn sót ai không. Chỉ còn sót mỗi chàng Lười. Bọn tôi tớ Pơ-Tao xúm nhau lại đánh thức chàng dậy nhưng không được. Tức mình, họ nấu chì cho chảy ra, rồi đổ vào vành tai Lười. Nóng quá, Lười mới chịu dậy, ngồi vào bành voi cho họ chở tới nhà Pơ-Tao. Nghe tôi tớ kể lại, Pơ-Tao cười: "Tên lười nhác này, có bước đến nhà ai mà đi lại với con gái ta, nhưng cũng cứ cho hắn gặp thử".

Được tin, người con gái cõng con trên lưng, bước xuống cầu thang. Vừa thấy chàng Lười, thốt nhiên thằng bé reo lên: "Cha! Cha!" làm mọi người hết sức kinh ngạc. Pơ-Tao thấy con gái

mình xinh đẹp lại giàu có mà đi lại với tên lười nhác xấu xí như vậy, nổi giận đuổi con gái lên núi cao. Lười cũng đi theo, họ thành vợ chồng. Hai vợ chồng cõng theo hai gùi gạo to. Nhưng chứng nào vẫn tật ấy, có vợ đẹp, con khôn rồi mà Lười vẫn chẳng thay đổi tâm tính. Chàng vẫn ăn rồi ngủ. Người vợ không nói gì, một bữa, Lười đang cơn ngủ say, người vợ bỗng chạy vào, giọng hối hả, lo âu, lay mạnh người Lười dậy và bảo: "Anh ơi, chúng ta sắp chết đói rồi, em có cục vàng làm ra cơm gạo, thấy con gà ăn thóc, em cầm xua gà, chẳng may sảy tay, vàng chạy đâu mất. Em tìm từ sáng đến giờ mà chẳng thấy đâu!".

Nghe vợ nói mất cục vàng làm ra cơm gạo, hoảng quá, Lười vác rựa đi phát rừng tìm kiếm. Chàng ra tay phát miết. Mồ hôi tuôn chảy ra đầm đìa như tắm, cây ngã rạp dưới chân. Người vợ theo sau, lấy cây nhọn đào lỗ tra lúa.

Mặt trời lên, Lười phát cây phát bụi. Mặt trời lặn, Lười vẫn phát cây phát bụi. Lười cặm cụi phát mãi, khi ngoảnh cổ lại, chàng thấy cả hai quả đồi lúa mọc xanh rờn. Lười bảo vợ:

- Em ơi, anh vẫn không tìm thấy vàng em ạ!

Vợ lấy tay quệt mồ hôi chảy lấm tấm trên má, chỉ rẫy lúa xanh mơn mởn bảo chồng:

- Vàng đấy, lúa là vàng, chàng không biết à?

Chàng Lười bấy giờ mới hiểu ý vợ. Từ hôm ấy, hai vợ chồng chăm chỉ làm ăn và ngày một giàu có. Một hôm, hai vợ chồng nằm chung bên bếp lửa ấm, nhìn đứa con đang ngủ say, nàng nói nhỏ với chồng:

- Anh này, em không phải là con của Pơ-Tao đâu. Em là con của Ben-En (tiên). Mẹ em thấy anh lười quá, chẳng chịu làm ăn gì cả nên mẹ em sai em xuống làm con gái Pơ-Tao. Em đã ăn con cá của anh câu, do con quạ trời tha tới, ăn xong con cá ấy em có mang sinh được thằng bé này, để rồi cùng anh kết duyên lành. Bây giờ anh đã biết làm ăn để nuôi con, nuôi mẹ rồi, em được lệnh phải về trời. Anh ở lại làm ăn cho giỏi, cứ bốn mùa, em lại xin phép xuống chăm con, thăm anh một lần.

Nói xong, nàng cúi đầu xuống hôn lên má con, từ biệt chồng và bay về trời. Chàng Lười nhìn theo vợ cho đến khi khuất bóng. Từ đó, ngày ngày hai buổi, càng thương vợ, Lười càng ra sức phát nương, dọn rẫy. Chẳng bao lâu chàng trở nên giàu có nhất vùng. Khắp vùng núi vang tiếng ngợi khen Lười là một thanh niên siêng năng, làm ăn giỏi, biết thương mẹ, yêu con.

Chàng Út lấy vợ tiên

Ngày xửa, ngày xưa có một người đàn ông nọ có bốn người con trai. Người con trai cả lấy con gái Vua. Người con trai thứ hai lấy con gái quan tể tướng. Anh con trai thứ ba lấy con gái quan cai quản nội cung. Còn chàng út thì thề rằng sẽ không lấy ai ngoài một nàng tiên. Vì thế chàng vẫn chưa kết duyên cùng ai.

Đám cưới của ba người anh được tổ chức rất linh đình. Khách đến dự chật ních trong nhà lẫn ngoài sân. Họ vui vẻ chúc tụng các đôi vợ chồng trẻ. Trong khi đó chàng út rất buồn vì chưa kiếm được người vợ theo ý muốn. Chàng bỏ đám vui đi dạo trên cánh đồng. Dọc đường chàng gặp một thiếu nữ ăn mặc xềnh xoàng. Mặc dù vậy vẫn không che giấu nổi vẻ đẹp tự nhiên của nàng. Những nét thanh tú, dịu dàng vẫn lộ ra trên khuôn mặt, dáng đi. Nàng còn đẹp hơn cả tiên. Mà thực ra, nàng chính là một nàng tiên. Thậm chí cả chị Hằng trên cung trăng cũng không sánh nổi. Chàng út liền cầu hôn và nàng đồng ý. Chàng chạy như bay về nhà và thông báo: "Tôi có vợ rồi! Một cô vợ tuyệt vời!". Chàng nhờ mấy người đàn ông mang kiệu ra đón cô về. Nhưng thay vì tán dương cô thì mọi người lại cười ồ lên và căn vặn chàng út:

- Anh tìm đâu ra cô vợ như thế chứ!

Chàng út buồn lắm, nhưng cuối cùng đám cưới của họ cũng được tổ chức và họ nên vợ nên chồng.

Ngày hôm sau các cô con dâu mới đều mang chè quý biếu gia đình chồng và họ hàng. Cô con dâu cả là công chúa nên biếu chè sâm Triều Tiên. Cô con dâu thứ hai là con gái quan tể tướng nên cũng có chè sâm để biếu. Cô con dâu thứ ba là con gái quan cai quản nội cung nên cũng biếu gia đình chồng và họ hàng chè quý hiếm. Còn cô con dâu út chỉ biếu bố mẹ thứ chè xanh giản dị, giản dị như chính bản thân cô. Mọi người nhìn cô khinh bỉ. Các cô chị trề môi giễu cợt:

- Tưởng chú ấy cưới được một nàng tiên, hoá ra chú ấy với được một con bé cầu bơ cầu bất, không đồng xu dính túi.

Cô gái giản dị không nói gì.

Đến ngày Tết, cả ba anh con trai đều về thăm bố mẹ vợ. Riêng chàng út thì ở nhà. Chàng hết đi ra lại đi vào. Cuối cùng vợ chàng hỏi:

- Anh không đi thăm bố mẹ em nhân ngày Tết ư?

- Nhưng anh biết đi đâu?

- Em sẽ nói với anh.

Nói rồi cô tết một con ngựa bằng rơm rồi bảo chồng cưỡi lên. Họ cùng đi ra phía bờ biển. Tới bờ biển cô cởi đoạn băng ở chân ra và bảo chồng ném xuống biển. Lạ thay, một con đường bằng thuyền hiện ra trước mặt anh. Chàng út tạm biệt vợ rồi bước xuống thuyền. Mấy ngày sau chàng út trở về mang theo cơ man nào là sâm Triều Tiên. Anh đem sâm quý biếu bố mẹ và tất cả họ mạc. Từ hôm đó mấy người chị thôi không dè bỉu khinh miệt cô em út nữa.

Ngày mười bốn đầu năm là ngày gặp mặt các cặp vợ chồng mới cưới. Các cô con dâu sẽ chuẩn bị tiệc tiếp đãi. Đến ngày đó cô con dâu út nói với chồng:

- Anh hãy đi ra bờ biển, anh sẽ nhìn thấy một chiếc hộp trôi trên mặt nước. Anh vớt nó lên và mang về đây cho em và nhớ đừng vứt nó đi nhé.

Chàng út đi ra bờ biển. Chàng nhìn thấy một chiếc hộp cũ nhấp nhô trên sóng. Chàng vớt nó lên. Chàng ngắm nghía và thấy nó chỉ là một cái hộp mục nát xấu xí. Chàng nghĩ thầm: "Cái hộp cũ kỹ như thế này thì còn dùng vào việc gì được". Nghĩ vậy chàng bèn ném cái hộp xuống nước. Chàng trở về nhà nói với mẹ:

- Cái hộp đó hỏng hết rồi. Anh đã ném đi vì có mang nó về cũng chẳng làm gì được.

Vợ anh nghiêm giọng bảo:

- Anh hãy quay ra bờ biển nhặt cái hộp đó lên và mang về đây cho em, nhanh lên.

Người chồng vội chạy ra bờ biển vớt cái hộp đem về cho vợ.

Tối hôm đó cô con dâu út mở cái hộp ra. Thật là kỳ lạ, một quang cảnh tuyệt vời hiện ra. Một toà nhà vĩ đại và một cung điện nguy nga. Bên trong toà nhà là những cửa hiệu cửa hàng đầy ắp hàng hoá và một cảnh mua bán tấp nập diễn ra. Những hiệu ăn đầy đủ các món yến sào, vây cá mập, ốc sên biển và nhiều hải sản quý khác. Cô em dâu út mời vợ chồng các chị đến chơi. Cô dẫn họ đi dạo trong những công viên tuyệt đẹp. Trong đó có đủ các loài chim quý và những bông hoa đẹp nhất trên thế giới. Sư tử, hổ, hươu, nai, voi, rồng, hoa ngũ sắc và chim ngũ sắc đều có cả. Những thứ ấy chỉ có trong lâu đài của các vị Thần Bất Tử. Còn nhiều thứ đẹp khác mà họ chưa bao giờ được thấy.

Sau khi đi dạo cô em dâu út mời họ ăn bữa tối. Bữa ăn mới tuyệt làm sao. Rất khuya họ mới về nhà đi ngủ. Các cô con gái đều kể với cha mẹ đẻ của họ mọi điều xảy ra ở nhà cô em dâu út. Nghe họ kể, cả ba ông bố đều muốn tận mắt chứng kiến quang cảnh đó. Nhà Vua, cha của con dâu lớn thì nghĩ: "Ta là vua vì vậy tất cả những thứ hay và đẹp nhất trên thế gian này phải thuộc về ta. Ta sẽ lấy bằng được chiếc hộp đó". Quan tể tướng thì nghĩ: "Đó là một vật kỳ diệu. Nếu ta có nó, nó sẽ giúp ta khi gặp mối nguy hiểm trên trận mạc". Và tất nhiên quan cai

quản nội cung cũng có kế hoạch riêng chiếm lấy cái hộp để hưởng thụ những lúc rỗi rãi.

Ngày hôm sau cả vua, quan tể tướng, quan cai quản nội cung đều được mời đến nhà vợ chồng chàng út. Họ được tiếp đãi nồng nhiệt và chu đáo. Ba vị khách mỗi người đều có kế hoạch riêng của mình. Vua thì muốn trừng phạt vợ chồng chàng út bằng cách sai giết họ vì họ dám sống sung sướng hơn vua. Quan tể tướng thì sẽ sai lính ám sát họ. Còn quan cai quản nội cung định vu khống họ rồi đày đoạ đến miền biên giới xa xôi. - Nhưng các cô con gái lúc nào cũng kè kè ở bên nên họ chưa thực hiện được kế hoạch của mình. Cuối cùng vua biết được hai vị quan cũng muốn chiếm cái hộp. Vua bèn sai người giết họ đi. Sau khi đã giết họ, vua nghĩ rằng chẳng còn ai tranh giành chiếc hộp với mình nữa nên ngài điềm nhiên ngồi uống rượu trong lâu đài. Bỗng nhiên nước từ đâu ập xuống ngày càng nhiều. Cho tới khi toà nhà rộng rãi và mọi thứ bên trong chiếc hộp kỳ diệu đó đều bị nước cuốn sạch. Vua vẫn ngồi uống rượu trong cung điện. Ngay sau đó nước tràn tới cung điện cuốn phăng ông vua tham lam đi. Toà lâu đài cũng biến mất, chỉ còn ở đó một chiếc hộp cũ kỹ.

Chưa đỗ ông nghè đã đe hàng tổng

Ngày xưa có một người học trò nghèo nhưng học giỏi, được Thiên Đình rất chú ý, trong sổ thiên tào hồi đó đã ghi cho anh chàng đậu tiến sĩ, làm quan đến Thượng thư. Mỗi lần anh đi học thường đi qua một ngôi đền thờ thần ở làng bên cạnh. Vị thần làng đó vốn đã đọc ở sổ thiên tào nên tỏ vẻ cung kính đối với người học trò ấy. Những khi anh ta đi qua đền thì tượng thần đang ngồi bệ vệ lật đật đứng dậy rất lễ phép.

Một hôm ông từ giữ đền nằm mơ thấy thần bảo: Ngày mai ngươi phải quét dọn đền cho sạch sẽ tử tế vì có quan lớn đến chơi nhà ta.

Ông từ làm y như lời và suốt ngày hôm ấy ông đứng chực ở cổng đền chờ vị khách quý của ông thần. Nhưng đợi mãi, ông chả thấy một ai cả, trừ anh học trò ngày hôm đó vô tình có ghé vào đền nghỉ chân một lúc. Ông từ cho là bình thường không để ý gì đến. Ít lâu sau ông từ cũng lại chiêm báo thấy thần dặn dò như trước. Lần này, ông cũng chả thấy ai lạ hơn là anh học trò hôm nó đến ngâm một bài phú rồi lại đi.

Nhưng ông vẫn không tin. Đến lượt thứ ba cũng thế. Bây giờ ông từ mới cho là quả phù hợp với lời thần dặn, bèn kể chuyện cho người học trò nọ nghe và bảo:

- Đã ba lần như thế, nên tôi chắc rằng nhà thầy sau này sẽ đỗ đạt làm quan to chứ chẳng chơi. Nghe nói, người học trò như mở cờ trong bụng. Anh quyết chắc cầm sự vinh hoa phú quý trong tay. Anh nghĩ ngợi nhiều về tương lai của mình. Một hôm khi ngắm lại nhan sắc vợ mình, hắn thấy không được đẹp tí nào cả. Thế rồi đêm hôm ấy nằm dưới bóng trăng hắn mơ tưởng một người đẹp như chị Hằng. Hắn bụng bảo dạ:

- Rồi ta sẽ đuổi vợ ta về nhà nàng ấy! Một khi đỗ đạt thì thiếu gì người ngấp nghé muốn làm bà. Lúc đó ta sẽ tìm những đám con vua cháu chúa, đã da trắng môi son lại vừa lắm của.

Nghĩ thế, qua ngày hôm sau hắn kiếm cơ gây sự với vợ và đòi bỏ cho kỳ được. Mọi người đều lấy làm lạ và tỏ vẻ khinh bỉ một người có học như hắn lại có thể nhẫn tâm đến thế được. Nhưng hắn chỉ cười khẩy mà không kể gì dư luận.

Một hôm khác có người đến hỏi nợ hắn. Vừa mới bước vào sân, người ấy đã bị hắn chỉ tay vào mặt mắng một trận:

- Ta chưa có trả. Không khéo nay mai ta sẽ cắm đất vào vườn ở của mày cho mày biết mặt.

Hắn còn đe doạ nhiều người nữa. Gặp ai không vừa ý, hắn nói: "Rồi chúng bay sẽ biết tay ông!"

Tất cả những hành động của người học trò đều được tâu báo về thiên đình. Ngọc Hoàng nghe nói rất phật ý. Cho nên ít lâu sau đó, ông từ giữ đền mơ thấy ông thần tin cho biết là không phải kính sợ đối với người học trò đó nữa vì trên Thiên đình đã tước sổ mất rồi, không cho đỗ đạt. Ông từ nói:

- Tội của nó như thế nào?

- Nó bị kết án là "dưới trăng bỏ vợ, trước sân đòi nhà, chưa làm nên đã thất đức". Bây giờ nó không được hưởng phúc nữa. Quả nhiên người học trò ấy từ đó thi mãi không đỗ, muốn nối duyên lại với vợ cũ cũng không được. Cửa nhà hắn ngày một sa sút dần. Do đó mà có câu tục ngữ "Chưa đỗ ông nghè đã đe hàng tổng".

Chồng thử vợ

Nhà kia có hai vợ chồng sống với nhau rất hòa thuận. Từ lúc lấy nhau cho đến khi có ba đứa con hai vợ chồng chưa bao giờ giận dỗi, cãi cọ hay chửi mắng nhau. Cả xóm cả làng ai ai cũng khen.

Tuy vậy, ai cũng thắc mắc không hiểu vì sao vợ chồng nhà đó lại có thể hòa thuận đến vậy. Vì thế người ta rất muốn biết cách đối xử ăn ở của hai vợ chồng nhà đó.

Tin đồn đến tai Lý trưởng, hắn cũng muốn biết, nên bảo người chồng:

- Anh thử đánh hoặc chửi vợ một lần xem sao?

Sợ Lý trưởng, người chồng đành nhận lời, nhưng không có cách nào để chửi mắng vợ. Người ta bày cho cách: Đi tát cá, khi được cá mang về, giả rét cứ nằm co ở bếp. Nấu canh măng chua với cá, phải nấu chín măng trước rồi đổ cá vào sau, bị nóng cá quẫy té nước vào người, anh nói nặng lời để chị vợ cãi lại thì có cớ mà đánh. Nghe theo, anh chồng đi tát được đầy một giỏ cá toàn là những loại cá sống dai như trê, chạch, rô đồng. Sâm sẩm tối về nhà, chồng làm đúng như cách được bày. Thay quần áo xong, bắc canh măng chua lên bếp. Chồng giả rét nằm co ro ngay ở chõng bếp chắn mất chỗ ngồi để đun nấu của vợ.

Thấy vậy người vợ đun bếp lửa to cho chồng khỏi rét, và để canh măng chua cũng chóng sôi. Khi ấy đàn ông các nhà bên cạnh và cả Lý trưởng cũng mò đến xem. Ai cũng mong canh măng chóng sôi để biết cách đối xử của hai vợ chồng nhà này. Thấy nước sôi sùng sục, người ta giục:

- Đổ cá vào đi!

Người vợ trả lời:

- Để đi lấy cái nong con đã.

Nghe nói, chưa hiểu sao thì người vợ đem nong che phía chồng nằm, nhưng vẫn để hở lửa đến chỗ chồng nằm và đổ cá vào canh măng chua. Bị nóng cá quẫy té nước ào ào nhưng vì có cái nong che nên nước không bị bắn vào người chồng.

Không biết thử sao nữa, Lý trưởng cười khà khà và anh em trong xóm đều khen ngợi vợ chồng biết cách ăn ở với nhau.

Chim sơn ca

Ngày xưa, ở bản nọ có một chàng trai khôi ngô tuấn tú làm nghề thợ săn. Anh là một thợ săn giỏi, đã vào đến rừng là có thú mang về. Một lần vào rừng săn thú, anh đi từ sáng đến chiều mà chẳng gặp con thú nào. Cnẳng lẽ hôm nay mình về tay không? Anh đang nghĩ ngợi nên về hay đi vào rừng để tìm thú. Vừa lúc ấy, anh thấy một con chim sơn ca bé nhỏ bị gãy một bên cánh đang mắc ở bụi gai. Thương tình, anh

nhặt chim rồi đem về đắp thuốc. Chim sơn ca được anh chăm sóc nên chỉ ba ngày vết thương đã lành. Từ hôm đó sơn ca ở lại làm bầu bạn với anh. Có chim sơn ca nhà anh vui vẻ hẳn lên, suốt ngày chim nhảy nhót và cất tiếng hót véo von. Anh thợ săn quý chim lắm, anh làm một cái lồng đẹp lộng lẫy cho chim ở.

Thực ra, con chim sơn ca luôn nhảy nhót và hót véo von kia là nàng tiên trên trời cao lạc đường bị diều hâu đuổi bắt và mổ gãy cánh. Được người thợ săn trẻ thương tình cứu chữa, sơn ca biết ơn chàng nên muốn giúp chàng làm các công việc lặt vặt trong nhà để chàng đỡ vất vả. Khi chàng thợ săn trẻ vào rừng làm rẫy thì ở nhà chim sơn ca hoá thành một cô gái xinh đẹp. Cô dọn dẹp nhà cửa, lấy nước, dệt vải, nấu cơm. Công việc xong xuôi cô lại biến thành chim sơn ca chui vào lồng ca hót. Ngày đầu tiên đi làm về chàng ngạc nhiên không hiểu ai tốt bụng đã giúp mình thế này. Chàng gọi to xem có ai không. Chờ một lúc chẳng có ai trả lời chàng ngồi xuống ăn cơm. Cơm ngon quá, chàng vừa ăn vừa tấm tắc khen. Ngày thứ hai, chàng thợ săn đi rẫy về lại đã thấy cơm canh dọn sẵn, còn có cả chăn màn quần áo sạch đẹp cho mình. Chàng ngạc nhiên quá bèn đi hỏi khắp làng xem ai đã giúp mình cơm nước lại còn gửi bao nhiêu đồ quý giá cho nữa. Nhưng tất cả dân làng đều kinh ngạc vì làm sao người thường dệt được vải đẹp như thế. Phân vân trong lòng, chàng quyết rình xem. Sáng ngày thứ ba, như thường lệ chàng thợ săn vác dao vào rừng. Đi được nửa đường, chàng quay về đứng nấp sau nhà xem thử. Vừa lúc ấy chàng nghe thấy tiếng động ở lồng chim. Trong phút chốc không thấy chim sơn ca đâu cả mà là một cô gái xinh đẹp, da trắng, tóc dài, bước đi mềm mại, uyển chuyển. Nàng bắt đầu công việc hàng ngày, nấu nướng, đan dệt quần áo. Bàn tay nàng thoăn thoắt, mắt nàng rạng rỡ. Chàng thợ săn nhìn nàng một cách say sưa, bỗng có một con kiến vàng cắn vào bắp vớ của chàng khiến chàng thợ săn giật mình làm rơi con dao xuống đất. Thấy động, nàng định biến thành chim sơn ca chui vào lồng nhưng không kịp nữa. Chàng thợ săn trẻ chạy lại nắm tay nàng và hỏi:

- Nàng là ai? Sao lại đến đây giúp ta?

- Thiếp là con gái Ngọc Hoàng hôm nọ đi chơi chẳng may bị thương đã được chàng cứu giúp. Thiếp nguyện làm người vợ hiền dịu của chàng, nếu chàng ưng thiếp thì hãy đốt bỏ xác chim kia đi. Chàng trai trẻ nghe lời cầm xác chim sơn ca ném vào bếp lửa. Hôm ấy chàng thợ săn trẻ cùng nàng tiên xinh đẹp từ trời cao xuống tâm sự suốt đêm. Hôm sau, họ thành vợ thành chồng. Chẳng bao lâu nàng sinh được một đứa con bụ bẫm. Họ sống với nhau thật đầm ấm, tràn đầy hạnh phúc.

Một hôm, người vợ gùi nước, không may gặp phải một đàn trâu uống nước đầu nguồn suối, nàng phải chờ cho nước trong mới múc được. Vắng mẹ đứa con khóc ra rả, khóc đến nỗi người chồng không làm sao dỗ được, người chồng bực mình lắm nên khi vợ vừa về đến nhà, chưa kịp hỏi han gì người chồng đã đánh vợ ngay. Người vợ không nói gì chỉ ôm con ngồi khóc. Nàng ôm con ngồi khóc ba ngày ba đêm.

Một buổi sáng thức dậy người vợ buồn bã nói:

- Bây giờ chàng không còn yêu thiếp, chàng không muốn ở với thiếp nữa, thiếp phải về với cha mẹ. Thiếp không thể mang theo con được, thiếp để con lại cho chàng. Nước mắt ròng ròng, nàng trao con cho chồng. Người chồng chưa kịp đỡ con thì nàng oà khóc, tiếng khóc nức nở bay vút lên, nàng biến thành con chim sơn ca bé nhỏ bay về trời cao. Người thợ săn trẻ cứ bế con đứng nhìn theo mãi đến khi chỉ còn thấy ánh sáng lấp lánh ở chiếc vòng nơi cổ chân chim. Chàng gục đầu xuống hối hận vì việc làm nóng nảy của mình và ôm con ngồi khóc.

Đêm ấy chàng thợ săn trẻ nằm trằn trọc mãi không sao ngủ được. Cảnh nhà vắng vẻ, con nhớ mẹ khóc nỉ non. Chàng quyết định ôm con đi tìm vợ. Trên đường đi chàng gặp một chú chuồn chuồn đỏ thắm đang đậu trên cành cây ở giữa lối đi. Thấy chàng, chuồn chuồn hỏi:

- Kìa anh thợ săn, anh có khoẻ không? Sao trông anh buồn quá vậy? Chàng thợ săn buồn bã trả lời:

- Tôi khổ lắm chuồn chuồn ơi, vợ tôi đã bỏ đi rồi. Chuồn chuồn bảo:

- Nếu cần gì thì anh bảo tôi, giúp được tôi sẽ giúp anh! Người thợ săn thổn thức:

- Tôi mất vợ, con tôi mất mẹ, tôi muốn chuồn chuồn đưa tôi lên trời để tôi đón vợ về. Chuồn chuồn giúp tôi nhé!

Chuồn chuồn nhận lời đưa chàng đi. Chàng ngồi lên lưng chuồn chuồn, đang bay thì bỗng gặp một cơn mưa ập đến, chuồn chuồn ướt cánh không bay được nữa, thế là chàng đành phải quay về. Trên đường về nhà, chàng vừa đi vừa khóc, gặp chim gáy, chim hỏi:

- Chào anh thợ săn! Lâu lắm mới gặp anh, mà sao anh lại vừa đi vừa khóc, có chuyện gì mà đau lòng thế?

- Chim gáy ơi! Vợ tôi đã bỏ tôi mà đi rồi, tôi sống làm sao được nếu không có nàng ở bên cạnh?

- Thế vợ anh đi đâu?

- Cô ấy giận tôi nên về ở với cha mẹ ở trên trời kia. Vừa nói, người thợ săn vừa chỉ lên trời xanh nơi có những áng mây trắng, mây hồng đang bay lãng đãng. Chim gáy thủng thỉnh nói:

- Tôi cũng muốn giúp anh lắm, nhưng bụng đang đói meo đây, làm gì được bây giờ?

- Tôi cho chim ăn rồi chim giúp tôi nhé. Ăn xong chim gáy để chàng thợ săn ngồi lên lưng, tay ôm cổ chim, nhưng sức yếu, chàng thợ săn lại nặng quá nên chim không đủ sức đưa chàng đi. Một lần nữa chàng lại phải quay về.

Lần thứ ba, người thợ săn gặp đại bàng. Đại bàng nhận lời đưa anh đi. Nhưng để có đủ sức khoẻ chàng phải cho đại bàng ăn ba cân thịt bò và một chục chú gà con. Anh thợ săn đi tìm đủ cho đại bàng ăn để đại bàng lấy sức đưa chàng đi. Trước khi đi, đại bàng dặn anh phải làm thịt một con lợn dài bảy gang để khi bước chân đến cổng nhà nàng, chàng phải ném thịt cho lũ chó ngao ăn thì mới vào nhà được. Chim bay qua ba sông, bảy núi, bốn đèo rồi lại qua bao nhiêu núi non trùng điệp. Đến ngày thứ hai mươi thì đến được cổng trời. Đại bàng bảo:

- Đấy, vợ anh đang ngồi dệt vải bên cửa sổ trong toà nhà to nhất kia kìa!

Cám ơn đại bàng, chàng thợ săn cắm cúi bước đi, bỗng một

đàn chó ngao ở đâu nhảy bổ ra nhe những cái răng trắng nhởn, nhọn hoắt chực lao vào xé xác chàng. May quá có thịt con lợn bảy gang, anh thợ săn ném cho lũ chó, bọn chúng tranh nhau vồ thịt mà không để ý đến chàng nữa. Nhân cơ hội ấy chàng ba chân bốn cẳng chạy thẳng đến nhà nàng.

Anh chàng thợ săn phân vân mãi không biết mình có nên gặp vợ hay không? Liệu gặp mình vợ có thèm nhìn mặt nữa không? Cũng may lúc đi chàng đem theo chiếc lược của nàng thường chải tóc ngày xưa, chiếc trâm cài đầu và cái khăn tay thêu tên nàng. Người thợ săn đứng bên ngoài cửa sổ lén đặt cái lược vào khung cửi. Người vợ trông thấy, cầm lên ngắm nghía hồi lâu rồi nói một mình: "Đây đúng là cái lược của tôi ngày trước đã dùng, nhưng tôi đã để lại cho chồng tôi rồi cơ mà". Người thợ săn lại lén để chiếc trâm cài tóc vào khung cửi, người vợ reo lên: "Sao chiếc trâm cài tóc của tôi lại ở đây? Tôi tặng chiếc trâm này cho chồng tôi ngày mới cưới cơ mà". Đến khi người thợ săn để chiếc khăn tay có thêu tên nàng lên khung cửi, thì nàng nước mắt lưng tròng nói: Nếu chàng thật tình thương thiếp thì hãy đón thiếp về. Thiếp nhớ chàng và thương con lắm!

Nghe vợ nói thế, chàng thợ săn đặt con xuống đất, thằng bé nhìn thấy mẹ, nó lẫm chẫm đi vào, miệng líu lo: Mẹ, mẹ.

Người mẹ ôm chầm lấy con hôn hít vuốt ve sung sướng. Tuy vậy, lúc người thợ săn bước tới nàng vẫn còn hờn giận cố giữ kín sự sung sướng của mình và nói:

- Chàng đã biết hối hận việc cũ rồi thì hãy nghe lời thiếp. Nếu muốn chung sống cùng thiếp thì phải làm bảy gian nhà gỗ, cột nhà phải to như cột đình và phải cao chạm đến đám mây kia. Bao giờ làm xong thiếp sẽ về ở cùng chàng.

Lần này người thợ săn chiều theo ý vợ. Chàng chặt cây đẽo cột nhưng cây to nặng quá chàng không sao đưa được chúng ra khỏi rừng. Thất vọng người thợ săn ôm mặt buồn rầu. Lúc ấy có một đàn voi đi ngang qua thấy chàng buồn rầu, chúa voi hỏi duyên cớ làm sao? Chàng thợ săn kể lại chuyện phải làm nhà để đón vợ về ở mà bây giờ không sao đem được gỗ ra khỏi rừng. Nghe xong chúa voi nói:

- Tưởng chuyện gì chứ chuyện kéo gỗ chúng tôi có thể giúp anh, chỉ một loáng là xong. Thế rồi chúa voi huy động cả đàn voi của mình kéo chỉ một loáng đã xong xuôi cả.

Bây giờ đến lúc dựng nhà. Thật là khó khăn vì gỗ dài quá, một mình chàng không sao đóng được cọc. Một ngày, hai ngày, ba ngày trôi qua mà không sao dựng được. Chàng buồn quá ngồi khóc, một đàn khỉ đi qua trông thấy, nghe chuyện của chàng chúng giúp chàng dựng cột buộc sườn. Buộc đến đâu thì có loài sóc vàng lợp nhà cho đến đó.

Ngắm từ xa, người vợ thương chồng lắm, nàng vội vã bế con về. Từ đó họ ăn ở hòa thuận, thương yêu nhau và sống hạnh phúc trong căn nhà mới đó.

Chim sẻ thần

Ngày xưa, có hai vợ chồng ông lão không con. Ông lão là người rất tốt, có nuôi một con chim sẻ để bầu bạn, chăm sóc rất chu đáo. Nhưng bà lão lại là người xấu bụng. Một hôm bà lão lấy bột ra để chuẩn bị quấy hồ, hồ vải khắp quần áo, thì con chim sẻ nhảy đến mổ chỗ bột mà ăn. Bà lão nổi giận, xông tới đánh đập con chim và đuổi nó ra khỏi nhà.

Ông lão làm việc ngoài đồng về, không thấy người bạn nhỏ của mình đâu, mới hỏi vợ xem là chuyện gì đã xảy ra. Bà lão trả lời là đã đánh đuổi con chim sẻ để trừng trị nó về tội ăn vụng bột. Nghe xong câu chuyện bất nhẫn, ông lão vô cùng buồn khổ, ông lẩm bẩm một mình:

- Ôi! Con chim sẻ xinh xắn của ta làm sao nó tìm được chỗ ở? Tội nghiệp nó quá! Tội nghiệp con chim sẻ bé bỏng! Chim ơi, bây giờ mày đang ở đâu?

Rồi ông lão bỏ nhà, đi lang thang khắp đồng ruộng núi rừng, vừa đi vừa gọi lớn:

- Chim sẻ ơi! Chim sẻ ơi! Mày ở đâu?

Cho đến một hôm, ông lão tìm gặp lại được con chim sẻ ở chân một ngọn núi. Đôi bên mừng mừng tủi tủi, rồi chim sẻ đưa ông lão về nhà nó. Sau khi gọi vợ và các con ra để giới thiệu với ông lão, chim sẻ đãi ông một bữa ăn thịnh soạn và đối xử với ông lão bằng những tình cảm đặc biệt. Trong bữa cơm, chim sẻ bảo:

- Xin mời ông lão dùng bữa cơm thường với chúng tôi. Dù cho món ăn xoàng xĩnh, chẳng phải sơn hào hải vị gì, nhưng tôi mời ông lão với tất cả tấm lòng.

Ông lão cảm động đáp:

- Ồ, khách sáo trịnh trọng quá, chim sẻ ạ.

Sau đó ông lão ở lại chơi với gia đình chim sẻ vài ngày, được coi là thượng khách, được mời mọc tiếp đãi ân cần. Nhưng rồi đến lúc ông lão phải cáo biệt. Chim sẻ tặng ông hai thúng quà để đem về nhà. Ông lão cảm ơn rồi nói rằng vì tuổi già sức yếu, không thể đem hết được, ông chỉ xin nhận một thúng thôi. Thấy hai cái thúng có một cái nặng cái nhẹ, lão chọn cái nhẹ. Chủ khách chia tay, ông lão vác thúng quà lên vai, chậm chạp bước đi. Gia đình chim sẻ buồn rầu nuối tiếc nhìn theo.

Vừa trông thấy chồng về đến cửa, bà lão lắm miệng đã làm ầm ĩ:

- Ông ở đâu chui ra vậy? Già rồi mà còn bỏ nhà đi như vậy, ông không thấy xấu hổ sao?

Ông lão bước vào nhà, đặt cái thúng xuống:

- Tôi có đi đâu đâu! Tôi đến thăm con chim sẻ, bây giờ nó có vợ con rồi. Quà nó cho đem về đây này.

Nói xong, ông lão mở nắp thúng ra xem. Ôi, thật lạ lùng! Đầy một thúng toàn vàng ngọc và các đồ quý giá. Bà lão đã xấu bụng lại còn tham lam, khi thấy cả một kho vàng hiện ra trước mắt, bèn ngừng ngay những lời cằn nhằn và không nén được vui sướng. Bà lão bảo chồng:

- Ông à, vậy thì tôi cũng phải đến thăm con chim sẻ để nó tặng quà cho tôi mới được.

Rồi bà lão bắt chồng chỉ đường rành rẽ, và tất tả ra đi liền. Chẳng bao lâu, bà lão cũng tìm được nhà chim sẻ. Vừa gặp nó, bà lão đã mồm năm miệng mười:

- Chà! Phúc đức quá! Phúc đức quá! Chào chim sẻ thân mến. Sao, hồi này khoẻ không? Lâu quá rồi, lão rất muốn tìm thăm cháu mà chẳng có dịp nào...

Rồi chẳng đợi chim sẻ trả lời, bà lão hết lời vuốt ve nịnh bợ, tâng bốc chim sẻ. Không còn cách nào khác, chim sẻ đành mời bà lão vào nhà chơi, miễn cưỡng tiếp chuyện, nhưng chẳng khoản đãi ăn uống gì cả. Ngồi nói chuyện huyên thuyên một hồi lâu, bà lão tỏ ý cáo từ. Thấy chim sẻ chẳng đả động gì đến việc tặng quà, bà lão đành trơ trẽn hỏi xin chim sẻ một vài món quà để làm kỷ niệm lần thăm viếng này. Chim sẻ lại đem hai cái thúng ra. Bà lão tham lam lại muốn lấy cả hai, nhưng nặng quá mang không nổi, bà ta bèn chọn cái thúng nặng.

Về đến giữa đường, bà lão mệt quá, dừng lại nghỉ chân, đồng thời cũng nôn nóng muốn biết trong thúng có những món quà gì. Bà lão vừa mở nắp thúng thì lập tức đủ loại ma quỷ yêu tinh hiện ra làm bà ta muốn xỉu. Lập tức đám ma quỷ yêu tinh hoá thành trận cuồng phong, cuốn bà lão đi mất tích.

Còn về ông lão, ông dùng của cải để giúp đỡ người nghèo khổ, và nuôi một đứa con nuôi. Đến lúc ông qua đời thì tài sản của ông tăng lên gấp đôi.

Chiếc áo tàng hình

Ngày xưa ở vùng Cao Bằng có một chàng trẻ tuổi, nay đây mai đó làm nghề chài lưới, tên là Triều. Gia sản của anh không có gì ngoài bộ đồ nghề. Nhưng tính anh vốn hay thương người. Mỗi lần đánh được nhiều cá, anh thường đổi lấy gạo đem chu cấp cho những người túng thiếu mà anh gặp. Vì vậy người nghèo khổ trong vùng, ai cũng mến anh.

Ở Cao Bằng một thời gian, Triều lại dời sang đánh cá ở vùng Thái Nguyên. Ở đây, anh lại cứu giúp mọi người không tiếc sức. Một hôm, anh không được mẻ cá nào. Nhưng lúc về dọc đường, anh bỗng thấy một ông cụ đang nằm run rẩy dưới gốc cây. Động lòng thương, anh cởi ngay chiếc áo đang mặc đắp vào người ông cụ.

Bẵng đi một dạo, một hôm anh đang buông chài giữa sông, bỗng nghe trên núi cao có tiếng đàn văng vẳng. Anh dừng lại nghe một cách say sưa. Qua ngày hôm sau, anh lại được nghe tiếng đàn trên núi như hôm qua. Hôm sau nữa, cũng từ trên ngọn núi cũ, tiếng đàn quen thuộc lại bay đến tai anh. Lấy làm lạ, anh vội thu xếp đồ nghề của mình, rồi tìm đường trèo lên núi, quyết tìm cho ra người gảy đàn. Lần theo tiếng đàn, anh vạch cỏ rẽ lau tiến bước. Cuối cùng, đến một bãi rộng, anh thấy một cụ già đang ngồi trên phiến đá. Ông cụ mải mê gảy đàn không biết có người tới gần. Triều nhận ra khuôn mặt cụ già này rất giống với ông cụ nằm ở gốc cây hôm nọ. Chờ cho bản đàn dứt hẳn, anh đến trước mặt hỏi:

- Thưa cụ, cụ là ai mà ngồi đánh đàn ở đây?

Ông cụ ngước mắt nhìn anh một cách âu yếm, rồi chỉ vào một phiến đá trước mặt, bảo:

- Ta ngồi đợi con đây! Con trèo núi có mệt lắm không? Con hãy ngồi xuống đây nghỉ một tí.

Triều đỡ chén nước ở tay ông cụ, đã nghe ông cụ hỏi:

- Con có nhớ ta không?

Cụ có phải là người nằm ở gốc cây đa đầu làng hôm nọ không?

- Đúng. Hôm nọ, con đành chịu mình trần để nhường áo cho ta. Tấm lòng này thật là ít có. Nay ta muốn đền cho con một chiếc áo khác. Nói xong, cụ cởi chiếc áo đang mặc quàng vào mình Triều rồi biến mất.

Từ ngày được áo của Tiên cho, Triều mới biết đấy không phải là chiếc áo bình thường mà là một bảo vật, có phép làm

cho người ta tàng hình. Mỗi lần mặc áo, không một ai nhận ra có anh ở trước mặt. Triều mừng quá, từ đấy anh đi chu du khắp nơi. Anh thường mặc áo rồi tìm đến nhà bọn giàu có, đường hoàng đi vào tận buồng chúng, lấy gạo tiền cho những người nghèo. Anh kín đáo trị tội những kẻ bất lương, bạc ác. Có những người vì quá cơ cực đang nằm lả bên vệ đường mà thở than thì bỗng thấy có những quan tiền trước mặt. Có những tên quan đang nọc người ra đánh giữa công đường thì chính hắn bỗng bị quất vào lưng đau quằn lên, nhưng ngoảnh lại thì vẫn không hề tìm thấy ai. Nhiều sự việc giống nhau xảy ra, làm cho lời đồn đại lan khắp cả một vùng. Người lo, kẻ mừng, nhưng ai cũng tin rằng Trời Phật đã có con mắt.

Cứ như thế Triều đi khắp nơi và giúp đỡ người cùng khổ. Một hôm, anh tìm đến đất kinh kỳ. Mặc áo vào, anh tha hồ đi đó đây cho thoả mắt. Hết vào nhà bọn quyền quý, anh lại vào cung cấm là nơi từ xưa không một người nào như anh dám bước chân đến. Thấy người nghèo khó nhan nhản khắp phố phường, anh lẻn vào kho tàng nhà Vua lấy của ra phân phát cho họ. Vì thế kho công luôn luôn bị hao hụt, nhưng không một ai tìm ra thủ phạm cả. Trong khi đó thì khắp kinh đô đồn ầm lên rằng có một vị Tiên thường cứu giúp những người đói khổ và trừng trị những tên gian tà. Ở đâu Tiên cũng có mặt, nhưng lại không "xuất đầu lộ diện" bao giờ.

Về phía Triều, anh vẫn ngày ngày làm công việc cứu giúp dân nghèo, coi đây là phận sự của mình, mà không hề băn khoăn đến chuyện báo đáp. Anh đã làm cho bọn giàu sang xiết bao sợ hãi, lo lắng khi thấy tiền của chúng tự nhiên không cánh mà bay, mặc dầu trong nhà ngoài ngõ đều có người canh gác cẩn mật.

Nhưng một hôm, sau khi trừng trị một tên quyền quý ỷ thế đánh người, anh vội lẻn ra khỏi nhà hắn ngay vì thấy kẻ hầu người hạ của hắn nghe tiếng động đổ xô tới rất đông. Giữa lúc vội vàng, anh vướng vào một chiếc gai tre ở bờ giậu làm cho chiếc áo toạc mất một miếng. Sợ rằng để vậy có thể bị lộ nên

anh đã dùng một mụn giẻ vá lại. Sau đó, hàng ngày anh lại vào kho nhà vua tiếp tục phận sự của mình.

Từ ngày thấy kho luôn bị hao hụt, nhà vua hết sức lo lắng. Vua hạ lệnh cho bọn quan coi kho phải tìm bắt cho kỳ được tên trộm bí mật, nếu không sẽ trị tội không tha. Bọn này nhiều phen cố sức rình mò nhưng chỉ hoài công vô ích. Tiền bạc trong kho cứ vơi dần mà chúng vẫn không tìm ra dấu vết gì đáng kể. Sau cùng, chúng cài thử một kiểu bẫy lưới rất nhạy để chụp vào những nơi mà chúng nghi ngờ.

Hôm ấy, bọn quan coi kho bỗng thấy có một con bướm bướm trắng ngoài cổng bay vào kho. Bướm bay đi dạo lại những đĩnh bạc trắng xoá, rồi bướm lại thủng thỉnh bay ra. Lập tức chúng chụp ngay lưới xuống chỗ có bướm. Và thế là Triều bị bắt. Chỉ vì miếng vải vá vào chiếc áo tàng hình khiến anh bị lộ. Bắt được Triều, bọn quan coi kho mừng lắm, liền giải anh lên vua. Vua sai bỏ ngục để chờ xét xử.

Hồi ấy, có ông vua một nước láng giềng từ lâu vẫn nuôi ngầm mưu mô đánh chiếm nước ta. Giữa lúc Triều bị hạ ngục, thì hàng vạn binh mã của nước láng giềng cũng đang ùn ùn kéo sang. Nhà Vua đã cho quân đội ra chống giữ, nhưng đánh trận nào thua trận ấy, không sao ngăn cản được kẻ địch tiến như vũ bão. Tình hình bỗng trở nên nguy ngập. Tin cấp báo từ biên giới một ngày đưa về không biết bao nhiêu chuyến ngựa trạm, làm cho kinh đô nháo nhác. Nghe được tin này, Triều liền bảo quan coi ngục tâu với vua cho mình được đi dẹp giặc cứu nước. Nhà Vua mừng quá, vội sai tháo xiềng cho anh, và gọi anh đến hỏi:

- Nhà ngươi cần bao nhiêu binh mã?

Anh đáp:

- Tâu bệ hạ, chỉ cần một mình tôi cũng có thể đuổi được giặc dữ. Chỉ xin bệ hạ cho tôi một thanh gươm.

Vua liền cởi gươm của mình trao cho Triều và phong anh là Hộ quốc tướng quân, vua còn ra lệnh cho quân đội phải tuân theo lệnh anh.

Trước ngày lên đường, những người nghèo khổ nghe tin anh được tha và phong tướng đi đánh giặc, đều tìm đến cảm ơn và tình nguyện đi theo. Triều cho sắp xếp thành đội ngũ và cùng kéo nhau lên đường.

Lúc đến vùng quân giặc đang chiếm đóng. Triều mặc ngay chiếc áo tàng hình vào người đi thẳng vào trại giặc. Chỉ một lát sau, anh chém chết tên chỉ huy toán quân tiên phong. Bọn giặc mất tướng như rắn không đầu, bỏ chạy tán loạn. Những người đi theo Triều chỉ việc chia nhau đón khắp các nẻo tóm cổ đưa về. Đến những trại khác của giặc, Triều cũng làm như vậy. Không bao lâu cả đội tiên phong tinh nhuệ của giặc bị tiêu diệt và bị bắt sống, không sót một tên. Các đội quân khác còn lại kinh hoàng, cho là bên phía Đại Việt có vị thần thiêng trợ chiến nên bao nhiêu tướng tài của mình đều bị chém đầu. Thấy quân sĩ ngã lòng, tên vua láng giềng đành hạ lệnh rút lui. Từ đấy biên giới lại vô sự. Khắp nơi ai nấy ca ngợi công lao của Triều.

Lúc Triều kéo quân khải hoàn, vua khen ngợi anh hết lời. Vua phong cho anh làm quan đại thần, cắt đất đai huyện cho anh ăn lộc, lại gả con gái cho anh. Từ đấy người ta quen gọi anh là Quan Triều. Ngày nay ở Cao Bằng có đền thờ Quan Triều.

Chiếc hũ thần diệu

Ngày xưa có hai anh em nhà kia, người anh nhờ buôn bán nên giàu có, em làm nghề đốn củi nên chỉ đắp đủ qua ngày. Tết đến, người em túng thiếu không tiền làm cỗ cúng ông bà, mới sang nhà anh nài nỉ, người anh chỉ cho một giò lợn luộc rồi đuổi về.

Người em mang chiếc giò lợn luộc đi ngang một cánh rừng, bỗng nghe tiếng rên rỉ thảm thương, liền tìm đến nơi thì thấy một lão tiều phu bị cây đổ đè qua chân nằm kêu la than khóc. Động lòng, người em khuân lấy gốc cây bỏ đi nơi khác vào đỡ lão tiều phu dậy, và biếu chiếc giò lợn luộc cho ông đỡ lòng. Cảm lòng tốt của người em, lão tiều phu từ chối và bảo:

- Ta muốn đáp lại lòng tốt của ngươi, vậy ngươi hãy đem chiếc giò lợn này đến cái động đá đằng kia để gặp các sơn thần, nếu họ đòi đổi giò heo lấy ngọc vàng thì ngươi đừng chịu, phải xin đổi cho được cái hũ sành. Đó là cái hũ thần ước gì được nấy, nhưng đừng nên tham lam, chỉ ước đủ dùng thôi và cần nhất phải giúp đỡ những người nghèo khó, khi nào vừa đủ thì phải hô to: "Đủ rồi" thì tự nhiên miệng hũ đóng lại.

Nghe lời dặn dò của lão tiều phu, người em tìm tới động đá, quả nhiên thấy rõ các vị sơn thần nhảy múa vui đùa. Lúc bấy giờ các vị sơn thần đánh hơi được mùi lợn luộc nhìn lại thấy người em thập thò ngoài động đá liền gọi vào bảo đổi giò heo lấy vàng ngọc, người em nhất định không chịu, chỉ nhận đổi cái hũ sành. Rốt cuộc các sơn thần phải đem hũ sành đổi lấy giò lợn.

Bấy giờ người em sung sướng đem cái hũ sành về nhà khoe với vợ. Rồi vợ chồng ước gì được nấy, chẳng mấy chốc vợ chồng người em trở nên giàu sang sung sướng, họ ước thêm vàng bạc rồi đem chia cho những người nghèo khó trong làng. Tiếng đồn người em có cái hũ thần loan ra khắp nơi, người anh liền tìm đến tận nhà để xem hư thật, quả đúng như lời thiên hạ đồn. Người anh động lòng tham bảo em đổi cái hũ sành lấy cả sản nghiệp của mình. Biết rằng người anh tham lam cay cú, nếu được cái hũ thần sẽ ham sự giàu sang quên điều nhân nghĩa, nên người em từ chối không chịu đổi chác với anh.

Tuy nhiên, người anh vẫn không bỏ qua giấc mộng làm chủ cái hũ sành, mới mưu mẹo, nhờ đứa ở của người em đánh cắp cái hũ thần rồi vợ chồng người anh trốn lên thuyền đi ra miền biển.

Giữa lúc đó người anh nghe các nơi thiếu muối nếu có nhiều muối đem bán chắc được nhiều tiền, nên đem hũ thần ra ước, muối từ trong hũ tràn ra như nước chảy, chẳng mấy chốc mà đầy cả thuyền. Ngặt vì người anh chỉ biết có lời ước được muối, còn lời ước cho nắp hũ đóng lại thì không biết, nên muối chảy mãi ra như nước tràn đê vỡ làm ngập cả thuyền rồi chìm luôn. Cả hai vợ chồng người anh đều chết đắm giữa biển khơi.

Vì không có ai biết ước nắp hũ thần đóng lại, thành ra muối tuôn chảy khắp đại dương hòa tan trong nước, làm nước biển mặn như ngày nay.

Chử Đồng Tử

Thời xưa, ở làng Chử Xá, có hai cha con Chử Cù Vân và Chử Đồng Tử, nhà nghèo đến nỗi phải chung nhau một cái khố, hễ ai đi đâu thì đóng. Cù Vân bị ốm nặng, khi sắp chết, dặn lại con rằng:

- Bố chết, con cứ táng trần cho bố, còn cái khố con giữ lấy mà dùng.

Cù Vân chết, Chử Đồng Tử không nỡ để cha trần truồng, lấy khố đóng cho cha, rồi mới chôn. Ở một túp lều nhỏ ven sông, ngày ngày Chử Đồng Tử xuống đánh cá, rồi đổi lấy gạo ở các thuyền qua lại.

Thời bấy giờ vua Hùng Vương thứ mười tám có một nàng công chúa tên là Tiên Dung, nhan sắc tuyệt trần, tuổi đã mười bảy mười tám mà không chịu lấy chồng, chỉ thích chèo thuyền đi xem sông núi. Vua chiều con, cấp cho con thuyền và đủ mọi người hầu hạ, mặc cho con muốn đi chơi đâu thì đi. Một hôm, Tiên Dung đi chơi thuyền trên sông, thuyền của Tiên Dung đi giữa, còn trước sau là thuyền của binh lính và thị nữ. Khi đến khúc sông thuộc làng Chử Xá, đám thuyền làm rợp cả mặt nước. Chử Đồng Tử trông thấy, vội vứt vó vào bụi, chạy lên bãi, bới cát vùi mình xuống, rồi lấy cát phủ lên. Thấy bãi sông rộng rãi, lại có lác đác từng bụi cây lớn tỏa bóng mát êm dịu, Tiên Dung lấy làm thích, ra lệnh cho thuyền ghé vào bãi, rồi chọn một chỗ có bóng mát, sai thị nữ giăng màn tứ vi để tắm. Tiên Dung vào màn, cởi áo xiêm, dội thỏa thích. Không ngờ chỗ Tiên Dung giăng màn tắm lại chính là chỗ Chử Đồng Tử náu mình. Tiên Dung dội nước một lúc thì bỗng nhiên Chử Đồng Tử trồi lên. Tiên Dung trông thấy giật mình, hỏi duyên cớ thì Đồng Tử

nói vì không có quần áo thấy thuyền quân quan thì sợ, nên phải vùi mình xuống cát để ẩn. Tiên Dung bảo Đồng Tử rằng:

- "Tôi đã nguyện không lấy chồng, nay duyên trời run rủi, lại gặp chàng ở chốn này, mới biết cưỡng không được với trời".

Nàng bảo Đồng Tử tắm sạch sẽ, lấy quần áo cho mặc, đưa xuống thuyền và sai thị nữ sửa soạn tiệc hoa. Thấy thế, Chử Đồng Tử ngỏ ý chối từ, Tiên Dung bảo chàng rằng:

- Thiếp với chàng là tự trời xe duyên, việc gì mà từ chối!

Đồng Tử đành phải nghe theo. Từ hôm ấy, hai người thành vợ chồng.

Vua được tin nổi giận, gọi hết binh lính và người hầu của Tiên Dung về.

Tiên Dung sợ cha, đành cùng chồng ở lại với nhân dân, tìm kế sinh nhai. Nàng làm ăn ngày một thịnh vượng, dần dần lập thành một xóm. Sau có người khuyên nàng cho người ra biển tìm những vật lạ đem về đổi lấy các thứ khác. Nàng nghe theo, để chồng đi.

Đồng Tử đi qua một nơi phong cảnh tuyệt đẹp, trông lên núi thấy có cái am nhỏ. Đồng Tử trèo lên núi gặp một nhà sư xưng tên là Phật Quang. Thấy Đồng Tử là người chân thật, Phật Quang muốn truyền phép cho Đồng Tử. Đồng Tử không nghĩ đến việc ra biển nữa, liền ở luôn đó. Đồng Tử học được hơn một năm thì Phật Quang cho chàng một cái gậy và một cái nón, cho phép chàng xuống núi và dặn rằng:

- Phép biến hóa ở cả cái gậy và cái nón này.

Đồng Tử về nhà, đem phép mầu truyền lại cho Tiên Dung, rồi hai vợ chồng rời bỏ xóm làng, đi tìm nơi thanh vắng để ở. Một hôm đang đi đường, trời tối mà chưa đến chỗ dân cư, hai vợ chồng chống cái gậy xuống đất và lấy cái nón úp lên đầu gậy để che sương, rồi hai người ngồi tựa vào nhau dưới nón mà ngủ. Đến quá nửa đêm, hai vợ chồng tỉnh dậy thì thấy mình ở trong một cung điện lộng lẫy có đủ các thứ giường sập, màn trướng, lại có cả tiểu đồng, thị nữ và binh lính đi lại rộn rịp ngoài hành lang. Sáng hôm sau, hai vợ chồng ra ngoài xem thì thấy có

thành cao bao bọc cung điện và có tướng sĩ canh gác rất đông, chẳng khác nào một tòa thành lớn. Tin lạ ấy đến tai vua. Vua cho là Đồng Tử và Tiên Dung làm loạn, liền sai quan quân đến đánh. Quân nhà vua đến gần nơi Tiên Dung và Đồng Tử ở thì trời vừa tối, không sang sông được. Đến nửa đêm, trời nổi cơn dông, cát bay, cây đổ, rồi toàn khu Đồng Tử và Tiên Dung ở bay cả lên trời, chỉ còn lại bãi đất không ở giữa đầm. Bãi ấy về sau gọi là bãi Tự nhiên, còn đầm ấy gọi là đầm Nhất Dạ. Thấy có sự lạ lùng như vậy, nhân dân lập miếu thờ ngay trên bãi. Đời sau, Triệu Việt Vương đóng quân trong đầm để chống lại quân xâm lược nhà Lương. Lúc bị quân giặc vây nguy cấp, Triệu Việt Vương thiết đàn, cầu thần giúp mình tiêu diệt quân địch để cứu nạn nước, bỗng thấy một vị thần cưỡi rồng xuống đưa cho Triệu Việt Vương một cái vuốt rồng và dặn:

- Ngươi cắm cái vuốt này lên chỏm mũ đầu mâu thì đi đến đâu, giặc sẽ tan đến đấy.

Nói xong, thần cưỡi rồng bay vụt lên trời. Theo lời thần dạy, Triệu Việt Vương cắm vuốt rồng lên chỏm mũ, thấy sức khỏe tăng lên bội phần, trí óc cũng sáng suốt, thanh thế ngày một lớn, mới đem quân phá vòng vây, chém được tướng giặc là Dương Sàn.

Quân xâm lược nhà Lương bị tan vỡ, phải rút khỏi đất Việt.

Chú bé thông minh

Ngày xưa có một ông vua sai một viên quan đi dò la khắp nước tìm người tài giỏi. Viên quan ấy đã đi nhiều nơi, đến đâu hắn cũng ra những câu đố oái oăm hỏi mọi người, nhưng tuy mất nhiều công mà vẫn chưa thấy có người nào thật lỗi lạc.

Một hôm, viên quan đi qua một cánh đồng làng kia, chợt thấy bên vệ đường có hai cha con nhà nọ đang làm ruộng; cha đánh trâu cày, con đập lúa. Hắn bèn dừng ngựa lại hỏi:

- Này lão kia! Trâu của lão cày một ngày được mấy đường?

Người cha đứng ngẩn ra chưa biết trả lời thế nào, thì đứa con chừng bảy, tám tuổi nhanh miệng hỏi vặn lại quan rằng:

- Thế con hỏi ông câu này đã. Nếu ông trả lời được ngựa của ông đi một ngày được mấy bước, con sẽ cho ông biết trâu của con cày được mấy đường.

Viên quan nghe nó hỏi lại như thế thì há hốc mồm sửng sốt, không biết đáp ra sao. Viên quan thầm nghĩ bụng nhất định nhân tài ở đây rồi, chả phải tìm đâu cho mất công. Viên quan bèn hỏi tên họ, làng xã, quê quán của hai cha con rồi phi ngựa một mạch về tâu vua.

Nghe nói, vua lấy làm mừng lắm. Nhưng để biết đích xác hơn nữa vua bèn sai ban cho làng ấy ba thúng gạo nếp với ba con trâu đực ra lệnh phải làm sao cho ba con trâu ấy đẻ thành chín con, hết năm sau phải đem nộp đủ, nếu không thì cả làng phải tội.

Khi dân làng nhận được lệnh vua thì ai nấy đều chưng hửng và lo lắng không hiểu thế là thế nào. Bao nhiêu cuộc họp làng, bao nhiêu lời bàn tán, vẫn không nghĩ ra được cách gì giải quyết cả. Từ trên xuống dưới, mọi người đều coi là tai vạ. Việc đến tai em bé con người thợ cày. Em liền bảo cha:

- Chả mấy khi được lộc vua ban, bố cứ thưa với làng ngả thịt hai con trâu và đồ hai thúng gạo nếp để mọi người ăn một trận cho sướng miệng. Còn một trâu và một thúng gạo, ta sẽ xin làng làm phí tổn cho bố con ta lên kinh lo liệu việc đó.

- Đã ăn thịt còn lo liệu thế nào? Mày đừng có dại mà bay đầu đi đó, con ạ!

Nhưng đứa con quả quyết:

- Cha cứ mặc con lo liệu, thế nào cũng xong xuôi mọi việc.

Người cha vội ra đình trình bày câu chuyện. Cả làng nghe nói vẫn ngờ vực, bắt cha con phải làm giấy cam đoan, mới dám ngả trâu đánh chén.

Sau đó mấy hôm, hai cha con khăn gói tìm đường tiến kinh. Đến hoàng cung, con bảo cha đứng đợi ở ngoài, còn mình thì nhè lúc mấy tên lính canh vô ý, lẻn vào sân rồng khóc um lên. Vua sai lính bắt vào phán hỏi:

- Thằng bé kia, mày có việc gì? Sao lại đến đây mà khóc?

Em bé vờ vĩnh đáp:

- Tâu đức vua. Mẹ con chết sớm mà cha con thì không chịu đẻ em bé để chơi với con cho có bạn nên con khóc. Dám mong đức vua phán bảo cha con cho con được nhờ.

Nghe nói, vua và các triều thần đều bật cười. Vua lại phán:

- Mày muốn có em thì phải kiếm vợ khác cho bố mày, chứ bố mày là con trai làm sao mà đẻ được!

Em bé bỗng tươi tỉnh:

- Thế sao làng chúng con lại có lệnh trên bắt nuôi ba con trâu đực cho đẻ thành chín con nộp đức vua? Giống đực thì làm sao mà đẻ được cơ chứ?

Vua cười bảo:

- Ta thử đấy thôi mà! Thế làng chúng mày không biết đem trâu ra thịt mà ăn với nhau à?

- Tâu đức vua làng chúng con sau khi nhận được trâu và gạo nếp, biết là lộc của đức vua, cho nên đã làm cỗ ăn mừng với nhau rồi.

Vua và đình thần chịu thằng bé là thông minh lỗi lạc nhưng vua vẫn còn muốn thử cho đến cùng. Hôm sau, khi hai cha con đang ăn cơm ở nhà công quán, bỗng có sứ nhà vua mang tới một con chim sẻ với lệnh bắt họ phải dọn thành ba cỗ thức ăn. Em bé bảo cha lấy cho mình một cái kim may rồi đưa cho sứ giả bảo:

- Ông cầm lấy cái này về tâu đức vua, xin rèn cho tôi thành một con dao để xẻ thịt chim.

Vua nghe nói, từ đó mới phục hẳn. Lập tức vua cho gọi cả cha con vào ban thưởng rất hậu.

Hồi đó, có một nước láng giềng lăm le muốn chiếm bờ cõi của nhà vua. Để dò xem bên này có nhân tài hay không, họ mới sai sứ đưa sang một cái vỏ ốc vặn rất dài, rỗng hai đầu, làm sao xâu một sợi chỉ mảnh xuyên qua được ruột ốc.

Sau khi sứ thần trình bày mục đích cuộc đi sứ, vua quan đưa mắt nhìn nhau. Không trả lời được câu đố oái oăm ấy tức là tỏ ra thua kém và thừa nhận sự thần phục của mình đối với

nước láng giềng. Có người dùng miệng hút, mong cho sợi chỉ lọt qua, có người bôi sáp vào sợi chỉ cho cứng để cho dễ xâu, v.v... Nhưng tất cả mọi cách đều vô hiệu. Bao nhiêu các ông trạng, các nhà thông thái triệu đến đều lắc đầu bó tay. Cuối cùng, triều đình đành tìm cách mời sứ thần tạm nghỉ ở nhà công quán để có thì giờ đi hỏi em bé thông minh ngày nọ. Khi một viên quan mang dụ chỉ của vua đến thì em còn đùa nghịch ở sau nhà. Và khi nghe nói xâu chỉ vào vỏ ốc, em bé hát lên mấy câu rằng:

Tang tình tang! Tính tình tang!
Bắt con kiến càng buộc chỉ ngang lưng.
Bên thời bôi mỡ, kiến mừng kiến sang,
Tang tình tang...

Rồi bảo:

- Không cần phải về làm gì. Cứ theo cách đó là xâu được ngay!

Viên quan sung sướng lật đật trở về tâu vua. Vua và các triều thần lắng nghe nói như mở cờ trong bụng. Quả nhiên con kiến càng đã xâu được sợi chỉ qua đường ruột ốc giúp cho nhà vua trước con mắt kính phục của sứ giả nước láng giềng.

Sau đó, vua phong cho em bé làm trạng nguyên. Vua sai xây dinh thự ở một bên hoàng cung cho em bé ở, để tiện hỏi han.

Chuyện chàng Cóc

Ngày xửa ngày xưa, ở một làng nọ có một gia đình người nông dân đã già mà chẳng có được một mụn con. Hai vợ chồng cầu trời khấn Phật mãi, cuối cùng người vợ cũng có thai. Sau chín tháng mười ngày, bà vợ trở dạ sinh ra một con Cóc xấu xí. Hai vợ chồng thất vọng, thở ngắn than dài cho rằng trời không thương, cho họ con thì chẳng cho lại cho họ một con vật xấu xí. Lúc đầu họ định vứt Cóc đi nhưng nghĩ đi nghĩ lại, họ thấy dù sao cũng là khúc ruột của mình nên để Cóc lại trong nhà và nuôi nấng chăm sóc như một đứa trẻ. Ngày qua tháng lại, dù cho Cóc có ăn uống bao nhiêu thì Cóc vẫn bé như lúc mới sinh. Được cái Cóc cũng bi

bô nói được tiếng người nên ngôi nhà của họ cũng đầm ấm hẳn lên.

Một hôm, người vợ ở đồng về phàn nàn với chồng:

- Lúa nhà ta đã chín rồi, mọi người qua lại giẫm bừa lên, nhà chẳng có ai trông nom đỡ, sinh được một mụn con lại là Cóc, còn trông mong được gì.

Nghe mẹ than vãn, Cóc liền thưa:

- Cha mẹ để con ra đồng trông lúa cho.

- Mày là Cóc, người ta qua lại dứt lúa còn giẫm cho bẹp gí chứ trông nom được gì.

- Cha mẹ cứ yên tâm, con ở dưới ruộng, nếu thấy ai dứt lúa thì con nói thiệt hơn chắc chắn họ sẽ nghe thôi. - Cóc năn nỉ mãi, cuối cùng cha mẹ đành phải bằng lòng.

Ở làng bên có anh học trò nghèo nhưng rất đẹp trai, ngày hai buổi đi qua con đường có ruộng lúa nhà Cóc. Cóc ở trong ruộng nhìn thấy có ý phải lòng anh ta nên lần nào thấy anh, Cóc cũng chọc ghẹo: "Anh đồ ơi, Anh đồ ơi!". Anh học trò ngoảnh đi ngoảnh lại không thấy ai, lần thứ hai thứ ba thì nghe thấy tiếng người mời ngồi xuống ruộng nói chuyện. Tò mò, anh học trò ngồi xuống ruộng, anh kêu lên kinh ngạc vì trước mắt là con Cóc xù xì nói tiếng người:

- Tôi thấy anh là một học trò chăm chỉ, tôi muốn kết duyên cùng anh, chẳng hay anh có bằng lòng không?

- Tôi và Cóc khác nhau thì làm sao chung sống?

- Tuy tôi là Cóc nhưng tôi vẫn làm được mọi việc như một người vợ đảm đang, anh cứ lấy tôi rồi mọi việc sẽ được như ý.

Trên đường về nhà, anh học trò phân vân nghĩ: Có lẽ là duyên số. Cóc mà biết nói tiếng người hẳn không phải là người bình thường. Ta lấy Cóc về để nàng giúp đỡ mẹ già chẳng tốt sao? Anh liền nói với mẹ đến nhà Cóc xin cưới Cóc làm vợ. Nghe bà cụ trình bày, cha mẹ Cóc đều từ chối:

- Con tôi là Cóc, bà hỏi làm gì cho vợ chồng tôi thêm tủi.

Cóc ngồi trong buồng nghe chuyện, bèn thưa vọng ra:

- Bà cụ đã có lòng hỏi, cha mẹ cứ nhận lời đi cho bà cụ vui. Về nhà làm dâu con sẽ chăm chỉ làm mọi việc.

Thấy Cóc nói vậy, cha mẹ đành nhận lời. Hôm cưới, hai họ đưa đón, cô dâu nhảy lóc cóc đằng sau, về đến nhà chồng, cô dâu nhảy ngay vào buồng.

Từ đó, ngày ngày mẹ chồng ra đồng, chồng đi học, Cóc ở nhà trút bỏ lốt Cóc hiện thành người dọn dẹp nhà cửa, thổi cơm, đun nước, cơm dẻo canh ngọt. Công việc xong xuôi, Cóc lại lấy da Cóc mặc vào. Khi mẹ chồng về thì công việc đã đâu vào đấy. Gia đình sống rất đầm ấm và vui vẻ.

Các bạn của anh học trò nghèo thấy anh lấy vợ Cóc thì chê cười, khinh bỉ. Một hôm, sắp đến ngày nhà thầy đồ có giỗ, bọn học trò bẩm với thầy rằng:

- Nay mai nhà thầy có giỗ, chúng con muốn mỗi người có một mâm cỗ để tỏ lòng thành kính, nhân để nhờ thầy chấm cho ai làm cỗ khéo.

Thầy đồ bằng lòng, cả bọn hỉ hả phen này anh chàng có vợ Cóc chắc chắn phải tìm kẽ nẻ mà chui xuống. Anh chàng có vợ Cóc lấy làm lo lắng, về đến nhà anh đành lăn ra giường thở ngắn than dài. Vợ hỏi nguyên do, anh chồng nói cho vợ nghe chuyện phải làm. Nghe xong Cóc nhỏ nhẹ bảo chồng:

- Chàng cứ an tâm đi học, lúc nào người ta bưng cỗ đến thì chàng về nhà, sẽ có cỗ ngon cho chàng mang đến thi.

Ngày giỗ đã tới, các trò tấp nập bưng cỗ tới nhưng mâm nào thầy cũng chê, đến mâm cỗ của chàng có vợ Cóc thì thầy khen nức nở. Mâm cỗ ấy được thầy chấm cho giải nhất, không những cỗ trông đẹp mắt mà ăn rất ngon miệng. Bọn học trò thua cuộc lấy làm tức tối, không ngờ Cóc lại giỏi thế. Bọn chúng lại nghĩ ra trò mới để hạ gục đồng môn. Chúng thưa với thầy cho may áo mừng thầy.

Anh học trò có vợ Cóc lo lắm, bồn chồn đứng ngồi không yên. May áo là một việc rất khó, Cóc làm sao mà may được. Về đến nhà, với bộ mặt ủ rũ, anh rầu rĩ kể cho vợ nghe. Cóc nghe xong liền vui vẻ bảo chồng:

- Chàng cứ yên tâm đi học, lúc nào người ta mang áo đến nhà thầy, chàng về nhà sẽ có áo đẹp cho chàng đi thi.

Bọn học trò háo hức đem áo đến nhà thầy, nhưng khi thầy mặc vào, cái thì dài lê thê, cái thì ngắn cũn cỡn, cái thì rộng thùng thình, cái thì lại hẹp bó cứng lấy người, thầy chẳng ưng cái nào cả. Cuối cùng, thầy thử đến cái áo của anh học trò có vợ cóc thì áo vừa như in. Thầy tấm tắc khen áo may khéo đến thế và lần này anh học trò có vợ Cóc lại được giải.

Bọn học trò cay cú bàn nhau:

- Vợ nó là Cóc, tuy có tài nhưng nhất định không đẹp. Lần này, đến đúng mồng một Tết, ta xin với thầy, tất cả học trò phải đưa vợ đi để mừng tuổi Thầy và thi xem học trò nào có vợ đẹp nhất. Vợ chúng ta dù xấu hay đẹp cũng là người, có lẽ nào lại không hơn vợ nó.

Anh học trò có vợ Cóc nghe tin này thì bạt vía kinh hồn, anh ta chạy một mạch từ nhà thầy về nhà mình hổn hển than với vợ. Chàng quả quyết Tết năm nay chàng xin khất không đến mừng tuổi thầy vì chàng nghĩ vợ mình dẫu sao cũng chỉ là Cóc. Cũng như những lần trước, Cóc khuyên chồng yên tâm học hành, mọi việc đã có nàng lo liệu.

Rồi ngày tết cũng đến, học trò đua nhau đưa vợ xúng xính trong bộ váy áo sặc sỡ đến chúc mừng thầy. Cóc giục chồng đi trước rồi lóc cóc nhảy theo sau. Anh chàng thấy vợ mình như thế thì chán quá, dừng lại không đi, đành chịu thất lễ với thầy. Thấy chồng chán nản, Cóc động viên:

- Chàng cứ đi đi, rồi đâu sẽ vào đấy.

Đến gần cổng nhà thầy, Cóc nhảy vào bụi cỏ trút lốt cóc, hiện ra là một cô gái xinh đẹp nõn nà. Anh chàng vội vàng lấy lốt cóc xé đi rồi dẫn vợ vào nhà thày. Tất cả mọi người có mặt đều ồ lên ngạc nhiên, không ngờ chị Cóc lại xinh đẹp đến thế, hai vợ chồng họ thật là đẹp đôi và lần này chị Cóc lại được giải nhất. Bấy giờ bọn học trò mới lấm lét nhìn nhau chịu thua và cũng từ đấy chúng không còn dám khinh thường anh chàng vợ Cóc nữa.

Chuyện chàng mồ côi

Ngày xưa có một chàng thanh niên mồ côi cha mẹ từ tấm bé, được người làng nuôi cho lớn khôn. Người ta quen gọi chàng là Mồ Côi.

Mồ Côi càng lớn càng làm khoẻ. Không có ruộng vườn, ngày ngày chàng đem sức đổi lấy hai bữa ăn. Thấy chàng cần cù, và có lòng tốt, các bậc già cả, các cô con gái và các em bé đều quý mến. Những ngày mưa to gió lớn, chàng không đi làm được thì các cô gái rủ nhau đem gạo sang nhà giúp. Thấy vậy một vài chàng trai trẻ trong làng đem lòng ghen ghét. Họ tìm cách hãm hại Mồ Côi.

Một hôm, Mồ Côi bị ốm. Trai làng xúm lại đánh đến sứt mặt, mẻ trán giữa lúc chàng đang cùng một cô gái làng đi làm đồng về. Chàng bị đau nhừ cả người, nằm mấy ngày chưa lại sức.

Thấy bọn con trai ghét mình, chàng bèn chạy sang làng bên cạnh làm thuê, gánh mướn nuôi thân. Nhưng đến ở làng này chưa lâu, chàng lại bị bọn trai làng rủ nhau sang gây chuyện và đánh đập.

Mồ Côi lại phải bỏ làng này ra đi một lần nữa. Lần này chàng quyết định đi kiếm ăn ở một nơi thật xa. Chàng đi ba ngày liền, đến một làng nhỏ ven rừng hẻo lánh. Chàng vào một nhà phú ông xin ở thuê. Phú ông thấy Mồ Côi khoẻ mạnh, nhanh nhẹn, liền nhận lời giao cho chàng công việc hái trám.

Nhưng khi nhìn rừng trám rộng mênh mông, cây nào cũng to bằng hai ba người ôm và cao thẳng vút lên trời, Mồ Côi lắc đầu. Phú ông ngon ngọt dỗ dành và hứa trả công cao. Thu hoạch rừng trám, lão sẽ trả cho 500 lạng bạc. Lão còn bày cách bắc thang tre để trèo. Công việc leo trèo thật vô cùng vất vả và nguy hiểm. Nhưng vì thấy phú ông đối đãi có vẻ tốt, nên Mồ Côi không tiếc sức.

Từ đó ngày nào chàng cũng trèo thang lên ngọn cây trám, cầm sào vụt rụng từng chùm trám chín xuống đất. Phú ông cùng vợ và con gái thả sức thu lượm đưa ra chợ bán. Một tháng rưỡi trôi qua, với cây sào và cái thang, Mồ Côi leo hết cây trám này đến cây trám khác. Phú ông cũng thu về hết món bạc này đến món bạc kia.

Hôm ấy, Mồ Côi trèo đến cây trám thứ hai trăm cũng là cây trám cuối cùng. Thấy sắp phải tính công trả cho Mồ Côi số bạc hơn năm trăm lạng, phú ông gọi vợ đến bàn mưu tính kế.

Sáng hôm ấy, vợ chồng phú ông dậy từ lúc gà gáy, sai con nấu cơm làm bữa mời Mồ Côi. Cơm nước xong, Mồ Côi lại theo gia đình phú ông vác sào ra rừng trám.

Sau khi Mồ Côi đã trèo đến ngọn cây, thì ở dưới gốc, phú ông sai con rút lấy thang tre về nhà, mặc cho Mồ Côi ở trên cao kêu la ầm ĩ. Chàng cố tìm cách tụt xuống, nhưng loay hoay nửa buổi cũng không tìm ra cách gì cả. Thân trám thẳng tắp, to bằng hai người ôm, không thể bấu víu vào đâu để tụt xuống được. Thế là từ đấy, chàng phải sống trên ngọn cây trám như loài khỉ vượn. Đói bụng, chàng phải hái quả trám ăn sống. Khát nước, chàng liếm từng giọt sương đêm đọng trên từng chiếc lá. Đêm cũng như ngày chàng không dám ngủ say, ăn hết trám, chàng phải ăn đến lá. Ăn hết lá, chàng phải ăn đến vỏ.

Một buổi sáng, trời hửng nắng, Mồ Côi cởi chiếc áo cánh phơi lên một cành trước mặt. Giữa lúc ấy có một con gấu ngựa đi qua dưới gốc cây. Trông thấy cái áo của Mồ Côi, nó tưởng là một tổ ong, liền trèo lên định ăn mật. Gấu đến bên cái áo, mắt lim dim để tránh ong đốt vào mắt như thói quen của nó, rồi nhoài người ra ngoạm lấy cái áo cánh nhai ngấu nhai nghiến.

Thấy thế, một ý nghĩ táo bạo mới nảy ra trong óc Mồ Côi. Nhằm lúc con gấu nhắm tịt cả hai mắt và mải nhai cái áo, Mồ Côi liền nhẹ nhẹ tụt xuống, cưỡi ngay lên lưng con gấu, hai tay ghì chặt lấy cổ. Gấu bị ôm bất thình lình, hốt hoảng nhưng không dám buông tay, đành phải cõng cả Mồ Côi tụt xuống gốc. Khi gấu còn cách mặt đất hai ba sải, Mồ Côi vội nhảy xuống đất bỏ chạy. Gấu cũng chạy đuổi theo Mồ Côi. Mồ Côi

cố sức chạy mãi vào rừng. Bỗng có một cái hang sâu chắn ngang trước mặt, chàng đành phải nhảy liều xuống hang, gấu không dám nhảy theo. Mồ Côi nhờ vậy được thoát.

Nhưng từ đây, chàng lại lâm vào một cảnh khổ cực nguy hiểm mới. Hang tối om. Chàng phải lần mò từng bước chân để tìm lối đi ra ngoài. Chàng đi mãi trong hang nhưng đi tới đâu cũng thấy tối như bưng. Xung quanh chàng chỉ có những con dơi bay đi bay lại. Chúng bay qua đầu chàng rứt từng sợi tóc, từng mảnh da. Bao nhiêu ngày ở trong hang phải chịu cực hình như thế. Mặc dù vậy chàng cố len lỏi đi hết gốc hang này, lại dò đi sang gốc hang kia mong tìm một lối thoát.

Chợt một hôm chàng lần tới một chỗ nọ có một tia ánh sáng lọt vào. Chàng vui mừng khấp khởi. Nhưng về sau mới biết đó chỉ là một lỗ thông thiên chứ không phải là cửa hang. Tuy vậy chàng cũng cố vịn vào vách đá trèo lên để vượt ra ngoài. Nhưng sức chàng đã yếu lắm, đã năm bảy lần leo lên được vài ba sải tay, rồi lại ngã xuống chỗ cũ.

Một hôm, trong khi nằm ngất trong hang, chàng thấy một ông cụ đầu tóc bạc phơ, tay cầm một cái rìu và một hòn đá thần đến gần. Ông cụ bảo:

- Ta là thần núi, thấy con khổ cực quá nên đến cứu con đây! Ta cho con một cái rìu. Nó sẽ cho con cơm ăn, áo mặc. Ta cho con hòn đá thần này. Con mang rìu mài vào hòn đá này thì lưỡi rìu sẽ sắc. Con kỳ hòn đá này vào da, da sẽ trở nên trắng trẻo và đẹp đẽ. Cuối cùng ta cho con viên thuốc nó sẽ cho con sức khoẻ để vượt hang.

Nói xong, thần núi chống gậy đi mất. Mồ Côi tỉnh dậy, nhặt viên thuốc bỏ vào mồm. Tự nhiên thấy người nhẹ nhõm lạ thường. Chàng giắt cái rìu và hòn đá vào thắt lưng, rồi leo theo vách thẳng lên lỗ thông khác. Khác với những lần trước, lần này chàng trèo nhanh thoăn thoắt, chỉ một lát đã tới lỗ thông hơi và nhìn thấy ánh sáng ở bên ngoài. Chàng nhắm mắt lại một lúc rồi đu người ra khỏi hang.

Chàng lần xuyên qua rừng. Đến quá trưa, tới bờ một con sông cái. Chàng men bờ, xuôi theo dòng. Đi được một quãng,

chàng gặp một ông cụ tiều phu. Nhìn thấy Mồ Côi mặt mũi gớm ghiếc, đầu không còn sợi tóc, da dẻ sần sùi, hai vành tai sứt lở, áo quần rách nát, ông cụ bỏ chạy. Mồ Côi đuổi theo kể mọi nỗi gian lao của mình cho ông nghe. Ông cụ bảo giúp mình đốn củi và phát nương rồi sẽ đưa về nhà.

Mồ Côi liền lấy cái rìu ra mài vào hòn đá thần. Cái rìu trở nên rất sắc, chàng chỉ chặt một lúc đã được một đống củi chất đầy cả một gian nhà. Tối hôm ấy, chàng được ăn nghỉ ở nhà ông cụ.

Ông cụ có sáu cô con gái. Cả sáu cô gái đều đã đến tuổi lấy chồng. Thấy bố dắt về một chàng trai gớm ghiếc, các cô con gái, trừ cô út, đều tránh xa. Họ nói với bố đuổi ngay ra khỏi nhà. Ông cụ phải mắng mãi các cô mới chịu im. Cuối cùng các cô bảo bố cho Mồ Côi ra ở lều ngoài nương để chàng vừa phát thêm rẫy vừa coi lúa. Hàng ngày các cô sẽ luân phiên nhau đưa cơm, bắt đầu từ cô cả.

Để khỏi giáp mặt với Mồ Côi, cô cả đem một cái mõ treo lên một gốc cây ở đầu mương cách lều khoảng một trăm bước. Cô gõ mõ một hồi ba tiếng rồi đặt cơm ở gốc cây, gọi Mồ Côi đến lấy cơm ăn. Đoạn ba chân bốn cẳng quay trở về nhà, không cần biết rằng Mồ Côi có nghe hay không. Lần lượt bốn cô em tiếp sau cũng bắt chước làm như cô chị. Duy chỉ có cô út đến lượt mình đưa cơm, cô không bỏ nắm cơm ở dưới gốc cây, cũng không gõ mõ như các chị, mà đi vào đến tận lều, trao tận tay Mồ Côi. Trong khi Mồ Côi ăn cơm, cô ngồi lại hỏi thăm sức khoẻ, quê quán, gia đình của chàng. Cô cố ý ngồi chờ cho Mồ Côi ăn xong rồi mới về nhà.

Từ ngày ra ở lều, Mồ Côi vẫn làm việc như ông cụ dặn. Sáng nào chàng cũng mài rìu thêm sắc để chặt được nhiều cây. Chiều nào chàng cũng ra suối tắm, lấy hòn đá thần kỳ vào người, quả nhiên da dẻ chàng dần dần trở lại hồng hào, trắng trẻo hơn trước.

Bẵng đi một thời gian, chàng không thấy cô út đến đưa cơm. Tự nhiên thấy buồn buồn nhớ nhớ, chàng cho là cô út

cũng bắt chước các chị đặt cơm nắm ở gốc cây, rồi vội vã trở về nhà ngay, không biết cô út bận sang nhà bà cô ở làng bên.

Sau đó ba tháng cô út lại về nhà bố. Cô lại đem cơm vào lều cho Mồ Côi nhưng cô không thấy chàng Mồ Côi xấu xí mọi ngày đâu cả mà chỉ thấy một chàng trai mặt mày sáng sủa, da dẻ hồng hào, đầu tóc gọn ghẽ thì rất ngạc nhiên, vội hỏi:

- Chàng là ai? Chàng ở đâu đến? Chàng có biết cái anh Mồ Côi bị ăn mất hai bàn tay, rứt hết mái tóc trước đây coi nương ở lều này không?

Biết là cô út không nhận ra mình nữa vì mình đã nhờ đá thần thay đổi nhiều lắm. Nhưng Mồ Côi chỉ gật đầu chào cô út, không thưa, không rằng. Cô út hỏi tới hai ba lần mà chàng chỉ cười chứ không nói một lời. Thấy vậy cô út đặt nắm cơm xuống sàn, quay ra cửa nhìn về phía rừng gọi Mồ Côi. Cô gọi tới hai ba tiếng, vẫn không có tiếng trả lời.

Gọi xong cô út xuống thang đi vào rừng. Cô tìm khắp bốn góc nương lại hú gọi luôn mồm nhưng vẫn không thấy. Cô đành chạy một mạch về nhà.

Ngày hôm sau, đến lượt cô cả đi đưa cơm. Cô út xin đi thay chị. Cô định hôm nay phải tìm cho bằng được Mồ Côi mới thôi. Nhưng cô lại chỉ thấy anh chàng trắng trẻo hôm qua. Cô hỏi nhưng chàng trai chỉ cười đáp lại chứ không nói. Cô đặt nắm cơm xuống sàn rồi quay ra cửa định vào rừng tìm. Lần này Mồ Côi không thể làm thinh được nữa, chàng nói:

- Cô út ơi! Cô không phải đi tìm nữa. Xin cô thứ lỗi vì tôi đã làm cô mất công tìm kiếm. Bây giờ tôi đã biết hết lòng dạ của cô đối với tôi rồi. Tôi chính là cái anh Mồ Côi mất tai mất tóc ngày nọ đây.

Cô út quay lại, hết sức ngạc nhiên, cô nói:

- Chàng đấy à? Sao chàng thay đổi thế này?

Mồ Côi sung sướng trả lời:

- Cô út ạ! Nhờ có hòn đá thần này mà tôi đã dần dần trở lại lành lặn như thế này đây.

Rồi chàng kể lại cho cô út nghe những việc làm trong thời

gian qua. Từ hôm đó, ngày nào cô út cũng thay các chị vào nương đưa cơm, các cô chị rất thích không cần hỏi duyên cớ vì sao. Duy chỉ có ông cụ thì hơi lấy làm lạ. Một hôm ông lẻn đi theo rình xem cho rõ sự tình.

Nấp ở trong bụi, ông cụ không thấy anh chàng Mồ Côi xấu xí hồi nọ, mà chỉ thấy một chàng trai trẻ đẹp, nói nói cười cười với con gái út của mình. Chờ cho con về, ông cụ vào lều hỏi xem chàng trai nọ là ai. Sau khi nghe kể, ông cụ mới rõ chàng trai chính là anh chàng Mồ Côi mất tai, mất tóc.

Tối hôm ấy, ông cụ gọi cả sáu cô con gái lại hỏi:

- Anh chàng Mồ Côi ở với ta đã lâu ngày. Chàng rất chăm chỉ và rất khoẻ. Bố vừa lên nương xem thì thấy một mình chàng không những đã trông nom rất chu đáo nương lúa, nương ngô, mà còn phát gốc, chặt cây, được rất nhiều nương rẫy. Vì vậy, bố rất mến, bố muốn kén chàng vào làm rể nhà ta. Có đứa nào bằng lòng lấy chàng không?

Nghe bố nói, năm cô chị nhìn nhau cùng trả lời:

- Bố đừng nghĩ quàng xiên như vậy. Chúng con không bao giờ bỏ phí cái tuổi thanh xuân, dấn thân làm vợ một chàng "người không ra người, quỷ không ra quỷ!"

Ông cụ hỏi cô út, cô đỏ mặt đáp:

- Cha muốn gả cho chàng, thì con cũng xin vâng. Ông cụ nhìn vợ, rồi nhìn cô con gái út ân cần nói:

- Vậy ngày mai, chúng ta sẽ sửa soạn làm lễ cưới đón rể cho con gái út của chúng ta.

Sáng hôm sau, cả nhà ông cụ sửa soạn lễ cưới cho con út, tất cả họ hàng và xóm làng đều rất ngạc nhiên. Họ xì xào bảo nhau:

- Ông cụ khéo lẩn thẩn, sao lại gả cô út trẻ đẹp, hiền lành, cho cái anh chàng xấu xí ấy.

Nhưng buổi đón rể đã làm cho tất cả những người trong họ, người làng, cũng như năm cô chị đều hết sức ngạc nhiên và ghen tị. Đi bên cạnh cô út không phải là chàng Mồ Côi xấu xí, mà là một chàng trai trẻ đẹp, vóc người vạm vỡ, da dẻ hồng hào, mặt mày sáng sủa, đầu tóc gọn gàng và nổi tiếng đốn cây, làm rẫy rất khoẻ.

Của thiên trả địa

Ngày xưa, có hai anh chàng Thiên và Địa, cày thuê cuốc mướn cùng một làng. Họ giống nhau ở chỗ, anh nào anh ấy đều nghèo rớt mùng tơi và đều mồ côi cha mẹ, nhưng Thiên sáng dạ, bảo gì hiểu nấy.

Một hôm Địa bảo Thiên:

- Nếu chúng ta cùng như thế này cả thì không bao giờ mới cất đầu lên được. Sẵn anh là người có khiếu thông minh, nếu được học hành chắc ngày sau sẽ thi đậu được làm quan to. Vậy từ nay anh đừng đi làm nữa, tôi sẽ cố sức làm thêm để lấy tiền nuôi anh ăn học. Lúc nào anh làm nên, đôi ta sẽ chung hưởng phú quý.

Thiên nhận lời nhưng Địa còn dặn:

- Lúc nào hiển đạt anh đừng có quên tôi nhé!

Rồi từ đó Địa cật lực đêm ngày làm thuê để nuôi bạn. Thấy Thiên học mỗi ngày mỗi tiến, anh chàng lại càng hăng làm việc không quản ngại khó khăn.

Cứ như thế sau mười năm đèn sách, Thiên đậu khoa thi Hương rồi vào thi đậu luôn trạng nguyên.

Thiên được nhà vua bổ làm quan to, có kẻ hầu người hạ đông đúc, có dinh thự nguy nga được mọi người trọng vọng.

Được tin Địa rất sung sướng, lập tức anh chàng đem trâu và cày về trả cho chủ, rồi anh bán phăng cái nhà, lấy một số tiền mua đồ lễ tìm vào dinh bạn.

Địa có ngờ đâu, khi đến nơi thì Thiên đã thay lòng đổi dạ không muốn nhận lại bạn cũ nữa. Hắn dặn quân canh cấm cửa không cho Địa vào. Địa bị đuổi, tủi thân lủi thủi ra về.

Vừa đến bờ sông anh chàng ngồi lại nước mắt rơi lã chã, nghĩ đến lòng người đen bạc, số phận hẩm hiu, bây giờ về làng

cũng không biết ở đâu nữa vì nhà đã bán rồi, Địa lại càng buồn tủi, càng khóc nhiều hơn. Tiếng khóc đến tai Bụt.

Bụt hiện lên làm một người khách qua đường, đứng lại hỏi anh:

- Con làm sao mà khóc?

Địa kể lể đầu đuôi cho Bụt nghe. Bụt bèn hóa phép cho anh một chiếc đò và dặn:

- Con cứ ở đấy chở khách qua lại trên sông này cũng đủ ăn, không phải đi làm thuê nữa.

Địa nghe lời, ở lại đó làm nghề chống đò ngang, nhưng anh chàng chỉ kiếm vừa đủ nuôi miệng, không để dành được đồng tiền nào, cho đến ngày giỗ cha chẳng biết lấy gì mà cúng.

Chiều hôm ấy, sau khi chở cho mấy người khách sang bờ bên kia, Địa vừa chèo về đến nửa sông lại nghe có tiếng gọi đò, anh quay đò trở lại, người khách đò là một cô gái rất trẻ tuổi và xinh đẹp.

Trời lúc ấy nhá nhem, người con gái đó nói với Địa:

- Trời đã tối mà đường còn xa, anh làm ơn cho tôi nghỉ nhờ một đêm.

Nhà Địa là một túp lều bên sông, trong nhà chỉ có một cái chõng, nhưng anh cũng nhường cho người con gái ấy nằm.

Thấy Địa toan đi kiếm một nơi khác ngủ, người đó bỗng hỏi anh:

- Anh đã có vợ chưa?

Địa trả lời:

- Chưa!

- Tôi xin làm vợ anh.

Địa rất ngạc nhiên và bỡ ngỡ, không biết trả lời thế nào cả. Nàng lại nói:

- Tôi là người trên cung tiên. Trời thấy anh là người tử tế mà chịu khổ sở đã nhiều nên cho tôi xuống giúp anh.

Nói rồi nàng hóa phép biến túp lều bên bờ sông thành một dinh cơ rất đẹp: Nhà ngói, tường hoa, hành lang, sân gạch, trong nhà đồ dùng thức đựng đầy đủ, kẻ hạ người hầu từng đoàn.

Địa vừa ngạc nhiên vừa vui sướng. Nàng tiên lại hóa phép làm ra cỗ bàn linh đình để cho chàng làm giỗ cúng cha.

Sáng hôm sau, nàng tiên bảo Địa hãy mặc đồ gấm vóc, ngồi kiệu đến mời Thiên sang nhà mình ăn giỗ.

Lần này Địa được Thiên tiếp đãi có phần tử tế. Nhưng khi nghe nói đến mời ăn giỗ, hắn bĩu môi bảo Địa:

- Muốn ta tới chơi thì hãy trải chiếu hoa từ đây tới nhà, ta sẽ đến.

Địa về kể lại cho vợ nghe, nàng tiên lại hóa phép thành chiếu hoa trải một đoạn đường dài từ nhà mình đến dinh Thiên ở.

Thiên không ngờ trong thời gian vừa qua, Địa cũng trở nên giàu có như vậy, mới đến xem cho biết sự tình. Đến nơi hắn rất lấy làm lạ khi thấy nhà cửa và mọi thứ đồ đạc của Địa ít có một nhà nào sánh kịp. Khi ăn giỗ, vợ Địa chân thành ra mời rượu.

Thấy nàng đẹp quá, Thiên đâm ra ganh tị với hạnh phúc của Địa, rượu say hắn nói:

- Chú đổi vợ chú cùng cơ nghiệp này cho tôi thì tôi nhường chức quan cùng dinh cơ của tôi cho chú.

Không bao giờ Địa lại muốn thế, nhưng nàng tiên bảo nhỏ xui Địa bằng lòng. Hai bên cùng làm tờ giao ước, thế rồi sau đó Địa lên võng về dinh.

Còn Thiên say rượu nằm ngủ một giấc li bì, nhưng đến sáng hôm sau, khi tỉnh dậy, hắn ngơ ngác thấy mình nằm ở giữa một túp lều bên sông. Người vợ đẹp cùng dinh cơ của hắn ngày hôm qua đã biến đâu mất cả.

Từ đó, hắn làm nghề chèo đò thay Địa, còn Địa hóa ra thông minh, khôn ngoan làm quan sung sướng mãi.

Ngày nay, câu nói "Của Thiên trả Địa" là do sự tích ở trên mà có.

Con cóc là cậu ông trời

Ngày xửa ngày xưa, con cóc vẫn sần sùi xấu xí như ngày nay, nhưng cóc nổi tiếng giữa muôn loài là một con vật tuy bé nhỏ nhưng rất gan dạ. Gan cóc tía mà lại. Vào một năm không nhớ rõ năm nào, trời làm hạn hán khủng khiếp. Nắng lửa hết tháng này đến tháng khác thiêu cháy cây cối, hút cạn nước sông ngòi, đầm hồ. Muôn loài không còn một giọt nước để uống. Các con vật to lớn hùng mạnh xưa nay tác oai tác quái trong rừng đều nằm lè lưỡi mà thở để đợi chết, không ai nghĩ được kế gì để cứu mình, cứu muôn loài. Sức mạnh của chúng chỉ để bắt nạt nhau chứ đâu có thể làm gì nổi ông Trời. Duy có anh chàng Cóc tía bé nhỏ, xấu xí kia là có gan to. Anh tính chuyện lên thiên đình kiện Trời làm mưa cứu muôn loài... Khởi đầu chỉ có một mình nhưng anh đâu có nản. Đi qua một vũng đầm khô, Cóc tía gặp Cua càng. Cua hỏi Cóc đi đâu. Cóc bèn kể rõ sự tình và rủ Cua cùng đi kiện Trời. Ban đầu Cua định bàn ngang. Thà chết ở đây còn hơn chứ Trời xa thế đi sao tới mà kiện với tụng. Nhưng những con vật ở quanh Cua nghe Cóc nói lại tranh nhau mà bàn ngang bàn lùi, làm cho Cua nổi giận. Nói ngang bàn ngang là chuyện ngang của Cua thế mà họ lại dám tranh mất cái quyền ấy, cái quyền được phép ngang như cua cơ mà. Thế là Cua làm ngược lại, Cua tình nguyện cùng đi với Cóc.

Đi được một đoạn nữa, Cóc lại gặp Cọp đang nằm phơi bụng thở thoi thóp. Gấu đang chảy mỡ ròng ròng và khát cháy họng. Cóc rủ Gấu và Cọp đi kiện Trời. Cọp còn lưỡng lự thì Gấu đã gạt đi mà nói rằng:

- Anh Cóc nói có lý, chẳng lẽ chúng mình cứ nằm ở đây đợi chết khát cả ư... Ta theo anh Cóc thôi. Đến ngang như anh Cua còn theo anh Cóc được thì tại sao chúng mình không theo.

Cả bọn nhập lại thành đoàn. Đi thêm một chặng nữa thì gặp đàn Ong đang khô mật và con Cáo bị lửa nướng cháy xém lông. Cả hai con vật này cũng hăng hái nhập vào đoàn loài vật đi kiện Trời do Cóc dẫn đầu.

Cóc dẫn các bạn đi mãi, đi mãi đến tận cửa thiên đình. Khi đi trên đường cả bọn đều hăng hái nhưng đến trước cửa Trời oai nghiêm, bọn Cọp, Gấu, Cáo, Ong, Cua đều sợ, duy chỉ có Cóc là gan liền dõng dạc ra lệnh:

- Bây giờ các anh phải nghe lời tôi. Kia là chum nước của Trời, anh Cua vào nấp trong ấy. Anh Cáo nấp ở phía bên trái tôi, anh Gấu nằm ở phía bên phải tôi, còn anh Cọp chịu khó nằm đằng sau tôi. Các anh có nghe lệnh của tôi thì mới thắng được Trời.

Tất cả đều nghe lệnh của Cóc. Sắp đặt xong đâu đấy Cóc mới nhảy lên mặt trống đánh ba hồi ầm vang như sấm động.

Ngọc Hoàng đang ngủ trưa bị tiếng trống lôi đình đánh thức dậy nên bực tức, bắt Thiên Lôi ra xem có chuyện gì. Thiên Lôi lười biếng vội phủi bụi và mạng nhện giăng đầy trên lưỡi búa tầm sét chạy ra. Thiên Lôi ngạc nhiên vì ở ngoài cửa thiên đình chẳng thấy có một người nào, chỉ thấy mỗi một con Cóc xù xì xấu xí đang ngồi chễm trệ trên mặt trống của nhà Trời. Thiên Lôi hết nhìn con Cóc lại nhìn lưỡi búa tầm sét khổng lồ của mình và thở dài vì cái búa to quá mà Cóc bé quá, đánh chưa chắc đã trúng được. Thiên Lôi bèn cắm cổ vào tâu Ngọc Hoàng. Ngọc Hoàng nghe xong bực lắm bèn sai con gà trời bay ra mổ chết chú Cóc hỗn xược kia.

Gà trời vừa hung hăng bay ra thì Cóc đã nghiến răng ra hiệu, lập tức chàng Cáo nhảy ra cắn cổ gà tha đi mất. Cóc lại đánh trống lôi đình. Ngọc Hoàng càng giận dữ sai Chó nhà trời xổ ra cắn Cáo. Chó vừa xồng xộc chạy ra thì Cóc lại nghiến răng ra hiệu. Lập tức anh Gấu lừng lững xổ ra đón đường tát cho Chó một đòn trời giáng.

Cóc lại thúc trống lôi đình đánh thức Ngọc Hoàng. Ngọc Hoàng bèn sai Thiên Lôi ra trị tội gấu. Thiên Lôi là vị thần trời có lưỡi tầm sét mỗi lần vung lên thì thành sét đánh ngang trời,

thành sấm động bốn cõi. Sức mạnh của Thiên Lôi không có ai bì được. Ngọc Hoàng yên chí lần này cứ đến ộng Thiên Lôi ra quân thì cái đám Cóc, Cáo ắt hẳn là tan xác. Vì thế khi ông Thiên Lôi vác lưỡi tầm sét đi là Ngọc Hoàng lại nằm trên ngai vàng mà ngủ tiếp.

Thiên Lôi vừa hùng hổ vác búa tầm sét ra đến cửa thiên đình thì Cóc đã nghiến răng ra lệnh, lập tức chàng Ong nấp trên cánh cửa bay vù ra và cứ nhè vào mũi Thiên Lôi mà đốt. Nọc ong đốt đau lắm, mũi Thiên Lôi rát như phải bỏng. Nhớ là ở cửa trời có một chum nước. Thiên Lôi vội vàng vứt cả búa tầm sét nhảy ùm vào chum nước chạy trốn. Nào ngờ vừa nhảy ùm vào trong chum nước thì anh Cua càng nấp trong đó từ bao giờ đã chờ sẵn để giương đôi càng như đôi gọng kìm cắp chặt lấy cổ. Thiên Lôi đau quá gào thét vùng vẫy vỡ cả chum nước nhà Trời. Thiên Lôi tìm đường chạy trốn thì Cóc tía lại nghiến răng ra lệnh. Lập tức Cọp nấp sau Cóc tía nhảy bổ ra gầm lên một tiếng vang động xé tan xác Thiên Lôi thành hai mảnh.

Ngọc Hoàng thấy thế sợ quá bèn xin giảng hoà với Cóc, và xin Cóc cho nhận lại xác của Thiên Lôi để cứu chữa. Cóc bằng lòng ngay. Theo lệnh nghiến răng của Cóc, Cọp và Gấu vác xác Thiên Lôi về xếp lại ở giữa sân điện thiên đình. Ngọc Hoàng phải ra tay làm phép tưới nước cam lồ vào cái xác đầy thương tích đó. Nhờ phép của Ngọc Hoàng, Thiên Lôi mới được sống lại. Ngọc Hoàng nghĩ mình đường đường là một ông Trời mà lại chịu thua Cóc thì thật là điều sỉ nhục, nên tính lật lọng, sai Thiên Lôi vác búa tầm sét chống lại Cóc và các bạn của Cóc. Biết thế nào Ngọc Hoàng cũng tính chuyện lật lọng nên Cóc lại nghiến răng. Lập tức các bạn của Cóc dàn trận. Ong giương nọc, Cáo giương nanh, Cọp giương vuốt, Cua giương càng, Gấu giương cánh tay đầy sức mạnh...

Thiên Lôi vừa mới thoát chết hoảng quá lui lại không dám tiến lên, mà thụt vào nấp sau chiếc ngai vàng của Ngọc Hoàng. Các tướng nhà Trời oai phong lẫm liệt thấy đến ông Thiên Lôi còn sợ sệt như thế thì hoảng quá tìm kế thối lui.

Thấy tướng nhà trời của mình như vậy, Ngọc Hoàng biết không thể thắng nổi Cóc và các bạn của Cóc. Lúc bấy giờ Ngọc

Hoàng mới thực bụng giảng hoà, và hỏi Cóc lên tận thiên đình có việc gì. Cóc oai phong nhảy hẳn lên tay ngai vàng và dõng dạc thưa:

- Đã bốn năm nay ở dưới trần gian hạn hán kéo dài, không một giọt mưa. Muôn cây khô héo, vạn vật chết khát... Tưởng Ngọc Hoàng trách giận gì trần gian mà giáng hoạ, ai ngờ lên đây mới biết Ngọc Hoàng và các tướng nhà trời ngủ quên không nhớ đến việc làm mưa cứu muôn vật muôn loài dưới trần thế... Chúng tôi phải lên tận đây đánh thức Ngọc Hoàng, xin Ngọc Hoàng làm mưa ngay cho trần gian được nhờ.

Thấy Cóc nói giọng oai phong và bạn bè Cóc thì đằng đằng sát khí, Ngọc Hoàng vội cuống quýt chống chế:

- Cóc với ta là chỗ thân thích, việc gì mà cậu phải mất công đến như vậy, ta sẽ sai thần mưa, thần gió xuống hạ giới làm mưa ngay bây giờ... Cậu Cóc có bằng lòng thế không.

Cóc gật gù thưa:

- Muôn tâu Ngọc Hoàng, trần gian được một trận mưa cứu khát thì còn gì bằng nữa... Anh em tôi vô cùng đội ơn Ngọc Hoàng... Nhưng nếu ở hạ giới mà hễ bị hạn hán là anh em chúng tôi lại lên đây kêu với Ngọc Hoàng đấy.

Nghe Cóc hẹn lại lên thiên đình, Ngọc Hoàng hoảng hốt rối rít lắc đầu xua tay:

- Thôi khỏi, phải bận đến cậu như thế... Chỗ cậu và ta là tình thân thích, cậu chả nên bày vẽ vất vả mệt nhọc như vậy làm gì. Cậu không phải lên thiên đình nữa... Khi nào có hạn hán cậu muốn ta làm mưa, cậu chỉ cần ngồi dưới đất nghiến răng là ta nghe thấy liền.

Để chứng tỏ lòng thành thật của mình, Ngọc Hoàng sai rồng đen bay xuống phun mưa, và đưa Cóc cùng các bạn về hạ giới. Cơn mưa cứu hạn làm cây cối tươi tốt, muôn loài nhảy múa chào đón anh em Cóc trở về. Từ đó hễ Cóc nghiến răng là trời lập tức đổ mưa, nên đồng dao của trẻ nhỏ ngàn năm vẫn có câu hát rằng:

Con Cóc là cậu ông Trời

Ai mà đánh nó thì Trời đánh cho.

Cứu vật vật trả ân, cứu nhân nhân trả oán

Ngày xưa, có một anh chàng không có tài nghệ gì cả, chỉ được cái hiền lành hay thương người. Từ lúc vợ chết, anh ta trở nên nghèo túng. Có dạo phải ngửa tay ăn xin. Thấy nghề này hèn hạ lại không nuôi nổi tấm thân, anh chàng mới xoay sang đi làm thuê. Nhưng chỉ làm được một ngày anh đã thấy mệt và bị chủ la mắng nhục nhã, nên lại dự định làm nghề đi câu là nghề anh cho là thong thả tự do hơn. Chiều hôm đó, người ta trả công cho ba mươi đồng kẽm. Anh chàng bèn lấy số tiền đó làm vốn, mua lưỡi mua dây quyết chí làm ăn bằng nghề mới. Sáng hôm sau, anh ra ngồi ở bờ sông câu cá. Nhưng mãi đến trưa chả kiếm được một chút gì. Mồi cứ mất toi. Mãi đến chiều mới thấy phao chìm xuống, anh giật lên thì được một con rắn nước. Lấy làm bực mình, anh chàng gỡ con rắn ra rồi quẳng xuống sông. Lần thứ hai giật lên thì lại chính con rắn nước hồi nãy mắc vào lưỡi. Anh than thở với rắn: "Rắn ơi! Tao nghèo lắm, chỉ được ba mươi đồng kẽm thôi. Mày đừng hại tao hết cả mồi, rồi đây biết lấy gì kiếm ăn". Anh chàng lại quẳng rắn xuống nước. Lần thứ ba cũng lại con rắn đó mắc lưỡi câu. Lần này hắn giận lắm không thả rắn xuống nước nữa mà nắm lấy cổ rắn định mang đi giết. Qua cửa đền bà thần Khai Khẩu, tự nhiên con rắn nước kêu lên:

- Đừng giết tôi. Tôi là con vua Thủy phủ, vì muốn làm bạn với anh nên mới tự cắn câu nhiều lần như thế. Hãy cho tôi đi theo, tôi sẽ giúp anh vượt qua cảnh nghèo. Anh nghe lời, cho rắn theo mình. Từ đó anh chàng câu được nhiều cá: thứ ăn, thứ bán, cuộc sống rất dễ chịu. Anh chàng với rắn ngày một tương đắc. Một hôm rắn cho anh biết chỉ ba ngày nữa sẽ có một trận lụt lớn xưa nay chưa từng có. Anh nghe lời rắn đóng một chiếc

bè nứa để phòng tai nạn. Anh lại còn loan báo cho mọi người xung quanh biết. Nhưng chẳng một ai nghe. Ba ngày sau, quả nhiên gió bão nổi lên đùng đùng, mưa to như trút, nước dâng lên như biển cả. Người, vật, đồ đạc và mùa màng... đều trôi băng băng mất tích. Mãi đến ngày cơn bão tạnh, anh mới dám chống bè tìm về chốn cũ. Thấy một cái tổ kiến đang lênh đênh trên dòng nước, con rắn bảo anh chàng:

- Anh hãy cứu chúng nó một chút. Anh trả lời:

- Vớt làm gì bầy kiến nhỏ mọn ấy để nó bò khắp bè.

Nhưng rắn khẩn khoản:

- Không, anh hãy nghe lời tôi đi. Rồi chúng nó sẽ trả ơn anh. Nghe lời rắn, anh chàng vớt cái tổ kiến lên bè của mình. Đi được một đoạn, lại gặp một con chuột đang lội bì bõm sắp chết đuối. Rắn lại bảo anh vớt lên.

Anh đáp:

- Con chuột thì cho nó chết chứ cứu nó mà làm gì?

- Không, anh hãy nghe tôi đi. Rồi nó sẽ trả ơn anh.

Nghe lời rắn, anh chàng vớt con chuột lên bè của mình. Đến một chỗ khác họ lại gặp một con trăn đang nằm cuộn tròn trên một ngọn cây giữa dòng nước đợi chết. Rắn cũng giục anh giúp trăn thoát nạn:

- Ồ, anh đáp: - Con trăn kinh lắm, cứu nó mà làm gì?

- Không. Anh hãy nghe tôi đi. Rồi nó sẽ trả ơn anh. Nghe lời rắn, anh chàng lại giúp cho con trăn lên bè. Sau cùng họ gặp một người đàn ông đang bám vào một cây gỗ nổi bập bềnh giữa dòng nước. Anh không đợi rắn bảo, định vớt lên bè, nhưng con rắn cản lại:

- Anh đừng vớt nó lên làm gì. Nó sẽ làm hại anh đấy.

Anh đáp:

- Người ta thường nói cứu một người dương gian bằng một ngàn âm ti. Sao lại chỉ cứu vật mà không cứu người kia chứ. Nói đoạn, mặc kệ lời rắn can ngăn, anh nhất định làm theo ý nghĩ của mình, đó là vớt người sắp chết đuối lên bè, cho sưởi

lửa ấm và cho ăn uống tử tế. Sau mấy ngày nước rút đi hết, anh thả tất cả những con vật lên bờ. Còn người nọ vì gia đình phiêu bạt, nhà cửa trôi mất cả nên anh cho ở lại với mình cùng câu cá nuôi nhau và coi như em ruột.

Đến lúc con rắn nước trở về thủy phủ thì nó mời anh cùng đi theo xuống giang sơn của cha mình. Dọc đường, rắn bảo bạn: "Nếu cha tôi có cho gì thì anh nhớ đừng nhận, mà chỉ xin lấy cây đàn thất huyền. Đàn ấy nếu có giặc, gảy một bài là có thể làm cho giặc phải tan. Vua Thủy thấy có bạn của con tới chơi lấy làm mừng rỡ, đãi anh chàng rất hậu. Khi vua Thủy sai quân hầu mang vàng bạc châu báu đến biếu, anh nhớ lời rắn cố khước từ, chỉ xin có mỗi một chiếc đàn thất huyền. Vua Thủy nể chàng, thuận cho ngay. Anh trở về cõi đất, quý chiếc đàn vô hạn. Một hôm anh có việc phải đi xa. Trước khi đi, anh giấu chiếc đàn thần dưới cót thóc, dặn người bạn chớ có bén mảng đến chỗ cót thóc đó. Nhưng người kia nghe dặn, nghĩ rằng dưới ấy tất có vật quý bèn cố tâm kiếm tìm, quả bắt được cây đàn. Hắn đã biết sự mầu nhiệm của chiếc đàn ấy bèn lấy trộm rồi trốn đến kinh đô để lập công danh. Hồi ấy quân đội nhà vua phải đối địch với một nước láng giềng luôn luôn kéo quân sang quấy nhiễu bờ cõi. Hắn vào xin vua đi diệt giặc dữ. Nhờ có chiếc đàn thần, hắn đã làm cho quân giặc thua chạy. Lúc thắng trận trở về, hắn được nhà vua hết lời khen ngợi, phong làm đại tướng, ban lộc rất hậu. Được giàu sang, hắn không còn nghĩ gì đến ân nhân của mình nữa. Nhà vua toan gả công chúa cho đại tướng nhưng vừa hứa hôn thì bỗng dưng công chúa bị câm. Vì thế hôn lễ đành phải hoãn lại chờ lúc công chúa lành bệnh mới cử hành.

Lại nói chuyện anh chàng câu cá khi trở về thấy mất bạn lại mất cả cây đàn thất huyền thì vội bỏ nhà đi tìm. Vào đến kinh đô, một hôm anh gặp người bạn kia bây giờ đang ngồi trên kiệu sơn son thiếp vàng, có quân gia theo hầu đông nghịt. Anh đón kiệu lại, cất tiếng hỏi thăm bạn cũ. Nhưng vừa gặp ân nhân của mình hắn đã vội thét lính bắt trói lại. Thế rồi, để khỏi lộ chuyện, hắn vu cho anh làm giặc, sai nhốt một chỗ kín đáo,

không cho ăn, để chờ ngày đưa ra pháp trường. Trong ngục tối, giữa khi anh chàng đang than thân trách phận thì bầy kiến ngày xưa đã tìm được cách lọt vào hỏi thăm: "Tại sao ông bị giam ở đây?". Anh chàng ngơ ngác không hiểu tiếng ai hỏi mình, bèn hỏi lại: "Ai đó? Tại sao tôi chỉ nghe tiếng mà không thấy người?".

- "Chúng tôi là bầy kiến mà ông cứu khỏi nạn lụt ngày xưa, hiện đang ở dưới chân ông đây!". Anh chàng cúi xuống tìm kiến rồi kể chuyện cho kiến nghe nông nỗi của mình. Kiến nói: "Chúng tôi không thể làm được gì nhưng để chúng tôi đi kiếm con chuột ngày ấy, may ra chuột có kế gì chăng".

Lũ kiến bèn chia nhau mỗi con một phương đi kiếm chuột và báo tin không may của ân nhân cho chuột biết. Chuột bảo: "Bây giờ chắc ông ấy đói lắm, để tôi mang vào ngục một ít thức ăn đã. Rồi tôi sẽ đi kiếm con trăn xem thử nó có mưu gì chăng". Chuột liền đưa khoai và bánh lấy trộm được của một nhà hàng vào ngục cho anh chàng ăn. Anh tỏ lời cám ơn. Rồi cả gia đình nhà chuột lại kéo nhau đi tìm trăn. Lúc sắp đến nhà trăn, cả bầy chuột sợ trăn ăn thịt bèn trèo lên cây cao gọi xuống: "Bác trăn ơi! Bác trăn ơi!". Khi trăn ra, một con chuột già đánh bạo xuống kể chuyện cho trăn biết. Trăn nhả ra một viên ngọc bảo chuột đưa về cho ân nhân mà rằng: "Viên ngọc này mài ra thành bột có thể chữa lành câm. ân nhân của chúng ta có thể đem chữa bệnh cho công chúa rồi nhờ đó mà thoát nạn". Khi được ngọc, anh chàng gọi người cai ngục đến nói mình có phép cứu công chúa khỏi câm. Người ta dẫn anh đến trước vua. Quả nhiên sau khi công chúa uống nước ngọc mài bỗng nói được, và câu đầu tiên của nàng là đòi lấy người cứu mình làm chồng. Vua rất khen ngợi, hỏi anh ta vì sao có thứ thuốc thần diệu đến thế. Anh chàng kể lại đầu đuôi câu chuyện, từ lúc câu được rắn, cứu được các con vật và người, cho đến lúc bị người phản bội, còn các con vật lại tìm cách trả ơn, trong đó có con trăn cho mình viên ngọc quý. Vua nghe xong tặc lưỡi: "Thật là bụng dạ con người sâu hiểm hơn cả những con vật nguy hiểm!". Lập tức vua sai lính bắt giam tên

đại tướng bất nghĩa kia để chờ ngày phán xử. Còn anh chàng đi câu được vua cho làm quan và gả công chúa. Anh ta sống một cuộc đời sung sướng hơn trước. Ngày nay câu: "Cứu vật vật trả ân, cứu nhân nhân trả oán", dùng để mỉa mai những người lấy oán trả ân, thua kém cả loài vật.

Ở hiền gặp lành

Đã lâu lắm rồi, không còn ai nhớ năm tháng nào nữa, có một thanh niên dân tộc Mèo tên là A-páo. Cha mẹ mất sớm, A-páo phải dắt em đi xin ở giúp việc cho một gia đình giàu có. Nhưng gia chủ từ chối. Buồn quá, A-páo đành phải dẫn em lang thang khắp chốn để đào củ mài nướng ăn. Đêm về, hai anh em ôm nhau ngủ trong hang đá.

Một sớm nọ, mặt trời chưa mọc, cây cỏ, núi đồi đang chìm đắm trong biển sương mù thênh thang. A-páo đã phải thức dậy dẫn em đi đào củ mài. Bỗng trên đường đi, A-páo trông thấy một con chó sói đang cưỡi trên bụng cụ già mặc quần áo đỏ, và sắp sửa rút ruột nạn nhân để ăn. Nhanh như cắt, vớ vội thanh gỗ lớn, A-páo liền chạy ngay đến định đánh chó sói thì nó đã chạy đi chỗ khác. A-páo nâng cụ già dậy và ái ngại, hỏi:

- Cụ có sao không?

Cụ già chỉ lắc đầu mà không đáp.

A-páo hỏi tiếp:

- Cụ đi đâu sớm thế?

- Cũng như các cháu! Ông cụ vừa trả lời vừa phủi áo đi thẳng.

A-páo chẳng thấy phiền hà gì, lại dẫn em đi. Cố công đào củ mài mà chẳng tìm thấy, đến khi mặt trời đứng bóng, A-páo mới đào được một củ nhỏ bé. Đói quá, A-páo nhóm lửa nướng ăn. Lúc này, cụ già mặc áo đỏ lại lững thững bước tới, tay xoa bụng, mồm lẩm bẩm:

- Đói quá! Trời ơi, đói quá!

Nhìn dáng thiểu não của cụ, A-páo động lòng thương hại, vội dập tắt lửa, lấy củ mài mời cụ:

- Chúng cháu không có cơm gạo gì, có củ mài đây, mời cụ ăn tạm đỡ đói...

Cụ già đưa tay cầm lấy và ngấu nghiến ăn. Em của A-páo hỏi:

- Cụ có nhà ở không?

- Cũng như các cháu! Ông cụ trả lời rồi lại tiếp tục ăn.

- Vậy cụ theo cùng chúng cháu nhé! A-páo nói.

- Nhưng lão không đào được củ mài đâu. Lão vô tích sự lắm!

- Cụ đừng nói thế! Đã có cháu lo! A-páo vừa nói vừa đứng dậy, đi đào thêm củ mài.

Đến khi mặt trời sắp lặn, A-páo đào thêm khá nhiều củ mài. Trở lại chỗ cũ, chỉ thấy em ngồi một mình, A-páo bèn hỏi:

- Cụ già đâu?

Người em nói:

- Cụ ấy đi rồi. Sao anh đi lâu thế?

- Anh phải đào ở một nơi xa. Thế cụ đi đâu?

- Cụ không bảo gì cả, em làm sao biết... à, cụ gởi cho anh cái này.

Vừa nói, người em vừa trao cho A-páo một thanh đá trắng.

Cầm thanh đá trắng trên tay, A-páo nói một mình:

- Đá này dùng vào việc gì bây giờ? Ông cụ khó hiểu thật! Ước gì gặp ông cụ để hỏi cho tường tận...

A-páo vừa nói dứt câu thì bỗng đâu cụ già xuất hiện trước mặt hai anh em. Lần này, cụ có vẻ cốt cách của một ông tiên, cụ nói:

- Thanh đá này quý lắm. Ta cho hai cháu vì hai cháu hiền từ và giàu lòng thương người. Ở hiền gặp lành, ở dữ gặp ác, đời là vậy!

Nhìn A-páo một lúc lâu, cụ già thong thả nói tiếp:

- Thanh đá này giúp cháu thỏa mãn hai điều mơ ước. Nó đã thực hiện giùm cháu điều ước thứ nhất. Bây giờ còn lại một điều cuối cùng. Cháu hãy suy nghĩ kỹ đi rồi hãy nói...

Cụ già nói đến đây thì biến mất. Hai anh em A-páo cúi rạp mình xuống đất, lạy lấy lạy để khắp bốn phương hướng.

Tay mân mê thanh đá quý, A-páo ngẫm nghĩ một hồi, rồi thong thả nói:

- Nếu đá thương anh em tôi thì làm ơn giúp tôi có được sức khỏe dồi dào. Sức khỏe cần lắm, quý lắm! Không có sức khỏe làm sao tôi nuôi được em tôi?

Quả nhiên điều ước cuối cùng của A-páo trở thành sự thật. Người chàng tự nhiên nghe rần rần: tay chân bỗng dưng nở lớn, lồng ngực căng phồng... A-páo vô tình bóp tay, viên đá tan thành từng mảnh vụn, nhỏ và nhẹ như bụi bay. A-páo biết là thanh đá quý lại trở về tay ông cụ già hồi nãy bởi vì hai điều ước của chàng đã được thỏa mãn. Một lần nữa, A-páo cùng em lạy tạ ơn tiên.

Trước đây, A-páo làm quần quật suốt ngày mà chỉ phát được khoảng nương đủ cho ba dây bí bò. Từ khi có thêm sức khỏe, A-páo càng làm càng khỏe, không hề biết mệt. Mỗi sáng chàng có thể phát nương rộng ra để trồng được tới 40, 50 cân bắp giống. Ngoài ra A-páo còn thừa sức trồng được đồi bí bát ngát.

Nhờ có sức khỏe, A-páo thu hoạch được khá nhiều, không còn phải sống lang thang nghèo khó, xác xơ như trước. Lúc này, chàng nghĩ tới chuyện dựng nhà để ở.

Nghĩ thì làm, ngày ngày A-páo vào rừng đốn gỗ một cách hăng say và thích thú. Một hôm đang cắm cúi đốn gỗ thì A-páo bỗng nghe tiếng khì khì ở đằng sau, tiếp đó là câu nói:

- Chú tiều phu tí hon ơi! sức chú không đáng một nhúm, cớ sao dám phá nhà của ta?

A-páo quay lại thấy một con voi khổng lồ đang đứng sừng sững sau lưng. Không một chút sợ hãi, A-páo dõng dạc nói:

- Ta muốn làm nhà to, ắt phải chặt cây lớn. Ai biết đâu nhà của voi?

Chú voi khổng lồ cuộn vòi lên, thách thức:

- Này chú, chú muốn lấy gỗ cũng được, nhưng trước hết hãy đọ sức với ta chút đã. Nếu chú thắng cuộc, ta sẽ mang gỗ ấy về tận nhà chú. Ngược lại, nếu chú thua thì...

Nói chưa dứt lời, chú voi khổng lồ đã đến sát bên A-páo. A-páo bình tĩnh nhảy phắt lên cây. Voi lấy vòi cuốn cây, nhổ lên dễ dàng như nhổ một cây đậu mới đâm chồi xanh. A-páo nhanh nhẹn nhảy xuống ngồi chễm chệ trên lưng voi, quát:

- Voi! Ngươi thua trí ta rồi đó! Người hãy mang cây gỗ lớn kia về nhà cho ta!

Voi ngần ngừ chưa chịu đi. A-páo nhanh nhẩu nói:

- Ta đồng ý là ngươi mạnh, nhưng mạnh chưa đủ, mà phải cần thêm trí khôn nữa. Không có trí khôn thì sức mạnh chỉ bằng thừa. Ngươi nên nhớ điều này: người chỉ huy không cần sức mạnh, mà cần có trí khôn...

Voi nghe A-páo nói một cách chăm chú. Một lúc sau, voi hỏi:

- Thế thì trí khôn dùng để làm gì? Có giết được ai đâu!

A-Páo trả lời:

- Ngươi lầm rồi! Có sức mạnh, ngươi chỉ có thể đánh bại đối thủ của ngươi, nhưng nếu có trí khôn, ngươi có thể điều khiển đối thủ và biến đối thủ thành đồng minh, biến thù thành bạn...

Voi nghe mà không nói gì nữa, hậm hực giậm chân như ngụ ý bảo A-páo chỉ đường cho voi cùng về. Rõ ràng là voi vẫn chưa phục A-páo! Biết thế, A-páo vội nhảy xuống đất, đứng trước mặt voi, nói chuyện để gây cảm tình voi:

- Voi à! Chú đừng hậm hực thế! Tôi đâu nói tôi mạnh hơn chú! Thâm tâm tôi vẫn phục chú cơ mà! Nhưng này! Voi không nên ỷ mạnh để hiếp tôi! Lấy mạnh hiếp yếu là hành động xấu lắm! Tại sao chúng ta không thể là đôi bạn chân tình?!

Lời nói ngọt ngào của A-páo làm thỏa mãn sự tự ái của voi. Voi thích lắm, nên chịu làm bạn với A-páo. Thế là voi dùng sức mạnh của nó để giúp chàng mang gỗ về nhà. Ngồi trên mình voi, A-páo không ngớt nói chuyện cùng con thú khổng lồ, nhờ thế đường dài hóa ngắn vì cả hai vui chuyện mà quên mệt.

Từ khi có voi làm bạn, công việc xây cất nhà cửa được tiến hành tốt đẹp và nhanh chóng. Chẳng bao lâu, nhà đã xong. A-páo để cho voi ngủ dưới nhà sàn. Chỗ ở của voi cũng sạch sẽ, khang trang nên voi thích lắm. Nhờ có voi trợ lực nên càng ngày

A-páo càng thu hoạch được nhiều hoa màu. Vì thế chẳng mấy lúc, A-páo sống sung túc, giàu có.

Nhưng ngờ đâu, cuộc sống sung túc hiện tại của anh em A-páo lại là nguyên nhân khiến cho kẻ giàu có trong làng tên là Y-pút ghen tỵ ngấm ngầm. Lòng dạ nó nham hiểm hơn rắn rít, nó không ngớt đợi dịp để phá A-páo...

Và dịp đó đã đến. Số là bữa nọ, A-páo cùng chú voi khổng lồ ra nương sớm. Chỉ có một mình em A-páo ở nhà.

Đang đi được nửa đường thì tự nhiên A-páo thấy mặt trời dao động, rồi vun vút bay qua những làn mây đục, được một lúc thì biến mất. Sau đó, từ trên trời nước rơi xuống ào ào, và tiếng la vang động cả núi đồi. Khi nước ngừng rơi, tiếng la ngừng bặt thì tự dưng A-páo thấy đầu nhức nhối khó chịu, chân tay bải hoải mỏi mệt lạ thường. Biết là điềm gở, A-páo cùng voi hối hả quay về.

Chưa về đến nơi, A-páo đã thấy em đang ngồi trên một tảng đá khóc tức tưởi. A-páo và voi cùng hỏi một lượt:

- Sao lại bỏ nhà ra đây ngồi khóc?

Ngừng khóc, người em nhìn A-páo, nói:

- Anh ơi, nhà mất rồi!

A-páo và voi cùng ngạc nhiên, hỏi gấp:

- Sao? Nhà mất rồi? Sao nhà lại mất? Nói mau đi, em!

Người em vừa nức nở vừa kể: khi A-páo và voi đi nương được một lúc, tên nhà giàu Y-put đã đem theo bọn thuộc hạ của nó đến đánh em và cướp nhà rồi. A-páo nghe xong ruột gan sôi lên sùng sục. Căm giận Y-pút, A-páo nói với chú voi khổng lồ:

- Này bạn voi à! Chẳng lẽ chúng ta mất nhà vô lý như vậy sao? Ta phải cướp lại mới được!

Chú voi gật đầu đồng ý. Thế là cả hai anh em A-páo đều ngồi trên lưng voi, tiến về nhà. Voi cũng căm giận lắm, để hả giận, nó vừa đi vừa lấy vòi nhổ những thân cây bên đường, ném xuống đất kêu rầm rầm.

Đi được một quãng đường, cả ba dừng lại: Trước mặt họ,

một cụ già chống gậy bước tới. Nhận ra đúng là vị Tiên dạo nọ, hai anh em A-páo vội vàng nhảy xuống đất lạy Tiên lia lịa. Tiên ra dấu cho hai anh em ngừng lạy, rồi ôn tồn nói:

- Hai cháu và chú voi kia đi báo thù tên gian ác đấy à? Phải lắm! Nhưng để tăng thêm sức mạnh cho hai cháu, ta cho cái này...

Nói đến đó, Tiên đến bên A-páo trao cho chàng chiếc gậy. A-páo biết là gậy thần nên quý lắm, vội rủ em và voi lạy tạ ơn Tiên. Khi cả ba ngớt lạy, ngẩng nhìn lên thì Tiên không còn đứng đó nữa.

A-páo đưa gậy thần cho em giữ, lòng hí hửng vì biết rằng, với chiếc gậy thần này, chàng có thể đánh bại Y-pút dễ dàng.

Hai anh em A-páo lại leo lên mình voi, tiếp tục đi. Lần này voi có vẻ bớt giận không còn phá cây cối nữa. Một lúc sau, họ về đến nhà. Y-pút đang đứng chỉ tay năm ngón ra lệnh cho tôi tớ sửa sang lại ngôi nhà mà nó vừa cướp được.

A-páo đã giận, nhìn thấy cung cách trơ trẽn của Y-pút, lại càng giận hơn. A-páo nhảy xuống đất, chạy nhanh đến gần Y-pút, nói:

- Sao ông đến cướp nhà tôi? Đã có nhà cửa rồi, sao còn tham thế? Nếu biết điều, xin ông đi chỗ khác...

Y-pút không nói không rằng, đánh mạnh vào mặt A-páo. Em A-páo và chú voi khổng lồ thấy thế vội nhảy vào định can thiệp, nhưng bọn người nhà tên Y-pút kịp thời ngăn chặn. A-páo vừa giơ cao chiếc gậy thần thì bỗng dưng, từ chiếc gậy, một luồng hào quang nhắm thẳng vào Y-pút rồi lại tạt ngang qua bọn lâu la của nó. Chỉ trong nháy mắt, cả bọn cướp nhà, kẻ sưng đầu, người sưng mặt, kêu la oai oái trên đường thoát chạy. Riêng Y-pút thì bị thương nặng. Bọn lâu la vội tải thương nó, chạy qua mặt voi.

Chú voi khổng lồ chặn lại không cho đi. Voi dõng dạc nói với Y-pút:

- Không ai thương kẻ gian ác như mày đâu!

Chú voi vừa nói vừa thò vòi quấn lấy Y-pút ném ra xa chừng hơn trăm thước.

Từ đó hai anh em A-páo lại có nhà, có rẫy, nương. Hàng ngày A-páo lại cùng chú voi khổng lồ đi phát nương trồng bắp, gieo bí. Càng ra sức lao động, A-páo càng khỏe mạnh. Và chẳng mấy chốc, bắp tốt, bí tươi, A-páo cùng chú voi thân yêu lại có dịp thu hoạch thêm hoa màu tươi tốt.

Gốc tích cái nốt dưới cổ con Trâu

Ngày đó Trâu cùng nói một thứ tiếng với người. Nhờ thế người dùng lời nói để sai khiến con vật theo ý muốn của mình rất tiện. Cũng nhờ thế, những gã mục đồng đối với Trâu không dám đánh đập tàn tệ hoặc cho ăn thiếu thốn vì sợ Trâu mách chủ.

Vào hồi đó có một người làm ruộng nuôi một con Trâu cày, đồng thời cũng thuê một cậu bé để chăn con Trâu ấy. Người và vật lúc đầu rất tương đắc. Nhưng sau rồi hai bên bất bình với nhau. Cậu bé này tính ham chơi, nhiều khi quên mất phận sự của mình làm cho Trâu nhiều lúc chẳng được miếng gì vào bụng.

Có bữa vì say mê một cuộc đánh khăng hay đánh đáo, nhưng lại sợ Trâu ăn lúa, cậu ta đã cột Trâu lại một nơi không cho ăn. Những lúc đó, để che mắt chủ, hắn đã dùng một mẹo là lấy mo cau áp một lớp vào bụng con vật, rồi trát đất bùn ra ngoài. Cứ như thế, hắn dắt Trâu về chuồng. Chủ nhà nhìn thấy bụng trâu căng tròn thì tỏ ý hài lòng mà không căn vặn gì nữa. Nhờ mẹo ấy, cậu ta đã lừa được chủ nhiều lần nhưng cũng nhiều lần làm cho Trâu rất tức tối.

Một hôm, cậu bé mải chơi quá, hội đánh đáo làm cho cậu bé quên mất cả. Nhưng Trâu thì nhịn từ trưa cho đến chiều. Trâu gọi mãi, nhưng cậu bé nào có để ý đến. Buổi chiều hôm ấy Trâu định mách chủ nhưng cậu bé khôn ngoan dùng lời lẽ không cho Trâu có dịp mở miệng. Buổi sáng hôm sau, người chủ dắt Trâu ra cày ruộng. Trâu cố làm ra bộ bước không muốn nổi. Chủ gắt:

- Nào có đi mau lên không. Đồ lười!

Trâu trả lời:

- Không phải lười mà tại đói.

Chủ hỏi tiếp:

- Thế nào? Ngày nào mà thằng bé chả cho mày ăn một bụng no căng.

Bấy giờ trâu mới vạch mặt:

- Cưỡi Trâu ra đánh khăng đánh đáo, cưỡi Trâu về nói láo Trâu no. No gì mà no: trong mo ngoài đất sét, ỉa cái phẹt, hết no.

Sự giả dối của cậu bé chăn Trâu vì thế bại lộ. Ngay buổi trưa hôm đó người chủ vừa lột những cái mo đầy bùn dưới bụng Trâu vừa đánh cho cậu bé một trận tơi bời. Cậu bé đau ê cả người. Nhưng Trâu thì rất hả hê và từ hôm đó ngày nào cũng được ăn no lại được tắm rửa sạch sẽ.

Qua mấy ngày sau, những chỗ bị đánh hãy còn sưng húp, cậu bé ngồi trên bờ ruộng khóc. Trong khi đó Trâu ung dung ăn cỏ. Bỗng dưng có một ông lão hiện ra sau lưng, hỏi cậu bé vì cớ gì mà khóc. Cậu bé chỉ vào Trâu mà nói: "Tại nó cả. Vì nó mách chủ...". Cậu bé kể cho ông nghe hết đầu đuôi.

Ông lão nghe xong dỗ dành cậu bé và nói: "Ta rất thương con gặp phải chuyện không may. Bây giờ con muốn gì ta sẽ làm cho con vui lòng". Hắn đáp: Vì nó biết nói làm cho con phải đòn. Bây giờ chỉ muốn làm thế nào cho nó không thể nói được nữa. Ông lão bảo: "Việc đó không khó. Ta sẽ có phép làm cho con vừa ý".

Ông lão bèn rút trong người ra một cây hương đốt lên thổi phù vào Trâu, rồi bất thình lình ông lấy cây hương đó gí vào dưới cổ con vật. Trâu cố giãy giụa nhưng không kịp. Trâu kêu lên oai oái khản cả cổ. Tiếng nói của Trâu dần dần mất hẳn. Cuối cùng, lúc nào muốn nói, Trâu chỉ còn phát ra có mỗi một tiếng "nghé ọ..." mà thôi. Chỗ bị thương sau thành một cái sẹo như cái nốt ruồi, từ đó Trâu không nói được nữa. Cả dòng dõi nhà Trâu sinh ra cũng đều không biết nói và cũng đều mang cái nốt ở dưới cổ cho mãi đến ngày nay.

Gốc tích tiếng kêu của Vạc, Cốc, Bồ nông, Đa Đa và Chuột

Xưa Cò, Vạc, Cốc, Bồ nông và Đa đa ăn ở với nhau như anh em một nhà. Chúng nó sống một cuộc đời sung sướng và hòa thuận. Con nào con ấy đều có nhà cửa, ruộng đồng riêng, nhưng mỗi khi kiếm được món gì ngon như mớ cá, rổ tép... trong đồng của mình thì chúng thường chia nhau ăn rất vui vẻ, tử tế.

Không ngờ một ngày kia chúng nó rủ nhau đánh bạc. Trước còn đánh một đồng, hai đồng nhưng sau ăn thua lớn. Trong cuộc bạc hôm ấy, Cò vơ tất cả. Cuối cùng cả mấy con kia phải vay nợ của Cò để gỡ gạc, nhưng chúng chỉ "gỡ vào" mà thôi. Hơn nữa, Cò âm mưu với Chuột viết vào văn tự nhiều hơn số tiền bọn họ đã vay. Vì không biết chữ, không ngờ bị Chuột làm gian nên hầu hết tài sản của Vạc, Cốc, Bồ nông và Đa đa đều thuộc về tay Cò cả.

Thua cay hơn hết là Đa đa. Cờ bạc đến lúc "khát nước" nó bèn chơi rất táo bạo. Vì thế, đến lúc phủi áo đứng dậy, Đa đa đã gán hết từ ruộng đồng cho đến nhà ở của mình cho Cò. Ngay buổi sáng hôm sau, Đa đa trần như nhộng, phải bán xới đi kiếm ăn ở miền núi cao. Bồ nông không thua quá nhiều như Đa đa. Nhưng Chuột đã chơi cho nó một vố khá đau. Trong văn tự, Chuột đã viết là Bồ nông sẽ gán tất cả phần đồng điền của nó nếu quá hạn không trả được nợ.

Vì thế đến hạn, Bồ nông mất hết cả ruộng đồng, chỉ còn lại cái nhà ở. Từ đó nó phải ngày ngày đi làm thuê làm mướn kiếm ăn rất cực khổ.

Còn Vạc chỉ thua có ba mươi quan. Nhưng khi nhờ Chuột làm giấy hộ, Chuột đã viết con số ba thành con số chín. Cho

nên cuối cùng Vạc cũng mất gần hết phần ruộng đồng của mình cho Cò. Nhưng Vạc vốn không sợ Cò. Không dám kiếm ăn công khai thì Vạc ta lại kiếm ăn lẩn lút trên đồng đất của Cò. Đêm đến, chờ khi Cò về nhà nghỉ ngơi, Vạc mới mò ra đồng ăn trộm con tôm, cái tép. Nhờ thế cũng đủ sống qua ngày.

Riêng Cốc cũng thua cháy túi như Đa đa. Cuối cùng vốn liếng còn lại chỉ mười quan định để dành đong gạo, nhưng mê cờ bạc quá nó đánh luôn một lần vào cửa lẻ. Khi mở bát ra thì bốn đồng tiền trắng xóa làm cho Cộc sững sờ, rồi ngất đi. Cho đến khi những con khác gào vào tai: "Thua rồi, ớ Cốc!" thì nó mới tỉnh dậy, và vì xấu hổ quá nên đâm đầu chạy miết, không ngoái cổ lại.

Còn Cò nhờ cuộc bạc hôm ấy lại nhờ khóe gian của Chuột, nên làm chủ đồng ruộng mênh mông. Hàng ngày nó bay hết đồng này sang đồng khác ăn uống thỏa thích. Từ đó, dòng dõi của Cò thong dong đi lại kiếm ăn ban ngày. Người ta bảo "ruộng cò bay thẳng cánh" là thế. Trên đầu nó có mấy cái lông "seo" người ta vẫn gọi là "cò văn tự", để chỉ những khế tự giấy tờ của nó mang theo luôn luôn bên người.

Dòng dõi Vạc thì chờ lúc tắt mặt trời mới rúc ra khỏi bụi tre và kêu luôn mồm: "Thua một vác! Thua một vác!". Trời chưa sáng, chúng nó đã lò mò về tổ, chỉ sợ dòng dõi nhà Cò bắt gặp.

Dòng dõi của Bồ nông thường kêu những tiếng ai oán: "Đông Tây tứ chi bán hết! Mần như ri cực cực! Mần như ri cực cực!".

Dòng dõi nhà Đa đa thì không dám trở về quê hương đồng ruộng nữa. Tuy thế, chúng nó vẫn kêu lên những lời tỏ ý tiếc nhớ đời sống sung sướng ở đồng ruộng của cha ông chúng ngày trước: "Tiếc rổ tép đa đa! Tiếc rổ tép đa đa!".

Dòng dõi Cốc thì thỉnh thoảng lại gào lên mấy tiếng: "Thua rồi, ớ Cốc!" rồi đâm đầu xuống nước, lặn một mạch thật xa mới trồi đầu lên tìm chỗ vắng mà đậu.

Còn chuột, người ta bảo trong việc làm gian lận nói trên, nó chả được lợi lộc gì cả. Dòng dõi của nó ngày nay sống trốn tránh lẩn lút chỉ sợ con cháu Vạc và Bồ nông báo thù. Miệng vẫn kêu mấy tiếng: "Chín chục! Chín chục!".

Tục ngữ có câu:

Con vạc bán ruộng cho cò,
Cho nên vạc phải ăn mò cả đêm.

Hay là:

Vạc sao vạc chẳng biết lo,
Bán ruộng cho cò, vạc phải ăn đêm.

Hồn Trương Ba, da hàng thịt

Ngày xưa, có một người đánh cờ tướng rất cao tay tên là Trương Ba. Chưa có một tay cờ nào địch lại nổi anh ta. Một hôm, có người đánh cờ với Trương Ba, bị dồn vào thế bí, ngồi nghĩ mãi không biết đi nước nào gỡ thua được, anh ta mới bảo: "Nước cờ này chỉ có tiên cờ là Đế Thích mới có thể gỡ được, chứ người trần chơi cờ thì chỉ có nước hàng mà thôi".

Vừa lúc ấy có một ông lão ăn mày ghé vào nhà Trương Ba xin, thấy hai người đang ngồi đánh cờ, liền đến ghé mắt xem, biết người kia đang bí nước, mới xin đi thử gỡ một nước xem sao.

Trương Ba cười rồi nói:

"Cờ này chỉ có Đế Thích hiện xuống may ra mới gỡ được, chứ ông thì tài cờ đến đâu mà đòi thử"?

Lão ăn mày cố nài:

"Ông cứ cho tôi đi thử một nước xem sao?".

Trương Ba nhận lời, ông lão đi ngay một nước gỡ khỏi thế bí, rồi dồn luôn Trương Ba vào chỗ phải thua. Trương Ba vừa tức vừa kinh ngạc nhìn sững ông lão hồi lâu, rồi bước xuống đất mời địch thủ ngồi lên cao, sụp lạy mà nói rằng:

"Tôi dám chắc cụ là tiên cờ Đế Thích chứ chẳng phải người phàm".

Ông lão từ chối, chỉ nói mình là kẻ nghèo hèn, nhưng

Trương Ba không chịu nghe cứ lạy mãi, khiến cụ già ăn mày phải thú thật:

"Tôi là Đế Thích nghe anh nhắc đến tôi, nên tôi phải đến xem anh đánh cờ thế nào, thấy anh quả thật là tay cờ giỏi, đáng khen. Cùng làng cờ với nhau, tôi muốn giúp anh một việc: số anh gần đến ngày chết, anh bảo cho vợ anh biết là khi anh nằm xuống rồi thì chị ấy nhớ thắp hương lên mà vái tên tôi, tôi sẽ hiện xuống cứu giúp anh sống lại".

Nói rồi vị tiên cờ biến mất, Trương Ba liền gọi vợ ra căn dặn theo đúng lời Đế Thích đã dặn.

Cách đó ít lâu, Trương Ba chết, người vợ thương khóc lo việc chôn cất, quên mất lời dặn của Đế Thích. Một tháng sau, dọn dẹp trong nhà trông thấy bàn cờ tướng, người vợ mới sực nhớ tới lời căn dặn của chồng, bèn thắp hương lên gọi tên Đế Thích. Chỉ chốc lát, Đế Thích hiện lên, người vợ kể lại sự tình rồi van xin cứu cho chồng sống lại

Đế Thích nói: "Anh Trương Ba chết đã lâu, da thịt rữa nát rồi, làm sao mà hồn nhận lại xác cho được nữa?".

Vợ Trương Ba lạy khóc mãi không cho Đế Thích đi, khẩn nài làm sao cho chồng sống lại. Đế Thích còn đang phân vân, thì hay tin lối xóm có người bán thịt heo vừa chết, mới bảo vợ Trương Ba.

"Chỉ còn cách cho hồn chồng chị nhập xác vào người bán thịt, chị có bằng lòng chăng?"

Vợ Trương Ba không còn biết tính làm sao, đành phải bằng lòng.

Đế Thích bèn làm phép đem hồn Trương Ba nhập vào xác người bán thịt mà sống lại. Vợ người bán thịt mừng rỡ thấy chồng sống lại, song người bán thịt lại không nhận ra người vợ cũ mình là ai, xem tất cả chung quanh đều xa lạ. Vừa lúc ấy vợ Trương Ba đến, người bán thịt chạy ra mừng rỡ ôm lấy mà nhận là vợ mình. Vợ Trương Ba đã nghe lời Đế Thích bảo, nên cũng mừng rỡ nhận người bán thịt là chồng, rồi đưa về nhà.

Vợ người bán thịt chạy theo níu lại:

"Người này là chồng tôi sao chị lại dẫn đi?".

Vợ Trương Ba cãi lại:

"Chồng của tôi sao chị chạy theo giành?".

Rồi hai người đàn bà cãi nha, giành giật, đánh nhau tranh chồng, kiện đến quan.

Quan hỏi người bán thịt nhận ai là vợ, anh ta chỉ vào vợ Trương Ba và bảo vợ cũ của mình là vợ người bán thịt ở lối xóm. Quan hỏi cách làm heo bán thịt thế nào anh ta nói không biết, hỏi đến cách đánh cờ tướng, anh ta trả lời rất thạo. Viên quan lấy làm khó xử vì hồn người này lại xác người kia, mới gọi vợ Trương Ba hỏi nhỏ xem trong khi chồng chị còn sống có làm điều gì đặc biệt không. Vợ Trương Ba thật tình kể lại việc Đế Thích xuống đánh cờ, có hứa lúc nào chồng thị chết, thì gọi đến ông sẽ cứu sống lại, nhưng rủi thị quên đi, đến khi xác chồng chết đã nát thịt rồi mới nhớ gọi đến, may có người bán thịt mới chết, Đế Thích mới đem hồn Trương Ba nhập vào xác người bán thịt mới chết này. Viên quan cho đòi riêng người bán thịt đến hỏi có biết Đế Thích không, anh ta trả lời y chang như vợ Trương Ba nói, nên được xử cho về nhà Trương Ba. Người vợ anh bán thịt đành phải chịu mất chồng.

Núi vàng núi bạc

Ngày xưa, một nhà nọ có hai anh em, cha mẹ mất sớm, để lại cho họ một gia tài cũng khá giả trong vùng. Từ trước hai anh em vẫn ở chung với nhau. Nhưng từ khi người anh lấy vợ thì mọi chuyện có nhiều thay đổi. Người anh bảo người em:

Bây giờ đã đến lúc chia gia tài để cho mày hoặc ăn, hoặc làm với người ta.

Đến ngày chia của, người anh đưa ra một tờ giấy bảo em:

- Của cải cha mẹ để lại có ba giống: Giống đực, giống cái,

giống con. Mày bé bỏng tao nhường tất cả những đồ vật giống đực, còn giống cái và giống con thì phần tao. Nghe chưa! Nếu mà mày bằng lòng thì ký vào đây.

Người em ngây thơ tưởng là anh thương thật nên không nghi ngờ gì cả, ký ngay vào giấy. Cuộc chia của bắt đầu. Những đồ vật nào mà chả gọi là "cái" hay là "con". Người anh đếm mãi: "Cái nhà này là của tao, con trâu này là của tao, cái chum này là của tao, cái bừa này là của tao...". Suốt từ sáng cho đến chiều, những của chìm của nổi đã sắp vơi mà vẫn chưa có đồ vậy nào là giống đực cả. Mãi cho đến khi chiều tối, người em tức giận mới chụp cây dao rựa dựng ở hè mà nói với người anh rằng:

- Cái này là "đực rựa" thuộc về phần tôi!

Nói xong, vác rựa lùi lũi đi khỏi nhà giữa lúc người anh cười ha hả vì thấy mưu kế của mình thành công.

Từ đó người em vác rựa vào rừng chặt củi kiếm kế sinh nhai. Vì không có nhà anh ta phải ngủ tạm hết nhà bà con này đến nhà bà con khác. Có hôm phải ngủ đình ngủ chùa, ngủ cầu ngủ quán như kẻ cầu bơ cầu bất. Nhưng người em vẫn chăm chỉ làm ăn để khỏi cái nhục chìa tay xin ăn.

Một hôm, khi trăng non vừa mọc, anh đang ngủ say bỗng giật mình tỉnh dậy, anh ngỡ là trời đã sáng, vớ lấy cây rựa đi miết vào rừng. Đến cửa rừng mới hay là mình nhầm, bấy giờ mới là nửa đêm. Không thể quay trở lại được anh bèn nằm duỗi chân dưới gốc cây cổ thụ định bụng nằm ở đó chờ trời sáng, nhưng anh lại ngủ quên lúc nào không hay. Anh đâu ngờ đây là nơi chơi đùa của một bầy khỉ. Hôm ấy như thường lệ, chúng cũng kéo nhau đến đây chơi đùa. Nhưng khi thấy gốc cây có một người lạ đang nằm ngủ chúng bèn dừng lại. Cho rằng đó là một thây người chúng bèn kéo nhau xúm đến khiêng đi chôn để lấy chỗ nhảy nhót. Đang đi, người em bỗng tỉnh giấc thấy mình đang lơ lửng trên không anh toan la lên, nhưng thấy hay hay, anh quyết định cứ nằm im xem bọn khỉ quyết định khiêng mình đi đâu. Hồi lâu, anh thấy bọn khỉ dừng lại hỏi với nhau:

- Núi vàng núi bạc, chôn vào hố bạc, không chôn hố vàng!

Nhưng trong bầy khỉ có một con đầu đàn lại bảo bọn kia:

- Núi vàng núi bạc, chỉ chôn hố vàng, không chôn hố bạc!

Thế là bọn khỉ lại khiêng anh đến chỗ khác xa hơn. Đến nơi, chúng đặt anh xuống, rồi kéo nhau trở về gốc cây cổ thụ. Anh nhìn xung quanh mình thấy những cục vàng sáng chói thì mừng lắm. Chờ cho lũ khỉ đi khuất anh mới đứng dậy nhặt đầy túi vàng mang về. Từ đó anh trở thành người giàu có. Anh hết làm nhà cửa, lại đến tậu ruộng vườn, nuôi trâu, bò, cuộc đời muôn phần tươi vui hơn trước.

Câu chuyện người tiều phu lên núi bắt được vàng giờ đây đã lan truyền khắp nơi. Người anh nghe nói nửa tin nửa ngờ. Một hôm, nhân ngày giỗ của cha, người anh bèn tìm đến nhà người em, lấy cớ là bảo em về cúng cha nhưng thực ra anh ta muốn dò xét ra sao. Bước vào nhà em, người anh không giấu được vẻ ngạc nhiên. Anh ta hỏi:

- Từ dạo ấy đến giờ, chú làm ăn thế nào mà phát tài dữ vậy?

Người em vui vẻ kể tỉ mỉ cho người anh câu chuyện lên rừng gặp khỉ, và may mắn nhặt được vàng ra sao. Nghe xong, người anh cũng mượn ngay cây rựa và cũng chờ một đêm trăng non, một mình vác rựa lên cửa rừng. Hắn cũng giả vờ nằm duỗi chân dưới gốc cây cổ thụ nọ. Lát sau, quả có bầy khỉ đến nhảy nhót quanh gốc cây, và khi thấy người lạ nằm choán hết chỗ vui chơi của chúng, chúng cũng xúm lại khiêng đi luôn, vì chúng cũng tưởng là một cái thây người chết.

Đang bị khiêng đi, vừa nghe thấy bầy khỉ nói:

- Núi vàng núi bạc, chôn vào hố bạc, không chôn hố vàng!

Thì hắn vội ngẩng đầu cãi lại:

- Chôn vào hố vàng chứ! Chôn vào hố vàng chứ!

Bầy khỉ không ngờ là người sống, chúng sợ hãi quăng hắn xuống rồi bỏ chạy. Hắn bị lăn xuống sườn núi đập đầu vào đá, vỡ sọ chết.

Từ đó người em sống trong cảnh giàu sang, phú quý mà không bao giờ phảo lo nghĩ gì.

Kiện cành đa

Ngày xưa có hai vợ chồng người lái buôn hương. Lấy nhau đã lâu mà họ chưa có con cái. Chồng vắng nhà liên miên, chỉ thỉnh thoảng mới về một lần. Có lần chồng đi khá lâu. Vợ ở nhà lọt vào mắt một tên xã trưởng. Dựa vào quyền thế, xã trưởng tìm cách quyến rũ người đàn bà đó và hai người nảy sinh qan hệ với nhau. Nhưng hắn rất khôn ngoan, thỉnh thoảng mượn cớ đi tuần đến với người đàn bà một lần. Vì thế trong xóm ngoài làng không ai nghi ngờ gì cả. Lần ấy ông lái hương mải mê buôn bán nên không tiện về nhà. Ông cất hàng đi rất xa và kiếm được nhiều tiền. Sau ba năm, một hôm gần ngày giỗ cha, ông mới sực nhớ đến vợ bèn thu xếp tiền nong về quê cũ. Sắp về tới làng thì trời đã tối, ông sực nghĩ tới số tiền công lao mồ hôi nước mắt trong mấy năm trời: "Ta đi vắng lâu quá! Không biết chừng ở nhà có gì thay đổi". Nghĩ thế, ông đem 120 lạng bạc trong bồ ra buộc làm một gói. Khi đến cây đa đầu làng, ông ta trèo lên và đem số bạc ấy giấu vào hốc cây, ông khấn:

- Tôi là dân làng này, tôi làm ăn dành dụm được có chừng ấy, tôi gửi cho ngài, trăm sự nhờ ngài giữ hộ. Vợ thấy chồng về thì nhanh nhảu chuẩn bị cơm nước và tiếp đón hết sức thân mật. Nhưng khi nhìn thấy chiếc bồ không, liền hết lời trách móc:

- Anh buôn thua bán lỗ làm sao mà bỏ vợ dại ở nhà ba năm đằng đẵng không đoái hoài gì cả. Tiền nong anh đi đâu? Trời ơi sao mà tệ thế! Thấy tình hình không có gì đáng ngại mà vợ vẫn có vẻ một lòng một dạ với mình, người lái buôn hương yên tâm, nên đêm ấy khi nằm trên giường, ông tỉ tê kể hết việc làm ăn khấm khá của mình, và việc gửi bạc ở hốc cây đa đầu làng cho vợ nghe. Không ngờ đêm ấy, xã trưởng theo thói quen tìm đến nhà ông. Hắn quen chó, lại thuộc cách mở cổng nên chả mấy chốc đã lọt vào thềm nhà. Sắp bước vào

buồng, hắn bỗng nghe tiếng trò chuyện nhỏ to. Biết là chồng cô đã về, hắn đứng lại nghe ngóng. Và khi biết rõ người lái buôn hương giấu bạc ở cây đa, hắn mừng quá vội lủi một mạch ra đầu làng, cuỗm ngay gói bạc.

Rạng ngày hôm sau, khi người lái buôn hương ra lấy bạc thì ôi thôi, bạc đã không cánh mà bay mất từ bao giờ. Xót lòng vì mất của mà không biết kêu van với ai, ông ta đấm ngực kêu trời thảm thiết. Mãi về sau nghe tin gần miền có một ông Trạng xử kiện nổi tiếng, ông bèn chặt lấy một cành đa mang đến kiện với Trạng. Tuy thấy sự tình éo le, Trạng cũng nhận lấy cành đa rồi bảo người lái buôn hương về, sáng mai lại đến. Lập tức, Trạng sai quân hầu rào bốn bên cây đa lại, không cho một ai đến gần, rồi ngầm sai đào hố ở gốc, cho người xuống nấp dưới đó. Sáng hôm sau, Trạng đến đóng dinh ở gần cây rồi trước mặt bàn dân đông đủ, Trạng bắt nguyên cáo và bị cáo ra đối chất. Cây nhận có giữ gói bạc nhưng không biết người nào lấy đi. Hỏi mãi cây vẫn không khai được một điều gì. Quân hầu của Trạng được lệnh khảo đả cây túi bụi. Mọi người đứng trước dinh Trạng đều nghe bị cáo van khóc rối rít.

Mãi đến ngày thứ ba, bị cáo mới tả cho biết mặt mũi người ăn trộm, nhưng chỉ nói riêng cho Trạng nghe mà thôi. Liền đó, Trạng cho người lái buôn hương về, ba ngày sau sẽ bắt tên trộm hoàn lại số tiền, nhưng trước đó phải dọn cỗ bàn tạ thần linh và mời làng nước đến ăn mừng về việc tìm lại được của. Trạng còn ghé tai dặn nhỏ ông ta: "Trong nhà có bao nhiêu chó dữ phải thả ra trong khi khách đến".

Người lái buôn hương tin lời Trạng, về nhà mổ trâu khoản đãi bà con làng nước. Mỗi một người đến ăn cỗ lại làm cho mấy con chó một phen sủa hết hơi. Duy chỉ có xã trưởng vì ba năm lui tới nên chó không còn lạ hơi nữa. Khi thấy mấy con chó vẫy đuôi mừng xã trưởng, lập tức những người của Trạng, chực sẵn ở sau nhà, ra bắt lấy giải đi. Trước mặt Trạng, ban đầu xã trưởng chối lấy chối để. Nhưng sau thấy Trạng vạch tội hắn có ngành có ngọn và cho biết thêm là cây đã thú thật mặt mũi người lấy trộm như thế, nên hắn đành cúi đầu nhận tội.

Ngày nay, người dân Nghệ Tĩnh có câu kiện cành đa ý nói kiện một cách gián tiếp, nghĩa là kiện một sự việc này nhưng chính nhờ đó mà nảy ra ánh sáng một sự việc khác.

Lạc Long Quân và Âu Cơ

Cách đây lâu đời lắm, ở Lĩnh Nam có một thủ lĩnh tên là Lộc Tục, hiệu là Kinh Dương Vương, sức khoẻ tuyệt trần, lại có tài đi lại dưới nước như đi trên cạn. Một hôm, Kinh Dương Vương đi chơi hồ Động Đình, gặp Long Nữ là con gái Long Vương, hai người kết thành vợ chồng và ít lâu sau sinh được một bé trai, đặt tên là Sùng Lãm. Lớn lên Sùng Lãm rất khoẻ, một tay có thể nhấc bổng tảng đá hai người ôm. Cũng như cha, Sùng Lãm có tài đi lại dưới nước như đi trên cạn. Khi nối nghiệp cha, chàng lấy hiệu là Lạc Long Quân.

Lúc bấy giờ ở đất Lĩnh Nam còn hoang vu, không một nơi nào yên ổn, Lạc Long Quân quyết chí đi du ngoạn khắp nơi.

Đến vùng bờ biển Đông Nam, Lạc Long Quân gặp một con cá rất lớn. Con cá này đã sống từ lâu đời, mình dài hơn năm mươi trượng, đuôi như cánh buồm, miệng có thể nuốt chửng mười người một lúc. Khi nó bơi thì sóng nổi ngất trời, thuyền bè qua lại đều bị nó nhấn chìm, người trên thuyền đều bị nuốt sống. Dân chài rất sợ con quái vật ấy. Họ gọi nó là Ngư Tinh. Chỗ ở của Ngư Tinh là một cái hang lớn ăn sâu xuống đáy biển, trên hang có một dãy núi đá cao ngăn miền duyên hải ra làm hai vùng.

Lạc Long Quân quyết tâm giết loài yêu quái, trừ hại cho dân, nên đã đóng một chiếc thuyền thật chắc và lớn, rèn một khối sắt có nhiều cạnh sắc, nung cho thật đỏ, rồi đem khối sắt xuống thuyền chèo thẳng đến chỗ Ngư Tinh ở. Lạc Long Quân giơ khối sắt lên giả cách như cầm một người ném vào miệng cho nó ăn. Ngư Tinh há miệng đón mồi. Lạc Long Quân lao thẳng khối sắt nóng bỏng vào miệng nó. Ngư Tinh bị cháy

họng vùng lên chống cự, quật đuôi vào thuyền của Lạc Long Quân. Lạc Long Quân liền rút gươm chém Ngư Tinh làm ba khúc. Khúc đầu hoá thành con chó biển. Lạc Long Quân lấy đá ngăn biển chặn đường giết chết con chó biển, vứt đầu lên một hòn núi, nay gọi hòn núi ấy là Cẩu Đầu Sơn, khúc mình của Ngư Tinh trôi ra xứ Mạn Cẩu, nay còn gọi là Cẩu Đầu Thủy, còn khúc đuôi của Ngư Tinh thì Lạc Long Quân lột lấy da đem phủ lên hòn đảo giữa biển, đảo ấy nay còn mang tên là Bạch Long Vĩ.

Trừ xong nạn Ngư Tinh, Lạc Long Quân đến Long Biên. Ở đây có con cáo chín đuôi sống đến hơn nghìn năm, đã thành tinh. Nó trú trong một hang sâu, dưới chân một hòn núi đá ở phía tây Long Biên. Con yêu này thường hoá thành người trà trộn vào dân chúng dụ bắt con gái đem về hang hãm hại. Một vùng từ Long Biên đến núi Tản Viên, đâu đâu cũng bị Hồ Tinh hãm hại. Nhân dân hai miền rất lo sợ, nhiều người phải bỏ cả ruộng đồng, nương rẫy, kéo nhau đi nơi khác làm ăn.

Lạc Long Quân thương dân, một mình một gươm đến sào huyệt Hồ Tinh, tìm cách diệt trừ nó.

Khi Lạc Long Quân vừa tới cửa hang, con yêu tinh thấy bóng người, liền xông ra, Lạc Long Quân hoá phép làm mưa gió, sấm sét vây chặt lấy yêu tinh. Giao chiến ba ngày ba đêm, con yêu tinh dần dần yếu sức, tìm đường tháo chạy, Lạc Long Quân đuổi theo chém đứt đầu nó. Nó hiện nguyên hình là một con cáo khổng lồ chín đuôi. Lạc Long Quân vào hang cứu những người còn sống sót, rồi sai các loài thuỷ tộc dâng nước sông Cái, xoáy hang cáo thành một vực sâu, người đương thời gọi là đầm Xác Cáo, đời sau mới gọi là Tây Hồ.

Dẹp yên nạn Hồ Tinh nhân dân quanh vùng lại trở về cày cấy trên cánh đồng ven hồ, và dựng nhà lập xóm trên khu đất cao nhất gọi là làng Hồ, đến nay vẫn còn.

Thấy dân vùng Long Biên đã được yên ổn làm ăn Lạc Long Quân đi ngược lên vùng rừng núi đến đất Phong Châu. Ở vùng này có một cây cổ thụ gọi là cây chiên đàn, cao hàng nghìn trượng, trước kia cành lá sum suê tươi tốt che kín cả một

khoảng đất rộng, nhưng sau nhiều năm, cây khô héo, biến thành yêu tinh, người ta gọi là Mộc Tinh. Con yêu tinh này hung ác và quỷ quyệt lạ thường. Chỗ ở của nó không nhất định, khi thì ở khu rừng này, khi thì ở khu rừng khác. Nó còn luôn luôn thay hình đổi dạng ẩn nấp khắp nơi, dồn bắt người để ăn thịt. Đi đến đâu cũng nghe thấy tiếng khóc than thảm thiết, Lạc Long Quân quyết ra tay cứu dân diệt trừ loài yêu quái. Lạc Long Quân phải luồn hết rừng này đến rừng kia và qua nhiều ngày gian khổ mới tìm thấy chỗ ở của con yêu. Lạc Long Quân giao chiến với nó một trăm ngày đêm, làm cho cây long đá lở, trời đất mịt mù mà không thắng được nó. Cuối cùng Lạc Long Quân phải dùng đến những nhạc cụ như chiêng, trống nó khiếp sợ và chạy về phía Tây Nam, sống quanh quất ở vùng đó, người ta gọi là Quỷ Xương Cuồng.

Diệt xong được nạn yêu quái, Lạc Long Quân thấy dân vùng này vẫn còn đói khổ thiếu thốn, phải lấy vỏ cây che thân, tết cỏ tranh làm ổ nằm bèn dạy cho dân biết cách trồng lúa nếp, lấy ống tre thổi cơm, đốn gỗ làm nhà sàn để ở, phòng thú dữ. Lạc Long Quân còn dạy dân ở cho phải đạo cha con, vợ chồng. Dân cảm ơn đức ấy, xây cho Lạc Long Quân một toà cung điện nguy nga trên một ngọn núi cao. Nhưng Lạc Long Quân không ở, thường về quê mẹ dưới thủy phủ và dặn dân chúng rằng: "Hễ có tai biến gì thì gọi ta, ta sẽ về ngay". Lúc bấy giờ có Đế Lai từ phương Bắc đem quân tràn xuống phương Nam. Đế Lai đem theo người con gái yêu rất xinh đẹp của mình là Âu Cơ và nhiều thị nữ. Thấy Lĩnh Nam phong cảnh tươi đẹp, lại nhiều chim muông, nhiều gỗ quý. Đế Lai sai quân dựng thành đắp lũy định ở lâu dài. Phải phục dịch rất cực khổ, nhân dân chịu không nổi, hướng về biển Đông gọi to: "Bố ơi! Sao không về cứu dân chúng con!". Chỉ trong chớp mắt, Lạc Long Quân đã về.

Nhân dân kể chuyện, Lạc Long Quân hóa thành một chàng trai rất đẹp, có hàng trăm đầy tớ theo hầu, vừa đi vừa hát đến thẳng chỗ Đế Lai ở. Lạc Long Quân không thấy Đế Lai đâu cả, mà chỉ thấy một cô gái nhan sắc tuyệt trần cùng vô số thị tỳ và

binh lính. Cô gái xinh đẹp đó là Âu Cơ. Thấy Lạc Long Quân uy nghi tuấn tú nàng đem lòng say mê, xin đi theo Lạc Long Quân. Lạc Long Quân đưa Âu Cơ về ở trong cung điện của mình, trên núi cao. Đế Lai về, không thấy con gái đâu, liền sai quân lính đi tìm khắp nơi, hết ngày này qua ngày khác. Lạc Long Quân sai hàng vạn các ác thú ra chặn các nẻo đường, xé xác bọn chúng làm cho chúng khiếp sợ bỏ chạy. Đế Lai đành thu quân về phương Bắc.

Lạc Long Quân ở với Âu Cơ được ít lâu thì Âu Cơ có mang, sinh ra một bọc. Sau bảy ngày cái bọc nở ra một trăm quả trứng. Mỗi trứng nở ra một người con trai. Trăm người con trai đó lớn lên như thổi, tất cả đều khôi ngô khoẻ mạnh và thông minh tuyệt vời.

Hàng chục năm trôi qua, Lạc Long Quân sống đầm ấm bên cạnh đàn con, nhưng lòng vẫn nhớ thuỷ phủ. Một hôm Lạc Long Quân từ giã Âu Cơ và đàn con, hóa thành một con rồng vụt bay lên mây, bay về biển cả. Âu Cơ và đàn con muốn theo Lạc Long Quân, nhưng không đi được, buồn bã ở lại trên núi. Hết ngày này qua ngày khác, họ mỏi mắt trông chờ mà vẫn không thấy Lạc Long Quân trở về. Nhớ chồng quá, Âu Cơ đứng trên ngọn núi cao hướng về biển Đông lên tiếng gọi: "Bố nó ơi! Sao không về để mẹ con chúng tôi sầu khổ thế này".

Lạc Long Quân trở về tức khắc. Âu Cơ trách chồng:

- Thiếp vốn sinh trưởng ở núi cao, động lớn, ăn ở với chàng sinh được trăm trai, thế mà chàng nỡ lòng bỏ đi, để mặc con thiếp sống bơ vơ khổ não.

Lạc Long Quân nói:

- Ta là loài rồng, nàng là giống tiên, khó ở với nhau lâu dài. Nay ta đem năm mươi con về miền biển, còn nàng đem năm mươi con về miền núi, chia nhau trị vì các nơi, kẻ lên núi, người xuống biển, nếu gặp nguy hiểm thì báo cho nhau biết, cứu giúp lẫn nhau, đừng có quên.

Hai người từ biệt nhau, trăm người con trai toả đi các nơi, trăm người đó trở thành tổ tiên của người Bách Việt. Người

con trưởng ở lại đất Phong Châu, được tôn làm vua nước Văn Lang lấy hiệu là Hùng Vương. Vua Hùng chia ra làm mười lăm bộ, đặt tướng văn, võ gọi là lạc hầu, lạc tướng. Con trai vua gọi là quan lang, con gái vua gọi là mỵ nương. Ngôi vua đời đời gọi chung một danh hiệu là Hùng Vương.

Lạc Long Quân là người mở mang cõi Lĩnh Nam, đem lại sự yên ổn cho dân. Vua Hùng là người dựng nước, truyền nối được mười tám đời. Do sự tích Lạc Long Quân và Âu Cơ, nên dân tộc Việt Nam vẫn kể mình là dòng giống Tiên Rồng.

Lọ nước thần

Ngày xưa có một anh chàng trẻ tuổi chưa có vợ, sống bằng nghề làm ruộng. Một ngày nọ anh xách búa lên rừng đốn củi. Trong khi đang lúi húi chặt cây, anh trông thấy một con quạ tha một con chim sẻ tới đậu trên một phiến đá ở gần chỗ mình đang làm việc. Nhìn thấy thế, anh bỗng động lòng thương con chim bé bỏng sắp sửa lọt vào miệng loài ác điểu. Anh bèn nhặt hòn đá ném con quạ. Quạ giật mình bỏ mồi vỗ cánh bay lên. Tức giận vì bị hỏng ăn, quạ chửi rủa om sòm. Anh nhặt đá ném và mắng: - "Đồ chim dữ! Hãy cút ngay!". Quạ hậm hực bay đi, miệng còn đe dọa sẽ báo thù. Anh chàng chạy lại nhặt con chim sẻ đang thoi thóp, cố tìm cách ấp ủ cho nó sống lại. Quả nhiên, chỉ một lúc sau, con chim sẻ đã hồi tỉnh và bay được. Nó cảm ơn anh và bảo anh ngồi chờ để nó đưa biếu một vật. Một lát sau, con chim đã bay trở lại miệng ngậm một cái lọ nhỏ và đặt xuống bên cạnh và nói:

- Đây là lọ nước thần có phép làm cho người già thì trẻ lại, vật nhỏ thì lớn thêm, trần gian không ai có.

Nói rồi nó vỗ cánh bay đi. Anh ngồi tần ngần mở nút ra xem thì thấy đầy một lọ nước mùi thơm ngào ngạt. Anh nghĩ bụng: "Những thứ này chỉ để cho các bà quan làm đỏm, có đâu để hạng chúng ta dùng". Rồi anh nút lọ lại cẩn thận, khi gánh củi

về, treo lọ trên kèo nhà. Và rồi thời gian trôi qua, vì bận công việc làm ăn, anh cũng quên đi, không nghĩ tới cái lọ ấy nữa.

Ít năm sau đó, chật vật mãi anh chàng mới cưới được vợ. Vợ anh cũng con nhà nông, quanh năm chân lấm tay bùn, nên đen đủi, xấu xí. Nhưng hai vợ chồng thì rất thương yêu nhau.

Một hôm chồng đi cày vắng, người vợ ở nhà quét dọn khắp nơi. Thấy một cái lọ con treo trên kèo nhà, chị bèn bắc ghế lấy xuống mở nút ra xem. Khi ngửi thấy mùi thơm, chị ta đoán là dầu thơm gội đầu. Lát sau, chị nấu nước tắm gội rồi tiện tay đổ lọ nước ra bôi khắp tóc tai mình mẩy. Không ngờ sau khi bôi xong chị ta tự nhiên trở nên xinh đẹp trắng trẻo, nhan sắc mỹ miều ít ai sánh kịp. Nước thần trôi xuống mấy luống hành bên cạnh giếng, khiến cho những cây hành cũng tự nhiên lớn phổng lên một cách lạ thường: củ to như bình vôi, dọc hành bằng đòn gánh.

Khi người chồng đi cày về nhìn mặt vợ thì ngẩn cả người cứ tưởng là tiên sa xuống cõi trần, nếu không có tiếng nói thì cơ hồ anh không nhận ra là vợ mình. Nghe vợ nhắc đến lọ nước thơm, anh mới sực nhớ tới chuyện báo đền của con chim sẻ ba năm về trước. Nỗi vui mừng của anh không thể kể xiết và anh ngắm vợ mãi không thấy chán mắt, rồi kể lại câu chuyện cũ cho vợ nghe.

Từ đấy anh cứ quấn quýt lấy vợ không rời. Công việc đồng áng vì thế cũng có phần bê trễ. Nhưng cứ ở nhà mãi thì đói mất nên anh đành phải đi làm. Để khỏi nhớ vợ, anh thuê thợ vẽ hình vợ. Mỗi khi ra đồng làm việc, anh lại treo bức tranh ở bờ ruộng để nhìn cho thỏa.

Một hôm anh đang cày ruộng, bức tranh được treo lên một cái cọc cắm ở trên bờ. Vừa cày được mươi luống, tự nhiên con quạ năm xưa ở đâu sà xuống quắp lấy bức tranh mang đi. Anh chàng ở bên kia bờ thấy vậy, bèn hò hét đuổi theo nhưng không kịp. Quạ đã cất cánh bay cao và bay đi rất xa, chỉ một loáng đã mất hút. Báo thù việc anh ném đá giành mồi của nó ngày xưa, quạ mang bức tranh vào đến tận kinh đô, thả xuống sân rồng. Bọn lính thị vệ thấy sự lạ lùng, bèn nhặt lên đem trình vua.

Cầm lấy bức tranh vẽ, nhà vua ngắm nghía mãi không chán mắt, bụng bảo dạ: "Trong ba cung sáu viện của ta đã có nhiều người đẹp, nhưng chưa có người nào đẹp bằng người đàn bà trong tranh này. Hẳn là trời sai con quạ đến mách cho ta đây!".

Lập tức vua ra lệnh cho một quan đại thần và một trăm thị vệ phải tìm cho được người đàn bà đã vẽ trong tranh mang về. Quan đại thần cho người về các địa phương sục sạo khắp hang cùng ngõ hẻm. Để việc tìm tòi có hiệu quả, chúng bày ra trò mở hội ở các vùng chúng đến để cho mọi người đổ về xem. Mỗi lần thấy dân tập hợp đông đúc, chúng đưa bức tranh ra và nói là tình cờ bắt được, người nào mất thì đến nhận.

Một hôm, chúng tới vùng quê hai vợ chồng anh chàng có lọ nước thần và cũng bày trò mở hội ba ngày đêm. Quả nhiên anh chàng bị sa vào mưu gian. Khi nhìn thấy bức tranh anh không đắn đo gì cả, lật đật bước tới để nhận. Nhưng anh không ngờ bọn lính chộp lấy anh như chộp con mồi. Chúng theo ngay anh về nhà và thấy ngay người đàn bà trong tranh. Mừng quá chúng vội đưa kiệu rước về kinh đô, mặc kệ cho người chồng vật mình than khóc.

Sau khi bị bắt vào cung, người đàn bà không cười không nói, áo đẹp không mặc, đầu không chải và không cho một ai đến gần. Đem được người đẹp về cung, nhà vua hết sức mừng rỡ, nhưng cũng hết sức buồn phiền vì mọi thứ dỗ dành, dọa nạt đều không thể làm cho người ngọc nở một nụ cười. Vua bèn hạ lệnh cho rao trong dân chúng hễ ai có cách gì làm cho nàng cười nói lên được, thì sẽ ban thưởng cho quan cao lộc hậu. Nghe tin này, có nhiều người, từ những vai hề nổi tiếng, những ông trạng cười cho đến các bậc lương y, các pháp sư phù thủy v.v... đua nhau vào kinh, hy vọng dùng tài phép làm cho người đàn bà phải buột miệng nói cười để mong ân thưởng. Nhưng dù đã giở đủ mọi trò, đều vô hiệu.

Lại nói chuyện anh chồng từ khi vợ bị quan quân bắt đi thì không còn thiết làm ăn gì nữa. Khi nghe tin loan báo ai làm cho người đẹp trong cung nói cười được thì vua sẽ ban thưởng, anh biết là vợ mình đang ở cung vua, bèn quyết vào kinh tìm vợ.

Trước khi đi, anh nhổ mấy củ hành ở cạnh giếng buộc làm một gánh, quảy theo. Đến kinh đô, anh quảy gánh của mình đi lại trước cửa hoàng cung rao to lên những câu:

Dọc bằng đòn gánh
Củ bằng bình vôi
Ai mua hành tôi
Thì thương tôi với!

Tiếng rao của anh vọng vào cung mỗi lúc một lớn. Nét mặt của vợ anh tự nhiên cũng mỗi lúc mỗi tươi. Cuối cùng, nàng quay lại bảo thị nữ:

- Hãy gọi người hàng hành vào cho ta!

Khi nhìn thấy mặt chồng, vợ anh cười lên một tiếng. Thấy người đàn bà lần đầu tiên cười nói, vua sung sướng như mở cờ trong bụng, lại thấy những cây hành to lớn lạ thường thì lấy làm kinh ngạc. Vua ngỡ là nhờ những cây hành kỳ lạ này mà người đẹp nói cười. Vua liền nẩy ra ý nghĩ muốn tự mình cải trang gánh hành để làm vui lòng người đẹp. Vua bảo anh chồng:

- Hãy đặt gánh hành lại đó và cởi áo ra mau!

Vua cởi áo long bào vứt cho anh và mặc áo của anh vào. Vua còn bắt anh bày cho mình học thuộc câu rao, rồi quảy gánh qua lại trước mặt người đẹp, cất tiếng rao mới học được. Thấy vậy, vợ anh hàng hành cười nghặt nghẽo. Vua thích thú lại càng làm già. Nhưng đột nhiên người đẹp bảo thị nữ thả đàn chó ra. Chó thấy vua ngỡ là người lạ liền nhảy xô tới cắn chết. Người đàn bà vội bảo chồng:

- Mình hãy mau mau trèo lên ngai vàng đi!

Anh chồng lật đật trèo lên ngai vàng giữa lúc trăm quan và cung nữ rập đầu bái lạy. Từ đó anh làm vua và ở với vợ trọn đời.

Lưỡi dao thần

Xưa kia, có một em bé ở đợ chăn trâu cho nhà giàu. Đàn trâu nhà này đông lắm, không ai chịu cho em chăn chung. Quanh năm em phải một mình chăn riêng đàn trâu, giữa chốn rừng hoang, đồng vắng. Chẳng có ai trò chuyện. Đến bữa, tuy nắm cơm của mình đã ít ỏi, em cũng bẻ đôi, lấy một nửa vãi ra cho lũ chim ăn cho vui.

Một hôm em bé ngồi trong bóng cây trú nắng, gió thổi mát quá, em ngủ quên, đến lúc thức dậy, thì đàn trâu đã đi mất. Em tìm khắp cánh đồng mà chẳng thấy. Lo mất trâu, sợ chủ đánh, em liền theo bờ sông ngược lên, đi tìm. Đến chỗ con sông khúc, nước xoáy tròn như chong chóng, hai bên bờ có nhiều cây lạ, hoa thơm, cỏ non tươi tốt, thì gặp đàn trâu. Đúng trưa, mặt trời đỏ rực như một chậu lửa. Nóng quá, em xuống sông tắm. Có một con rùa nước chỉ bằng quả trứng, bị hòn đá to đè lên một chân. Con rùa quẫy mãi mà không sao rút chân ra được. Em bé thương con rùa, đến vần hòn đá cứu sống nó. Từ đó trở đi, hôm nào em cũng đuổi trâu đến đấy. Vì cây cỏ chỗ này tươi tốt bốn mùa.

Ngày tháng trôi qua, đàn trâu đã trông lớn gấp đôi. Em bé cũng đã trở thành một chàng trai khoẻ mạnh. Một hôm chàng trai đang ngồi dưới bóng cây, vãi cơm cho chim ăn, bỗng nghe gió thổi ào ào, cỏ cây bốn bên ngã rạp. Chàng nhìn lên trời, thấy ba chị em cô tiên rẽ mây bay xuống. Ba cô tiên đáp xuống chỗ xoáy nước cởi áo để bên bờ, rồi cùng lội ra tắm. Ba cô đều đẹp, nhưng cô út xinh nhất. Chàng chăn trâu muốn lấy cô này làm vợ, liền lẻn ra lấy bộ xiêm áo của cô rồi vào bụi ngồi. Mặt trời đã đứng bóng. Các cô tiên sắp sửa về cõi tiên, nhưng cô tiên út bị mất xiêm áo, ngồi trong bụi cây, cô tiên cả vỗ tay ba cái. Chiếc áo liền bay vụt ra, còn chàng chăn trâu thì nằm lăn ra chết. Từ hôm ấy trở đi, khi mặt trời tròn bóng, ba cô tiên

đều xuống đây tắm. Còn xác chàng chăn trâu thì đã thối rữa, hoá bọ, hoá giòi. Có một con giòi rẽ đám, bò ra, rơi xuống sông, gặp con rùa bị đá đè, được chàng chăn trâu cứu mấy năm về trước, cũng đang luẩn quẩn ở đây.

Con rùa này là con vị Thủy thần, khi đi chơi, bị mắc cạn, nhờ ơn cứu sống, con rùa chờ dịp báo đền. Hôm nay, con rùa biết chàng chăn trâu bị chết, nên đến đây cứu. Trông thấy con giòi rơi, rùa đến ngửi hơi, biết là chàng chăn trâu đang chết ở đây. Rùa bò lên bờ, tìm được. Nó nhỏ vào cái thây chết ba giọt nước bọt. Chàng chăn trâu sống lại, ngồi thẳng lên, người khoẻ mạnh gấp mấy lần trước kia. Rùa bảo chàng:

- Ơn người, ta đã đền rồi! Nay ta bảo cho thêm một cây thuốc sống. Giữ cây thuốc sống này bên mình, người sẽ sống mãi. Có ai chết, lấy cây thuốc này chỉ vào người chết sẽ sống lại.

Nói xong, rùa biến mất. Chàng chăn trâu chưa hết ngơ ngác bàng hoàng, đã thấy cây thuốc trước mắt. Cây thuốc chỉ bằng que tăm, xanh như lá mạ, hai đầu bằng nhau, chẳng biết đâu là gốc đâu là ngọn. Chàng xé vải áo cài cây thuốc vào. Ba cô tiên lại rẽ mây bay xuống. Tưởng không còn ai, cả ba cô vứt khăn áo trên bờ, chạy ùa xuống nước. Có cây thuốc sống chàng trai chẳng sợ chết nữa, đi thẳng đến lấy chiếc áo của cô thứ ba cắp vào nách, đứng nhìn. Ba cô tiên trông thấy, chạy ùa lên bờ, vỗ tay, hoá phép. Chàng vẫn đứng trơ trơ. Hai cô chị sợ quá, vội vàng tranh lấy áo mặc, bay về trời. Còn cô thứ ba ở lại, làm vợ chàng chăn trâu.

Lấy được người vợ xinh đẹp, nhưng chàng chăn trâu vẫn sống trong cảnh nghèo nàn. Tuy vậy, vợ chồng ăn ở hoà thuận. Sau một năm, hai người đã sinh được một con trai. Một hôm, vào giữa mùa cày, chàng đuổi trâu đi chăn. Vợ chàng ở nhà, trút bồ thóc ra phơi. Trông thấy chiếc áo tiên mà người chồng giấu dưới đáy bồ, cô vợ đem ra ướm thử. Đi đã lâu, nàng tiên nhớ cha, nhớ mẹ, nhớ chị, nhớ cả làng tiên, nên bay vút lên trời. Khi đuổi trâu về, thấy nhà vắng, con khóc, bếp không có lửa, chàng chạy vào tìm chiếc áo tiên, thì chiếc áo đã mất. Biết vợ đã về trời, chàng đứng ngồi không yên. Thương xót, khóc

than... Chàng bế con đi tìm vợ, không biết bao giờ mới trở lại nhà cũ cảnh xưa. Trước khi đi, chàng bế con đến thăm lại chỗ xoáy nước. Con rùa lại chờ chàng ở đó. Rùa cho chàng thêm hai viên thuốc, một thanh đao, và dặn:

- Thuốc phải uống ngay mỗi người một viên. Còn thanh đao thì chớ để mất. Bao giờ gặp tai biến, đao sẽ tự giải nguy.

Chàng chăn trâu cho con uống một viên thuốc. Đứa bé mới biết ngồi, bỗng to lớn khoẻ mạnh hơn cha. Chàng uống luôn viên thuốc còn lại. Người chàng cũng cao hơn, khoẻ hơn trước kia năm bảy lần, đủ sức đi cùng trời cuối đất. Chàng liền đeo vào lưng, cầm cây thuốc sống trong tay, đưa con đi thẳng về hướng mặt trời mọc.

Đi được ba tháng, cha con chàng gặp một con rác. Con rác cao như bụi tre, chân to bằng chân cột đình. Rác thích ăn lươn sống. bắt hai cha con chàng đi tìm lươn cho nó ăn. Nó bảo:

- Nếu cha con mày trốn, tao sẽ cắt đứt đầu. Trong vòm trời này, chỗ nào tao cũng bay đến, trốn đâu tao cũng tìm được.

Có cây thuốc sống trong mình, hai cha con chàng không sợ chết, nhưng biết không làm sao trốn khỏi đôi cánh to như mái đình của con rác, nên phải chịu nghe nó để lần hồi tìm kế thoát thân. Ngày ngày, hai cha con chàng chăn trâu phải ra đồng, bắt cho nó mấy giỏ lươn. Đến mùa mưa bão, nước ngập trắng đồng, không còn chỗ bắt lươn. Con rác đói, nuốt người bố vào bụng nó, mà không bị trầy da, rách thịt. Có sẵn cây thuốc sống trong người, chẳng biết ngạt, biết đau, chàng cựa quậy, cào xé trong ruột con rác. Bị đau, nó vùng vẫy, lăn lộn, giẫm quang một vùng cây rậm rạp. Cuối cùng, con rác phải chịu thua. Nó bảo:

- Tao không bắt mày đi tìm lươn nữa! Cha con mày muốn đi đâu thì đi...

- Mày chẳng làm sao hại được tao. Mày không thả tao cũng chả cần!

Chàng chui lên cổ con rác nói vọng ra những lời đó, rồi cào cấu mạnh hơn.

Con rác nài nỉ:

- Tao cho hai cha con mày hai cái lông của tao, nó rất cần cho những người đi biển.

Để con rác sống e cản trở đường đi, chàng rút dao cắt đứt ruột nó, rạch bụng chui ra, nhổ hai cái lông cánh, rồi đưa con đi tiếp về phía chân trời. Cha con chàng đi chẳng bao lâu đã hết đất, đến biển. Biển rộng mênh mông, nước xanh ngắt, sóng đập ào ào. Xung quanh vắng lặng, chẳng có người qua lại cũng chẳng có thuyền bè ngược xuôi. Hai cha con chàng đem thanh dao vào rừng đẵn một cây to, khoét ruột làm một chiếc thuyền. Người con lấy nước trầu của cha đang ăn sơn lên thành chiếc thuyền màu đỏ. Lại lấy hai cái lông của con rác cắm đứng lên, đợi gió. Hai cái lông to xoè rộng như hai cánh buồm. Chờ đến ngày nổi gió, hai cha con chàng đẩy thuyền ra biển. Gió mạnh, thuyền rẽ sóng chạy băng băng, nhanh hơn ngựa chạy trên đất liền. Mặc cho gió đổi hướng, con thuyền vẫn chạy theo ý định của hai cha con. Chạy qua bên kia biển, con thuyền gếch mũi lên không. Gió lại thổi mạnh. Chiếc thuyền bay bổng lên trời, bay thẳng đến động tiên. Tiên cha đang ngồi xem sách thấy thuyền lao vút đến, liền hỏi các con:

- Đứa nào xuống trần mắc nợ, để người trần lên quấy thiên cung?

Nàng tiên thứ ba thú tội "Trót để nhớ thương cho một người chăn trâu nghèo khổ". Tiên cha nổi giận, truyền trói nàng tiên ấy lại, rồi giục quân ra chặn đánh, không cho hai cha con chàng chăn trâu tiến vào.

Quân lính đổ ra đông như một bầy ong, vây chặt chiếc thuyền. Anh chàng chăn trâu xưa nay chưa hề biết chuyện cung kiếm, cũng như chưa bao giờ thấy quân hùng tướng mạnh, nay gặp quân nhà trời, người anh run cầm cập, một tay cầm dao, một tay ôm chặt "cây sống" vào người. Người con trai cũng chưa biết đánh chác ra sao, nên cứ cầm thanh dao nhìn qua, nhìn lại. Bỗng không biết từ đâu, có tiếng nói vọng đến tai anh: "Bao giờ quân nó đến gần, lật lưỡi dao lên, chúng nó sẽ đứt cổ, thủng bụng".

Anh vững dạ, cầm chắc thanh đao, mắt lăm lăm nhìn quân

tiên tràn tới. Khi quân tiên còn cách mình ba bước, anh lật lưỡi dao lên. Tiên cha lại giục quân ra thêm. Nhưng quân tiên ra bao nhiêu, cũng đều bị lưỡi dao thần giết chết.

Hai cha con chàng đi thẳng vào thiên cung. Quân tiên sợ trốn hết, chỉ còn nàng tiên bị trói đứng đó. Chàng tiến đến cởi dây. Vợ chồng, mẹ con gặp nhau, vừa mừng vừa tủi. Nàng dẫn con và chồng đến xin lỗi cha. Tiên cha hết phép hết quân nên phải bằng lòng để cho nàng tiên út trở về trần gian. Chàng chăn trâu đưa vợ con trở lại chỗ chiếc thuyền. Chiếc thuyền bay thẳng một mạch từ thiên cung về biển, rồi từ biển vào đất liền, ngược theo một con sông trở về làng cũ.

Lưu Bình, Dương Lễ

Ngày xưa, có hai người bạn chơi với nhau rất thân, một người tên là Lưu Bình, một người tên là Dương Lễ. Dương Lễ nhà nghèo, Lưu Bình giàu có bèn đưa bạn về nhà ở, ăn cùng mâm, học cùng đèn, tình bạn hết sức tương đắc. Dương Lễ biết mình nghèo nên hết sức chăm chỉ học tập. Lưu Bình ỷ mình có của, lười biếng học hành, mải mê ăn chơi.

Đến khoa thi, Lưu Bình thi hỏng, Dương Lễ đỗ cao, được bổ đi làm quan. Thấy bạn cùng học có được danh phận, còn mình thì lận đận, Lưu Bình đâm ra chán nản, chơi bời hơn trước. Chẳng bao lâu của cải hết sạch, rồi đến kỳ thi, Lưu Bình lại vác lều chõng ra đi, nhưng lại hỏng như lần trước.

Tiền gạo hết, đường về lỡ bước, Lưu Bình chỉ nhớ đến bạn cũ là Dương Lễ hiện đang làm quan trong vùng, bèn tìm đến hỏi thăm, nhờ bạn giúp đỡ. Dương Lễ tránh mặt, sai lính hầu ra hoạnh hoẹ, dọn đãi Lưu Bình lưng cơm hẩm với đĩa cà thâm. Lưu Bình giận bạn cũ sớm thay lòng đổi dạ, tủi hổ bỏ ra về.

Dọc đường, chàng ghé lại quán trọ nghỉ chân, làm quen với thiếu phụ chủ quán tên là Châu Long đang kén chồng. Nghe Lưu Bình thi hỏng luôn hai khoá, thiếu phụ an ủi chàng đừng

nản chí đèn sách, và tình nguyện lo liệu mọi việc để Lưu Bình có thể yên tâm mà học hành.

Lưu Bình cảm động mà nhận lời, cố gắng dùi mài kinh sử, trong khi người đẹp lo tần tảo nuôi mình ăn học. Trai tài gái sắc cùng sống chung dưới một mái nhà, Lưu Bình có khi không ngăn được sóng tình, muốn cùng được chăn gối, song Châu Long lại nhắc đến lời giao hẹn buổi đầu, là khi nào Lưu Bình thi đỗ thì đôi bên mới thành vợ chồng.

Ngày đêm có người đẹp bên cạnh chăm nom khuyến khích, Lưu Bình phấn khởi ra sức học tập, đến khoa năm đó thi đỗ cao. Ngày vinh quy, Lưu Bình về đến nhà, lòng náo nức vì đã đăng khoa (thi đỗ) và sớm được cùng Châu Long kết tóc xe duyên, nhưng tới nơi thì thấy cửa đóng then cài, không thấy Châu Long đâu nữa. Hỏi thăm rồi cho người đi tìm kiếm khắp nơi cũng không thấy, Lưu Bình nhớ thương buồn bã, băn khoăn không hiểu sao người đẹp - ân nhân, bỗng dưng lại biến mất đúng lúc hiển đạt.

Một hôm đi qua vùng Dương Lễ làm quan, Lưu Bình ghé lại để xem tình đời ra sao, để được có dịp trách mắng thói bội bạc của bạn cũ ngày xưa.

Dương Lễ vui vẻ đón tiếp. Lưu Bình toan thốt lời mỉa mai, bỗng lặng người đi, thấy Châu Long từ trong ra chào. Dương Lễ mới giới thiệu nàng là người thiếp thứ ba của mình. Lưu Bình nghẹn ngào cảm động, thoáng hiểu ngay là bạn đã xử tệ để khích chí mình rồi sai vợ lẽ thay mặt đi giúp đỡ cho bạn ăn học thành tài.

Lưu Bình và Dương Lễ từ đó sống với nhau tình nghĩa càng thân thiết hơn trước.

Mồ Côi xử kiện

Ngày xưa có một viên quan trấn nọ thấy Mồ Côi thông minh hoạt bát, liền đưa chàng về hầu điếu đóm. Trong những buổi xử kiện, viên quan đều cho Mồ Côi đi theo. Vì vậy dần dần Mồ Côi cũng biết cách xử kiện. Nhiều buổi say rượu hoặc mệt mỏi, quan cũng cho phép Mồ Côi hòa giải những vụ xích mích nhỏ. Chàng thường nghe ngóng cẩn thận, nói năng hòa nhã. Và nhờ thông minh, chàng phân xử đâu ra đấy, nên đã nhiều lần làm cho cả bên nguyên cáo lẫn bị cáo hài lòng. Vì thế quan lại càng tin dùng. Còn dân thì mỗi lần phải đưa nhau lên cửa quan thường muốn được Mồ Côi xét xử. Một hôm, có vụ một chủ quán ở chợ kiện một ông cụ già. Chủ quán thưa rằng:

- Hôm nay cửa hàng chúng tôi bị ông cụ này ám. Ông cụ vào hàng, giở gói cơm nắm ra ăn. Vừa ăn cụ vừa nhìn chằm chằm vào tủ hàng đầy thức ăn, và hít rồi nuốt vào cả những hương vị của những miếng thịt lợn quay, những con gà thiến luộc, những con vịt rán tẩm phẩm hồng thơm phức của cửa hàng. Vì cụ hít và nuốt hết mùi thơm của thịt, nên cửa hàng tôi hôm nay không bán được cho ai nữa. Sau khi hít hết hương vị thịt ở cửa hàng của chúng tôi để ăn xong bữa cơm, ông cụ cảm ơn một câu, rồi ra đi mà không trả tiền. Bất đắc dĩ tôi phải đưa ông cụ đến đây nhờ quan lớn minh xét.

Quan bèn quay sang hỏi cụ già. Ông cụ trả lời:

- Tôi vào hàng nhờ ăn miếng cơm nắm, tôi không mua thịt của cửa hàng, thì sao lại cứ nằng nặc đòi tiền tôi.

- Có phải chủ quán tố cáo ông cụ này hít hết hương vị lợn quay, gà luộc, vịt rán của cửa hàng không?

- Đúng như thế ạ! - Chủ quán đáp.

Mồ Côi lại hỏi cụ già:

- Cụ có nhận rằng cụ hít hương thơm lợn quay, gà luộc, vịt rán của cửa hàng không?

Cụ già đáp:

- Tôi nhận rằng có.

Mồ Côi nói:

- Thế là đã rõ, ông cụ đã hít hương vị của nhà hàng, thì ông phải bồi thường cho cửa hàng mới đúng lẽ. Vậy chủ quán muốn bồi thường bao nhiêu?

- Hai mươi đồng.

Mồi Côi nói:

- Nói như thế không có bằng chứng. Tôi muốn hỏi tất cả số thịt quay, gà luộc, vịt rán giá bao nhiêu?

- Hai mươi đồng.

- Đúng như thế hay còn là rẻ. Vậy cụ già, cụ hãy đi vay đâu hai mươi đồng đưa đến đây tôi phân xử cho.

Nghe nói, ông già giẫy nảy, rớm rớm nước mắt nói:

- Ô hay! Như vậy thì còn đâu là lẽ phải? Tôi có đụng chạm đến thức ăn của cửa hàng đâu mà tôi phải trả ngần ấy tiền.

- Cụ cứ đưa tiền đây cho tôi phân xử.

- Tôi chỉ có hai đồng bạc trắng đây mà thôi.

- Cũng được.

Mồ Côi thản nhiên cầm lấy hai đồng bạc bỏ vào một cái bát, rồi úp một cái bát khác lên, đưa cho ông cụ và nói:

- Cụ hãy cầm lấy bát xóc lên cho đủ mười lần. Còn ông chủ quán, ông hãy chịu khó vểnh cả hai tai lên mà nghe.

Hai người tuy chưa hiểu nhưng cũng cứ làm theo. Khi đồng bạc trong bát úp đã kêu lạch cạch đến mười lần, Mồ Côi phán:

- Ông cụ già này đã hít hương vị tất cả lợn quay, gà luộc, vịt rán của cửa hàng, mà những món ấy giá trị đến hai mươi đồng bạc trắng. Bây giờ chủ quán cũng được nghe đủ tiếng kêu của những đồng bạc trắng rồi đấy. Thế là ông già này đã bồi thường

cho ông đủ số tiền. Như vậy là công bằng: Một bên "hít mùi thịt" một bên "nghe tiếng bạc". Thôi ông đi về làm ăn.

Nói xong Mồ Côi trả hai đồng bạc cho ông cụ rồi tuyên bố kết thúc vụ kiện.

Mỵ Châu, Trọng Thuỷ

Sau khi An Dương Vương xây thành Cổ Loa, thần Kim Quy cho An Dương Vương một cái móng của mình để làm lẫy nỏ mà giữ thành. Theo lời thần dặn, nỏ có được cái lẫy làm bằng móng chân thần sẽ là chiếc nỏ bắn trăm phát trúng cả trăm, và chỉ một phát có thể giết hàng ngàn quân địch. An Dương Vương chọn trong đám gia thần được một người làm nỏ rất khéo tên là Cao Lỗ và giao cho Lỗ làm chiếc nỏ thần. Lỗ gắng sức trong nhiều ngày mới xong. Chiếc nỏ rất lớn và rất cứng, khác hẳn với những nỏ thường, phải tay lực sĩ mới giương nổi. An Dương Vương quý chiếc nỏ thần vô cùng, lúc nào cũng treo gần chỗ nằm.

Lúc bấy giờ Triệu Đà làm chúa đất Nam Hải, mấy lần đem quân sang cướp đất Âu Lạc, nhưng vì An Dương Vương có nỏ thần, quân Nam Hải bị giết hại rất nhiều nên Triệu Đà đành cố thủ đợi chờ thời cơ. Triệu Đà thấy dùng binh không lợi, bèn xin giảng hòa với An Dương Vương, sai con trai là Trọng Thuỷ sang cầu thân, nhưng chủ ý là tìm cách phá chiếc nỏ thần.

Trong những ngày đi lại để giả kết tình hoà hiếu, Trọng Thuỷ được gặp Mỵ Châu, con gái yêu của An Dương Vương, một thiếu nữ mày ngài, mắt phượng, nhan sắc tuyệt trần. Trọng Thuỷ đem lòng yêu Mỵ Châu, Mỵ Châu dần dần cũng xiêu lòng. Hai người trở nên thân thiết, không còn chỗ nào trong Loa thành mà Mỵ Châu không dẫn người yêu đến xem. An Dương Vương không nghi kỵ gì cả. Thấy đôi trẻ thương yêu nhau, vua liền gả Mỵ Châu cho Trọng Thuỷ.

Một đêm trăng sao vằng vặc, Mỵ Châu cùng Trọng Thuỷ ngồi

trên phiến đá trắng giữa vườn, cùng nhau nhìn dãy tường thành cao nhất. Trong câu chuyện tỉ tê, Trọng Thuỷ hỏi vợ rằng:

- Nàng ơi, bên Âu Lạc có bí quyết gì mà không ai đánh được?

Mỵ Châu đáp:

- Có bí quyết gì đâu chàng, Âu Lạc đã có thành cao, hào sâu, lại có nỏ thần bắn một phát chết hàng nghìn quân địch, như thế còn có kẻ nào đánh nổi được?

Trọng Thuỷ làm bộ ngạc nhiên, vờ như mới nghe nói đến nỏ thần lần đầu. Chàng ngỏ ý muốn xem chiếc nỏ. Mỵ Châu không ngần ngại, chạy ngay vào chỗ nằm của cha, lấy nỏ thần đem ra cho chồng xem. Nàng lại chỉ cho chàng biết cái lẫy vốn là chiếc móng chân thần Kim Quy và giảng cho Trọng Thuỷ cách bắn. Trọng Thuỷ chăm chú nghe, chăm chú nhìn cái lẫy, nhìn khuôn khổ cái nỏ hồi lâu, rồi đưa cho vợ cất đi.

Hôm sau, Trọng Thủy xin phép An Dương Vương về thăm cha. Hắn thuật lại cho Triệu Đà biết về chiếc nỏ thần. Triệu Đà sai một gia nhân chuyên làm nỏ, chế một chiếc lẫy nỏ giống hệt của An Dương Vương. Lẫy giả làm xong, Trọng Thuỷ giấu vào trong áo, lại trở sang Âu Lạc.

An Dương Vương vốn chiều con gái, thấy con mỗi khi gặp chồng thì vui vẻ sung sướng, liền sai gia nhân bày tiệc rượu để ba cha con cùng vui. Trọng Thuỷ uống cầm chừng, còn An Dương Vương và Mỵ Châu say tuý luý. Thừa lúc bố vợ say, Trọng Thuỷ lẻn ngay vào phòng tháo lấy cái lẫy bằng móng chân thần Kim Quy và thay cái lẫy giả bằng móng rùa thường vào.

Hôm sau, thấy chồng có vẻ bồn chồn, hết đứng lại ngồi không yên, Mỵ Châu hỏi chồng rằng:

- Chàng như có gì lo lắng phải không?

Trọng Thuỷ đáp:

- Ta sắp phải đi, Phụ vương dặn phải về ngay để còn lên miền Bắc, miền Bắc xa lắm nàng ạ. Mỵ Châu buồn rầu lặng thinh, Trọng Thuỷ nói tiếp:

- Bây giờ đôi ta sắp phải xa nhau, không biết đến bao giờ gặp lại! Nếu chẳng may xảy ra binh đao, tôi biết đâu mà tìm?

Mỵ Châu nói:

- Thiếp có cái áo lông ngỗng, hễ thiếp chạy về hướng nào thì thiếp sẽ rắc lông ngỗng dọc đường, chàng cứ chạy theo dấu lông ngỗng mà tìm. Nói xong Mỵ Châu nức nở khóc.

Về đất Nam Hải, Trọng Thuỷ đưa cái móng rùa vàng cho cha, Triệu Đà mừng rỡ vô cùng, reo lên rằng: *"Phen này đất Âu Lạc sẽ về tay ta"*. Chỉ ít ngày sau, Triệu Đà đã ra lệnh cất quân sang đánh Âu Lạc.

Nghe tin báo, An Dương Vương cậy có nỏ thần, không phòng bị gì cả. Đến khi quân giặc đã đến sát chân thành, An Dương Vương sai đem nỏ thần ra bắn thì không thấy linh nghiệm nữa. Quân Triệu Đà phá cửa thành, ùa vào. An Dương Vương vội lên ngựa, đèo Mỵ Châu sau lưng, phi ngựa thoát ra cửa sau. Ngồi sau lưng cha, Mỵ Châu bứt lông ngỗng ở áo rắc dọc đường.

Đường núi gập ghềnh hiểm trở, ngựa chạy suốt mấy ngày đêm đến Dạ Sơn gần bờ biển. Hai cha con định xuống ngựa ngồi nghỉ thì quân giặc đã gần đến. Thấy đường núi quanh co dốc ngược, bóng chiều đã xuống, không còn lối nào chạy, An Dương Vương liền hướng ra biển, khấn thần Kim Quy phù hộ cho mình. Vua vừa khấn xong thì một cơn gió lốc cát bụi bốc lên mù mịt, làm rung chuyển cả núi rừng. Thần Kim Quy xuất hiện, bảo An Dương Vương rằng "giặc ở sau lưng nhà vua đấy". An Dương Vương tỉnh ngộ, liền rút gươm chém Mỵ Châu, rồi nhảy xuống biển tự vẫn.

Quân của Triệu Đà kéo vào chiếm đóng Loa thành, còn Trọng Thuỷ một mình một ngựa theo dấu lông ngỗng đi tìm Mỵ Châu. Đến gần bờ biển, thấy xác vợ nằm trên đám cỏ, tuy chết mà nhan sắc không mờ phai. Trọng Thuỷ khóc oà lên, thu nhặt thi hài đem về chôn trong thành, rồi đâm đầu xuống giếng trong thành mà xưa kia Mỵ Châu thường tắm mà chết.

Ngày nay, ở làng cổ Loa, trước đền thờ An Dương Vương, còn cái giếng gọi là giếng Trọng Thuỷ. Tục truyền khi Mỵ Châu bị cha giết chết rồi, máu nàng chảy xuống biển, trai ăn được nên mới có ngọc châu. Lấy được ngọc trai ấy đem về rửa bằng nước giếng trong thành Cổ Loa thì ngọc trong và sáng vô cùng.

Nữ thần Mặt Trời và Mặt Trăng

Vua trên trời là Ngọc Hoàng có hai con gái đẹp. Ngọc Hoàng yêu quý hai nàng lắm nên cho các nàng hàng ngày luân phiên nhau đi xem xét mọi việc của hạ giới để báo lại cho nhà Trời. Cô gái đầu tên là Mặt Trời được ngồi kiệu hoa có bốn người khiêng. Bốn người này chia làm hai tốp: một tốp già và một tốp trẻ. Tốp các cụ già khiêng kiệu luôn luôn lo làm tròn phận sự, chăm chỉ vào công việc nên cô Mặt Trời thường đi một vòng rất nhanh. Còn tốp trẻ bản tính la cà nên những lần được phân công khiêng kiệu thường về muộn. Vì thế, mỗi lần Mặt Trời đi với tốp trẻ thì ngày dài, và đi với tốp già thì ngày lại ngắn.

Mặt Trăng là cô em tính tình nóng nảy còn hơn cả cô chị. Sức nóng của cô đã làm hại cho con người và muôn vật khá nhiều. Ấy thế mà cô vẫn cứ chỏng lỏn, đi đâu cũng sà vào khiến cho nhân dân vô cùng kinh hãi. Trần gian khổ sở vì cô Mặt Trăng, họ đã kêu ca rất nhiều, tiếng thấu lên Thượng giới khiến cho bà mẹ đã định lấy tro mà bôi lên mặt cô để giảm bớt sức nóng đi. Nhưng Ngọc Hoàng chiều con, nên không để cho vợ làm việc ấy.

Bấy giờ ở dưới trần có một chàng trai tên là Quải. Quải là con mồ côi nhưng lại có một thân thể cực kỳ to lớn và sức khỏe tuyệt vời. Trước những hành động tai ác của cô Mặt Trăng, Quải quyết tâm trị cho một. Anh ta đón đường cô Mặt Trăng trên một đỉnh núi cao và trữ sẵn một đống cát thật lớn. Hôm ấy, cô Mặt Trăng vẫn quen thói cũ vừa đi vừa sà xuống để nhìn muôn vật, Quải chờ cho cô ta đến gần rồi bất thình lình bốc cát ném túi bụi vào mắt, vào mặt mũi cô. Cô Mặt Trăng đang rong chơi, bị tấn công đột ngột, nhắm mắt lại nhưng đất đã dính đầy

mặt và chui cả vào trong mắt. Cô ta hốt hoảng vội vụt bay lên cao, lảng ra xa chỗ Quải đứng. Từ đó trở đi cô không dám sà xuống gần mặt đất nữa. Mặt mũi cô bị cát dính chặt nên không còn sáng được như xưa. Sau này tính tình của cô trở nên dịu dàng, hiền lành hơn, ở dưới trần ai cũng thích. Người ta nói mỗi lần cô ngoảnh mặt xuống nhân gian thì lúc đó là trăng rằm, cô quay lưng tức là ba mươi, mùng một, còn cô trở sang trái, sang phải tức là thời kỳ trăng hạ huyền hoặc thượng huyền. Còn những khi trăng quầng, ấy là lúc cát bụi trát mặt bị gió thổi bay tung ra.

Nàng Ngón út

Ngày xưa, ở một làng nọ có hai vợ chồng tuổi đã cao nhưng vẫn chưa có con. Hai vợ chồng rất lấy làm buồn phiền về sự hẩm hiu của mình. Một hôm, hai vợ chồng cầu trời khấn Phật:

- Xin ngài xuống phước cho chúng con, ban cho một đứa con dù là gái, xấu xí bé nhỏ cũng được, vì chúng con tuổi mỗi ngày một già mà không có tiếng trẻ làm vui.

Sau đó mấy hôm thì quả nhiên người vợ có thai. Hai vợ chồng vui mừng khôn xiết. Họ ngày đêm hy vọng đứa bé sắp ra đời sẽ khôn ngoan, tuấn tú hơn các đứa bé khác.

Nhưng lạ thay, đã mười tháng mà người vợ chưa chuyển dạ. Rồi hai năm, ba năm trôi qua. Hai vợ chồng rất lo sợ và buồn phiền.

Rồi cũng đến ngày người vợ chuyển dạ và sinh được bé gái nhưng đứa bé chỉ bằng ngón tay út. Hai vợ chồng nhìn con mà lòng đau như cắt. Tuy nhiên họ cũng hy vọng đứa bé rồi cũng lớn dần.

Thấy con quá bé nhỏ, họ dựa vào hình dáng mà đặt tên cho con gái là nàng Ngón út.

Từ ngày sinh Ngón út, hai vợ chồng ít đi thăm bà con hàng xóm. Họ thấy buồn phiền và sợ mọi người bàn tán về đứa con dị thường của mình.

Thấm thoát đã được mười sáu năm, đứa bé vẫn không lớn lên được tí nào. Song cũng biết nói biết đi như những người bình thường. Hai vợ chồng già này càng buồn chán và lo sợ. Họ càng than phiền về sự hẩm hiu của mình.

Rồi một hôm, hai vợ chồng bàn với nhau tìm cách bỏ chết đứa bé. Người chồng trước mặt thuận tình đem đứa bé bỏ vào rừng sâu, gửi cho thú dữ. Nhưng khi nhìn đứa con ruột không nỡ lòng.

Đêm hôm ấy, ông ta lén sắp cơm gạo, mắm muối đủ ăn chừng một tháng, sáng hôm sau ông gạt nước mắt bồng con gái vào rừng cùng với số lương thực dự trữ mà ông đã giấu ngoài bụi. Vào đến rừng sâu, ông chặt cây làm một cái chòi nhỏ. Dựng xong chiếc chòi thì trời đã quá trưa. Ông lấy gói cơm mở ra hai cha con cùng ăn. Đang ăn, Ngón út thấy cha tự dưng nước mắt chảy ròng , bèn hỏi:

- Ơ kìa! Tại sao cha lại khóc, hay cha sợ thú rừng?

Người cha nhìn con ngậm ngùi rằng:

- Cha không sợ thú rừng đâu con ạ! Cha khóc vì một lát nữa hai cha con ta phải tạm xa nhau. Mẹ con từ khi sinh con đến nay đã mười sáu năm nhưng không lúc nào được khuây khoả, vì con không được như những đứa con hàng xóm, mặc dù cha mẹ đã hết lòng chăm sóc con. Cha mẹ nghĩ không nỡ tâm, nhưng không còn cách nào hơn. Nay cha dựng cho con cái chòi này, cùng miếng rẫy này, để con trồng dưa sống tạm qua ngày. Thỉnh thoảng cha sẽ đến thăm con. Cha cầu trời phù hộ cho con được an lành, thoát khỏi các tai hoạ.

Nàng Ngón út nghe cha nói vậy cũng mủi lòng.

Thế rồi hai cha con ngậm ngùi chia tay.

Từ khi đem con vào rừng sâu, thỉnh thoảng cha nàng lại ghé thăm và chăm sóc đám dưa. Ngày tháng trôi qua, Ngón út vẫn sống bình thường. Rẫy dưa hấu ngày một tốt tươi và ra hoa kết quả.

Một hôm, có một chàng hoàng tử dẫn quân đi săn bắn. Khi trở về, đoàn quân đi qua đám dưa của nàng. Họ lấy làm lạ không hiểu tại sao giữa nơi rừng sâu này lại có trơ trọi mỗi rẫy dưa. Họ muốn ghé vào hái ăn nhưng thấy vắng chủ, bèn đến trình hoàng tử và xin vào hái vài quả ăn cho đỡ khát. Nghe nói có rẫy dưa hấu quả nhiều lại to ở chốn rừng sâu, hoàng tử đích thân vào rẫy xem chủ là ai. Khi nhìn thấy những quả dưa to hoàng tử rất lấy làm lạ. Nhưng chưa gặp được chủ dưa nên chưa dám hái. Một lúc sau, chàng đành hái một quả bổ ra ăn thử. Mới ăn được nửa quả hoàng tử đã thấy no, dưa rất ngọt mà lại nhiều nước. Nửa còn lại hoàng tử đành bỏ đấy.

Khi đoàn người ngựa ồn ào đã đi khỏi, nàng Ngón út mới từ chỗ nấp ra thăm dưa. Thấy nửa quả dưa bỏ dở còn đỏ tươi nàng cảm thấy tiếc, bèn nhặt lên ăn nốt.

Từ khi ăn nửa quả dưa thừa ấy, Ngón út bỗng cảm thấy cơ thể khác lạ. Nàng đã thụ thai!

Gần một năm sau, Ngón út sinh một bé trai mặt mày rất khôi ngô tuấn tú, nàng không còn quạnh hiu như lúc trước. Mặc dù không biết người cha của đứa bé là ai nhưng nàng vẫn cảm thấy vui sướng.

Thời gian đã trôi đi gần một năm. Một hôm hoàng tử lại đem quân đi săn bắn. Lúc đi ngang rẫy dưa năm trước bỗng nghe có tiếng hát ru con rất hay mà lại như oán thán. Hoàng tử lấy làm lạ, phần thì trời sắp tối, chàng lưỡng lự. Tiếng hát não nề cứ cất lên, khiến cho hoàng tử càng mê mẩn không đành rời bước. Hoàng tử quyết ở lại để xem ai là người có tiếng hát quyến rũ lòng chàng nhường ấy.

Nàng Ngón út đang ru con chợt trông thấy một chàng đẹp trai từ xa xăm xăm bước tới chỗ mình, liền bỏ con trên nôi và lẩn trốn. Hoàng tử bước vào chòi tranh thấy đứa bé nằm trên nôi một mình. Nhìn đứa bé hoàng tử thấy mình yêu nó lạ lùng. Không do dự, chàng cúi xuống bồng lấy đứa bé lên hôn.

Chàng bồng đứa bé đi quanh chòi ngóng tìm xem mẹ nó ở đâu, mà mãi vẫn không thấy đâu cả. Rồi trời sập tối lúc nào không rõ.

Còn về nàng Ngón út, khi nhìn thấy chàng trai bồng con mình thì định ra giành lấy, nhưng lại thôi vì sợ người lạ thấy mặt xấu hổ. Nàng nhìn lên chàng trai thì ngạc nhiên, vì thấy mặt con mình giống chàng như tạc. Nàng sinh nghi, nhưng lại cảm thấy vô lý, vì nàng chưa hề chung đụng với chàng.

Đang miên man suy nghĩ thì đứa bé khóc réo lên. Nàng hoảng hốt bối rối, bèn lên tiếng:

- Xin người khách hãy trả đứa bé vào nôi cho tôi. Và xin khách lạ vui lòng đi khỏi chòi tranh xấu xí này.

Nghe có tiếng người, hoàng tử đưa mắt nhìn tứ phía, nhưng không nhìn thấy ai cả. Hoàng tử bèn lên tiếng:

- Hỡi người mẹ đứa bé khôi ngô tuấn tú này, hãy vui lòng cho tôi thấy mặt, dù chỉ một đôi chút cũng cam lòng. Nếu nàng từ chối tôi sẽ ở trọn đêm nay tại đây, ngày mai tôi sẽ bắt luôn đứa bé đem về.

Nàng Ngón út nghe hoàng tử nói vậy bèn từ chỗ nấp bước ra. Hoàng tử vô cùng ngạc nhiên khi thấy một người đàn bà bé nhỏ mà lại là mẹ của một đứa bé to lớn như những đứa trẻ con khác. Mãi một lúc sau hoàng tử mới ngẩn ngơ và nói:

- Nói thật cùng em, ý anh đã quyết, dù có gian lao cực nhọc đến đâu anh cũng cam lòng, cùng chung sống với em và đứa trẻ khôi ngô này. Mong em đừng từ chối, biết đâu đây chẳng là duyên trời định.

Nàng Ngón út lấy làm cảm động bởi những lời lẽ chân tình của chàng, nên bằng lòng chấp thuận kết nghĩa trăm năm. Hai người nên vợ nên chồng từ đó.

Việc hoàng tử lấy một người vợ vô cùng nhỏ bé đã đến tai vua cha và hoàng hậu, cùng hai người anh.

Một hôm hai người anh vào tâu vua cha để tìm cách ly gián, vì cho rằng Ngón út là một yêu quái hiện hình, dùng tà thuật mê hoặc em mình, và biết đâu sẽ có ngày nó lại làm đổ cả triều đình?

Nghe hai hoàng tử anh nói cũng có lý, một hôm nhà vua cho gọi cả ba con trai lại, rồi truyền rằng:

- Ta truyền cho các con, nội trong bảy ngày, các con hãy dẫn đến cho ta nhìn mặt ba nàng dâu cùng lễ vật. Mỗi người con dâu phải mang cho ta một bộ y phục, gồm đầy đủ hia, mũ, áo quần, cùng quà bánh. Nếu lễ vật của ai vừa ý thì ta sẽ nhường ngôi cho người đó, nhưng nếu ai không tuân lệnh thì sẽ bị nghiêm trị không dung thứ.

Hoàng tử út nghe lệnh vua ban khắt khe như vậy thì lo sợ. Chàng lấy làm chán nản không muốn trở lại chòi tranh, nhưng lại nhớ đến đứa bé và người vợ, nên đành quay gót trở về.

Nàng Ngón út thấy chồng trở về với bộ mặt buồn, thì hỏi:

- Hình như chàng có điều gì sầu muộn, chẳng hay tại triều nội có việc gì? Chàng có thể cho em biết được chăng?

Hoàng tử bèn thuật lại cho vợ nghe những điều vua cha vừa ban. Nghe xong câu chuyện, nàng Ngón út mỉm cười nói với chồng:

- Xin chàng đừng buồn. Em sẽ lo liệu mọi việc chu toàn. Xin chàng chớ bận tâm về những chuyện nhỏ mọn ấy.

Hoàng tử nghe nàng nói lòng vẫn hồ nghi, nhưng không còn cách nào khác, nên cũng yên lòng chờ xem.

Sắp đến ngày hẹn mà vẫn chưa thấy vợ sắm sửa được gì, hoàng tử càng sốt ruột. Nàng Ngón út thấy chồng không được bình tâm chỉ mỉm cười mà không nói gì với chồng, nên chàng càng thêm lo lắng.

Đến ngày hẹn, hoàng tử vô cùng bối rối, lo nghĩ. Chàng đang định nói với vợ về những lo lắng của mình thì bỗng trong chớp mắt hiện lên một người con gái vô cùng xinh đẹp đứng mỉm cười trước mặt chàng.

Nàng Ngón út đã hiện nguyên hình. Nàng cười nói với chàng:

- Chàng không nhận ra em ư? Em là Ngón út vợ anh đây. Chúng ta hãy sớm lên đường về kinh kẻo muộn phiền đến vua cha cùng các anh trông đợi.

Lúc bấy giờ hoàng tử vẫn chưa hết ngạc nhiên và rất lấy làm sung sướng. Hai vợ chồng vội vàng sắm sửa lễ vật cùng hành trang để lên đường về kinh.

Tại triều nội, đức vua và hoàng hậu ngự trên ngai vàng, hai bên đủ mặt bá quan văn võ. Nhà vua cho gọi từng người con một dâng lễ. Đầu tiên là vợ chồng hoàng tử thứ nhất, rồi tiếp tục vợ chồng hoàng tử thứ hai. Cả hai đôi vợ chồng người anh đều dâng mũ áo, quà bánh thì không có gì lạ và ngon hơn những loại mà vua và hoàng hậu đã từng ăn, áo mũ thì cũng chẳng có cái nào vừa cả.

Đến lượt hoàng tử út, đức vua và hoàng hậu vừa trông thấy vợ chàng thì tưởng tiên nga giáng thế. Vua cha và hoàng hậu cùng bá quan phải trầm trồ khen ngợi vì sắc đẹp của nàng. Khi nàng Ngón út dâng quà bánh lên, vừa mở ra, mùi vị đã bốc lên ngào ngạt. Vua cha và hoàng hậu dùng bánh của nàng rất ngon lành. Đến bộ cẩm bào, các đồ quý giá toàn là trân châu, mã não, vua mặc thứ nào cũng vừa như in. Dùng thử xong mọi thứ đâu đấy, vua cha hỏi cô con dâu út:

- Con hãy tâu cho ta rõ tên và ý nghĩa hai loại bánh này?

Nàng Ngón út cúi đầu thưa:

- Muôn tâu đức phụ hoàng và mẫu hậu, bánh hình tròn màu đỏ gọi là Sakaya làm bằng trứng gà với đường, chưng cách thuỷ, tượng trưng cho thần thái dương ví như phụ hoàng thuộc về dương. Còn loại bánh làm bằng nếp hương, giữa có nhân đậu tên là Paynung tượng trưng cho mặt đất, ví như mẫu hậu thuộc về âm. ý nghĩa của hai loại bánh trên là tỏ lòng kính hiếu bậc sinh thành. Kính mong phụ hoàng cùng mẫu hậu nhận sự biết ơn chân thành của chúng con.

Nhà vua cùng hoàng hậu khi nghe vợ hoàng tử út nói vậy thì lấy làm cảm động và cùng khen là nàng dâu thảo. Nhà vua phán:

- Trẫm nay đã tuổi già sức yếu. Xét hoàng tử út là người trung can nghĩa khí, một gương tốt soi chung toàn dân. Vậy trước mặt đông đủ các khanh ta truyền cho hoàng tử út được kế vị ngai vàng. Còn hai loại bánh Sakaya và Paynung phải truyền khắp bàn dân thiên hạ, từ nay mỗi khi làm lễ cầu hôn hoặc giỗ kỵ tổ tiên, mọi người đều phải dùng hai loại bánh này.

Truyền lệnh xong thì vua đã bãi triều.

Hôm sau triều đình tổ chức đại lễ tôn hoàng tử lên làm vua và nàng Ngón út làm hoàng hậu.

Bàn dân thiên hạ quanh vùng nghe tin cũng tự tổ chức ăn mừng vị tân vương và tân hoàng hậu. Còn hai người anh và hai chị dâu tự lấy làm hổ thẹn kéo nhau ra về.

Nàng Tô Thị

Ngày xưa ở trấn Kinh Bắc có một người đàn bà góa chồng từ sớm, ngày ngày đi mò cua bắt ốc để nuôi hai con: một trai, một gái. Trong khi mẹ ra đồng, Tô Văn, đứa con trai độ mười tuổi và Tô Thị, đứa con gái chừng tám tuổi, ở nhà tha hồ đùa nghịch với nhau, không ai ngăn nổi.

Một hôm, Tô Văn chơi ném đá, rồi không biết ném thế nào trúng ngay vào giữa đầu em. Tô Thị ngã vật xuống đất, ngất đi, máu ra lênh láng. Tô Văn thấy thế sợ quá, chạy một mạch ra đường, không còn dám ngoái cổ lại. May sao, sau khi xảy ra tai nạn, một bà hàng xóm chạy sang lấy lá thuốc rịt vào vết thương cho Tô Thị, cầm ngay được máu. Đến khi người mẹ đi mò cua về thì thấy con gái đã ngồi dậy được.

Nhưng còn Tô Văn thì biệt tăm, ngày một ngày hai cũng không thấy thằng bé trở về, tìm khắp nơi cũng không thấy. Người mẹ nhớ con, sinh ra buồn phiền, ngày một héo hon, chẳng bao lâu ốm nặng rồi chết, bỏ lại Tô Thị một mình. Đứa con gái nhỏ được mấy người láng giềng cho ăn trong ít ngày, rồi hai vợ chồng người chủ hàng cơm đem đứa bé về nuôi để sai vặt. Sau đó, hai vợ chồng người chủ hàng cơm lên xứ Lạng mở hàng nem, đem Tô Thị đi theo.

Lớn lên, Tô Thị xinh đẹp, lại nết na, siêng năng, nên được nhiều người để ý. Dành dụm được ít vốn, nàng nghĩ cách tự làm ăn lấy. Bấy giờ hai vợ chồng người chủ hàng cơm đã có con cái đỡ đần, nên khi nàng xin ra ở riêng, bố mẹ nuôi đều ưng thuận. Đã học được nghề làm nem, Tô Thị liền mở cửa hàng nem ở Kỳ

Lừa. Nàng làm nem rất khéo. Cửa hàng của nàng mỗi ngày một đông khách. Người ta đến để thưởng thức nem ngon, cũng có người vừa thích nem vừa mê bóng mê gió cô hàng. Chiều khách thì thật là khéo chiều, nhưng cô hàng nem rất đứng đắn, làm cho mọi người đều vị nể.

Thấm thoắt Tô Thị đã hai mươi tuổi. Tuy có nhiều mối manh, nhưng nàng chưa thuận nơi nào.

Một hôm, có một thanh niên tuổi ngoài hai mươi, vẻ người tuấn tú, đem thuốc bắc từ Cao Bằng về Lạng Sơn bán. Nghe nói ở Hàng Cưa tại Kỳ Lừa có hàng nem ngon, lại có chỗ trọ rộng rãi, chàng liền tìm đến. Chàng thấy nem quả thật là ngon và cô hàng cũng thật tươi giòn. Biết cửa hàng một lần, hai lần, rồi cứ mỗi lần mang thuốc về Lạng Sơn bán, chàng lại đến hàng nem. Chàng thanh niên và Tô Thị trở nên thân thiết, trước còn mến nhau, sau yêu nhau...

Hai người lấy nhau được hơn một năm thì Tô Thị có mang, sinh được một gái. Hai người yêu nhau rất mực, lại được thêm mụn con, mối tình càng khăng khít.

Một hôm, người chồng về nhà, thì vợ đang gội đầu ở ngoài hè. Chàng vừa bế con ngồi trên bậc cửa xem vợ gội đầu, vừa kể chuyện cho vợ nghe. Chợt thấy đầu vợ có cái sẹo to, chàng nói:

- Đầu mình có cái sẹo to, thế mà bây giờ tôi mới biết.

- Bây giờ anh mới biết à? Anh cho là xấu phải không? Tô Thị hỏi.

- Có xấu gì đâu! Tóc em che đi nào ai biết! Em đau nhọt hay sao mà lại co cái sẹo to thế?

Thấy chồng hỏi một cách ân cần, nhân vui câu chuyện, Tô Thị kể tỉ mỉ cho chồng nghe những chuyện xảy ra hồi nàng còn bé. Trấn Kinh Bắc, nơi quê cũ, người anh đi mất tích, mẹ chết, theo vợ chồng người chủ quán lên xứ Lạng, rồi ở luôn đây cho đến bây giờ... Câu chuyện càng đi sâu, người chồng càng lộ vẻ buồn.

Biết bao đau thương, buồn thảm. Chàng tự nhủ thầm: "Sao mình lại không là một kẻ khác mà lại là Tô Văn! Thôi mình đã lấy lầm em ruột mình rồi!... Chàng hồi nhớ lại những ngày xa xăm, cái ngày chàng lỡ tay ném đá vào đầu em, tưởng em chết,

nên đã chạy trốn, đi lang thang không dám trở về nhà, rồi được một người Trung Quốc buôn thuốc bắc đem về nuôi ở Trùng Khánh, thuộc tỉnh Cao Bằng. Lớn lên, Văn theo họ bố nuôi là họ Lý. Chàng thường đem hàng xuống Lạng Sơn bán và chỉ ở đây một vài ngày là hết hàng. Ngoài con đường Lạng Sơn - Cao Bằng, Cao Bằng - Lạng Sơn, chàng cũng không đi đến đâu cả. Hơn mười năm qua, chàng nghĩ rằng gia đình mình ở miền xuôi không còn một ai nữa, quê cũ đối với chàng bây giờ như trong sương mù, không còn tưởng nhớ để làm gì!...

Văn nghĩ ngợi, rầu rĩ, nhưng Tô Thị mải chải đầu, quấn tóc, không để ý đến. Nàng vẫn vui vẻ, hồn nhiên không biết chồng mình đang ở vào những phút buồn phiền ghê gớm. Thấy Tô Thị ngây thơ, vui vẻ như thế, Tô Văn càng không muốn để nàng biết sự thực. Ai lại để cho người em gái mình còn non trẻ như thế kia biết một việc loạn luân như thế bao giờ! Một việc loạn hôn không do ý hai người định, nhưng chàng quyết tâm gỡ mối cho xong. Thôi hay là lại đi biệt chuyến nữa, em gái mình trẻ trung, xinh đẹp dường ấy, làm gì chả lấy được một người chồng khác, Văn nghĩ thế, rồi anh nghĩ cách để đi.

Giữa lúc tâm trạng Văn như thế thì có việc bắt lính thú. Anh xin đăng lính, không bàn với vợ nửa lời. Mãi đến lúc sắp lên đường anh mới nói với vợ:

- Anh đã đăng lính rồi, em ạ. Sớm mai thì lên đường. Đi chuyến này ba năm, có khi sáu năm mới về, và cũng có khi lâu hơn... Mình ở nhà nuôi con, còn về phần mình, mình cứ tự định liệu, nếu nhỡ ra...

Tô Thị nghe chồng nói như sét đánh ngang tai, không hiểu sao đang sống yên vui với nhau mà chồng mình lại bỏ đi một cách kỳ lạ như thế! Nàng khóc ấm ức, khóc hoài, khóc mãi không nói nửa lời. Còn Văn chỉ những bứt rứt âm thầm, anh cho rằng việc mình đi như vậy là một lối giải thoát.

Từ ngày chồng đi rồi, Tô Thị chẳng thiết gì đến việc bán hàng. Ngày ngày nàng bế con lên chùa Tam Thanh cầu cho chồng được tai qua nạn khỏi, chóng được trở về, cùng nhau sum họp.

Nhưng ba năm qua, bốn năm qua, nàng cũng chẳng thấy

chồng về. Có mấy kẻ phao tin là chồng nàng chết, muốn hỏi nàng làm vợ, nhưng nàng nhất định chối từ. Có một tên kỳ hào tiếng là hống hách trong vùng muốn hỏi nàng làm vợ kế. Hắn có thế lực và rất tàn nhẫn. Nàng thương con còn thơ dại, không dám chối từ ngay, sợ rước vạ vào thân, chỉ tìm cách khất lần. Nhưng khất lần mãi cũng không được, nên cuối cùng nàng đành hẹn với nó một kỳ hạn, để về sau tìm kế khác. "Biết đâu đến ngày ấy, chồng mình lại chả về!" - Nàng nghĩ thế.

Rồi kỳ hạn cũng hết, nàng trông đợi chồng đỏ cả mắt mà chàng vẫn không về cho. Nàng ôm con lên chùa Tam Thanh kêu cầu. Hôm ấy, trời nổi cơn giông. Nàng nhớ chồng, thương thân, bế con ra ngoài chùa, trèo lên một mỏm đá cao chót vót, nhìn về hướng chồng đi. Mây đen kéo đầy trời. Gió rít lên từng hồi qua khe đá. Mưa như trút nước. Chớp lòe khắp núi. Nàng vẫn bế con đứng trơ trơ, đăm đăm nhìn về hướng chồng đi. Toàn thân quả núi rung chuyển dưới những luồng sét dọc ngang. Mưa mỗi lúc một to. Tô Thị vẫn bế con đứng trơ trơ trên mỏm đá cao chót vót.

Sáng hôm sau, mưa tạnh, gió yên, mặt trời tỏa ánh sáng xuống núi rừng. Nàng Tô Thị bế con đã hóa đá tự bao giờ. Ngày nay, còn truyền lại câu ca:

Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa
Có nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh...

Nàng Tiên Gạo

Ngày xưa, có một gia đình vô cùng nghèo khó. Người cha không may lâm bệnh nặng qua đời. Nhà chỉ còn hai mẹ con. Người mẹ già yếu, không còn đi nương làm rẫy được nữa.

Mọi việc trong nhà đều trông cậy vào một mình cô con gái. Cô gái thương mẹ lắm. Buổi sáng cô vào rừng hái quả, ra rẫy gieo hạt, buổi chiều cô xuống suối bắt cá. Suốt ngày cô chăm chỉ làm lụng nuôi mẹ già.

Năm ấy hạn hán to. Nước dưới sông suối cạn khô. Lúa trên nương cháy sém, không mọc được. Chim muông, thú rừng khát nước đều bỏ đi phương khác kiếm sống. Người đói chạy ăn nhao nhác khắp nơi.

Nhà tuy nghèo, chỉ còn ít gạo dành nấu cháo cho mẹ, nhưng thấy bà con trong buôn nhiều người không còn nước uống cầm hơi, cô gái nói với mẹ: "Chẳng may phải khi đói kém thế này, con thấy không đành tâm...! Thôi thì mẹ con mình chia cho mỗi người chút gạo ăn qua ngày".

Bà mẹ âu yếm nhìn con: "Mẹ cũng nghĩ như con vậy. Con mang gạo cho mọi người nhanh lên!".

Cô gái vâng lời mẹ, mang hết thóc gạo chia cho mọi nhà. Còn hai mẹ con lại bữa rau, bữa cháo qua ngày.

Trong buôn bấy giờ có một lão nhà giàu. Nghe nói ngày trước lão cũng nghèo đói lắm.

Một hôm, lão đi nương, tình cờ gặp một bà cụ nằm ven đường, thều thào run rẩy giơ gậy xin ăn. Lão lấy ống cơm ra sẻ cho bà cụ non nửa bát.

Hôm ấy, khi trở về nhà, lão vô cùng ngạc nhiên thấy cạnh bếp có một thúng thóc đầy ắp.

Rồi mùa gặt đến, nương lúa nhà lão vàng rực trĩu bông. Thóc đổ vào bồ không kịp đếm. Mấy năm liền, nương rẫy nhà lão được mùa, lão trở nên giàu có nhất vùng.

Nhưng khi đã thừa mứa của cải, lão bỗng đổi tính đổi nết, sinh ra tham lam, độc ác.

Trong nhà lão lúc nào cũng có rất đông người làm thuê. Lão bắt họ làm quần quật suốt ngày nhưng chỉ cho ăn đói mặc rách.

Gặp lúc đói kém, người đến xin làm thuê càng đông. Lão mừng thầm trong bụng: "Phen này ta vớ bẫm!". Rồi lão bắt mọi người đi phá thêm rẫy, tra thêm ngô, lúa. Ruộng nương nhà lão ngày một trải rộng mãi ra.

Một hôm lão đi thăm rẫy, gặp cô gái đang đào củ mài về nuôi mẹ. Thấy cô gái nhanh nhẹn, chăm chỉ, lão lấy lời ngon ngọt bảo cô: "Về làm cho tao thì được ăn no, được cơm nuôi mẹ".

Nhưng rồi lão đã lật lọng nuốt lời hứa. Mỗi ngày lão chỉ cho cô ăn một bát cơm độn với bao nhiêu ngô sắn.

Lão bắt cô làm việc từ sáng sớm tinh mơ cho đến khi mặt trời xuống núi đi ngủ, mắt người không còn nhìn rõ đường đi nữa mới đi nghỉ.

Mỗi ngày cô chỉ ăn nửa bát cơm, còn nửa bát gói lá mang về cho mẹ. Bà cụ cũng chỉ ăn mấy miếng, còn lại chia cho đám trẻ con hàng xóm mỗi đứa một tí.

Ban đêm, lão nhà giàu bắt cô gái nằm cạnh những quây thóc để canh chuột cho lão.

Một đêm, cô gái vừa chợp mắt, bỗng thoáng nghe có tiếng thở dài, rồi một giọng nói dịu dàng vẳng đến tai cô: "Con gái ngoan, con đói lắm phải không?". Cô gái khẽ trả lời: "Con ngủ thì quên đói mà!". Cô lại thoáng nghe thấy tiếng thở dài và giọng nói lúc nãy lại vẳng đến: "Ta là tiên Gạo đây. Ta đã nhầm khi giúp cho lão keo bẩn kia, có của mà không biết thương người. Để xem lão có giàu mãi được không?".

Khi các nương lúa đã vàng ươm, chỉ còn đợi gặt. Lão chủ liền giở mặt bảo những người làm thuê: "Nhà tao hết việc rồi. Các người xem có nơi nào mướn thì tới đó mà làm". Lão nói rồi xua mọi người đi, không trả cho một xu nào. Cô gái lại vào rừng đào củ mài, hái măng hái nấm, tần tảo nuôi mẹ.

Năm ấy, sau kỳ đại hạn, trời lại mưa thuận gió hoà, khắp nơi đều được mùa. Thế mà nước ở đâu bỗng ào tới, tràn ngập đất đai của lão nhà giàu, bao nhiêu lúa má trên nương dưới ruộng của lão bị lũ cuốn sạch trơn.

Đến mùa nương sau, lão đi gọi người làm, nhưng không ai đến. Họ bảo nhau tránh xa lão tham lam keo kiệt. Một mình lão thì chẳng gieo nổi một hạt thóc xuống đất. Nương rẫy nhà lão khô cằn, trơ trọi. Thóc để dành trong cót nhà lão không cánh mà bay hết. Thế là lão không còn nổi một bát cơm để ăn.

Còn cô gái, một hôm đi hái măng vừa ra đến cửa rừng thì gặp bà lão ăn mày. Bà cụ run lẩy bẩy vì rét, miệng rên hừ hừ: "Tôi... mệt... tôi... đói...!". Cô gái vội vàng vơ lá đốt lửa sưởi ấm, nướng măng cho bà cụ ăn. Bà cụ nhai ngon lành hết cái măng

rồi kêu khát nước. Cô gái nhanh nhẹn xách ống vầu ra suối lấy nước cho bà cụ uống.

Khi cô mang ống nước trở lại thì không thấy bà cụ đâu. Chỗ bà cụ nằm chỉ còn một cái gùi không.

Cô gái đành đeo gùi về định trả bà cụ, nhưng không hôm nào gặp lại bà cụ nữa. Cô đành cất gùi lên gác bếp. Kỳ lạ thay, từ đó mỗi hôm đi làm về, cô lại thấy trong gùi có đầy thóc. Thì ra đó là những hạt ngọc nuôi sống người mà bà Tiên đã ban tặng cho cô.

Cô gái mang thóc đến buôn gần bản xa chia cho mọi người làm giống, khiến nương rẫy nhà nào cũng tươi tốt. Dân trong bản chẳng bao giờ biết cái đói rét nữa.

Từ các già làng đến đám trẻ con, ai cũng tấm tắc khen: bà cụ có cô con gái vừa đẹp người lại đẹp nết.

Nàng tiên hổ

Ngày xưa, giữa lúc Ngọc Hoàng đang cùng chư tiên làm lễ vào xuân, đột nhiên nàng tiên út từ đâu chạy tới, cười như nắc nẻ và lao về phía vua cha. Vì vội vã, chiếc chén ngọc đựng rượu quý trên bàn cao bị vướng vào tay áo nàng, rơi xuống vỡ tan.

Các thần im lặng, bất bình. Nàng tiên út cúi đầu sợ hãi. Ngọc Hoàng mắt rồng đỏ rực, tức giận truyền:

- Vì nghịch ngợm, con đã làm hỏng lễ xuân của ta. Ta phạt con phải xuống trần làm hổ ba năm để học cách đi đứng nhanh nhẹn mà vẫn nhẹ nhàng, mềm mại của loài vật này.

Vua Trời nói xong, giáng chỉ bắt nàng út đi ngay.

Thuở ấy ở mường Then có một chàng trai khoẻ mạnh, dũng cảm tên là Thi Thôn. Một đêm đang say ngủ, chàng bỗng nghe tiếng cồng gấp gáp. Biết có chuyện chẳng lành, chàng vội xách mác lao xuống sàn. Ở đầu bản, già làng đang nói:

- Hỡi dân làng, đêm qua con hổ gấm đã về bản ta, cõng mất con lợn to của bà Khó rồi. Các trai bản hãy mang cung tên, giáo mác đi diệt hổ để trừ hoạ cho dân làng.

Thi Thôn bước tới bên già làng, nói:

- Tôi đã theo dấu con hổ này một tuần trăng rồi. Đó là con vật rất khôn ngoan, nó không vồ người, chỉ bắt trâu non, bò tơ, hoặc lợn. Nó rất tinh mắt, thính tai, chỉ thoáng có tiếng động lạ là nhảy đi mất hút. Nhiều người đi sẽ không bắt được nó đâu. Xin lũ làng hãy cho một mình tôi đi diệt hổ.

Già làng hoan hỉ:

- Hỡi dân làng, hãy đeo vào cổ Thi Thôn vòng hoa đẹp nhất, hãy mở hũ rượu cần ngon nhất để cùng chúc cho Thi Thôn dũng cảm thêm mạnh chân khoẻ tay, giết được hổ dữ, bình an trở về.

Đã hai ngày Thi Thôn lần theo dấu vết hổ. Đến ngày thứ ba, chàng thấy lốt chân hổ còn mới. Theo dấu chân hổ, chàng đến một cái hang đá to rộng, hương thơm nhè nhẹ toả ra từ trong hang. Thi Thôn thận trọng bước vào. Lạ thay, tưởng như đây là chỗ ở của con người: một đống than còn ấm, một vò nước và góc hang là một ổ rơm khô ráo được phủ bằng một tấm gấm.

Còn chưa hết ngạc nhiên, Thi Thôn đã nghe tiếng hổ gầm từ xa. Chàng vội nép vào vách đá. Chỉ thoáng chốc, chàng đã thấy con hổ to đẹp nhẹ nhàng tung mình vào hang không một tiếng động.

Thi Thôn ngạc nhiên đến quên thở khi nhìn thấy con hổ đột ngột đứng lên trên hai chân sau, mở lốt da hổ bằng một hàng cúc bạc. Một cô gái đẹp tuyệt trần bước ra từ tấm da hổ. Nàng cuộn tấm da hổ, để lên tấm gấm.

Nàng tiên hổ bước đến bên đống than, thổi bùng ngọn lửa sưởi rồi chất thêm củi vào. Xong xuôi, nàng mở vò, uống một ngụm. Mùi rượu thơm nồng phả khắp hang. Nàng ngả lưng xuống ổ gấm, gối đầu lên tấm da hổ. Chẳng mấy chốc nàng đã ngủ say.

Thi Thôn rời chỗ nấp, nâng đầu nàng đặt vào gối mình rồi nhanh tay ném tấm da hổ vào đống lửa.

Mùi khét xộc lên, cô gái mở choàng mắt, nhìn thấy mình đang gối đầu trong vòng tay chàng trai lạ và tấm da hổ đang cháy tới mảnh cuối cùng, nàng e thẹn cúi đầu.

Đêm ấy, bên bếp lửa hồng, nàng tiên hổ đã kể cho Thi Thôn nghe vì sao nàng phải đội lốt hổ ở dưới trần.

Sáng hôm sau, Thi Thôn hân hoan đưa người đẹp về bản. Dân làng vui mừng mở hội đón chào cô con dâu quý.

Bằng phép lạ, nàng tiên út đã giúp cho dân bản Then mưa thuận gió hoà, lúa ngô nặng trĩu bông. Một năm sau, nàng sinh cho Thi Thôn một cậu con trai kháu khỉnh. Thi Thôn vô cùng hạnh phúc.

Rồi một hôm, Thi Thôn vào rừng săn bắn, nàng tiên út ở nhà phơi thóc, trông con. Bỗng nàng thấy trên trời hạ xuống một đám mây ngũ sắc.

Trên đám mây, thần Gió đứng mỉm cười, giơ tay mời nàng theo chiếc kiệu vàng mang theo.

Biết mình được đón về trời, nàng út sau nỗi mừng là nỗi lo cho chồng con ở lại. Nàng vội chạy vào nhà, vắt sữa vào đầy ống tre rồi nói mấy lời dặn chồng vào ống: "Là tiên, em phải về trời, chàng hãy đi qua khe Hàm Nhai, qua núi Phun Lửa lên mường Trời tìm em. Em sẽ chờ chàng và con".

Nàng tháo nhẫn để trên đệm, hôn con rồi gạt nước mắt quay ra. Đám mây ngũ sắc đưa nàng lên mỗi lúc một cao.

Thi Thôn trở về không thấy vợ đâu, chàng hốt hoảng gọi trước gọi sau. Đứa bé giật mình khóc gọi mẹ. Thi Thôn chạy vào bế con thì ống tre cất lên lời dặn của nàng tiên út.

Thi Thôn vội địu con, cài ống sữa vào thắt lưng, rồi đeo nhẫn, cầm rựa, tất tả lên đường.

Chàng chứ nhằm khe Hàm Nghi đi miết, qua hai ba ngày đêm mới tới. Từ xa, chàng đã nghe tiếng va đập vào nhau của hai hàm răng đá khổng lồ. Vốn là người nhanh trí, Thi Thôn đi chặt những cành bứa, cành me trĩu quả vứt vào giữa hai hàm răng đá. Quả nhiên, đến chiều thì hai hàm răng đá nhai uể oải

dần rồi dừng hẳn lại. Chỉ chờ có thế, Thi Thôn cõng con chạy vụt qua.

Chàng đi thêm nhiều ngày đêm nữa, đói ăn quả rừng, khát uống nước suối. Còn ống tre sữa thì cứ vơi lại đầy, mùi sữa lúc nào cũng thơm ngon.

Rồi một hôm, cha con Thi Thôn đến được núi Phun Lửa. Ngọn lửa cháy rừng rực chắn ngang đường đi. Nghĩ mãi không tìm ra cách vượt qua. Thi Thôn thương vợ, thương con, thương thân mà rơi nước mắt.

Thấy cha khóc, đứa bé chỉ tay vào ống sữa. Tưởng con muốn uống, Thi Thôn đưa sữa cho con, nhưng chú bé lại đẩy ra khiến ống tre bị nghiêng đi, dòng sữa trắng của tình mẹ chảy từ ống tre đã dập tắt được ngọn lửa đang ngùn ngụt cháy. Thi Thôn địu con, chạy trên đống tro còn nóng, vượt qua núi lửa dễ dàng.

Lên đến mường Trời, Thi Thôn thấy các nàng tiên đang từng đoàn đội nước từ giếng thần về. Chàng lại hỏi thăm thì được biết hôm nay Ngọc Hoàng làm lễ tẩy trần cho nàng tiên út. Mừng rỡ, Thi Thôn lén thả chiếc nhẫn vào bình nước.

Khi các nàng hầu giội nước cho nàng tiên út, nàng đã nhận ra chiếc nhẫn để lại cho chồng. Nàng vội theo các nàng hầu ra bờ giếng. Vợ chồng, con cái gặp nhau mừng mừng tủi tủi, rồi nàng út đưa chồng con về gặp vua cha.

Thấy con gái đã lấy người trần, Ngọc Hoàng rất giận dữ, nhưng khi nhìn những giọt lệ long lanh của người con gái yêu đã chịu phạt trở về, Ngọc Hoàng dịu giọng.

- Thôi được, ta cho phép các con ở lại mường Trời này mãi mãi.

Nàng tiên út mừng rỡ, cả quần tiên mở hội ăn mừng gia đình nàng tiên út sum họp.

Sống vui vẻ ở mường Trời được mấy ngày, Thi Thôn bỗng thấy buồn. Ở đây cái gì cũng đẹp, cái gì cũng sẵn, chàng không biết phải làm gì cả.

Chàng nhớ mường Then, nơi chôn rau cắt rốn, nhớ dân làng đã cùng cưu mang chàng thuở mồ côi nghèo khổ. Chàng nhớ bếp lửa ở nhà sàn, nhớ cả tiếng khèn đêm trăng, nhớ lắm...

Rồi một hôm, chàng rủ nàng tiên út cùng trở về trần.

Nàng tiên út từ khi được trở về trời, cuộc sống thần tiên làm nàng không muốn xuống trần gian cực nhọc nữa. Nàng hết lời khuyên chồng ở lại, nhưng Thi Thôn cứ khăng khăng trở về. Nàng út đành gạt lệ xin phép vua cha cho chồng và con trai xuống trần, còn mình ở lại xứ Trời.

Thi Thôn cầm lại con rựa xưa, dắt con trai ra khỏi mường Trời.

Đứa con trai lẫm chẫm chạy tới chiếc thang dây buông xuống trần gian, níu dây bước xuống. Bị tuột chân khỏi nấc thang, chú bé chỉ kịp hét lên

"Mẹ ơi!", tay vẫn túm chặt lấy một đầu dây, người treo lủng lẳng trong không gian cao vời vợi.

Nghe tiếng con kêu, nàng tiên út đang ngồi khóc vội gạt rèm mây nhìn xuống. Thấy con sắp ngã, nàng lập tức bay sà xuống, nhẹ nhàng đỡ lấy con rồi bay tiếp xuống trần.

Thi Thôn cũng vừa bước xuống nấc thang cuối cùng, chàng ôm choàng lấy vợ và con trong vòng tay ấm áp của mình. Bỗng nàng tiên út cầm lấy con dao rựa cài bên thắt lưng của chồng, vung dao chặt đứt sợi dây nối đất với trời.

Từ nay họ sẽ không bao giờ xa nhau nữa.

Nàng tiên thứ chín

Ngày xưa, có một bà cụ già có một người con trai lớn, nhưng bà nghèo quá chẳng có tiền để hỏi vợ cho con. Đêm nào thấy con trai nằm ngủ một mình bên bếp lửa, bà cũng ra đầu sân ngồi nhìn trời mà khóc.

Một đêm, sau khi khóc nhiều quá, bà ngã đầu vào cái vách ngủ mê đi lúc nào không biết. Một ánh chớp loé lên, bà cụ vội mở mắt thì thấy một ông già râu tóc bạc phơ, mặc áo xanh, đi giày xanh, chống gậy xanh, đứng trên ngọn cây mít. Hoảng quá, bà cụ định chạy vào bếp, thì thấy ông cụ già khoát tay, cất giọng hiền từ bảo: "Ta là tiên, biết bà đang khốn khổ vì cảnh nghèo khó, không có tiền đi hỏi vợ cho con, nên ta giúp. Ngày mai bà bảo con trai bà đi theo hướng ta chỉ, cứ đi mãi đến ngọn núi có phiến đá trắng to như cái nhà kia, sẽ thấy chín nàng tiên xuống tắm. Con trai bà yêu cô nào, thì cứ lấy đôi cánh của nàng tiên ấy đem về nhà là được".

Nói xong tiên ông biến mất. Mừng quá, bà cụ liền đẩy cửa, vào thổi bếp lửa cháy bùng lên, gọi con dậy, kể lại đầu đuôi câu chuyện vừa qua.

Tờ mờ sáng hôm sau, người con trai gói cơm, đeo ống nước, băng rừng, leo hết núi này đến núi khác, đúng trưa mới đến chỗ tiên ông bảo. Một cảnh tuyệt đẹp hiện ra trước mắt. Hồ nước xanh biếc, trong vắt như gương, có đường xuống bến tắm, trên bờ hoa thơm, cỏ lạ đang đua nở khoe sắc cùng ong bướm, sỏi đá lấp lánh như kim cương.

Thấy nắng rung rinh, chàng đưa mắt ngó lên trời, bỗng từ trong đám mây hồng có chín nàng tiên mặc áo xiêm trắng, đang bay và hạ xuống dần. Chàng trai nghèo liền nép vào bụi nhìn theo. Chín nàng tiên đã đứng trên các phiến đá ngọc, cởi đôi cánh ra, lội xuống tắm. Nước trong, da các nàng tiên trắng ngần, nhìn cô nào cũng đẹp lộng lẫy như mặt trời mọc. Duy có

nàng thứ chín là đẹp hiền hậu hơn cả. Tóc nàng đen mướt và dài như dòng suối, giọng cười trong và thanh như tiếng sáo ngân vang, miệng đẹp hơn hoa nở, mắt sáng như sao, khi nàng nhìn vào vật gì vật đó rực lên như có trăm ngàn ánh hào quang chói sáng. Chàng trai liền lẻn đến lấy trộm cặp cánh tiên của cô thứ chín, rồi trở về nhà.

Trống trên trời gióng bảy hồi báo giờ các cô phải về tiên cung. Tám cô chị lên bờ, lắp cánh của mình và bay trước. Còn cô em mải đùa nghịch dưới làn nước mát, lên sau. Không thấy cánh tiên đâu nữa, nàng hoảng hốt cuống cuồng chạy quanh bờ. Trống trên trời vẫn giục giã, sắp đến giờ đóng cửa của thiên đình. Nàng tiên thứ chín lại chạy quanh bến nước chăm chú tìm lại, nhưng thông thấy. Nhìn dấu chân người còn in trên cát mịn, dấu chân trên đường xuống núi, biết có kẻ lấy đôi cánh của mình rồi, nàng vội vã cài lại áo xiêm, lần theo dấu chân đi mãi. Xế chiều nàng đến một ngôi nhà sàn nhỏ, dựng lẻ loi dưới chân núi. Nàng đang phân vân không biết đi ngả nào, thì một cụ già đến bên nàng chào hỏi: "Cháu ơi! Đường xa vắng vẻ, cháu đi một mình như thế này nguy hiểm lắm, cháu hãy vào nhà ta ăn cơm, uống nước rồi nghỉ lại đã". Nhìn nét mặt hiền hậu của bà cụ, nàng tiên gục đầu vào vai bà khóc, kể lại việc nàng bị mất đôi cánh tiên nên không về trời được. Bà cụ đưa nàng vào nhà. Chàng con trai sung sướng bước ra chào hỏi, rồi vào rừng bẻ măng, nhổ nấm đem về đưa mẹ nấu canh cho cô gái ăn. Tối chàng ngồi kéo đàn kơ ri - loại nhạc cụ réo rắt như đờn cò của người Kinh - cho cô gái yên giấc.

Ở đây một tháng, hai tháng, lúc đầu nàng tiên thứ chín rất nhớ mẹ, nhớ cha, nhưng được sự chăm sóc, trìu mến của bà cụ và chàng trai hiền hậu, siêng năng, nên nàng khuây khoả dần. Buổi sáng nàng cũng đi lên rẫy, vào rừng, buổi chiều nàng cũng ra giếng đội nước với chị em.

Nửa năm sau người con trai bà cụ lấy nàng tiên. Hai vợ chồng sống bên nhau rất hoà thuận, vui vẻ. Dân làng ví họ là cặp vợ chồng chim sáo, vì họ vừa xinh đẹp, vừa chịu khó làm ăn. Người chồng chưa bao giờ mắng vợ nửa lời. Chiều nào lên

rừng về, chàng cũng cố tìm cho mẹ và vợ một ống mực thơm, một bó rau ngót, một bó măng, hay lưng gùi ngô non thơm sữa. Hai mùa, ba mùa, đến một đêm trăng tròn vành vạnh, nàng tiên thứ chín sinh được một đứa con trai kháu khỉnh. Từ đó, trong nhà càng thêm đầm ấm, vui vẻ hơn. Nhưng một hôm trời đang yên lành, bỗng có tiếng sấm ầm ầm, giận dữ. Mây đen, mây xám kéo đầy trời. Lửa đỏ rực, chớp nhằng nhịt dữ tợn. Người vợ vừa cõng con ra đứng đầu sàn phía tây, đột nhiên thấy thiên lôi từ trên trời cầm búa nhảy xuống sân. Mặt giận dữ, Thiên lôi bảo rằng, hắn vâng lệnh Trời, xuống bắt nàng tiên phải về ngay, nếu không sẽ giết chết con nàng, giết cả chồng và người mẹ chồng của nàng nữa. Thương con, thương chồng quá, nàng tiên ngã gục xuống khóc nức nở rồi chạy vào nhà rút ba ống nứa dài vắt đầy sữa, nhẹ nhàng đặt con lên chiếu, cắt một nắm tóc để lại cho chồng, rồi theo Thiên lôi về thiên đình.

Chiều bà cụ và người chồng về nhà, không thấy nàng tiên, chỉ thấy đứa con nằm ngủ bên nắm tóc thơm của mẹ nó. Nhìn cây cối ngả nghiêng, cháy xém, biết có điều hung dữ xảy ra, chàng cõng con trên lưng, bước xuống cầu thang đi vào rừng, nhìn trời khóc suốt chín ngày đêm. Tiếng khóc ai oán, ấm ức nghe nghẹn cả cổ, đau cả lòng. Được tin, dân làng thương quá, rủ nhau giúp sức, góp của. Nhờ bác thợ rèn chuyên nghề chim sắt biết bay, đúc cho hai cha con người xấu số ấy một con chim công sắt.

Được chim sắt rồi, hai cha con ngồi trên lưng công bay vút lên trời. Qua mây hồng, mây bạc, mây xanh, đến sông Hằng sắp tới triều đình, thì công sắt không tài nào bay qua được. Gió to, sóng gầm dữ dội. Năm bảy lần con công cất cánh đều lao đao muốn rớt. Hai cha con đành ở bên này sông. Một hôm, người vợ ra sông giặt áo, đứa con nhỏ thấy mẹ, liền gọi lên. "Mẹ ơi!" Người vợ quay sang, hai vợ chồng nhìn thấy nhau, nhưng không gần nhau được. Quá đau khổ, họ bưng mặt khóc.

Dân làng nhà trời thấy vậy vô cùng thương xót. Họ vào xin thiên đình cho hai vợ chồng được gặp nhau. Nhưng thiên đình

không cho, viện cớ sắp gả nàng tiên thứ chín cho chàng trai thuộc dòng họ quyền quý. Không quản ngại, dân làng liên tiếp cử người đến gõ cửa, buộc thiên đình phải xử. Cuối cùng Ngọc Hoàng phải xuống lệnh nếu chồng cô thứ chín làm được mấy việc sau này mới lấy được con gái nhà trời. Thứ nhất là trong một ngày phải nhặt hết số vừng rơi trong khu rẫy dài bằng một khoảng chim bay mỏi cánh. Thứ hai là phải ăn hết những quả ớt gió đã chín trong một khu rừng ớt. Thứ ba là phải làm một cái nhà bằng kim cương thật đẹp giữa sông Hằng. Thương con, thương vợ người chồng đành nhận lời. Sáng hôm sau, hai cha con dậy thật sớm để nhặt vừng, nhưng mãi cho tới trưa, khi mặt trời đã ở giữa đỉnh đầu mà vẫn chưa nhặt được bao nhiêu. Thấy thế, tiên ông liền đọc phù chú, gọi một bầy chim sẻ đông nghịt, bay xuống nhặt hộ, chẳng mấy chốc đã hết nhẵn.

Nhưng còn rừng ớt chín đỏ kia làm sao hái hết cho được. Người chồng cố hái ăn, bụng nóng như lửa đốt, mắt đỏ xè, thế mà mới ăn được mấy quả. Tiên ông thấy vậy, liền niệm thần chú hoá ra một đàn chim chào mào bay xuống ăn giúp. Trong giây lát cả rừng ớt chỉ còn trơ lại cành lá, (đến nay người Hê-rê giải thích chim chào mào đỏ đít là do ngày xưa nó ăn ớt cứu người).

Đã đến lúc phải xây nhà kim cương giữa sông Hằng chảy xiết. Chàng trai và dân làng đổ rất nhiều công đẵn gỗ thả xuống sông, nhưng gỗ dù nặng dù to mấy đều bị nước cuốn phăng đi như cuốn một cái lá. Một ngày không được, một tháng không được, một mùa không được, một năm không xong, hết phương kế, chàng trai ôm con ngồi bên bờ sông than khóc thảm thiết.

Thần cá liền ra lệnh cho cá chình, cá sấp, cá chép, lươn chạch, cua, rùa, cá lóc, cá nghạnh... đều bơi lại giúp. Một con chình to lớn quẫy mạnh, nhô đầu lên bảo: "Anh đừng lo, ngày mai anh sẽ có nhà đẹp và sẽ được gặp vợ. Hãy vui lên, đừng khóc ṇữa!" Quả đúng như vậy, sáng hôm sau, khi mặt trời vừa thức giấc, bỗng có một ngôi nhà lấp lánh bằng kim cương hiện lên đồ sộ giữa sông. Chung quanh sóng vỗ rạt rào. Chiếc nhà do các loài cá xây nên, cá chình nhận làm cột, cá lóc làm sạp,

cá sấp, cá chép làm mái nhà. Cá nghạnh làm xà, rùa làm bếp, cua làm móc chiêng, lươn, chình thì nối đuôi nhau thành một cái cầu tuyệt đẹp từ bờ ra đến giữa sông.

Ngọc Hoàng cùng thần hung ác thấy nhà đẹp mới chịu đem thuyền cho anh chàng nghèo sang sông gặp vợ. Còn bọn chúng thì hí hửng khiêng lúa, gạo, chiêng, ché ra nhà kim cương ở, chúng lao nhao tổ chức lễ ăn mừng. Nhưng khi vừa nhóm lửa nấu thịt thì rùa làm bếp bị nóng lưng quá lặn ngay xuống nước. Cùng lúc cá chình, cá lóc, cá sấp, cá trê... cũng lặn theo. Nhà đổ sập làm chìm cả lũ gian thần xuống dòng sông chảy xiết đầy cá sấu, cá măng. Trời cao vòi vọi, sóng nước mênh mông trắng xoá.

Từ đó nàng tiên thứ chín và chồng được cai quản thiên đình, làm cho mưa rơi xuống, mát mẻ trần gian. Làm cho nắng chiếu xuống để cây cỏ xanh tươi, bốn mùa hoa nở. Lâu lâu họ chấp cánh bay xuống tắm ở suối ngọc rồi về thăm mẹ già và bà con quê cũ.

Nàng Vỏ Trứng

Ngày xưa có hai anh em là Cả và Hai mồ côi cha mẹ từ nhỏ. Ngày nào cả hai anh em cũng ra suối câu cá. Cá là nguồn thu nhập chính giúp hai anh em có cơm ăn áo mặc.

Một hôm, câu từ sáng tới trưa mà chẳng được con cá nào, Hai bàn với anh:

- Anh ạ, ta đi về thôi.

Cả rút dây câu, lại thấy lưỡi câu động đậy, cái phao chìm nghỉm. Anh giật câu nhưng không kéo nổi. Hai lội xuống mò thì thấy lưỡi câu mắc vào một hòn đá như quả trứng gà đè lên.

Ngồi câu suốt ngày mà chỉ được mỗi quả trứng lạ, họ bèn quay về nhà. Hai bèn bỏ quả trứng vào nồi đem luộc. Nước sôi lâu lắm mà trứng vẫn nổi kêu loong coong. Anh Cả bàn nên đập trứng ra xem, Hai ngăn lại, nói:

- Ta đem cho gà ấp thử coi.

Gà mái ấp được nửa tháng, trứng vẫn không nở. Cả lại toan đập trứng. Hai lại ngăn, và đem cất lên gác.

Hai bàn với Cả:

- Trời mưa, ta không đi câu được, ta sẽ đi phát rẫy để có ngô lúa.

Hôm sau, họ đã phát xong đám rẫy to bằng mười gian nhà thì chợt có con quạ đậu trên ngọn cây kêu:

Tao nghe khát nước
Ai tìm cho tao
Rồi muốn cái nào
Tao cho cái ấy.

Nghe quạ kêu vậy, Hai mừng lắm, cầm bầu nước giơ lên nói:

Tao cần hột lúa, hột ngô
Để trồng nương, trỉa rẫy
Nếu cho tao giống tốt
Thì xuống uống nước ngon.

Quạ liền sà xuống uống một hơi cạn cả hai bầu nước rồi nó vỗ cánh bay đi. Hôm sau Cả và Hai đến rẫy thì thấy một đống ngô vàng và một gùi lúa. Họ liền lấy hạt ngô trỉa xuống rẫy, hạt thóc gieo xuống nương. Ngày tháng qua đi ngô đã vàng áo, lúa đã trổ bông, Cả và Hai gánh ngô, lúa về chất kín cả nhà. Nhưng thật lạ, mỗi bận đi nương về, hai chàng đã thấy ngô lúa được xếp vào gác hết sức cẩn thận. Lại có một hôm, họ thấy có nhiều đon lúa được vò sẵn đầy cót gạo giã đầy nong. Hai chàng ngạc nhiên lắm. Lạ hơn nữa là hôm nào về nhà cũng thấy cơm canh dọn sẵn.

Hai chàng muốn biết người nào đã tốt bụng giúp mình để đền ơn. Họ đi hỏi thăm các nhà nhưng ai cũng lắc đầu không biết.

Hôm ấy, Cả đi rẫy, Hai ở nhà rình, nhưng chẳng thấy gì lạ. Chiều họ đành lên nương, đến nửa đường Hai lại trở về núp kín sau những tàu lá cọ che cổng. Đứng nhìn lâu, bỗng anh thấy một cô gái đẹp từ trong trứng chui ra. Cô gái nhìn chẳng thấy ai bèn lấy lúa vò, lấy gạo nấu cơm.

Hai vừa sợ, vừa mừng, anh đoán đó là điềm tốt, nên yên bụng. Cô gái làm xong việc, định trở lại vỏ trứng, thì Hai chạy ra nắm chặt vỏ trứng bóp nát. Mất vỏ trứng, cô gái đành đứng đó, vẻ sợ hãi. Hai hỏi:

- Nàng là ai?

Cô gái trả lời:

- Tôi là con út vua Thuỷ Tề. Vua cha thấy hai chàng nghèo khó, siêng năng nên sai tôi giúp việc cửa, việc nhà.

Từ hôm đó nàng Vỏ Trứng ở lại trong nhà, hai chàng làm ăn mỗi ngày một khấm khá. Hai bàn với anh Cả là nên kết làm vợ chồng với nàng Vỏ Trứng. Nàng Vỏ Trứng trồng một cây cam trước cổng nhà. Chẳng bao lâu sau cây cam có quả sai và to.

Tin đồn Cả có vợ đẹp vang đi khắp mường. Tạo Nòi là con trai lão Lang lấy cớ đi săn nai ghé qua thăm nhà Cả và Hai. Hắn thấy quả là có cô gái đẹp nhất vùng. Hắn liền sắm đủ thứ trâu, bò, rượu, lợn khiêng đến nhà Cả và Hai. Tạo Nòi nói:

- Ta thương các anh siêng năng nên khiêng ít vốn đến giúp.

Anh Cả định nhận lấy, thì nàng Vỏ Trứng ra hiệu cho anh. Biết ý nàng, Cả liền nói:

- Nhà tôi đã có hạt ngô, hạt thóc rồi! Xin ông Tạo Nòi chở những thứ này đến nhà khác.

Nói rồi, Cả bảo vợ làm thịt gà, dọn cơm rượu cho Tạo Nòi ăn no, uống say.

Hôm sau, Tạo Nòi ốm liệt giường. Nhà Lang chạy hết thuốc này đến thuốc khác mà bệnh tình không khỏi, hắn lại càng nặng hơn. Nhà Lang kéo đến bắt đền anh em Cả. Lão Lang nói:

- Thằng Tạo Nòi chết, tao sẽ chặt cổ cả nhà mày.

Hai nhìn chị dâu. Nàng Vỏ Trứng lễ phép đáp:

- Tôi cho thuốc sẽ lành bệnh ngay, nhưng nhà Lang không được đến nhà tôi mà quấy rầy.

Lão Lang ngậm miệng chịu lời.

Tạo Nòi uống thuốc khỏi ngay. Nhưng vài hôm hắn lại ốm nặng hơn. Lão Lang lại kéo đến bắt đền anh em Cả. Không

chịu được cảnh ức hiếp này nữa, Hai giương ná, lắp tên chỉ thẳng vào lão Lang, nói:

- Nhà Lang chém anh tôi thì cái ná này sẽ cho các ông chết trước.

Lão Lang vốn nhát gan, sợ tên thuốc độc, bèn gọi tay chân kéo nhau về.

Một hôm, hai chàng lên nương làm cỏ lúa, nàng Vỏ Trứng ở nhà làm cơm nấu canh. Bỗng con trâu dưới sàn giẫm chân thình thịch. Nàng nhìn xuống thì thấy góc nhà có người cầm dao nhọn.

Nàng vừa ló mặt ra cửa, họ xô đến bắt nàng bỏ vào võng khiêng đi.

Nghe trâu gọi ò ọ, Cả và Hai bỏ việc về ngay. Đến nhà thấy nhà cửa tan hoang. Họ chạy lên nhà thì chẳng thấy nàng Vỏ Trứng đâu nữa.

Từ hôm bắt nàng Vỏ Trứng về, Tạo Nòi cứ quanh quẩn chỗ nhốt nàng. Nhưng lạ thay, tối nào cũng có con rắn nằm giữa xà ngang giữ cho nàng. Tạo Nòi vừa xô cửa định vào buồng nàng thì con rắn lao vút xuống. Tạo Nòi lăn đùng ra chết ngất.

Nàng Vỏ Trứng bắt buộc phải ra đỡ Nòi dậy. Con rắn xanh tự nhiên cũng biến mất. Thế nhưng hễ sẩm tối là con rắn lại hiện lên. Tạo Nòi tức lắm hắn tìm mọi cách để giết rắn mà không được. Tạo Nòi bèn nói với cha là giết hai anh em Cả. Rắn xanh mách tin này cho nàng Vỏ Trứng. Nàng Vỏ Trứng nói với Tạo Nòi rằng:

- Chàng thương tôi xin chàng chớ giết hai anh em Cả và Hai.

Hắn chiều lòng nàng, nhưng lại sai người sang đào cây cam quý.

Tạo Nòi lấy được cây cam thì thực hả hê trong lòng. Nhưng cây cam mỗi ngày lại một héo úa. Tạo Nòi định đẵn cam, nàng Vỏ Trứng ngăn lại nói:

- Để tôi tưới xem cam có sống lại không.

Nàng bèn gánh nước suối tưới cho cam, cây cam xanh trở lại.

Hôm nữa, Tạo Nòi lại ra suối xem nàng gánh nước, chợt thấy nàng trượt chân ngã xuống nước. Tạo Nòi đành nhảy theo để vớt nàng. Nước xoáy nhấn cả hai người chìm nghỉm.

Nghe dân làng kêu la Tạo Nòi và nàng Vỏ Trứng chết đuối, lão Lang trong nhà lao ra cũng nhảy xuống nước định cứu con nhưng hắn cũng bị nước cuốn phăng luôn.

Lúc ấy nàng Vỏ Trứng rẽ nước về thăm vua cha. Vua Thuỷ Tề cho nàng rất nhiều vàng, bạc, nhưng nàng không nhận. Nàng nói:

- Hàng năm xin cha cho mưa thuận gió hoà.

Vua Thuỷ Tề đồng ý, rồi trao cho nàng một giọt nước:

- Cha cho con cái ao cá thần để con làm ăn sinh sống.

Nàng nhận giọt nước ao thần và từ biệt vua cha trở về trần gian.

Từ hôm nàng Vỏ Trứng ngã xuống nước, Cả và Hai tưởng nàng đã chết, lòng họ buồn hơn. Một đêm nghe tiếng gõ cửa, Hai ra mở cửa thì thấy nàng Vỏ Trứng trở về, anh mừng quá rơi nước mắt. Lúc ấy nàng Vỏ Trứng mở bàn tay trao cho em Hai một giọt nước ao thần và nói:

- Chị cho em cái ao cá thần của vua cha trao cho chị, em hãy chăm nom đàn cá cho nhiều.

Hai giơ tay đỡ lấy giọt nước thần. Giọt nước liền bung ra thành một cô gái xinh đẹp như nàng Vỏ Trứng, e lệ đứng bên cạnh bờ ao trong xanh. Nàng Vỏ Trứng bảo:

- Đó là vợ của em đấy.

Hai nắm tay vợ và đưa về nhà. Từ đó bốn anh chị em cùng đi nương, phát rẫy, nuôi cá, làm ăn sinh sống. Còn của cải nhà Tạo Nòi thì Vỏ Trứng bàn rằng:

- Người trong Mường, ai thiếu cứ lấy mà chăn dắt, cày bừa. Lúa ngô cứ chia đều cho các bếp.

Dân Mường ai nấy được sống yên vui, ai cũng mến thương, quý trọng nàng Vỏ Trứng.

Nói dối như Cuội

Ngày xưa có một anh chàng trẻ tuổi tên là Cuội. Từ thuở nhỏ, Cuội mồ côi cả cha lẫn mẹ phải đi ở với chú thím. Hắn ta là tay láu lỉnh, đặc biệt về môn lừa người thì rất thành thạo. Một lão trọc phú ở trong miền nghe tiếng đồn về Cuội tỏ vẻ không tin. Một hôm, hắn cho người gọi Cuội đến và bảo:

- Nghe nói mày lừa người giỏi lắm. Bây giờ tao ngồi ở đây, đố mày lừa tao cho tao ra ngoài cổng thì tao lập tức thưởng cho mày năm quan. Đây có mọi người làm chứng đây!

Cuội ta gãi đầu gãi tai đáp:

- Ông ngồi ở đây, lại có đề phòng sẵn thì làm sao mà lừa ông ra ngoài kia được. Nếu ông ra đứng ngoài cổng tôi mới có cách lừa được ông vào nhà.

Nghe nói thế, lão trọc phú chạy ra cổng. Nhưng khi đến nơi, Cuội đã vỗ tay reo:

- Đấy tôi đã lừa được ông ra cổng rồi!

Trọc phú bị tẽn vì thua cuộc đành phải y ước đem tiền cho Cuội.

Nhà chú thím Cuội có nuôi một con lợn béo. Một hôm nhân lúc mọi người đi vắng cả, Cuội gọi người hàng thịt đến nhà bán rẻ con lợn đó lấy tiền tiêu. Cuội chỉ dặn người ấy giấu kín cho mình và xin lại cái đuôi lợn sống. Hắn đã tìm ra được một mưu để nuốt trôi con lợn. Hắn đào một cái lỗ nhỏ ở đám đất gần chuồng lợn, cắm cái đuôi vào đó rồi nện đất rất chặt. Chờ lúc người thím đi làm về, hắn làm vẻ mặt hốt hoảng, nói:

- Thím ơi! Thật là số không may. Ông gì ấy ông bắt mất lợn nhà ta. Nó xuống âm phủ mất rồi.

Rồi Cuội dắt thím ra chuồng lợn, nói tiếp:

- Nó đã xuống cả hai chân sau rồi, chỉ còn cái đuôi, bây giờ

thím hãy giữ lấy cái đuôi đừng cho nó xuống mà cũng đừng giật mạnh kẻo đứt mất là hỏng việc. Cháu sẽ lấy thuổng đào đất xung quanh, may chi bắt nó trở về.

Người thím nghe nói tưởng ông gì bắt lợn thật, vừa lo sợ vừa tiếc của, giục Cuội làm nhanh. Cuội lẳng lặng lấy thuổng đào đất. Đất bở ra, cái đuôi không kéo tự nhiên rời khỏi mặt đất. Thấy thế hắn la to lên:

- Thôi? Thế là lợn xuống âm phủ mất rồi. Còn làm ăn gì được nữa.

Một hôm, Cuội cùng chú đi chợ. Cuội xách một cái thúng không. Đột nhiên, Cuội chạy lên trước bỏ quá chú một quãng rồi lấy thúng úp một bãi cứt trâu ở dọc đường. Khi người chú vừa đến nơi, Cuội khư khư giữ chặt lấy thúng, bảo:

- May quá! Cháu vừa úp được một con chim ngói to lắm! Nhưng nếu bây giờ thò tay vào bắt thì nó trượt mất. Vậy chú mau mau về lấy tay lưới giăng chung quanh để bắt cho chắc. Con này mà đánh chén thì tuyệt!

Người chú vốn có máu tham, nghe hắn nói thế tưởng thật, vội vã trở về nhà lấy lưới đến giăng bốn bên thúng rất cẩn thận. Mọi người xúm lại xem rất đông. Nhưng khi Cuội giở thúng ra, ai nấy đều phì cười vì chỉ thấy một bãi cứt trâu, chả có chim đâu cả. Riêng người chú bị Cuội đánh lừa, giận thâm gan tím ruột, bèn không đi chợ nữa, dắt Cuội về đánh cho một trận thừa sống thiếu chết.

Một hôm khác, Cuội cùng chú đang cuốc cỏ ngoài đồng. Trời nắng như thiêu như đốt. Khát quá, người chú bảo hắn về nhà lấy nước mang ra. Vừa đến nhà, Cuội đã làm vẻ hốt hoảng, nước mắt giàn giụa, miệng mếu nói không ra tiếng:

- Khốn khổ lắm thím ơi! Chú bị trâu húc lòi ruột gan ra một đống. Hiện đã tắt thở, còn nằm trên cồn...

Người thím nghe nói chỉ còn biết kêu trời khóc đất rồi tất tả chạy ra đồng, vừa đi vừa ôm mặt than khóc rất thảm thiết. Cuội ta lại lẻn theo đường tắt, ba chân bốn cẳng chạy ra đồng. Sắp đến nơi, hắn cũng làm bộ đau đớn, bảo chú:

- Chú ơi? Trời hại ta. Thím ở nhà không biết leo trèo thế

nào bị ngã từ trên gác xuống, chết tím cả mặt, không một ai biết cả.

Người chú nghe nói, tưởng thật, đấm ngực kêu trời rồi chạy về kêu khóc suốt cả dọc đường. Đến khi hai vợ chồng đâm sầm vào nhau mới biết là thằng cháu ác nghiệt đánh lừa. Hai vợ chồng tức giận bèn đan một cái rọ bỏ Cuội vào rồi một mình chồng vác ra sông định vứt xuống nước.

Đến bờ sông, Cuội ta cầu khẩn: - "Cháu có tội với chú thím, chú thím bắt chết cũng đáng. Có điều ở dương gian cháu nói láo kiếm ăn được là nhờ có một quyển sách nói láo bấy lâu nay vẫn gác trên sàn bếp. Nay chú làm ơn nghĩ đến chút tình máu mủ về lấy giùm quyển sách đó tặng cháu mang theo xuống âm phủ kiếm ăn". Nghe hắn nói có vẻ thảm thiết, người chú tưởng thật, nghĩ bụng, tay hắn mình đã trói, rọ lại buộc chặt không thể trốn đi đằng nào được, bèn tất tả chạy về lấy sách.

Đang ngồi co ro trong rọ bỗng trông thấy một thằng hủi đi qua, Cuội gọi giật lại:

- Này hủi ơi! Tao trước cũng sưng da thối thịt như mày, nhưng trời run rủi cho tao ngồi vào đây, thế rồi tao được người ta đưa xuống nước chạy chữa, rồi lại khiêng lên, bây giờ lành hẳn cả rồi. Mày cứ mở cho tao ra mà xem.

Hủi tưởng thật, mở rọ cho Cuội ra, tấm tắc khen phép chữa màu nhiệm rồi mừng rỡ nói:

- May cho tôi quá? Thế anh cho tôi ngồi vào đây rồi anh buộc hộ cho tôi với. Có mấy quan tiền được nhân thể tôi xin biếu anh.

Được tự do, Cuội chờ cho hủi vào, buộc rọ lại cẩn thận rồi cầm tiền đi thẳng.

Lại nói chuyện người chú về nhà tìm mãi trên sàn bếp chẳng thấy gì cả mới biết là mình lại bị lừa lần nữa, giận quá, hầm hầm trở ra, chẳng nói chẳng rằng đạp rọ lăn xuống sông. Thế là hủi ta mất tích.

Cuội theo dọc sông đến một cái cầu, nhân trời nóng nực mới cởi áo xuống tắm. Mấy quan tiền của hủi cho, hắn sợ để

trên bờ có người lấy mất nên mang cả xuống sông. Một ông quan cưỡi ngựa đi qua trên cầu, thoáng thấy có thằng bé lặn ngụp dưới nước, một tay giơ lên cao có cầm cái gì giống như là quan tiền. Quan động lòng tham, dừng ngựa lại hỏi:

- Thằng bé kia, mày làm gì ở dưới đó?

Cuội làm bộ tìm tòi, nói với quan:

- Tôi mang đi cho cha tôi một thoi vàng, một thoi bạc và mấy quan tiền, lúc đứng chơi ở cầu không may lỡ tay đánh rơi xuống mất cả. Nay tôi lặn lội tìm chỉ được có mấy quan tiền mà thôi. Giờ tôi mà về, cha tôi sẽ đánh chết.

Nói đoạn, Cuội hu hu khóc, ông quan bèn xuống ngựa, cởi quần áo bảo Cuội:

- Mày bước lên mau đi, để tao còn xuống tắm. Cút mau! ý của hắn là muốn một mình mò tìm, tìm được thì giấu đi một chỗ để số vàng bạc ấy về tay hắn hưởng. Vừa nói hắn vừa lội xuống nước.

Cuội bước lên bờ vội lấy ngay quần áo của viên quan ra mặc. Quan hỏi:

- Mày làm gì thế?

Cuội đáp:

- Tôi rét quá, nhờ áo ông mặc đỡ một tý cho ấm.

- Thế tên mày là gì? Quê quán ở đâu?

- Tôi họ Bái, tên Dưng, ở Bông lông xã, Ba la huyện.

Mặc xong, Cuội chờ lúc quan lặn xuống nước, lên ngựa phi nước đại. Viên quan lặn tìm mấy lần không thấy gì cả, nhìn lên bờ thì đã mất cả ngựa lẫn áo quần. Biết là bị thằng bé đánh lừa, hắn vừa tức giận vừa hoảng hốt. Cuối cùng hắn dùng mấy cái đồ rách của Cuội bỏ lại, che tạm hạ bộ để chạy đi tìm Cuội. Gặp ai hắn cũng hỏi: - "Có thấy tên Bái Dưng vừa chạy qua đây không?". Nghe hỏi thế mọi người chỉ tủm tỉm cười. Mãi đến khi gặp một người đàn bà, người này tưởng hắn là một tên vô lại chọc ghẹo mình, mới quay lại mắng cho một trận. Hắn biết là dại, đành phải im mồm, rồi sau đó nuốt giận lẫn về nhà.

Lại nói chuyện Cuội phi ngựa về nhà chú thím. Cả hai vợ chồng, nhất là người chồng rất lấy làm ngạc nhiên không hiểu tại sao mình đã xô nó xuống sông hai năm rõ mười, thế mà bây giờ nó lại trở về được mà lại ăn mặc đàng hoàng như kia. Hỏi thì Cuội tươi cười đáp:

- Cháu xuống dưới ấy gặp được tất cả mọi người: ông, bà, cha, mẹ, nội ngoại đầy đủ. Cha mẹ cháu giàu có lớn lắm. Nhưng cháu nhớ chú thím quá nên chọn lấy một bộ quần áo, một con ngựa và ít quan tiền trở lên trên này.

Rồi Cuội lại nói thêm:

- Ông bà vẫn nhớ chú thím lắm đấy và có dặn cháu mời chú thím xuống chơi.

Hai vợ chồng người chú nghe nói mừng quá, hỏi Cuội:

- Chúng tao xuống có được không?

Cuội trả lời:

- Có khó gì đâu, chú thím cứ làm rọ y như lúc cháu xuống. Nhưng cháu thì không vác nổi đâu, phải mang ra bờ sông, chui vào rọ rồi cháu sẽ lăn xuống thôi!

Người chú vội vàng đan hai chiếc rọ đem ra bờ sông. Đoạn người chú chui vào một chiếc bảo Cuội buộc chặt lại, vứt xuống. Thấy tăm nước sủi lên sùng sục, Cuội vỗ tay reo:

- A ha! Chú đang lấy đấy!

Nghe nói thế người thím giục Cuội rối rít:

- Cháu cho thím xuống ngay đi!

Người thím lại chui vào rọ để cho Cuội vứt luôn xuống sông. Thế là từ đó Cuội thừa hưởng cơ nghiệp của chú thím để lại.

Nhưng Cuội ăn chơi hoang tàn chả mấy chốc đã bán hết gia tư điền sản. Hắn muốn đi chơi một phen cho thật xa, bèn sắm sửa lương thực rồi một hôm bỏ nhà ra đi.

Cuội đến một vùng rừng núi trùng điệp. Ở đây có rất nhiều voi, Cuội bèn nghĩ kế bắt cho được một con. Hắn ta đào một cái hố rất rộng và rất sâu ở chỗ voi hay qua lại. Trên miệng hố có bắc tre nứa lát phên và ghép cỏ rất khéo. Quả nhiên sau đó ba

hôm có một con voi bị sa hố đầu chúc xuống dưới, đít chổng lên trời, không cựa quậy được. Cuội dùng đất lấp voi lại chỉ chừa có cái lỗ đít. Và khoét đít voi thành một cái lỗ lớn hơn, rồi cứ để yên tại đó, chỉ thỉnh thoảng đến trông chừng.

Hắn bụng bảo dạ:

- "Rồi ta sẽ có một con voi biết bay, đi chu du thiên hạ!".

Sau khi voi chết, quạ và diều ngửi thấy mùi thịt liền rủ nhau tới ăn. Chúng nó chui qua lỗ đít tiến sâu vào thân con voi để rỉa lần thịt ở trong đó. Trước còn năm con mười con, sau dần dần có hàng trăm con ngày ngày chui vào chén thịt và lòng rất thoả thích. Cuội ta chờ đến lúc thịt voi đã gần kiệt, rình khi chim chóc chui vào khá nhiều, mới thình lình đút nút đít voi lại.

Thế rồi Cuội đào đất lên cho cái xác da voi nằm ngay ngắn. Hắn cưỡi lên lưng, dùng gậy đánh nhẹ ở dưới bụng voi. Tự nhiên bầy chim ở trong cái xác da voi bay vụt cả lên, mang cái xác da voi và Cuội lên trời.

Cái xác da voi bay giữa không trung qua những núi dài sông rộng làm cho Cuội nhìn không chán mắt. Cuội cứ để cho bay mãi suốt ngày, cuối cùng nhìn thấy một kinh thành rộng lớn, trong đó nhà ngói san sát, người qua lại đông không biết bao nhiêu mà kể. Cuội muốn xuống xem thử cho biết. Hắn vỗ mấy cái trên lưng voi, chim chóc thấy động phía trên thì sợ hãi xếp cánh không bay nữa. Cái xác da voi từ từ hạ xuống: Nó rơi xuống trúng giữa sân rộng có các quan đang làm lễ bái mạng.

Nhà vua và tất cả triều thần thấy có một người cưỡi voi từ trên trời xuống thì kinh hãi bội phần, vội vàng sụp xuống lạy Cuội như tế sao. Họ đón Cuội như đón một vị thần vừa giáng hạ. Nhà vua đích thân đưa Cuội vào nội điện và không dám ngồi ngang hàng.

Cuội sung sướng hưởng những cỗ bàn lễ vật của mọi người đem dâng.

Khi nghe Cuội nói đến sự màu nhiệm của con vật, nhà vua cất tiếng run run hỏi:

- "Ngài có thể cho quả nhân cưỡi lên voi đi ngắm cảnh gấm vóc trong thiên hạ được chăng?" Cuội đáp:

- "Được lắm, nhưng cần phải làm hai việc: một là nhà vua phải thay đổi áo quần cho tôi, vì con vật nó hay lạ hơi người, hai là khi ra giữa biển phải nhớ mở cái nút đằng sau cho nó uống nước".

Không một ai ngăn cản được lòng ham muốn của nhà vua. Cuối cùng cái xác da voi đưa vua lên không trung. Ra giữa biển, vua nhớ tới lời Cuội dặn, mở nút đằng đít để cho voi giải khát. Lũ quạ và diều bấy lâu bị giam cầm, nay thấy có chỗ hở lục tục bay ra tất cả. Cái xác da voi rơi xuống biển và chả mấy chốc nhà vua đã lọt vào bụng cá.

Còn Cuội mặc áo hoàng bào lên làm vua nước ấy.

Người anh tham lam

Có hai anh em, cha mẹ mất sớm, khi người em còn nhỏ tuổi, hai vợ chồng nhà anh mai táng cha mẹ xong, mang người em về nuôi. Người em tuy nhỏ nhưng có sức khoẻ lạ thường. Cậu bé xới đất giỏi như con lợn rừng và tra lúa và ngô thì chả ai nhanh bằng cậu. Cho đến việc phát rừng đốt nương, cậu cũng làm bằng bốn năm người khác. Nhờ thế mà chẳng mấy đối trong nhà đã có của ăn của để. Nhưng cũng từ khi cảnh nhà dư dật sung túc thì anh chị dâu trở nên tham lam. Họ sợ cứ ở mãi với mình thì tốn cơm tốn của, bèn tìm cách đuổi em đi.

- Vợ chồng chị nuôi em từ lúc em còn bé. Bây giờ em đã lớn rồi, hãy đi làm nhà riêng mà ở, phát nương, tra thóc, trồng ngô lấy mà ăn.

Người em rất buồn, nhưng chẳng biết làm sao, cuối cùng phải khăn gói bỏ nhà ra đi. Chàng đến một thung lũng hẻo lánh tít tận trong rừng sâu, làm một túp lều con để ở, ngày ngày đi

phát nương. Chả có cơm ăn, chàng phải vào rừng hái rau dại, đào củ mài. Chàng làm việc không ngơi tay lúc nào. Chàng phát trụi cả một quả núi, nhưng khi đốt nương xong thì không tìm đâu ra giống để tra cả. Chàng đành về xin anh chị thóc ngô giống. Biết em khoẻ, chị dâu sợ em giàu hơn mình mới nghĩ ra một kế. Mụ lấy ngô lấy thóc đem rang chín đi rồi mới đưa cho em. Được anh chị cho giống, vội vàng đem về tra.

Nhưng mà giống đã rang chín rồi thì còn làm sao mọc được nữa! Chàng đâu biết lòng nham hiểm của chị dâu. Chàng tưởng chim ăn nên lại quay về nhà anh chị xin giống lần nữa. Lần này cũng vậy, người chị dâu lại mang hạt giống rang chín rồi mới đưa cho em. Người em đem giống về, lòng khấp khởi mừng thầm. Chàng mang tất cả số giống trồng lại. Nhưng rồi mãi cũng không thấy cây nào mọc cả. Chàng tưởng trời hại mình, liền đào củ mài làm lương khô, đi tìm Bụt để hỏi nguyên do. Chàng đi đã lâu, thức ăn trong túi đã cạn mà vẫn chưa thấy Bụt. Chàng trèo lên một quả núi cao để tìm đường. Bỗng từ xa một đám mây lớn bay đến. Trong đám mây Bụt hiện ra hỏi chàng:

- Chàng trai kia đi đâu mà lên tận đỉnh núi cao này?

- Tôi đi tìm Bụt đây.

- Tìm ta à? Tìm ta có việc gì?

- Bụt trả lời cho tôi: Lúa tôi gieo không mọc, ngô tôi tra không lên?

- Lúa không mọc vì lúa đã rang, ngô không mọc vì ngô đã nướng. Người chị dâu của con đã làm như thế.

- Vậy phải làm sao hở Bụt? Thóc ngô họ để trong nhà, mà tôi thì không có trâu để đổi.

- Con cứ về nhà nhặt thóc lép sau nhà anh con mang ra nương mà tra.

- Nghe lời Bụt dặn, chàng quay lại nhà anh, nhặt lấy thóc lép sau nhà anh về tra. Quả nhiên, trên vạt nương rộng của chàng đã mọc lên một nương lúa cao lớn như bụi vầu, bụi bương và hạt lúa to như cái chum cái chĩnh. Người em trông nom ngày đêm.

Thế rồi đến mùa thu hoạch lúa, chàng làm việc rất hăng say, quyên cả mệt nhọc. Sau mùa thu hoạch đó, chàng không còn lo nghĩ phải thiếu cái ăn. Và kể từ đó, năm nào, mùa nào chàng cũng bội thu, càng ngày lúa ngô trong nhà càng nhiều, chàng chia bớt một phần cho những người nghèo. Trong làng ai cũng quý mến tấm lòng tốt của chàng, còn gia đình người anh thì làm ăn ngày càng sa sút, túng thiếu phải đến nhờ vả người em. Tuy bị anh chị đối đãi không tốt, nhưng người em vẫn bằng lòng giúp đỡ lúa ngô, và kể từ đó anh chị dâu rất tốt với người em, họ sống với nhau rất hoà thuận.

Người con hiếu thảo và nàng công chúa chung thủy

Ngày xửa ngày xưa, có hai mẹ con nhà nghèo làm nghề đánh cá. Khi mẹ đã già yếu, cậu bé một mình cáng đáng hết mọi việc chài lưới.

Hôm ấy, như mọi ngày khác, cậu chèo thuyền ra khơi câu cá. Nhưng cậu bé buông câu đã rất lâu mà chẳng hiểu sao không có con cá nào cắn câu cả.

Cậu buồn bã tự nhủ:

- Không câu được cá thì lấy đâu ra tiền mua gạo! Không có gạo thì tối nay mẹ mình đói mất!

Bỗng trời nổi gió mạnh. Sóng biển đánh dồn dập vào hai bên mạn thuyền.

Con thuyền mỏng mảnh chao đảo trong cơn bão. Cậu bé vất vả vật lộn với sóng gió. Nghĩ đến mẹ, cậu vẫn quyết tâm buông câu. Trời đã không phụ tấm lòng hiếu thảo của cậu. Cuối cùng cậu bé cũng câu được mấy con cá nhỏ, đem bán cũng đủ để đong gạo bữa tối.

Cậu bé cho thuyền vượt sóng vào bờ. Chợt cậu nghe đâu đây

có tiếng vui vẻ hò reo. Thì ra bọn trẻ con trong làng đang hành hạ một con rùa biển bị sóng đánh dạt vào bờ.

Rùa biển tội nghiệp bị mấy đứa trẻ lật ngửa trên cát. Bốn cái chân vụng về khua rối rít, không làm sao chống xuống cát được.

Bọn trẻ lấy gậy chọc vào bụng, ném đá vào đầu rùa. Rùa đau quá, kêu lên:

- Đau quá! Đau quá! Xin tha cho tôi! Tôi có tội tình gì đâu! Xin tha cho tôi!

Cậu bé đánh cá động lòng thương, vội chạy tới can ngăn:

- Các cậu tha cho rùa đi! Tội nghiệp nó!

Lũ trẻ hùng hổ sấn tới:

- Bọn ta bắt được nó! Thích đánh nó là quyền của bọn ta! Ai khiến mày can thiệp!

Không còn cách nào khác, cậu bé phải chìa xâu cá xâu được ra và nói:

- Vậy các cậu hãy đổi rùa biển cho tôi lấy xâu cá này!

Cậu chỉ giữ lại một con cá duy nhất làm thức ăn cho mẹ.

Lũ trẻ tham lam, thấy có món lợi liền buông tha cho rùa biển. Bọn chúng chia nhau xâu cá rồi chạy mất.

Còn lại một mình, cậu bé nhẹ nhàng lật con rùa biển lại và nói:

- Rùa ơi! Ta thả mi về với biển khơi nhé!

Rùa biển đã bơi xuống nước, còn ngoái đầu nhìn lại, vẻ rất biết ơn.

Cậu bé đánh cá vẫy tay tạm biệt rùa, rồi đem con cá còn lại về nhà, nói dối mẹ là mình đã ăn quà ngoài chợ.

Tối đó, cậu nhịn đói đi ngủ, nhưng trong lòng thanh thản vì đã cứu được rùa biển thoát khỏi tay bọn trẻ nghịch ngợm.

Hôm sau, cậu bé lại đi câu cá như mọi ngày. Cậu vừa dừng thuyền thả câu thì con rùa bữa trước bơi đến. Rùa nói với cậu bé:

- Hôm qua nhờ có anh mà tôi được cứu sống! Hôm nay tôi xin được đón anh tới thăm thuỷ cung để tạ ơn!

Cậu bé lo lắng:

- Nhưng làm sao tôi thở được dưới nước như rùa?

Rùa biển đáp:

- Anh hãy nuốt viên ngọc này vào bụng thì đi dưới nước như đi trên cạn vậy!

Dứt lời rùa há miệng để rơi ra một viên ngọc sáng lấp lánh. Cậu bé nuốt viên ngọc rồi leo lên ngồi thật vững trên mai rùa.

Rùa biển cõng cậu bé từ từ lặn xuống nước.

Lạ thay, cậu bé vẫn hít thở rất dễ dàng trong làn nước biển mặn chát.

Trong lòng biển, những đàn cá đủ màu sắc bơi lội tung tăng. Chúng uốn lượn những cái đuôi mềm mại lướt qua đầm san hô đỏ và táo xanh. Cậu bé vô cùng thích thú trước những cảnh đẹp kì thú, mở tròn mắt nhìn ngắm không biết chán.

Chốc chốc một chú mực trong suốt lượn sát bên rùa biển đến nỗi cậu bé giơ tay ra là có thể chạm vào nó.

Từ thuở ra khơi cậu chỉ biết buông cần câu cá, giờ cậu mới tận mắt chứng kiến cuộc sống muôn màu, muôn vẻ dưới đáy biển.

Càng đi sâu vào lòng biển, càng có nhiều điều kì lạ. Cậu bé câu cá tha hồ nhìn ngắm không chán. Chợt rùa biển ngoái đầu lại nói:

- Chúng ta đã tới thủy cung rồi đó!

Cậu bé ngước mắt lên nhìn thì thấy trước mặt hiện ra một chiếc cổng nguy nga tráng lệ. Cậu hỏi:

- Đó có phải cổng của thủy cung không?

- Đúng đấy! Công chúa thủy cung đang chờ đón cậu ở hoàng cung!

Nghe vậy cậu bé sửng sốt hỏi lại:

- Công chúa ư?

Rùa biển thấy cậu bé ngạc nhiên quá, bèn kể đầu đuôi:

- Tôi vốn là một cung nữ của công chúa con vua Thủy Tề. Hôm đó đi chơi chẳng may mắc cạn. May mà được anh cứu giúp! Hôm nay, công chúa mời anh tới đây để cảm ơn.

Đến trước cổng thuỷ cung, rùa biển dừng lại để cậu bé bước xuống. Hai cánh cổng bỗng nhiên mở ra. Công chúa xuất hiện, tháp tùng nàng là rất đông cung nữ mặc váy áo xanh. Nàng nào cũng vô cùng xinh đẹp, nhưng đẹp nhất vẫn là công chúa. Công chúa cất lời, tiếng nàng nghe êm ái như tiếng nước nhẹ nhàng trôi:

- Rất hân hạnh được đón chào ân nhân của cung nữ chúng tôi! Chúng tôi chờ cậu đã lâu, mời cậu vào!

Trong cung điện Ngọc Trai của công chúa thứ gì cũng đẹp và sang trọng. Trên bàn đã được bày đầy những món sơn hào hải vị mà người trần còn chưa bao giờ nghe đến tên gọi chứ nói gì đến nếm.

Cậu bé được mời ngồi bên cạnh công chúa. Tiếng nhạc dập dìu ngay lập tức nổi lên, các nàng cung nữ trình diễn cho khách xem điệu múa cung đình. Xiêm áo các nàng thướt tha rất đẹp mắt.

Cậu bé mải mê xem múa, vỗ tay liên tục, quên cả ăn. Công chúa thấy vậy bảo:

- Nếu cậu muốn, cậu có thể lưu lại đây bao lâu tuỳ thích. Ta sẽ dẫn cậu đi khắp thủy cung tham quan. Cậu sẽ là khách quí của chúng ta.

Tiệc tàn, công chúa y lời đưa cậu đi thăm thú các nơi. Hai người đi vào một hành lang rộng có bốn cánh cửa đóng kín. Cậu bé tò mò vừa chỉ cánh cửa đầu tiên vừa hỏi:

- Thưa công chúa...

Không để cậu hỏi hết câu, công chúa đã mở rộng cửa và niềm ở mời:

- Xin mời cậu vào bên trong! Đây là gian phòng Mùa xuân.

Cậu bé sững người trước quang cảnh vừa hiện ra. Muôn hoa nở tưng bừng, rực rỡ. Chim chóc hót véo von. Bướm ong rập rờn bay lượn, tưởng như đây không phải là chốn Thuỷ cung tận sâu thẳm dưới đáy đại dương.

Công chúa lại mở cửa gian phòng thứ hai. Một bầu không khí nóng bỏng phả vào người cậu bé. Tiếng nhạc ve râm ran như mời gọi cậu đầm mình trong dòng suối mát mẻ.

Công chúa nói với cậu:

- Đây là căn phòng Mùa Hạ.

Sau khi tắm mát, cậu bé được dẫn sang phòng thứ ba. Nơi đây có vầng trăng tròn vành vạnh treo giữa bầu trời mùa thu trong vắt. Tiếng dế mèn gáy cri, cri. Còn vườn cây rực màu lá vàng. Công chúa giới thiệu với cậu:

- Đây là phòng Mùa Thu. Hôm nay là tết trăng tròn. Ta hãy lên lầu ăn bánh, ngắm trăng!

Bánh của thuỷ cung ngon quá, cậu bé câu cá ăn mãi không chán.

Ăn bánh xong, công chúa đưa cậu đi thăm căn phòng cuối cùng. Căn phòng này chỉ toàn một màu trắng xoá của tuyết. Cậu bé rét run lên cầm cập, trái lại, công chúa dường như không thấy rét, nàng thản nhiên nói:

- Đây là phòng Mùa Đông. Ta mau vào trong tiễn năm cũ, đón năm mới nhé!

Thật là kì diệu! Chỉ trong chốc lát, cậu bé đã được thưởng thức phong cảnh của bốn mùa trong năm. Sau đó, công chúa mời cậu trở lại cung điện Ngọc Trai.

Ngồi bên những món ăn sơn hào hải vị, cậu bé chợt nhớ tới mẹ ở nhà. Hẳn giờ này mẹ đang rất ngóng đợi cậu. Cậu vội xin phép công chúa ra về. Công chúa giữ thế nào cũng không được.

Công chúa lại sai rùa biển đưa cậu bé trở về. Trước khi chia tay, công chúa tặng cậu bé một chiếc hộp rất đẹp và dặn:

- Cậu hãy giữ chiếc hộp này để làm kỉ niệm về thuỷ cung. Nhưng chỉ đến khi về già cậu mới được mở nó ra!

Cậu bé đáp:

- Công chúa đã tiếp đãi tôi rất thịnh tình! Nay lại còn cho quà mang về! Tôi thật như vừa trải qua một giấc mơ!

Cậu ngắm nghía chiếc hộp được chạm khắc rất tinh xảo, trong lòng thắc mắc về món quà đựng bên trong. Hẳn đó phải là một thứ rất quí.

Cậu bé ngồi lên lưng rùa, vẫy tay tạm biệt công chúa và các nàng cung nữ rồi lên đường.

Rùa biển bơi rất nhanh qua các rặng san hô, luồn lách qua các đàn cá đủ màu sắc, chẳng mấy chốc đã cập bờ biển quê hương.

Nhưng lạ thay, cảnh vật và làng xóm thay đổi đến mức cậu không nhận ra. Cậu về đến nhà thì nhà chẳng còn dấu tích gì. Cậu bé hốt hoảng hỏi thăm và được một cụ già cho biết:

- Nghe cụ kị tôi kể lại thì khoảng một trăm năm trước, có một bà cụ sống tại ngôi nhà đó. Vì quá thương nhớ con trai bị mất tích ngoài biển khơi mà bà cụ lâm bệnh rồi qua đời!

Nghe tin đau xót đó, cậu bé oà khóc, lủi thủi ôm chiếc hộp ra ngồi bên bờ biển. Hoá ra, một ngày cậu sống ở Thủy cung dài bằng cả trăm năm trên mặt đất. Cậu tần ngần mở chiếc hộp công chúa tặng ra xem. Nắp hộp vừa bật ra, một làn khói mỏng từ từ bay lên. Trong phút chốc, râu tóc cậu bạc phơ, da nhăn nheo. Cậu bé câu cá đã biến thành ông lão già lụ khụ.

Cụ già lẩm bẩm:

- Giờ thì mình đã hiểu vì sao công chúa dặn chỉ được mở hộp khi đã về già. Mình đã không giữ lời hứa với công chúa nên bị trừng phạt là đáng lắm. Nhưng than ôi! Cha mẹ không còn, bạn bè thì đã ra người thiên cổ cả! Mình chẳng còn thiết sống nữa!

Nói dứt lời ông lão biến thành con hạc trắng, vỗ cánh bay đi. Tương truyền rằng hạc trắng bay đi tìm con rùa dạo nọ.

Người dân nghèo và Ngọc hoàng

Ngày xưa, có một nhà kia trải qua đã mấy đời sống trong cảnh khố rách áo ôm. Đến đời người cháu nội là một anh học trò không đất cắm dùi. Ngày ngày anh cố công làm thuê làm mướn để tối đến học năm ba chữ, may sao thay đổi được số phận, nhưng mãi đến năm ba mươi tuổi, cuộc sống của anh vẫn không nhích lên được tý nào. Không chịu được nỗi đói khổ dằn vặt, một hôm anh ngồi than thở một mình:

- Tục ngữ có câu: "Không ai giàu ba họ, không ai khó ba

đời", ấy vậy mà ba đời nay dòng họ mình toàn là đói rách xơ xác, ta nghe nói ngoài biển Đông có Ngọc hoàng Thượng đế từ trên trời thường xuống ngự trên một hòn đảo, vậy ta phải đi tìm một phen để hỏi cho ra lẽ.

Nghĩ vậy, anh bèn khăn gói quả quyết lên đường.

Anh cứ ngày đi đêm nghỉ đã được mươi hôm. Vì tiền, lương thực mang đi không có bao nhiêu nên chóng cạn. Đành phải lần vào một nhà nọ để xin giúp đỡ. Người chủ nhà này là một phú ông. Phú ông sai người dọn cơm nước đãi anh tử tế, đoạn hỏi:

- Anh đi đâu có việc gì?

Người học trò không giấu giếm một tý nào cả:

- Nghe nói Ngọc Hoàng Thượng đế từ trên trời thường xuống ngự trên một hòn đảo ngoài biển Đông, tôi cất công đi tìm Ngọc Hoàng để hỏi tại sao mà người ta thường nói: - "Không ai giàu ba họ, không ai khó ba đời", thế mà nhà tôi đói khổ từ ba đời nay không cất mặt lên được.

Nghe đoạn, phú ông đưa cho anh học trò một số tiền ăn đường, và nói:

- Thế thì nhân thể anh làm ơn hỏi giúp Ngọc Hoàng cho tôi một việc. Nhà tôi từ xưa đến nay không hề làm việc ác đức, vậy mà không hiểu tại sao vợ chồng tôi chỉ sinh hạ có mỗi một mụn con gái mà lại câm từ thuở nhỏ.

Người học trò gật đầu nhận lời, rồi lên đường, tiếp tục cuộc hành trình, nhưng số tiền ăn đường của anh chẳng mấy chốc lại hết veo. Anh lại lần vào nhà một người nọ ở dọc đường để cầu giúp đỡ. Người chủ nhà này cũng đãi đằng cơm nước tử tế, đoạn hỏi anh về mục đích chuyến đi. Anh cũng kể lại tỉ mỉ số phận đen đủi của mình cùng với ý định đi tìm Ngọc Hoàng Thượng đế. Nghe hết câu chuyện, người kia mang tiền gạo ra tặng anh, và nói:

- Nếu anh đi gặp Ngọc Hoàng Thượng đế thì nhân thể làm ơn hỏi hộ cho tôi việc này một tý. Nguyên nhà tôi có trồng mấy cây cam, không hiểu tại sao cây tốt sum suê mà lại không hề có quả.

Người học trò nhận lời và lại tiếp tục lên đường. Anh đi mãi rồi cũng đến đích. Nhưng khi muốn vượt biển để tìm đến hải đảo, chỗ Ngọc Hoàng thường ngự xuống thì thấy một trời một nước mênh mông, chẳng có thuyền bè gì cả. Anh ngồi ở lại trên bờ chờ đợi. Chờ luôn ba hôm không thấy gì, anh không khỏi sốt ruột. Bỗng một hôm anh trông thấy một con ba ba khổng lồ nổi lên mặt nước bơi vào bờ, hỏi anh có việc gì mà ngồi chờ ở đây. Người học trò liền kể hết tâm sự của mình cho ba ba nghe và nói lên điều mong mỏi trước mắt là chờ gặp một con thuyền để đi nhờ ra đảo. Ba ba nghe vậy liền bảo:

- Anh cứ trèo lên lưng tôi, tôi sẽ vui lòng đưa giúp anh ra đến tận đảo. Nhưng nhân thể nhờ anh hỏi hộ Ngọc Hoàng cho tôi là tại sao tôi sống ở đây đã được một ngàn năm rồi mà vẫn cứ thế này mãi chứ không thay đổi.

Người học trò lại nhận lời của ba ba. Anh ngồi lên lưng ba ba để cho con vật rẽ sóng đưa mình băng qua muôn trùng sóng nước. Đảo xa mù tít ngày một rõ dần. Không bao lâu, bàn chân anh đã giẫm lên đảo. Anh còn tiếp tục đi một đoạn đường rất dài và trèo lên tận đỉnh một ngọn núi. Theo lời chỉ dẫn thì đây chính là chỗ Ngọc Hoàng thỉnh thoảng thường ngự xuống nghỉ ngơi. Cho nên, anh dừng chân lại và gắng sức chờ đợi. Quả nhiên ba hôm sau, vào một buổi sáng, bỗng có một vầng sáng từ trên trời bay vụt xuống đỉnh núi, Ngọc Hoàng từ trong vầng sáng bước ra rồi khoan thai tới ngự trên một cái ngai đầy châu báu rực rỡ. Không chút rụt rè, anh học trò tiến đến trước mặt Ngọc Hoàng quỳ xuống tâu xin. Nhìn thấy anh, Ngọc Hoàng chau mày:

- Nhà ngươi muốn cái gì mà đến đây?

Người học trò chưa vội hỏi việc của mình, anh bắt đầu kêu hộ việc của ba ba. Ngọc Hoàng nghe xong, liền nói:

- Nó có hòn ngọc ở trong cổ nên không hoá kiếp được. Chỉ cần bỏ ngọc ra là hoá được ngay.

Anh lại đem việc của người trồng cam ra tâu. Ngọc Hoàng bảo:

- Những cây cam ấy không có quả là vì dưới gốc của chúng có vàng. Kim khắc mộc nên mới như thế.

Học trò lại chuyển sang hỏi hộ cho người con gái câm, Ngọc Hoàng bảo:

- Nó không nói được là vì chưa có ông trạng nào đến "khai khẩu"cho nó.

Người học trò sắp sửa chuyển sang hỏi việc cho chính mình, thì không ngờ Ngọc Hoàng Thượng đế thấy anh hỏi mãi nên bực mình, gắt:

- Bực quá! Ta đến ngồi ở đây tưởng cách biệt với Thiên đình để kiếm chút yên tĩnh, không ngờ lại bị người trần gian tìm đến quấy rầy.

Nói đoạn, Ngọc Hoàng vội cưỡi mây bay về trời. Cho là số phận của mình đen đủi nên mới vậy, anh học trò đành ngậm ngùi quay trở về. Đến bờ biển đã thấy ba ba chực sẵn ở đó, nó bảo anh trèo lên, trở vào đất liền, rồi hỏi:

- Việc của tôi thế nào?

- Tại trong cổ baba có hạt ngọc mà baba thì cứ khư khư giữ mãi không chịu bỏ ra, nên không thể hoá kiếp được!

Ba ba bèn nhả viên ngọc ra đưa biếu anh và chỉ một chốc sau nó được đầu thai làm kiếp khác.

Anh học trò lại lần theo đường cũ trở về. Đến nhà có cây cam, người chủ ra đón anh, hỏi:

- Việc của tôi thế nào?

- Vì dưới gốc cây có vàng chôn, cứ đào lên là khắc có quả.

Người làm vườn bèn lấy thuổng đào, quả nhiên tìm thấy dưới mỗi gốc cây có một chĩnh vàng. Ông ta vui lòng chia cho người có công đi hỏi giúp mình một ít vàng.

Anh học trò lại lên đường về. Đi ngang qua kinh thành nhà vua thì một không khí tấp nập làm anh chú ý. Ở đây người ta đang mở khoa thi để kén Trạng nguyên. Nhờ có viên ngọc, anh học trò đã trở nên sáng dạ lạ thường, bao nhiêu kinh sử ôn đến đâu thuộc làu đến đấy. Vì thế anh bèn nấn ná ở lại. Sẵn có vàng, anh sắm sửa mọi thứ: quyển thi, lều chiếu và lễ vật...để được có tên vào danh sách ứng thí. Khoa ấy, văn bài của anh

làm rất xuất sắc. Chánh chủ khảo lấy anh lên đầu bảng. Nhà vua vô cùng khen ngợi vì kén được nhân tài xứng đáng, phong cho anh đậu Trạng nguyên.

Sau đó ít lâu Trạng cưỡi ngựa vinh quy. Một đoàn lính tiền hô hậu ủng theo Trạng cùng đi. Khi đi qua nhà phú ông, Trạng vẫn không quên lời hứa ngày nọ. Chàng bèn dừng ngựa ghé vào. Phú ông lấy làm ngạc nhiên khi thấy có quân gia kéo vào nhà mình, liền khăn áo chỉnh tề ra tiếp đón. Thấy Trạng không phải ai khác hơn người học trò nghèo đi hỏi Ngọc Hoàng dạo trước, phú ông lại càng bội phần kinh ngạc. Nhưng Trạng vừa truyền cho phú ông biết câu trả lời của Ngọc Hoàng Thượng đế, thì từ buồng trong, cô gái câm đã bước ra mỉm cười cúi chào Trạng và tự nhiên thốt lên thành lời. Để cám ơn người có công giúp mình, phú ông bèn gả con gái cho Trạng.

Người lấy vợ tiên

Ở làng bên có một bà cụ già có cậu con trai đã lớn mà chưa lấy được vợ. Nhà bà nghèo quá, chẳng lấy đâu ra tiền để hỏi vợ cho con. Đêm đêm, nhìn con trai nằm ngủ một mình bên bếp lửa, bà mẹ già lại ra đầu sàn đứng khóc thương đứa con thiệt thòi. Một đêm, sau khi khóc nhiều quá, bà ngả đầu vào vách mà ngủ thiếp đi. Trong cơn mơ, bà cụ thấy một cụ già râu tóc bạc phơ, da đỏ hồng hào, tay chống gậy trúc nhìn bà hồi lâu rồi bảo:

- Ta biết bà đang khổ vì gặp cảnh nghèo khó, không có tiền đi hỏi vợ cho con nên ta giúp. Ngày mai, bà bảo con trai bà đi theo hướng Tây, đi đến ngọn núi có phiến đá to như cái nhà kia sẽ thấy bảy nàng tiên xuống tắm. Con trai bà cảm thấy yêu cô nào thì cứ lấy đôi cánh của nàng tiên ấy đem về nhà là được.

Nói xong, ông cụ biến mất. Bà cụ giật mình tỉnh dậy, kể lại giấc mơ kỳ lạ cho cậu con trai nghe. Bà khuyên cậu nên làm theo lời ông cụ trong mơ chỉ bảo.

Tờ mờ sáng hôm sau, người con trai cơm đùm cơm nắm, băng rừng lội suối, leo hết núi cao đến vực thẳm, đến trưa thì chàng tới đúng chỗ cụ già bảo. Một cảnh tuyệt đẹp hiện ra trước mắt. Hồ nước xanh biếc, trong vắt như gương, xung quanh hồ mọc đầy hoa thơm cỏ lạ, ong bướm đua nhau bay lượn.

Nắng vàng lung linh, chàng đưa mắt ngó lên bầu trời, bỗng từ trong đám mây hồng có bảy cô gái đang bay như một đám mây ngũ sắc hạ từ từ xuống cạnh hồ nước. Chàng trai thấy vậy liền núp vào bụi cây gần đó. Bảy nàng tiên đứng lên phiến đá ngọc, các nàng cởi bỏ xiêm y lội xuống tắm. Nàng nào cũng đẹp, da dẻ trắng ngần. Tuy vậy, nàng tiên thứ bảy là đẹp hơn cả. Da nàng trắng mịn màng như quả trứng gà bóc, tóc nàng đen óng ả chảy dài như dòng suối, miệng nàng chúm chím như bông hoa vừa hé mở. Nàng đẹp quá. Chàng trai nghèo ngắm nàng không chán mắt. Rồi chợt nhớ lời cụ già trong mơ dặn, chàng bèn lẻn đến lấy trộm đôi cánh của nàng tiên thứ bảy.

Mặt trời sắp lặn, các nàng í ới gọi nhau chuẩn bị về trời, các nàng mặc xiêm y và lắp cánh để bay. Sáu này đã chuẩn bị xong, chỉ còn lại nàng tiên thứ bảy là chẳng tìm thấy đôi cánh của mình đâu. Nàng cuống cuồng chạy quanh bờ để tìm mà vẫn không thấy. Trống trời giục giã, sắp đến giờ đóng cửa thiên đình. Sáu nàng kia đã tung cánh bay đi để lại nàng út bơ vơ trên bờ cát trắng. Bất ngờ, nàng nhìn thấy dấu chân người, biết có kẻ lấy cắp đôi cánh của mình, nàng lần theo dấu chân đi mãi. Xế chiều, nàng đến một ngôi nhà nhỏ dựng lẻ loi dưới chân núi. Nàng đang phân vân không biết có nên vào xin nghỉ nhờ hay không thì một cụ già đến bên nàng và bảo:

- Đường sá vắng vẻ thế này, cháu đi một mình nguy hiểm quá. Cháu hãy về nhà ta ăn cơm, uống nước rồi nghỉ lại cho khoẻ đã.

Thấy bà cụ hiền hậu, nàng mạnh dạn vào nhà rồi vừa khóc vừa kể cho bà nghe chuyện rủi ro của mình: bị mất cánh tiên nên không trở về trời được. Bà cụ an ủi nàng rồi gọi người con trai của mình ra gặp nàng. Chàng trai vui mừng bước ra chào hỏi rồi cùng mẹ chuẩn bị bữa cơm tối mời nàng cùng ăn.

Lúc đầu ở nhà bà cụ, nàng tiên thứ bảy hết sức buồn, nàng nhớ cha, nhớ mẹ, nhớ các chị của mình, nhưng được sự chăm sóc trìu mến tận tình của bà cụ và chàng trai hiền hậu, siêng năng, nàng khuây khoả dần. Ngày ngày nàng cùng chàng lên rẫy hái măng, nhặt củi. Thế rồi, họ nên vợ nên chồng, hai vợ chồng sống rất hoà thuận, yêu nhau hết lòng, lúc nào cũng ở bên nhau. Đến mùa trăng năm sau, nàng tiên thứ bảy sinh được một đứa con trai kháu khỉnh. Từ đó, trong nhà thêm đầm ấm, vui vẻ hơn, người chồng càng yêu thương vợ gấp bội phần. Thương vợ, chàng cố tìm được nhiều mật thơm, măng ngọt về bồi bổ cho vợ. Từ ngày có thêm đứa cháu nội, bà cụ như trẻ lại, khoẻ ra, bà cũng lên rẫy trồng cây tỉa bắp để cho con cháu thêm thức ăn hàng ngày.

Cuộc sống của họ đang yên lành, bỗng một hôm mây đen, mây xám kéo đến đầy trời, sấm chớp ầm ầm, mưa đổ dữ dội. Nàng tiên thứ bảy cõng con ra đứng đầu nhà xem chồng và mẹ chồng đã về chưa, lòng nàng đang như có lửa đốt vì lo lắng thì đột nhiên thấy Thiên lôi từ trên trời cầm búa nhảy xuống sân. Mặt hầm hầm giận dữ, Thiên lôi bảo nàng phải về Trời ngay, nếu không nghe thì con nàng, chồng và mẹ chồng nàng sẽ phải chết. Thương mẹ, thương chồng, thương con, nàng ngã gục xuống khóc nức nở rồi chạy vào nhà rút ba ống bương vắt đầy sữa, nhẹ nhàng đặt con lên chiếu, cắt một nắm tóc dài để lại cho chồng rồi theo Thiên lôi về thiên đình.

Tạnh mưa, bà cụ và người chồng về nhà, không thấy vợ đâu, chỉ thấy đứa con nằm ngủ bên nắm tóc thơm của mẹ nó. Nhìn cây cối ngả nghiêng cháy xém, biết có điều dữ xảy ra, chàng cõng con trên lưng bước vào rừng kêu khóc gọi vợ. Tiếng khóc ai oán nghe thật thảm thương. Dân làng thương chàng rủ nhau góp sức góp của nhờ thợ rèn đúc cho hai cha con một con chim sắt biết bay. Có chim rồi, hai cha con ngồi lên lưng chim bay vút lên cao, qua bao núi cao, rừng sâu, qua mây xanh, mây hồng, mây tím, đến sông Hằng, sắp tới Thiên đình thì chim sắt không tài nào bay qua được. Sóng to gió lớn, chim sắt lao đao muốn rơi, hai cha con đành ngồi ở bên này sông chờ đợi.

Một hôm, người vợ ra sông giặt áo, đứa con trông thấy mẹ liền khóc gọi "mẹ ơi". Hai vợ chồng nhìn thấy nhau nhưng không gần nhau được. Đau khổ quá, họ chỉ biết ôm mặt khóc than.

Dân làng trời thấy vậy vô cùng thương xót, họ xin Ngọc Hoàng cho hai vợ chồng được gặp nhau, nhưng Ngọc Hoàng nói rằng tiên không thể chung sống với người trần thế được. Thương cảnh chồng vợ hai bờ cách biệt, dân làng kêu mãi, cuối cùng Ngọc Hoàng đồng ý cho hai người lấy nhau nếu người chồng làm được ba việc sau: Thứ nhất là trong một ngày phải nhặt hết số vừng rơi trong khu rẫy dài chín dặm. Thứ hai, phải ăn hết tất cả những quả ớt chỉ thiên trong rừng ớt. Thứ ba, phải làm một cái nhà bằng vàng giữa sông Hằng. Thương con thương vợ, người chồng nhận lời.

Tờ mờ sáng hôm sau, hai cha con đã dậy để nhặt vừng, nhưng mãi cho đến trưa khi mặt trời leo đến đỉnh đầu mà chưa nhặt được bao nhiêu. Thương chàng, đàn kiến đen kéo đến nhặt giúp, chẳng mấy chốc chúng đã nhặt xong.

Nhưng còn rừng ớt chín đỏ kia, làm sao hái cho hết được. Người chồng cố ăn, bụng nóng như lửa đốt, nước mắt chảy ròng ròng, thế mà mới ăn được mấy quả. Thương tình, đàn chào mào sà xuống ăn giúp. Trong giây lát, cả rừng ớt hết sạch sành sanh.

Đã đến lúc phải xây nhà bằng vàng giữa sông Hằng chảy xiết. Chàng trai được dân làng giúp sức nhưng dù cố gắng đến đâu thì cũng vô ích vì những cơn cuồng phong của sông Hằng không chịu buông tha.

Một ngày không được, một tháng không xong. Hết phương kế, người cha ôm con ngồi bên bờ sông than khóc thảm thiết. Thương chàng, vua Thuỷ tề liền huy động các thần dân của mình ra sức giúp chàng. Chỉ qua một đêm đến sáng ngày hôm sau, khi mặt trời vừa thức dậy, bỗng có một ngôi nhà đồ sộ dát vàng xuất hiện giữa sông. Ngôi nhà do các loài cá xây nên, cá chình làm cột, các lóc làm sạp, cá chép làm mái, rùa làm bếp, lươn thì nối đuôi nhau thành một cái cầu tuyệt đẹp từ bờ ra đến giữa sông.

Ngọc Hoàng cùng bọn quần thần hung ác thấy nhà đẹp mới chịu đem thuyền cho anh chàng nghèo sang sông gặp vợ. Còn bọn chúng hí hửng chuyển ra nhà dát vàng để ở. Chúng tổ chức lễ ăn mừng, nhưng khi chúng nhóm lửa để đun nấu trên lưng rùa thì rùa lặn ngay xuống nước vì bị nóng quá, cùng lúc các loại cá cũng lặn theo. Ngôi nhà đổ sập, làm chìm cả lũ gian thần xuống dòng sông chảy xiết.

Từ đó, nàng tiên thứ bảy và chồng cai quản Thiên đình, hai vợ chồng làm cho mưa thuận gió hoà để trần gian được bốn mùa hoa nở. Thỉnh thoảng, họ chắp cánh bay xuống tắm ở suối ngọc rồi về thăm mẹ già và bà con làng bản.

Ngưu Lang Chức Nữ

Ngày xửa ngày xưa, trong một khu rừng sâu có một cái giếng nước trong không bao giờ cạn, gọi là giếng Tiên. Vì giếng ở xa, người trần không mấy ai qua lại, nên các nàng tiên trên trời thường đến tắm và lấy nước.

Ngày ấy, có một chàng trai làm ăn chăm chỉ nhưng sống một thân một mình. Một hôm anh lên rừng đốn củi, quá chân lạc bước tiến mãi vào khu rừng sâu.

Trong khi tìm lối ra, anh tình cờ đi qua cái giếng Tiên, lúc ấy có ba nàng tiên đang tắm. Anh say sưa đứng nhìn quên cả lối về. Thấy có ba bộ cánh trắng để lại trên bờ cỏ xanh, anh rón rén đến lấy trộm một bộ, rồi núp vào một bụi cây. Sau khi tắm xong, ba nàng tiên uyển chuyển bước lên bờ. Hai nàng lấy được cánh của mình bay vụt lên trời, còn một nàng mất cánh ngơ ngác tìm kiếm khắp nơi. Nàng tiên cầu khẩn:

- Hỡi chàng trai lạ! Chàng vui lòng trả cánh cho ta để ta bay về!

Chàng trai trả lời:

- Không được, bộ cánh này đã lọt vào tay ta thì đừng có

hòng lấy lại. Nàng hãy theo ta về nhà làm vợ. Ta sẽ cho nàng được sống sung sướng.

Mặc dù nàng tiên van khóc hết lời, chàng trai nhất định không chịu trả. Trời đã xế chiều, chàng làm bộ cương quyết ra về, nàng tiên đành phải lẻo đẽo đi theo. Về tới nhà, chàng trai bí mật giấu bộ cánh rồi sửa soạn cơm nước, áo quần, chăn chiếu cho nàng tiên dùng. Từ đó, nàng tiên trở thành vợ của chàng trai.

Lấy nhau không bao lâu, vợ chồng chàng sinh được một đứa con trai. Thấm thoát đứa con đã lên ba tuổi. Chồng sung sướng nhìn con bập bẹ tập nói, còn vợ thì đã không còn nghĩ đến chuyện đòi lại bộ cánh để về trời.

Một hôm, anh chồng có việc phải đi xa và lâu ngày. Trước khi lên đường anh dặn vợ:

- Mẹ con ở nhà, có ăn thì ăn đụn lúa vàng, rồi sang đụn lúa ré, chớ ăn đụn lúa rẹ sẽ bị ong vò vẽ đốt. Không thấy có tổ ong vò vẽ nào đốt cả, nàng sinh nghi. Quả nhiên, sau một hồi tìm kiếm, nàng tiên đã thấy bộ cánh dưới cót thóc mà chồng dặn phải kiêng.

Lấy được bộ cánh, nàng tiên nóng lòng trở về trời thăm bố mẹ, chị em đã từ lâu xa cách. Từ đó, hàng ngày nàng tiên phải lấy bộ cánh ra tập luyện. Mỗi lần thấy mẹ bay là là trên không, đứa con trai ngây thơ lại cười nức nẻ.

Thấy con cười mẹ mắng:

- Cười sằng sặc có khi rặc cổ, cười hả hả có khi rã xương!

Chẳng bao lâu thói quen đã trở lại. Nhưng vì thương con, nàng tiên vẫn còn nấn ná không chịu về trời.

Thời gian thấm thoát đã sắp đến ngày chồng về. Nàng quyết định phải ra đi. Một buổi chiều, nàng tiên làm một mẻ rất nhiều bánh. Sáng hôm sau mẹ đưa đứa con vào buồng dặn:

- Con ở nhà hễ khi nào đói thì vào buồng lấy bánh ăn đừng đòi mẹ nhé!

Rồi mẹ gài lên áo cho con chiếc lược và dặn: "Con nhớ giữ lấy lược để đưa cho cha".

Dặn đoạn, nàng tiên vỗ cánh bay bổng lên trời.

Người chồng trở về không thấy vợ, lại thấy lược vợ cài vào áo con thì đoán ra nông nỗi: Con chim trời đã về tổ cũ. Từ đấy cha con côi cút, lòng chàng buồn rười rượi, thằng bé vắng mẹ kêu khóc đêm ngày. Một hôm, chàng lại bế con tìm tới giếng Tiên. Chàng vẫn nhớ con đường đi ngày nọ xuyên qua mấy khu rừng sâu. Nhưng lần này cây cỏ rậm rì che hết lối đi. Chàng tìm mãi hết ngày này sang ngày khác. Cuối cùng, chàng cũng lần tìm ra chốn cũ. Lập tức chàng đưa con đến nấp bên bờ giếng Tiên, hy vọng sẽ được gặp vợ ở đây. Chờ mãi đến trưa hôm sau, cha con mới thấy một bà già từ trên trời xách thùng nước xuống múc nước. Từ chỗ nấp bước ra, chàng trai nắm lấy thùng cầu khẩn:

- Hỡi bà tiên! Bà hãy thương tôi giúp cho tôi một việc.

- Chàng trai là người trần, có việc gì mà lại nhờ đến ta vậy?

- Tôi là chồng nàng tiên ba năm trước xuống tắm chốn này. Thế mà nàng đột ngột bỏ về trời không một lời để lại. Vậy bà làm ơn giúp cha con chúng tôi, nhắn tin cho vợ tôi xuống đây gặp chồng gặp con một tý. Đây là chiếc lược của vợ tôi để lại làm dấu tích, bà cứ cầm về, nhà tôi sẽ nhận ra ngay.

- Thế thì ta biết rồi. Nàng tiên đó là Chức Nữ, nàng Chức hằng ngày dệt vải nhưng vẫn nhớ chồng nhớ con. Được ta hứa sẽ giúp anh chuyện này.

Hai cha con lại cất công ngồi chờ cho đến tận chiều hôm sau mới thấy có hai người từ trên trời xuống. Họ đem theo một thứ dây túi để đưa cha con lên trời. Họ dặn cha con phải nhắm mắt và hết sức im lặng. Vào khoảng canh khuya, hai cha con đã bước vào cõi nhà trời và khi có lệnh "mở mắt", họ đã yên trí trong nhà nàng Chức. Vợ chồng mẹ con gặp nhau mừng mừng tủi tủi.

Nhưng hai ngày sau, hai cha con phải rời nhà trời. Chức Nữ thương chồng con vô hạn, nhưng không thể theo chồng con xuống cõi trần.

Ngày chia tay, vợ gạt nước mắt trao cho hai cha con một cái trống, một mo cơm và dặn:

- Khi nào hai cha con xuống đến mặt đất thì cứ đánh ba tiếng trống để trên này biết mà cắt dây.

Hai cha con xuống được nửa đường thì trời đã trưa. Thấy thằng bé khóc, chàng bèn mở mo cơm đặt lên mặt trống. Một đàn quạ trông thấy sà xuống mổ lấy mổ để. Ở trên trời, nàng Chức nghe có tiếng trống tưởng là cha con đã xuống đến đất, liền cắt dây. Dây đứt, hai cha con rơi xuống biển. Thấy vậy đàn quạ bay trên trời kêu váng cả lên.

Ngọc Hoàng biết chuyện lấy làm thương hại, bèn hạ lệnh cho hai cha con lên trời, rồi giao cho anh công việc chăn trâu. Sau này người ta gọi là chàng Ngưu, hay là chàng Ngâu. Hàng ngày chàng Ngưu thả trâu và cư trú bên kia bờ sông ngân. Bên này bờ, Nàng Chức vẫn ngày ngày dệt vải. Mỗi năm Ngọc Hoàng chỉ cho hai vợ chồng gặp nhau một lần vào ngày mùng Bảy tháng Bảy. Đàn quạ ngày hôm ấy phải đội đá bắc cầu cho hai vợ chồng qua lại.

Từ đấy, cứ đến ngày mùng Bảy tháng Bảy, trời thường rả rỉ mưa phùn, người ta gọi là mưa Ngâu, cho rằng những giọt nước mắt của vợ chồng được gặp gỡ trong một ngày, rồi lại ly biệt cho đến năm sau. Loài quạ cho đến nay bị sói đầu, người ta cho là phải làm phận sự đội đá bắc cầu nên mới như thế.

Nợ như chúa Chổm

Thuở xưa, vào thời nhà Lê, có một ông quan lớn trong triều tên là Mạc Đăng Dung có chí muốn cướp ngôi vua. Nhà vua biết được tin đó nhưng thế lực của Mạc rất lớn: ông ta cầm binh quyền, bè đảng lại đông nên không thể làm gì được. Cuối cùng nhà vua lẻn trốn đi nhưng chẳng được bao lâu đã bị Mạc Đăng Dung bắt đem về giam lại.

Hồi ấy, ở trại giam có một cô hàng rượu vẫn thường gánh rượu đến bán cho lính canh ngục. Một hôm, cô hàng đưa rượu vào bán, thấy có một phạm nhân mới mặt mũi khôi ngô bị giam

riêng ra một nơi. Khi biết người đó là vua, cô hàng có ý muốn làm quen. Mỗi lần bán rượu cho ngục tốt, nàng đều rót rượu cho vua uống. Dần dần giữa hai người có một mối tình nhóm lên. Một hôm cô hàng cất một mẻ rượu rất ngon, lại có pha thuốc mê, đem đến cho quân canh. Chờ cho họ nằm gục xuống, nàng bèn vào tình tự với vua.

Từ đó cô hàng rượu có thai. Nhà vua biết mình không thoát khỏi bàn tay tàn bạo của Mạc, bèn giao ấn ngọc lại cho nàng và nói:

- Nàng hãy giữ vật này làm tin, nếu sau này đẻ con trai, sẽ có ngày nó phục thù cho cha.

Không bao lâu, nhà vua quả bị họ Mạc sai người vào ngục giết chết. Tất cả hoàng hậu, thái tử, công chúa, phi tần của vua đều chịu chung số phận. Xong việc đó, Mạc chiếm lấy ngôi Lê làm vua nước Đại Việt.

Cô hàng rượu được tin không còn hồn vía nào nữa. Nàng trốn đi nơi khác làm thuê làm mướn, sống một cuộc đời lẩn lút. Đủ ngày đủ tháng, nàng sinh được một người con trai đặt tên là Chổm. Lớn lên, Chổm được vào chùa ở với sư cụ Thạch Toàn học kinh kệ. Hắn rất sáng dạ nhưng phải cái nghịch ngợm thì không ai bằng.

Một hôm đi chơi về đói, Chổm thấy trước tượng Mụ Thiện có bày một mâm bồng nải chuối và quýt, anh chàng rón rén đến bệ, bịt mắt Mụ Thiện lại bẻ chuối ra ăn. Bất đồ sư cụ ở đâu đi vào trông thấy liền bắt Chổm ra đánh. Chổm tức lắm, chờ lúc sư cụ đi vắng, lấy giấy viết mấy chữ: "Mười tay, mười mắt không giúp được gì cho ta. Thật là vô ích. Phải đày đi phương xa". Viết xong Chổm dán vào ngực Mụ Thiện. Đêm hôm ấy, sư cụ tự nhiên mộng thấy Mụ Thiện bảo mình rằng:

- Nhà vua đói nên mới ăn, sao lại đánh ngài để ngài đuổi ta đi? Phải mau mau tìm cách xin lỗi ngài để ngài tha cho ta.

Tỉnh dậy, sư cụ rất phân vân, mới gọi chú tiểu Chổm vào kể chuyện cho biết và bảo bóc giấy đi. Sư cụ hỏi chàng:

- Cha mày đâu?

Chổm đáp:

- Tôi lớn lên chưa từng nghe nói có cha.

Sau đó Chổm trở về hỏi mẹ:

- Cha con đâu?

Mẹ sợ không dám nói sự thật cho con biết, đáp:

- Cha con là họ Lê, bị hổ ăn thịt chết rồi.

Nghe nói vậy Chổm rất buồn. Từ hôm đó anh chàng lập tâm giết hổ để báo thù cho cha.

Một hôm, Chổm vào rừng chơi, thấy một con hổ đang ngủ dưới gốc cây, liền rón rén cầm một hòn đá lớn ném mạnh vào đầu hổ. Hổ vỡ óc chết tươi. Đang nắm đuôi hổ lôi về thì Chổm bỗng gặp một con hổ khác xông ra. Chổm sợ quá, quẳng xác hổ cắm đầu chạy. Nào ngờ khi hổ sắp đuổi kịp thì tự nhiên có một ông già tay cầm côn sắt ở trong rừng hiện ra đánh chết con hổ dữ. Chổm thoát chết, sụp lạy ông già. Ông già trao cho chàng cái côn, bảo:

- Con hãy học vài miếng võ để mà hộ thân.

Chổm sung sướng vâng lời. Dạy xong, ông già cho Chổm cái côn rồi đi mất.

Từ đó, Chổm dùng côn làm vũ khí tùy thân. Một hôm đi qua một cái miếu, nghe đồn có nhiều yêu quái hại người, Chổm bèn cầm côn trèo tường nhảy vào tìm yêu quái. Một lát, ở trong hang sâu bò ra một con rắn lớn, mắt sáng như sao, miệng phun khí độc, toan vồ lấy Chổm. Chổm giơ thần côn vụt lấy vụt để vào đầu rắn. Rắn chết, từ đó trong xóm được yên ổn.

Hai mẹ con Chổm về sau thấy yên lại trở về chốn cũ. Anh chàng đi kiếm củi hoặc làm thuê làm mướn nuôi mẹ. Những lúc bụng đói, Chổm thường vào ăn cơm hay mua thức ăn ở các quán cơm tại cửa ô. Hàng nào được Chổm vào ăn là hôm đó bán đắt như tôm tươi, còn các hàng khác chỉ ngồi xua ruồi. Người ta cho là Chổm nhẹ vía nên hàng nào cũng muốn mời anh ta vào ăn, dù bán chịu cũng được. Chổm được thể ngày nào cũng đánh chén loang toàng và tiêu pha bạt mạng, toàn là ăn chịu mua chịu. Ai hỏi nợ, hắn đều bảo:

- Đến ngày tôi làm nên, sẽ xin trả chu tất!

Hồi bấy giờ có một vị quan tên là Nguyễn Kim, trốn sang Lào mưu đồ việc diệt Mạc. Vua nước Lào nhường cho ông miếng đất Sầm Châu làm căn cứ để lo việc khởi nghĩa. Qua mấy năm chiêu binh mã, Nguyễn Kim đã gây được lực lượng. Nhưng ông ta còn muốn tìm một người thuộc dòng chính thống để bá cáo với thiên hạ. Khốn nỗi, con cháu vua Lê đã bị Mạc giết hại hầu hết. Một đêm nọ, Nguyễn Kim thấy một vị thần hiện ra trong giấc mộng, bảo ông:

- Thiên tử ra đời đã lâu, sao không đón về, còn chờ gì nữa?

Ông hỏi:

- Ở đâu?

- Cứ đi về phía Tây kinh thành, ở dãy hàng cơm, đúng ngày Thìn giờ Ngọ, hễ rồng đen quấn cột là chính thị thiên tử.

Sau khi tỉnh dậy, Nguyễn Kim rất mừng, bèn mang theo một ít bộ hạ, cải trang đi tìm con cháu nhà Lê theo như lời thần đã mách.

Hôm đó, Chổm đang ngồi ở hàng cơm, thấy có mấy người khách lạ đi qua, bèn đứng ôm lấy cột nhìn ra. Nguyễn Kim rảo qua một lượt, chỉ thấy quấn cột là một chàng trai trẻ tuổi, da đen sì, nhưng thấy dáng điệu hèn hạ nên cũng không để ý.

Đêm hôm đó, Nguyễn Kim lại mộng thấy thần trách:

- Ta đã mách cho biết Thiên tử mà không nghe. Ngày mai ra bờ sông, hễ thấy ai đội mũ sắt, cưỡi thuyền rồng là đúng.

Ngày mai, Nguyễn Kim chực ở bờ sông nhìn những thuyền bè qua lại, nhưng chờ mãi chả thấy ai đội mũ sắt cả. Mãi đến gần tối, có một chuyến đò ngang, trong đó có Chổm và một người bán chảo gang. Gặp khi trời đổ cơn mưa, Chổm không có nón, phải mượn chiếc chảo úp lên đầu cho đỡ ướt. Nhưng Nguyễn Kim không chú ý, vì thấy y không có vẻ gì là người quyền quý. Thần lại xuất hiện trong giấc mộng của Nguyễn Kim, trách ông ta không nghe lời mình, rồi bảo:

- Ngày mai cứ đến chỗ quán cơm cũ tìm người nào đi chữ đại, trở lại chữ vương thì đón về.

Qua ngày hôm sau, Nguyễn Kim và bộ hạ lại kéo nhau đi

tìm. Họ quả thấy anh con trai hôm nọ bấy giờ đang say rượu, nằm trong quán cơm, đầu gối lên ngọn côn, hai tay bỏ xuôi xuống, hai chân dạng ra hai bên như chữ "đại". Bỏ đi một chốc, đến lúc trở lại, họ thấy Chổm cựa mình, lúc này ngọn côn trật lên khỏi đầu, hai tay bỏ ra trước ngực, còn hai chân thì xếp bằng tròn như chữ "vương". Bấy giờ Nguyễn Kim mới tin chắc anh chàng này là người thần có ý mách cho mình, bèn giả khách vào quán ăn uống, chờ Chổm dậy sẽ đến làm quen.

Chổm chợt tỉnh, thấy một người khăn áo có vẻ quyền quý đến sát giường mình, thì cầm côn chực bỏ chạy. Nhưng Nguyễn Kim đã giữ Chổm lại thưa rằng:

- Xin Điện hạ đừng sợ!

Chổm ngạc nhiên hỏi:

- Ô hay! Điện hạ nào? Tôi là thằng Chổm đây!

Nhưng thấy người quyền quý ấy có vẻ ân cần khi hỏi thăm cha mẹ và chỗ ở. Chổm an tâm hơn, trả lời:

- Tôi họ Lê, cha bị hổ ăn thịt, còn mẹ ở nhà.

Nghe nói là họ Lê, Nguyễn Kim mười phần đã chắc đến bảy tám, liền theo Chổm về đến tận nơi. Trước những người khách lạ, mẹ Chổm nửa mừng nửa sợ. Mãi đến khi biết được thiện ý của họ, bà mới đưa ấn ngọc ra và kể rõ tình đầu.

Thế là từ đó, Chổm cùng mẹ từ giã ngôi nhà nát ở ngoại thành lên đường đến Sầm Châu lo việc phục thù cho cha. Thanh thế quân Lê mỗi ngày một to. Vua Mạc nghe tin, sai tướng đem sáu mươi vạn quân vào đánh. Qua bao nhiêu trận kịch chiến, quân Lê đại thắng. Rồi không bao lâu, quân của Chổm tiến ra Bắc. Quân Mạc hễ thấy quân Lê đến đâu là chạy trốn như vịt. Bấy giờ Chổm đường đường là một vị chúa uy thế lẫy lừng.

Đến ngày khải hoàn, trở về kinh thành, khi quân gia đang trên đường tiến vào cửa ô thì bỗng có một số người chủ hàng cơm ngày xưa bán chịu cho Chổm, từ đâu kéo ra để chào người quen và để đòi nợ cũ. Thấy thế, bọn lính tiền đạo toan bắt tội vô lễ. Nhưng Chúa Chổm ngăn lại rồi kể chuyện ăn chịu

ngày còn hàn vi cho các tướng tá nghe. Đoạn bảo quan hầu lấy tiền ra trả cho họ. Lúc đó có nhiều người thấy kẻ kia đòi được nợ, cũng xúm lại kể ơn nghĩa cũ: Kẻ tính thành năm quan, người kể thành mười... biến thành một cuộc truy nợ đông như đám hội. Bọn quan hầu đếm tiền mãi không xiết, vì con số chủ nợ mỗi ngày một tăng. Bọn họ bèn nghĩ ra được một kế là đứng trên kiệu vung tiền xuống cho ai nhặt được bao nhiêu thì lấy bấy nhiêu. Mọi người thấy thế đổ xô ra cướp. Dần dần quan quân tiến đến phố, cứ như bây giờ là vườn hoa cửa Nam. Một viên đại tướng nghĩ chúa mình sắp lên ngôi tôn mà khách nợ cứ chạy theo réo mãi như thế này thì còn thể thống gì nữa, mới viết vào một tờ giấy hai chữ "cấm chỉ" dán ở giữa phố và sai một toán quân đóng lại đó, ra lệnh hễ thấy ai còn đòi nợ chúa nữa thì chém ngay. Nhờ thế, người ta mới thôi réo và thôi đuổi theo xe Chổm.

Chúa Chổm vào đến hoàng cung thì trời sắp tối, thấy văn võ bách quan ai cũng mong muốn mình lên ngôi ngay để yên lòng thiên hạ, Chổm bèn ngửa mặt khấn trời rằng: "Hỡi Thượng đế, nếu tôi xứng đáng nối nghiệp nhà Lê thì xin quay mặt trời trở lại chính ngọ, bằng không thì tôi sẽ trở về chốn cũ làm ăn, giao quyền vị lại cho người khác". Khấn được một lúc, quả nhiên trời sắp tối bỗng sáng hẳn, mặt trời lại treo giữa đỉnh đầu. Chổm đường hoàng bước lên đàn làm lễ đăng quang tự xưng hoàng đế. Lễ tất, mặt trời tự nhiên kéo một mạch về phương Tây lặn mất. Trời bỗng tối sầm như mực, lúc mọi nhà vừa thắp đèn lên thì gà vừa gáy.

Ngày nay còn có câu tục ngữ Nợ như Chúa Chổm và có câu phong dao:

Vua Ngô ba mươi sáu tàn vàng,
Thác xuống âm phủ chẳng mang được gì.
Chúa Chổm mắc nợ tì tì,
Thác xuống âm phủ khác gì vua Ngô.

Ở chỗ vườn hoa Cửa Nam bây giờ, cũng do sự tích trên mà người ta còn gọi là "Ngã tư Cấm Chỉ".

Núi Bà Đen

Ngày xưa, núi Bà Đen có tên gọi là Núi Một. Trên đó có một tượng Phật bằng đá, rất linh thiêng. Dân chúng rủ nhau chặt cây lá dọn đường lên núi cúng Phật. Người lên núi thường phải đi từng đoàn, vì dọc đường có rất nhiều beo cọp. Có một người con gái tên là Lý Thị Thiên Hương, văn hay võ giỏi, gốc ở Trảng Bàng. Vào mỗi ngày rằm trăng sáng, cô hay lên núi lễ Phật. Trong làng, có chàng trai tên là Lê Sĩ Triệt để ý cô, đem lòng thương mến.

Vì thấy cô có nhan sắc, một ông quan nọ định dùng võ lực bắt cô đem về làm thiếp. Ông ra lệnh cho một thầy võ thi hành kế gian. Khi cô Lý bị thầy võ kia đánh bại, sắp gặp nạn, thì Lê Sĩ Triệt xông ra cứu thoát. Về nhà, cô thuật lại chuyện, được cha mẹ đồng ý gả cô cho chàng trai cứu mạng. Vào lúc ấy, Võ Tánh đang chiêu binh giúp Gia Long đánh nhà Tây Sơn, Lê Sĩ Triệt ra tòng quân. Một hôm, giữa lúc đang chờ chồng trở về đoàn tụ, cô đang cầu khẩn trên núi thì có một bọn cướp đến vây bắt. Cô chạy thoát vào rừng trốn, rồi mất tích luôn.

Sang đời vua Minh Mạng, có một vị hoà thượng trụ trì trên núi Tây Ninh ngày kia đang niệm Phật, bỗng thấy một người con gái mặt đen nhưng xinh đẹp hiện ra nói văng vẳng:

- Ta đây họ Lý, khi 18 tuổi bị đuổi bắt nên té xuống hố chết. Nay ta đã đắc quả, xin Hoà Thượng xuống sườn núi phía Đông Nam tìm thi hài ta mà chôn cất giùm. Vị hoà thượng này y lời, đi tìm xác cô, đem về chôn cất.

Câu chuyện đồn đãi ra tới tai Thượng Quốc Công Lê Văn Duyệt. Ông bèn lên núi tìm hiểu hư thực, và hứa dâng sớ về triều phong chức cho cô gái họ Lý này, nếu cô linh hiển cho ông thấy tận mắt sự thật. Cô bèn nhập vào xác một đứa con gái, nói rằng: "Hồn của thượng quan sau này sẽ được chức

thần kỳ vinh hiển, nhưng xác của thượng quan sẽ bị hành hạ". Lê Văn Duyệt nói:

- Bổn chức không cầu xin cho biết tương lai mình, mà chỉ muốn biết rõ căn nguyên của nàng.

Cô gái rơi nước mắt, kể lại câu chuyện chết oan ức của mình, và nhắc lại duyên nợ tiền định với chàng Lê Sĩ Triệt.

Theo lời kể, sau khi thành Bình Định thất thủ, Lê Sĩ Triệt được phong chức chỉ huy hai tỉnh Khánh Hoà và Bình Thuận. Hai người vì chưa sống chung chăn gối với nhau, nên được trường sinh bất tử. Nhờ vậy, nàng trở thành tiên thánh, xuống cõi trần để cứu dân độ thế. Kể dứt lời, cô gái nọ té nhào, bất tỉnh hồi lâu mới dậy.

Lê Văn Duyệt đã thay mặt vua, phong cho cô Lý Thị Thiên Hương chức vị "Linh Sơn Thánh Mẫu", ngự ở Núi Một, tức là núi Bà Đen ngày nay ở Tây Ninh.

Phân xử tài tình

Ngày xưa, có một ông quan huyện có tài xét xử. Trong dân có vụ án nào rắc rối gay go nhất, ông đều có cách tìm ra manh mối và phân xử rất công bằng.

Một hôm, có hai người đàn bà dắt nhau đến công đường với một tấm vải. Trước mặt Quan, một người mếu máo thưa:

- Bẩm Quan, sáng nay con mang một tấm vải đi chợ bán. Bà này hỏi mua, con đưa cho bà ấy xem. Thế rồi tự dưng nó cướp không tấm vải bảo là của nó, nhất định không chịu trả lại cho con nữa. Thật là chuyện ngược đời! Xin quan đèn trời soi xét.

Quan nhìn sang người đàn bà thứ hai thì thấy bà này cũng rưng rưng nước mắt, kể lể:

- Bẩm Quan, chính nó mới là đồ ăn cắp. Tấm vải này là của con vừa dệt xong mang đi chợ. Con để nó trong cái thúng khảo, thế mà vừa ngoảnh đi một lát, nó dám thò tay vào lấy, chính

con bắt được quả tang. Thế mà nó còn dám đặt điều để vu oan giá họa...

Quan ngắt lời hai người, bảo mỗi bên phải cử ra một người ít nhất cũng đã chứng kiến vải của mình khi bị lấy mất. Nhưng cả hai đều không tìm ra được người làm chứng, chỉ vì sự việc xảy ra ở một nơi vắng vẻ, lúc đó chưa có người qua lại. Quan lại gọi hai người lính, bảo chúng tìm về tận nhà mỗi bên thử xem, có phải đúng vải của họ dệt ra như lời khai hay không. Nhưng khi hai người lính trở về thuật lại thì Quan rất lấy làm ngạc nhiên, vì cả hai đều có khung cửi như nhau, khổ vải bằng nhau và chính sáng sớm ngày xảy ra câu chuyện, bên nào cũng mang một tấm vải đi chợ bán. Thật rắc rối làm sao! Quan cố nhìn vào thần sắc từng người để dò ý tứ. Nhưng Quan chỉ thấy vẻ đau đớn vì mất của hiện trên nét mặt của hai người, không có gì khác hơn. Suy nghĩ một chốc, Quan ôn tồn bảo họ:

- Cả hai mụ đều có lý cả. Biết làm sao bây giờ. Thôi ta phân xử thế này: Giờ đem cắt tấm vải ra làm đôi, chia mỗi người một nửa, thế là ổn. Hãy đi về mà làm ăn! Nói xong, Quan sai lính đo vải xé ngay giao cho mỗi người một nửa. Thấy thế, một bà bỗng ôm mặt khóc thút thít. Lập tức Quan sai trả cả tấm vải cho người đàn bà ấy rồi thét lính trói người kia lại vì chỉ có chủ nhân thực sự của tấm vải mới đau xót bật ra tiếng khóc kia. Quả nhiên, sau một hồi tra khảo, người đàn bà đành cúi đầu nhận tội.

Một hôm khác, Quan đi qua một cái chợ, bỗng nghe tiếng chửi rủa huyên náo, vội tiến lại xem có việc gì. Đến nơi, thấy một người đàn bà đang gân cổ lớn tiếng chửi kẻ đã bắt trộm con gà của mình. Hỏi người xung quanh thì họ cho biết là mụ ta chửi như thế đã được hai ngày, ai cũng lấy làm khó chịu. Quan vội sai người hầu bước tới cùng lời khuyên can:

- Này mụ kia, sao mụ lắm lời thế?

- Của tôi, tôi xót - Người đàn bà đáp. Can gì đến chú.

Nói xong lại tiếp tục chửi. Quan bèn cho chức dịch đòi người đàn bà lại hỏi:

- Sao mụ ác khẩu thế! Một con gà phỏng có bao nhiêu mà mụ chửi rủa nặng lời?

Người đàn bà nói:

- Bẩm Quan, con chăm chút bấy lâu mới được một ổ gà. Nay nó lấy mất gà lẫn trứng, không căm tức sao được!

Quan hất hàm bảo bọn chức dịch:

- Ta ghét con mụ này ngoa ngoắt, độc mồm độc miệng, làm cho xóm giềng điếc tai nhức óc đã hai ngày, không thể không trị tội được. Vậy cho đi rao trong xóm đòi tất cả mọi người ra đây. Cho mỗi người tát cho mụ một cái vào má cho rõ đau để trả nợ việc mụ xúc phạm đến sự yên tĩnh của hàng xóm.

Lệnh Quan ban ra, mọi người không thể không tuân theo. Mặc dầu ai cũng ghét mụ ngoa ngoắt, người ta vẫn thấy thương con người đã mất gà lại bị đánh, cho nên ai cũng vả nhẹ mỗi người một cái vào má cho xong. Chỉ có tên ăn trộm căm mụ đã gào đến tam đại nhà mình nên hắn cứ theo đúng lệnh Quan, vả mụ một cái thật đau cho bõ tức.

Nhưng khi hắn vừa bước ra khỏi đám đông thì Quan đã gọi giật lại, vạch đúng tội trạng và tâm lý của hắn. Hắn không thể chối cãi được, đành thú nhận.

Một hôm khác, Quan đi qua một ngôi chùa lớn, ghé vào vãng cảnh chùa. Sư cụ trong chùa thấy Quan liền ra đón tiếp kính cẩn, mời vào phương trượng uống trà. Sư than thở với Quan rằng mình có giữ cho chùa một số tiền lớn, không may bị kẻ trộm lấy mất cả. Nhưng Sư không biết ngờ cho một ai, lại cũng không muốn trình Quan, sợ làm khổ lây bọn đồ đệ. Nay Sư có ý muốn nhờ Quan kín đáo xét hộ.

Quan hỏi rõ sự tình vụ trộm trước sau rồi chỉ lên tượng Phật bảo Sư cụ:

- Đức Phật ngài thiêng lắm, sao Hòa thượng không cầu người tìm giúp, chả hơn là nhờ tôi ư? Đức Phật, có phép làm cho kẻ gian cầm hạt thóc nảy mầm. Nếu Hòa thượng muốn, tôi sẽ xin vì nhà chùa làm thử một phen.

Nói rồi bảo Sư cụ biện lễ cúng Phật. Trong khi Hòa thượng

làm lễ, Quan cho gọi tất cả sư vãi và những kẻ ăn ở trong chùa ra để chạy đàn. Quan bảo mỗi người một tay cầm nhang và tay kia cầm một nắm thóc đã ngâm nước, rồi nói:

- Sư cụ có cho biết là chùa ta trước đây có mất một số tiền mà không rõ ai là người lấy trộm. Ta chắc Ngài rất thiêng. Bây giờ, mỗi người cầm một nắm thóc đã ngâm nước rồi vừa chạy vừa niệm Phật. Nếu đúng là kẻ gian, Đức Phật sẽ làm cho thóc trong tay nảy mầm. Như vậy gian ngay tỏ rõ, khỏi phải tra khảo phiền phức.

Cả đoàn người mới chạy được vài vòng thì Quan đã thấy một chú tiểu thỉnh thoảng lại hé tay cầm thóc ra xem. Quan liền sai mọi người dừng lại, bắt lấy chú tiểu, vì chỉ có tật mới hay giật mình, nên thỉnh thoảng lại nhìn trộm như thế. Chú tiểu không đường chối cãi, phải chịu nhận tội.

Quả bầu kỳ lạ

Thuở xưa, có hai mẹ con nhà Tờ Chú (có nghĩa là anh đen) nghèo nhất làng. Họ nghèo lắm, nghèo đến nỗi không có một con dao mẻ để phát nương, một cái thuổng để đào củ mài. Tờ Chú phải đi ở cho chủ làng để lấy cơm gạo nuôi thân, nuôi mẹ.

Nhà chủ làng giàu lắm, trâu hàng đàn, voi hàng lũ, ruộng chim bay mỏi cánh, muông thú chạy chồn chân không hết. Tờ Chú không ao ước gì hơn ngoài mảnh ruộng, đám nương để cấy lúa, trồng ngô nuôi mẹ.

Một hôm Tờ Chú nói với chủ làng:

- Tôi không muốn ở thuê cho chủ làng mãi. Tôi muốn có một mảnh ruộng, một đám nương. Chủ làng có thể cho tôi một khoảng rừng để tôi phát nương, vỡ ruộng được không?

Chủ làng nghe chàng trai nói vậy, lắc đầu.

Nhiều lần Tờ Chú hỏi xin nhưng không lần nào chủ làng trả lời cả. Một hôm chủ làng đang uống rượu, Tờ Chú lại vào xin. Hắn bực mình chỉ lên dãy núi xanh xanh phía chân trời và nói:

- Thôi được, mày đã muốn thì tao cũng chẳng tiếc nữa. Nếu mày có sức thì cả dãy núi kia, tha hồ cho mày phát.

Nghe chủ làng nói thế, Tờ Chú sung sướng quá, vội chạy về báo tin cho mẹ biết. Mẹ khuyên:

- Con chớ nên đi, dãy núi hoang kia là chỗ ở của hùm beo, rắn rết. Con lên đấy sẽ bị chết mất xác. Rồi đây, ai thay con nuôi nấng, chăm sóc mẹ?

Tờ Chú an ủi:

- Mẹ không lo. Hùm beo con chẳng sợ, rắn rết con chẳng kinh. Chủ làng đã cho đất, nhất định con sẽ phát được nương, vỡ được ruộng.

Thấy con quả quyết, người mẹ cũng không can ngăn nữa. Sáng hôm sau, Tờ Chú từ biệt mẹ lên đường. Chàng cứ nhắm hướng núi xanh trước mặt mà đi. Đi mãi, suốt chín ngày, chín đêm liền không nghỉ, ngày thứ mười, Tờ Chú đến chân núi. Đó là một khu rừng rộng bạt ngàn, cây to cây nhỏ chen nhau kín mặt đất. Chàn dùng tay không bẻ gãy cây nhỏ, lấy đá đập đổ cây to. Qua chín ngày, chín đêm nữa, Tờ Chú đã khai phá được một khu đất rộng. Đến ngày thứ mười, anh bỗng thấy một con chim gõ kiến bay đến nói:

- Nghỉ tay một tý đã, Tờ Chú. Tôi có câu chuyện muốn nói với anh. Hãy để cho loài chim chúng tôi ít cây để làm tổ. Rẫy của anh đã dài hơn rẫy chủ làng rồi đó. Tôi bay rã cả cánh ra rồi mà vẫn không hết đám rẫy anh vừa phát.

Nghe chim gõ kiến nói, Tờ Chú ngừng tay không phát theo chiều dọc nữa. Chàng quay lại phát chiều ngang. Cũng đến ngày thứ mười thì chàng thấy một con nai vàng từ trong rừng chạy ra, nói:

- Rẫy của anh rộng gấp đôi rẫy của chủ làng rồi. Tôi chạy đã mỏi cả gối mà vẫn không hết. Anh hãy dành chỗ đất cho loài thú chúng tôi.

Tờ Chú nghe lời nai, ngừng tay. Đúng là rẫy của chàng bề dài hơn rẫy của chủ làng, bề ngang rộng hơn rẫy chủ làng. Từ nay, gia đình chàng sẽ có ngô, lúa. Tờ Chú đập đá lấy lửa đốt rẫy. Xong việc, chàng về bản lấy thóc giống lên gieo. Nhưng khi về đến nhà, bao nhiêu thóc giống, mẹ chàng đã ăn hết cả rồi. Chàng hỏi vay các nhà trong bản, nhưng chẳng ai còn thóc cho chàng vay. Cùng đường, Tờ Chú phải đến nhà chủ làng vay thóc giống. Tên chủ làng nham hiểm cho chàng vay loại thóc đã luộc chín rồi. Tờ Chú không biết cứ mang lên rẫy gieo. Không thấy lúa mọc, chàng lại đến nhà chủ làng vay lần nữa. Chủ làng nói:

- Giàng không cho mày sướng đâu, Tờ Chú ạ. Mày đừng phí công vô ích. Nếu lần này mày gieo không mọc thì đúng là cái số mày như vậy. Mày lại đến ở thuê cho tao thôi.

Đúng như chủ làng nói, lần thứ hai, Tờ Chú gieo lúa vẫn không mọc. Nhìn cả đám rẫy, cỏ đã bắt đầu mọc, cây non đã đâm chồi. Tờ Chú buồn quá ngồi khóc. Chắc là Giàng không muốn cho mẹ con chàng có gạo cơm, bỗng thấy một quả bầu khô từ đâu trôi đến, đụng vào chân. Bực mình, chàng đá quả bầu cho trôi theo dòng nước, nhưng nó lại trôi trở lại, đụng vào chân chàng. Hai ba lần như vậy, Tờ Chú nghĩ: "Hay là mình trồng bầu ăn vậy. Ăn bầu người cũng sống được. Nếu không, mình chỉ còn cách là lại đi làm thuê cho chủ làng".

Nghĩ vậy, chàng vớt quả bầu lên rồi về nhà từ biệt mẹ lên rẫy trồng bầu. Đến nơi, chàng ghè quả bầu vào đá, lấy hạt rắc khắp rẫy.

Hôm sau, ra xem rẫy. Tờ Chú hết sức kinh ngạc vì rẫy của chàng đã là một rừng bầu. Hôm sau nữa, bầu đã ra hoa và ngày thứ ba thì khắp rẫy lố nhố những quả.

Tờ Chú mừng quá, hái một quả về nướng ăn thì thấy rất thơm ngon. Sung sướng quá, chàng reo lên:

- Sống rồi, ta sẽ mang bầu về cho mẹ, chắc là mẹ mừng lắm.

Nhưng khi ra đến rẫy định hái bầu về cho mẹ thì cả rẫy bầu đã úa vàng. Quả bầu mới hôm qua xanh mơn mởn, hôm nay đã

khô đét. Tờ Chú đi đi lại lại khắp rẫy, nhìn những quả bầu khô, nước mắt cứ trào ra. Chàng nghĩ: "Giàng không cho ăn bầu tươi, thì lấy hạt bầu về cho mẹ ăn cầm hơi vậy". Chàng liền hái một quả ghé vào đá. Quả bầu vỡ đôi, tung ra không biết bao nhiêu là hạt, nhưng không giống những hạt bầu mà là một thứ hạt nhỏ, vỏ cứng. Tờ Chú nhìn kỹ thì đúng là hạt thóc. Thóc cứ chảy rào rào như thác nước. Kinh ngạc quá, chàng đập thử quả thứ hai rồi quả thứ ba, quả nào cũng đầy những thóc là thóc. Tờ Chú mừng quá vội đi hái bầu, chất từng đống vào chòi rồi gùi thóc về nhà cho mẹ.

Đến nhà, thấy mẹ đang nằm co quắp bên đống lửa tàn, da bọc lấy xương vì đói. Tờ Chú hốt hoảng lay gọi mẹ.

- Mẹ ơi, có lúa gạo rồi. Con đem về đây, mẹ dậy mà ăn.

Người mẹ mở mắt, trông thấy con, nước mắt cứ trào ra. Đến khi nhìn thấy gùi thóc bên bếp bà lại nhắm mắt lại và nói.

- Con đem bán thóc trả cho người ta, con ạ. Mẹ không nỡ ăn cơm gạo không phải do sức của mẹ con ta làm ra. Thà là mẹ chết còn hơn ăn phải của ăn trộm, ăn cắp.

- Mẹ ơi, thóc của nhà ta đấy mà. Tờ Chú vội nói.

Người mẹ vẫn lắc đầu:

- Con đi gieo lúa, lúa không mọc. Con đi gieo bầu, bầu ăn được thì Giàng lại làm cho héo đi. Thế mà con bảo là thóc của rẫy nhà ta thì mẹ tin sao được.

- Nếu mẹ không tin thì để con cõng mẹ lên rẫy xem, mẹ sẽ rõ.

Không đợi mẹ trả lời, Tờ Chú nâng mẹ dậy cõng lên lưng đi. Chàng đi như bay, phút chốc đã đến chòi giữa rẫy. Chàng đặt mẹ nằm bên bếp lửa rồi lấy một quả bầu, ghè vào đá. Thóc từ trong quả bầu rào rào chảy ra như thác nước. Người mẹ thấy vậy, mắt sáng lên:

- Giàng giúp mẹ con ta rồi con ơi.

Từ ngày có rẫy bầy kỳ lạ, mẹ con Tờ Chú trở nên no đủ. Dân dưới bản bị đói, kêu nhau lên rẫy đào củ, được mẹ con chàng cho thóc, nhờ vậy mà qua được nạn đói.

Chủ làng nghe tin Tờ Chú nhờ phát rẫy trên núi trồng bầu

mà có dư lúa gạo, bèn tìm cách đòi nợ. Tờ Chú trả rất sòng phẳng hàng chục quả bầu, chủ làng hí hửng mang bầu về, chắc mẩm phen này sẽ suốt đời dư thóc gạo. Nhưng khi đập bầu ra thì quả nào cũng toàn sỏi cát. Chủ làng tức giận nhưng không làm gì được chàng trai. Còn mẹ con Tờ Chú từ đó trở đi không bao giờ bị đói như xưa nữa.

Quan Âm Thị Kính

Ngày xửa ngày xưa, có một người trải đã nhiều kiếp, kiếp nào từ bé đến lớn cũng giữ mình đức hạnh và thành bậc chân tu. Cứ luân hồi chuyển kiếp như vậy liên tiếp đến chín lần, nhưng chưa kiếp nào được thành Phật. Đến kiếp thứ mười, Đức Thích Ca muốn thử lòng, bắt vào đầu thai làm con gái một nhà họ Mãng ở nước Cao Ly.

Họ Mãng đặt tên nàng là Thị Kính. Lớn lên, nàng tài sắc nết na lại hiếu thảo hết lòng. Khi đến tuổi lấy chồng, nàng được bố mẹ gả cho thư sinh Sùng Thiện Sĩ. Sùng Thiện Sĩ rất đẹp trai, chăm học. Hai vợ chồng thật là trai tài gái sắc ăn ở với nhau rất mực kính trọng và hòa thuận. Một đêm, Thiện Sĩ ngồi đọc sách, Thị Kính ngồi may bên cạnh. Thiện Sĩ bỗng thấy mệt mỏi, bèn ngả lưng xuống giường, kê đầu lên gối vợ truyện trò rồi thiếp ngủ. Thị Kính thương chồng học mệt nên lặng yên cho chồng ngủ. Nàng ngắm nhìn khuôn mặt tuấn tú của chồng, bỗng nhận ra ở cằm chồng có một sợi râu mọc ngược. Sẵn con dao nhíp trong thúng khâu đựng đồ may, Thị Kính liền cầm lên kề vào cằm chồng định tỉa sợi râu. Bỗng Thiện Sĩ chợt tỉnh, nhìn thấy vợ cầm dao kề vào cổ mình, nghi vợ chủ trương làm hại, liền vùng dậy nắm lấy cổ tay Thị Kính la lên:

- Nàng định cầm dao giết tôi lúc tôi đang ngủ ư.

Thị Kính đáp: "Không phải đâu. Thấy chàng có sợi râu mọc ngược, thiếp định tỉa nó đi, kẻo trông xấu xí lắm!".

Nhưng trong cơn nghi ngờ và hoảng hốt, chồng nhất định không tin. Giữa lúc đó, ông bà họ Sùng nghe tiếng cãi nhau, vội lại hỏi nguyên do. Nghe con trai kể, ông bà tin ngay, khăng khăng đổ tội cho Thị Kính toan giết chồng rồi lập tức cho mời ông bà họ Mãng sang trách móc và trả lại con. Thị Kính không biết giải tỏ sao được nỗi lòng oan khổ của mình, nàng cắn răng chịu tủi nhục từ giã nhà họ Sùng để về nhà cha mẹ. Về ở với cha mẹ, Thị Kính lúc nào cũng sầu phiền. Nỗi oan khổ chẳng còn biết cùng ai thổ lộ. Nàng bèn quyết tâm đi tu để trước là báo đáp ân sâu của cha mẹ, sau là tẩy rửa nỗi oan khiên. Nghĩ rằng, nếu trình thưa với cha mẹ ý định của mình thì cha mẹ không cho đi nên đang đêm, nàng cải trang thành nam tử và trốn khỏi nhà với tấm chân thành của người tìm chân lý. Lại một lần nữa, Thị Kính bị mang tiếng đồn là bỏ nhà theo trai trong khi thật sự nàng tìm đến chùa Vân Tự tu hành.

Sư cụ chùa Vân Tự không biết là gái bèn nhận cho làm tiểu, đặt tên là Kính Tâm. Từ đó Kính Tâm nương náu cửa thiền, lòng vui với đạo nên khuây khỏa được sầu phiền. Tu hành chưa được bao lâu thì một tai vạ lại đến với Kính Tâm.

Trong làng có Thị Mầu, con gái của một phú ông, đi lễ chùa, thấy Kính Tâm thì đem lòng yêu trộm. Đã có lần Thị Mầu nói rõ lòng mình với Kính Tâm nhưng Thị Mầu vô cùng thất vọng vì Kính Tâm vẫn cứ thản nhiên. Càng ngày, Thị Mầu càng say mê. Quen thói trăng hoa, Thị Mầu bèn tư thông với một người đầy tớ trong nhà, không ngờ thị mang thai và bị làng phạt vạ. Thị Mầu bèn đổ cho tiểu Kính Tâm. Vì thế tiểu Kính Tâm bị làng đòi đến tra khảo. Nàng không biết biện bạch ra sao để gỡ mối oan này nên đành cam chịu sự đánh đập tàn nhẫn.

Sư cụ thấy tiểu bị đánh đòn đau, thương tình, kêu xin với làng nộp khoán. Vì sợ ô danh chốn thiền môn nên dù thương xót Kính Tâm, sư cụ cũng phải để Kính Tâm ra ở mái Tam Quan chứ không được ở trong chùa nữa. Đủ ngày tháng, Thị Mầu sanh một đứa con trai. Phú ông bắt thị đem đứa bé trả cho cha là Kính Tâm. Kính Tâm đang tụng kinh, thấy tiếng trẻ

khóc, nhìn ra thì thấy Thị Mầu đem con bỏ đó rồi đi. Động lòng từ bi, nàng ra ẵm lấy đứa bé và chăm lo nuôi nấng hết lòng.

Ngày ngày nàng phải bế nó đi xin sữa ở đầu làng cuối xóm chịu bao nhiêu tiếng cười chê. Sau ba năm, đứa bé đã khôn lớn, vẻ mặt rất khôi ngô, tính nết ngoan ngoãn giống hệt cha nuôi thì cũng là lúc Kính Tâm đạt cái chí của mình sau những ngày đầy oan khổ. Bà chỉ bị yếu qua loa rồi chết. Trước khi nhắm mắt, Kính Tâm dặn dò đứa bé, bà lại viết một phong thư giao cho nó cầm để lại cho cha mẹ.

Đứa bé đang than khóc bên xác cha nuôi thật là bi thảm, chợt nhớ lời cha dặn, vội lên chùa trên báo cho sư Cụ biết. Sư vãi được cụ sai ra khâm liệm thi hài mới hay Kính Tâm là đàn bà. Tin này tung ra, cả làng đổ đến chùa đông như hội. Nỗi oan tình của bà được tỏ và khi lá thư của bà về đến quê thì ai nấy lại đều biết bà không phải là gái giết chồng. Thiện Sĩ vội theo ông bà họ Mãng tới chùa Vân Tự làm lễ ma chay. Ai nấy đều nhận thấy rằng sự chịu đựng và nhẫn nhục của nàng từ bấy đến nay quả là cùng cực. Sư cụ làm lễ giải oan. Làng bắt phú ông phải chi phí tang ma và Thị Mầu phải tang phục đưa chồng.

Giữa lúc cử hành đàn chay, một đám mây ngũ sắc giữa trời từ từ hạ xuống trước đàn lễ. Đức Phật Thiên Tôn hiện ra, ngài nhận thấy Kính Tâm là người tu hành đắc đạo nên cho bà làm Phật Quan Âm và cho toàn gia bà được siêu thăng, linh hồn được về gặp nhau nơi cực lạc. Riêng Thiện Sĩ, thấy rõ nông nỗi vợ, sau khi chôn cất Kính Tâm xong, chàng xin ở lại chùa tu đến hết đời.

Sơn Tinh - Thủy Tinh

Hùng Vương thứ mười tám có một người con gái tên là Mỵ Nương, sắc đẹp tuyệt trần. Mỵ Nương được vua cha yêu thương rất mực. Nhà vua muốn kén cho nàng một người chồng thật xứng đáng.

Một hôm có hai chàng trai đến, xin ra mắt nhà vua để cầu hôn. Một người ở vùng núi Ba Vì, tuấn tú và tài giỏi khác thường: chỉ tay về phía đông, phía đông biến thành đồng lúa xanh, chỉ tay về phía tây, phía tây mọc lên hàng dãy núi. Nhân dân trong vùng gọi chàng là Sơn Tinh. Còn một người ở mãi tận miền biển Đông tài giỏi cũng không kém: gọi gió, gió đến, hô mưa, mưa tới - Chàng này tên gọi là Thủy Tinh.

Một người là chúa của miền non cao, một người là chúa của vùng nước thẳm, cả hai đều xứng đáng làm rể vua Hùng.

Hùng Vương băn khoăn không biết nhận lời ai, từ chối ai. Nhà vua cho mời các quan lạc hầu vào bàn mà vẫn không tìm được kế hay. Cuối cùng, Hùng Vương phán rằng:

- Hai người đều vừa ý ta cả, nhưng ta chỉ có một người con gái, biết gả cho người nào? Ngày mai, nếu ai đem đồ sính lễ đến đây trước: một trăm ván cơm nếp, hai trăm nệp bánh chưng, voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao. Mỗi thứ một đôi, thì được rước dâu về.

Sáng sớm hôm sau, khi đất trời còn chưa sáng tỏ, Sơn Tinh đã có mặt trước cổng thành. Đoàn tuỳ tùng xếp thành hàng dài cung tiến lễ vật đầy đủ. Vua Hùng thấy vậy mừng lắm, chàng rể tương lai chẳng những khôi ngô tuấn tú mà còn tài trí, nhanh nhẹn, tinh tường.

Công chúa Mỵ Nương cảm phục tài giỏi. Sánh bước theo chàng về vùng núi phía tây để giữ gìn và mở mang bờ cõi.

Thủy Tinh về vùng biển đông cũng nhanh chóng chuẩn bị lễ

vật. Nhưng tới nơi mới hay Sơn Tinh đã rước Mỵ Nương về núi Tản Viên mất rồi.

Không lấy được Mỵ Nương, Thuỷ Tinh đùng đùng nổi giận, đem quân đuổi theo Sơn Tinh, một hai đòi cướp lại Mỵ Nương.

Thủy Tinh hô mưa, gọi gió, làm thành giông bão đùng đùng rung chuyển cả đất trời, dâng nước sông lên cuồn cuộn tiến đánh Sơn Tinh. Nước ngập lúa, ngập đồng rồi ngập nhà, ngập cửa...

Sơn Tinh không hề nao núng. Chàng dùng phép bốc từng quả đồi, di dời từng dãy núi chặn đứng dòng nước lũ. Nước dâng lên cao bao nhiêu, Sơn Tinh lại làm cho đồi, núi mọc cao lên bấy nhiêu. Giông bão mỗi lúc một dữ dội, sóng nước mỗi lúc một dâng cao, hòng dìm chết Sơn Tinh. Cư dân Văn Lang một lòng một dạ chung sức giúp Sơn Tinh đào đất, đắp đê chống lại nạn hồng thuỷ do Thuỷ Tinh gây ra. Cũng chính từ đây những con đê đầu tiên của người Việt ta ra đời. Cứ thế hai bên đánh nhau ròng rã suốt mấy tháng trời. Cuối cùng Thủy Tinh đuối sức phải rút quân về. Sự tàn phá của thiên tai, bão lụt, đã bị chế ngự.

Từ đó, oán ngày càng thêm nặng, thù ngày càng thêm sâu, không năm nào Thủy Tinh không làm mưa làm bão, dâng nước lên đánh Sơn Tinh và lần nào Thủy Tinh cũng phải tháo chạy.

Mưa tàn, lũ lụt, sông nước yên bình, nhân dân lại tưng bừng mở hội ăn mừng chiến thắng.

Sọ Dừa

Xưa có hai vợ chồng nông dân đi ở cho một nhà giàu từ hồi còn nhỏ. Vợ chồng ăn ở hiền lành nhưng ngoài năm mươi tuổi vẫn không có con. Một hôm trời nắng gắt, người vợ vào rừng lấy củi cho chủ, khát nước quá mà không tìm đâu ra nước. Bà lần đến hốc cây to xem có chút nước mưa nào còn đọng lại không, thì thấy một cái sọ người bên tảng đá, hổ bỏ lại từ lâu, trong sọ có đầy nước trong vắt. Bà khát quá,

đành bưng lên uống. Nhưng lạ thay, uống vào khỏi cổ, bà thấy khoan khoái vô cùng, thấm thía tận ruột gan. Và từ đó bà có thai. Chẳng bao lâu, người chồng chết. Công việc trong nhà phú ông trút cả vào người vợ. Bà làm quần quật suốt ngày, ăn đói mặc rách, nhưng vẫn có một niềm vui là sắp có con.

Chín tháng mười ngày bà sinh ra một cục thịt tròn lông lốc như hình cái sọ, có mặt mũi, mồm, tai, nhưng không có tay chân. Chồng đã mất, lại sinh ra một quái thai, bà rất buồn phiền, định đem chôn sống nó đi nhưng cục thịt bỗng cất tiếng nói, bảo bà:

- Mẹ ơi! Con là người đấy mẹ ạ. Mẹ đừng vứt con đi mà tội nghiệp! Bà cụ cảm động, ôm cục thịt vào lòng và nâng niu cho bú. Bà cụ đặt tên con là Sọ Dừa.

Nghe tin bà cụ đẻ ra quái thai, lão phú ông bắt bà đem chôn sống đi, nhưng bà không nghe. Lão đuổi bà ra ở túp lều tranh ở góc vườn. Nhưng hằng ngày vẫn phải đi làm cho nhà lão. Mỗi buổi sáng sớm, trước khi vào nhà phú ông làm, bà thường dặn con:

- Sọ Dừa ở nhà cho ngoan rồi mẹ đem về cho con một nắm cơm. Sọ dừa nhé!.

Sọ Dừa lớn lên rất nhanh và ngày càng khôn ngoan, hiểu biết. Bà mẹ và những người chung quanh quen dần và ngày càng yêu mến Sọ Dừa.

Hằng ngày, khi mẹ đi làm, Sọ Dừa biến thành một chú bé rất đẹp trai, dọn dẹp nhà cửa đâu vào đấy, rồi lại chui vào cái sọ như cũ. Lúc đầu bà mẹ thấy sự lạ, nhưng rình mãi không thấy gì nên cũng đành thôi.

Một hôm bà mẹ buồn bã nói với Sọ Dừa rằng:

- Con người ta lên bảy tám tuổi đã biết đi chăn trâu chăn bò, con thì mẹ chẳng trông cậy được gì! Ông chủ có một đàn dê, cần người chăn mà mẹ vẫn chưa tìm được ai.

Sọ Dừa nói:

- Mẹ ơi, con chăn được, mẹ nhận với ông chủ đi!

Sọ Dừa giục mẹ vào nói với phú ông. Mới đầu lão gạt phắt đi, sợ giao cho Sọ Dừa chăn thì nó đánh lạc mất dê của mình, nhưng thấy bà cụ năn nỉ mãi, vả lại nghe nói Sọ Dừa khôn lắm, nên lão bảo bà:

- Ừ thì bảo con bà ngày mai cứ sáng sáng vào đây đuổi dê lên núi, rồi đến chiều lại đuổi dê về.

Bà cụ mừng rỡ, về nói cho con biết, nhưng trong bụng bà vẫn lo.

Từ khi Sọ Dừa chăn dê, thì ngày nắng cũng như ngày mưa, đàn dê lúc nào cũng no nê, béo trông thấy, lớn như thổi, làm cho phú ông rất hài lòng. Lão thích nhất là mỗi ngày Sọ Dừa chỉ ăn hết có hai nắm cơm rất nhỏ của lão.

Phú ông có ba người con gái, đứa lớn thì ác nghiệt, đứa thứ hai thì chua ngoa, chỉ có người con thứ ba là hiền hậu. Ngày mùa, người nhà ra đồng làm cả, ba cô phải thay nhau lên núi đưa cơm cho Sọ Dừa.

Hai người chị thường đứng rất xa gọi Sọ Dừa rồi để cơm đó, mặc Sọ Dừa tự lăn đến mà ăn. Một hôm đến lượt cô gái út đi đưa cơm. Đi đến chân núi thì cô nghe tiếng sáo véo von. Tiếng sáo lúc bổng lúc trầm, lúc mau lúc khoan, thấm thía cõi lòng, làm cho cô bồn chồn, xao xuyến. Núi nhấp nhô, cô trèo lên một quãng ngắn là đã đến lưng chừng núi, chỗ đàn dê đang ăn. Đứng nấp trong bụi nhìn ra, cô thấy một chàng thanh niên tuấn tú độ mười sáu, mười bảy tuổi đang thổi sáo, ngồi trên chiếc võng đào mắc vào hai cành cây. Những con chim vành khuyên đậu cả lên võng của chàng, chàng vẫn thổi sáo, không biết có người nghe trộm mình, tiếng sáo vi vu cả núi. Người thiếu nữ mải nghe, mải nhìn quá, vịn tay phải cành khô. Cành gãy răng rắc. Nghe tiếng động, chàng thanh niên biến ngay ra Sọ Dừa .

Hai mẹ con Sọ Dừa rất thương yêu nhau. Bà mẹ phiền một nỗi là con mình bất thành nhân dạng thì bà còn mong gì nàng dâu. Sọ Dừa biết ý,bảo với mẹ rằng:

- Phú ông có ba người con gái, mẹ cố kiếm lấy buồng cau vào hỏi một cô cho con.

Bà mẹ phì cười:

- Con thì ai dám lấy chứ? ! Mình mẩy chân tay chẳng có.

Nhưng Sọ Dừa thiết tha, nằn nì, thúc giục, cuối cùng bà phải đánh bạo kiếm một buồng cau đến nói với phú ông. Lão phú ông bĩu môi cười khẩy, rồi lên giọng nói với bà cụ:

- Mụ về bảo hắn sắm đủ lễ vật thì ta sẽ gả cho một đứa: một chĩnh vàng cốm, mười tấm lụa đào, mười con lợn béo, mười vò rượu tăm. Lại phải dựng một căn nhà ngói năm gian, câu đầu bằng bạc, xà ngang bằng đồng, thì ta mới cho rước dâu về.

Bà về nói với con, tưởng con thôi việc đòi lấy vợ. Không ngờ Sọ Dừa bảo với mẹ rằng:

- Mẹ sang nói ngay với ông chủ là con có đầy đủ các thứ ấy.

Bà mẹ sợ con nói liều, ngần ngừ không đi, nhưng Sọ Dừa cam đoan với mẹ rằng không những sẽ có đủ mà còn có nhiều hơn. Bà cụ lại lóc cóc vào nói với phú ông.

Không còn cách chối từ, lão phú ông phải gọi ba cô con gái lên hỏi xem có ai ưng thuận làm vợ Sọ Dừa không? Hai người chị nghe xong chối đây đẩy. Còn cô con út thì trả lời dứt khoát rằng:

- Con bằng lòng lấy anh Sọ Dừa ạ!

Lão phú ông đành phải chấp nhận. Nhưng cả lão phú ông và bà mẹ Sọ Dừa đều phấp phỏng, không dám chắc là Sọ Dừa có đủ các đồ lễ vật như đã hứa.

Sáng hôm sau đến hạn nạp lễ vật mà tối hôm trước đó, bà mẹ vẫn chưa thấy gì ngoài túp lều tranh ở góc vườn. Sọ Dừa bảo bà cứ yên tâm, rồi đâu sẽ vào đấy.

Quả nhiên, sáng sớm hôm sau, khi bà mẹ tỉnh dậy thì thấy mình đang nằm trên một chiếc giường có đủ chăn hoa, nệm gấm, chiếc lều tranh đã biến đi đâu mất và thay vào đó là một tòa nhà ngói năm gian, cửa bức bàn, cột, xà đều trạm trổ, câu đầu bằng bạc, xà ngang bằng đồng. Bà lại thấy ở một góc nhà một chĩnh vàng cốm, mười tấm lụa đào, và ở ngay dưới hè, hai mươi con lợn béo, hai mươi con dê béo, và hai chục vò rượu.

Bà mẹ rất ngạc nhiên về nhà cửa, đồ đạc và lễ vật sang

trọng đủ mọi thứ. Bà nghĩ là mình nằm mơ, nhưng có điều làm cho bà tin là vẫn thấy Sọ Dừa lăn đi lăn lại trong nhà để sai bảo những người giúp việc.

Anh vừa gọi một tiếng, tức thì mấy chục người hầu hạ, cả nam lẫn nữ quần áo lộng lẫy đủ mầu sắc, từ nhà dưới chạy lên răm rắp làm theo lời sai bảo của Sọ Dừa.

Đúng giờ hẹn, cả đoàn nhà trai đem đủ lễ vật sang nhà gái đón dâu. Phú ông chẳng biết tính sao, đành phải nhận lễ vật và gả cô gái út cho Sọ Dừa. Dân làng ai cũng ngạc nhiên, hai người chị gái thì trề môi, tặc lưỡi hết lời chê bai, mắng nhiếc cô út. Còn cô út thì rất vui, lúc nào cũng tươi cười với mọi người.

Chiều hôm ấy, Sọ Dừa đón dâu về nhà. Cỗ bàn linh đình, làng xóm ngồi đầy nhà chuyện trò như pháo ran. Đến tối khi các cây nến đã thắp sáng trưng nhà trên nhà dưới thì không ai nhìn thấy Sọ Dừa đâu cả. Bỗng, từ phòng bên bước sang một chàng trai tuấn tú khôi ngô cùng với cô dâu. Chàng trai nói:

- Thưa các cụ cùng bà con hai họ, tôi là Sọ Dừa. Vợ chồng chúng tôi xin ra chào hai họ và cảm tạ bà con đã đến chia vui và giúp đỡ cho gia đình chúng tôi.

Bà mẹ ôm chầm lấy con dâu, mừng vui không nói nên lời. Tin này bay đi, ai biết cũng ngạc nhiên và vui mừng, riêng hai người con gái lớn của phú ông thì chỉ có ghen tuông và tức tối.

Sau khi cưới vợ, Sọ Dừa ra sức học hành, miệt mài đèn sách đợi khoa thi, Sọ Dừa học rất thông minh, nổi tiếng cả vùng, ai cũng cho là thần đồng. Quả nhiên đến khoa thi, Sọ Dừa thi đỗ trạng nguyên được nhà vua trọng dụng.

Khi bà mẹ qua đời, quan trạng Sọ Dừa từ kinh đô về chịu tang được ít lâu thì nhà vua có chiếu cử chàng đi sứ. Trước khi đi, chàng đưa cho vợ một con dao, một hòn đá lửa và hai quả trứng gà, dặn vợ phải giắt luôn bên mình, khi gặp khó khăn sẽ phải dùng đến.

Từ khi thấy em lấy được chồng tuấn tú, lại đỗ trạng nguyên, hai cô chị định tâm hại em, hòng thay em làm bà trạng. Nay thấy em ở nhà một mình thường lân sang chơi tìm cách hãm hại.

Một hôm trời trong gió mát, hai chị đến rủ em đi chơi thuyền. Người em tưởng hai chị thương yêu mình, nên nhận lời đi ngay. Ba chị em xuống một chiếc thuyền nhỏ, rồi chèo thuyền ra gần cửa bể. Sông rộng mênh mông, sóng nước cao ngất, ở đó thường có gió to, cá lớn, nổi lên nuốt cả thuyền, lẫn người. Hai người chị chèo thuyền đưa em đi chơi một lúc, rồi chèo thuyền vào bờ. Chúng vội nhảy lên bờ trước, thu nhặt hết mái chèo và đẩy thuyền ra giữa dòng nước. Thuyền không chèo bị nước xoáy cuốn hút xuống, chìm nghỉm. Bấy giờ hai cô chị mới hô hoán lên, giả vờ khóc lóc thảm thiết một hồi, làm như em đi chơi thuyền một mình bị chết đuối.

Sau khi thuyền chìm, một con cá kình vô cùng to lớn đã nuốt chửng cả thuyền lẫn cô em út vào bụng nó. Nhớ lời chồng dặn lúc chia tay, cô rút dao rạch bụng cá, cá vẫy vùng một hồi rồi chết. Sau đó xác cá trôi vào bờ một hòn đảo, cô khoét bụng cá chui ra. Rồi cô xẻo thịt cá ra thành nhiều miếng, phần thì phơi khô, phần thì muối mắm để ăn dần. Cô lại dùng dao đánh vào hòn đá chồng đưa để lấy lửa nấu ăn và sưởi ấm. Hai quả trứng gà để trong bọc, đủ ngày đã nở thành hai con gà, một trống, một mái.

Tháng ngày trôi qua, đàn gà sinh sôi nảy nở đông dần. Cô út tiếp tục sống một mình trên hoang đảo và chờ khi có thuyền thì nhờ giúp đỡ.

Bỗng một buổi chiều, cô nghe tiếng gà gáy: "Ò ó o!... phải thuyền quan trạng rước cô tôi về!". Cô chạy ra thì thấy một chiếc thuyền lớn, cắm cờ đuôi nheo tiến về phía đảo. Cô mừng lắm! Khi thuyền đến gần thì thấy Sọ Dừa bước lên mui và vợ chồng nhận ra nhau, mừng mừng tủi tủi không nói nên lời.

Biết rõ sự tình, Sọ Dừa rất thương vợ và căm giận hai người chị gái, nhưng chàng vẫn không nói cho ai biết. Về đến nhà, Sọ Dừa bảo vợ lánh vào phòng trong rồi bày tiệc mời cả nhà bố vợ và dân làng đến dự. Hai người chị thi nhau ăn mặc lộng lẫy để lôi cuốn sự chú ý của Sọ Dừa. Cả hai đều tranh nhau kể lể việc người em chết đuối.

Rượu uống được nửa tuần, Sọ Dừa đứng lên xin phép vào

nhà đưa một người bạn ra chào hai chị và dân làng. Khi cô út theo chồng bước ra, mọi người kinh ngạc bàn tán xôn xao. Hai người chị rụng rời tay chân rồi nhân lúc mọi người hướng về cô út, cả hai lén ra ngoài và trốn đi biệt tích.

Sự tích ông bình vôi

Ngày xưa, có một người con gái con nhà giàu rất đẹp nhưng cũng rất kiêu. Cô làm cho các bạn gái xa lánh mình. Cô cũng làm cho các chàng trai ghét cô vô hạn. Cũng vì thế đến tuổi lấy chồng, cô gái vẫn chưa có đám nào vừa ý. Chàng trai nào cũng bị cô chê, vì "cao chê ngỏng, thấp chê lùn, lớn chê béo trục béo tròn, gầy chê xương sống xương sườn bày ra".

Nhưng rồi cô cũng lấy được chồng. Chồng cô yêu vợ nhưng lại bực mình vì thói ghen của vợ. Cô ghen chồng đến mức làm cho xóm giềng luôn luôn khó chịu vì những lời qua tiếng lại của họ. Cuối cùng hai người không vừa ý nhau và ly dị. Buồn bực vì duyên phận, cô bỏ đi tu.

Cô xuất gia ở một ngôi chùa cổ trên núi gần hai mươi năm. Chim muông, thú rừng hầu như quen thuộc bóng dáng của sư nữ. Hai mươi năm qua, cô vẫn chưa đắc đạo. Cô thắc mắc, vì tự cho mình thông kinh kệ hơn người và chịu đủ mọi sự khổ hạnh của nhà chùa. Một ngày kia cô quyết định sang Tây Trúc một phen để tìm cho ra lẽ. Đường sang Tây Trúc thiên nguy vạn hiểm nhưng cô quyết đi cho bằng được.

Một hôm, sau khi qua khỏi một trái núi, sư nữ tìm vào một ngôi nhà hẻo lánh dọc đường để nghỉ chân. Hai mẹ con chủ nhân tuy người rừng núi quê mùa, nhưng vốn là kẻ ăn chay niệm Phật, nên thấy khách là nhà tu hành thì tiếp đãi rất hậu. Khi họ được nghe kể công trình tu luyện của sư nữ thì họ càng cung kính, coi như bậc thầy. Và khi họ biết ý định của sư nữ thì

họ cũng xin phép bỏ nhà bỏ cửa đi theo thầy để mong được đắc đạo. Nghe họ cầu khẩn, sư nữ cười: "Hai mẹ con nhà này cũng muốn thành Phật ư ? Được, cứ đi theo ta!". Nhưng bụng nàng bảo dạ: "Chuông khánh còn chẳng ăn ai, nữa là mảnh chĩnh vứt ngoài bờ tre".

Từ hôm đó nhà sư nữ có thêm hai bạn đồng hành. Chân bớt mỏi, đường bớt dài, họ đi chả mấy chốc đã tới đất Thánh. Từ trước đến sau, hai mẹ con nhà nọ vẫn cung kính, coi sư nữ như thầy. Còn sư nữ đối với họ không được như trước: - "Không biết chừng họ được thành Phật trước ta. Họ sẽ hơn ta... Bọn này mà đắc đạo, thật là một điều nhục cho Thiền môn".

Nói chuyện đức Phật khi vừa nghe tin có người tìm đường đến Tây Trúc, cầu đạo, vội hóa thân đi theo dõi. Từ đầu đến cuối, đức Phật vẫn không bỏ sót một lời nói, một cử chỉ của sư nữ. Khi họ sắp qua một con sông rộng, đức Phật hóa phép hiện ra ở bên kia bờ một tòa cổ tự, trước cửa có một cây bồ đề rất lớn, để chờ họ.

Muốn cho hai mẹ con khỏi lẽo đẽo theo mình đến đất Thánh, nên khi qua sông, sư nữ giả cách ngạc nhiên, chỉ ngôi chùa và cây bồ đề bảo rằng:

- Kìa, chúng ta đã tới Tây Trúc. Chóng thật! Chính là cây bồ đề của đức Thế tôn tu luyện ngày xưa. Thôi! Hai mẹ con cứ việc trèo lên một cành cao niệm kinh rồi buông tay rơi xuống là tự khắc thành Phật!

Tin tưởng ở lời nói của bậc thầy, hai mẹ con mừng rỡ làm theo không chút ngần ngại. Nhưng khi họ buông tay cho người rơi xuống thì đức Phật đã đón họ đưa lên trời. Có bốn vị La Hán mang tòa sen đến rước đi. Tay hai mẹ con vẫy vẫy như có ý gọi người bạn đồng hành.

- "Đúng là họ thành Phật rồi!". Sư nữ vừa kinh ngạc vừa mừng, vội trèo lên cây để làm như họ và để mong được như họ. Nhưng đức Phật đã có ý trừng phạt người đàn bà kiêu ngạo và độc ác ấy một cách đích đáng, nên đã để cho bà ta rơi thịch xuống đất, tan xương vỡ sọ. Và sau đó đức Phật lại bắt người khốn nạn ấy hóa thành bình vôi. Tại sao lại hóa thành bình

vôi? Có người bảo là chính đức Phật muốn bắt những kẻ trong lòng bất nhân, nhưng lại đeo bộ dạng từ bi phải để cho người đời luôn luôn móc ruột.

Sự tích ông Ba Mươi

Đã từ lâu, trên cõi Trời, có một người có sức khỏe lạ lùng, những việc dời núi lấp biển, đội đá bẻ cây...không một ai bì kịp. Nói về tài phép, ông cũng thần thông biến hóa vượt xa nhiều vị trên thiên đình. Đặc biệt ông có hai vành tai dài và rách, vì lúc nhỏ ông thường dùng hai tai cho nhiều người móc vào mà đu, rồi xoay họ như chong chóng. Cũng vì thế người ta quen gọi ông là Phạm Nhĩ. Vốn tinh nghịch và hung hăng, quen thói từ hồi trẻ, Phạm Nhĩ không mấy khi ngồi yên. Ông thường hay gây sự đánh nhau với những kẻ mà ông thù ghét. Nhưng người ta đều tránh né ông, chẳng mấy ai dám đọ sức, vì đã từng có bao nhiêu anh hùng hảo hán không chịu nổi dù chỉ một cú đấm, cái gạt của ông.

Thấy mọi người đều thua tài, Phạm Nhĩ ngày một tỏ ra kiêu căng tự phụ. Ông cho rằng các vị thần xung quanh Ngọc Hoàng chẳng qua chỉ là đồ bị thịt, tài nghệ và sức khỏe không có tý gì. Và ông lấy làm bực mình vì mình nổi tiếng khắp vùng mà vẫn không được Ngọc Hoàng mời vào để trao cho một chức vị xứng đáng. Mỗi ngày lòng kiêu căng tự phụ của ông một lớn thêm mãi. Cho đến lúc Phạm Nhĩ dám khinh nhờn cả Ngọc Hoàng, tự nghĩ rằng có sức mạnh và tài phép như mình thì nên làm vua nhà Trời mới phải. Thế rồi chẳng bao lâu ông đã tụ tập xung quanh mình một số bộ hạ cũng có sức khỏe và tài phép hơn người, thành một đội quân. Đội quân này ngày một đông, đã từng gây náo loạn ở Thiên Đình mà chỉ sợ oai Phạm Nhĩ cầm đầu đội quân tiến lên Thiên cung, đòi hạ bệ Ngọc Hoàng để cho mình trị vì thiên hạ.

Nghe tin chẳng lành, Ngọc Hoàng Thượng đế vội vàng sai

các bậc tướng lĩnh đem quân nhà Trời ra ngăn chặn. Có đến mười tám vị tướng, vị nào cũng lục trí thần thông, miệng hét ra lửa, tay bẻ gãy cổ thụ, chân đạp đổ núi, nhưng không vị nào đối địch với Phạm Nhĩ được lâu. Không đầy mười ngày chỉ còn ba vị sống sót chạy về.

Ngọc Hoàng lại sai năm mươi lực sĩ hầu cận, người nào cũng tài ba và sức khỏe, ra chống chọi với Phạm Nhĩ. Nhưng cũng chẳng mấy chốc đều thua Phạm Nhĩ. Quân đội nhà Trời vốn đông như kiến cỏ, không ngờ kéo ra bao nhiêu bị diệt bấy nhiêu, cuối cùng bỏ chạy tán loạn như ong vỡ tổ. Thừa thắng, Phạm Nhĩ thúc quân tiến lên vây chặt Thiên cung.

Thấy thế, Ngọc Hoàng Thượng đế hết sức lo lắng. Theo lời bàn của các triều thần, Ngọc Hoàng vội sai Bắc Đẩu cầu cứu đức Phật. Nghe tin cáo cấp, đức Phật sai Chuẩn Đề tài phép cao cường là thế, lại bị ăn đòn nặng nề của Phạm Nhĩ đến nỗi lê lết chạy về, xiêm giáp tả tơi. Cuối cùng đức Phật đành phải trực tiếp giải trừ Phạm Nhĩ. Trong lúc Phạm Nhĩ đang hung hăng múa may chửi bới Ngọc Hoàng và bọn triều thần bất tài bất lực, thì đức Phật đã xuất hiện giữa không trung. Phạm Nhĩ vội xông lên toan dùng sức đánh, không ngờ sa ngay vào túi thần của đức Phật, toàn thân co rúm không cất chân động tay được nữa. Thế là ông bị bắt. Bọn bộ hạ mất tướng như rắn mất đầu, không ai bảo ai tẩu tán khắp nơi.

Trước khi về, đức Phật giao lại tên tù cho Ngọc Hoàng xử trí, nhưng cũng dặn làm sao cho y hối lỗi chứ đừng giết hại. Ngọc Hoàng bèn quyết định đày Phạm Nhĩ xuống cõi trần làm kiếp vật. Nhưng trước hết Ngọc Hoàng sai cắt bỏ đôi cánh của ông để tước bớt sức mạnh, e rằng bất thần ông lại bay trở về Trời thì rất nguy hiểm. Hơn nữa, Ngọc Hoàng còn lo Phạm Nhĩ vốn mang cốt tướng nhà Trời, có thể nghe hết mọi chuyện bốn phương ngay trong giấc ngủ, mặc dù cách xa hàng ngàn dặm. Bởi vậy để làm giảm bớt trí nhớ của ông, Ngọc Hoàng hóa phép bắt lỗ tai ông mỗi khi tỉnh giấc thì khép kín lại. Tuy nhiên, thể theo lời dặn của đức Phật, Ngọc Hoàng cũng phong cho Phạm Nhĩ làm Chúa tể sơn lâm để an ủi đôi phần.

Từ khi xuống trần, tài phép của Phạm Nhĩ giảm sút đi nhiều vì không còn có cánh mà bay. Mặc dầu vậy, ông vẫn còn giữ được một sức khỏe vô song, khiến mọi thú vật khiếp sợ, xứng với danh hiệu Chúa tể mà Ngọc Hoàng phong cho. Cho đến sau này, dòng dõi nhà ông vẫn nối nhau làm Chúa sơn lâm. Ngay loài người cũng phải kính nể ông, không dám gọi cái tên "hổ", mà chỉ gọi tránh là "ông Ba mươi". Tại sao lại gọi là "ông ba mươi"?

Đó là vì khi có người nào săn được hổ thì nhà vua có lệ thưởng cho ba mươi quan tiền vì đã trừ được cho loài người một con thú hung ác. Nhưng vua cũng bắt người đó phải chịu ba mươi hèo cho vong hồn Phạm Nhĩ được thỏa mà không tác quái nữa.

Ngày nay còn có câu:

Trời sinh ra hùm có vây,
Hùm mà có cánh, hùm bay lên trời.

Để nhớ cuộc náo động Thiên cung của Phạm Nhĩ xưa kia.

Sự tích động Từ Thức

Vào đời nhà Trần ở Châu Ái có một anh chàng trẻ tuổi tên là Từ Thức. Chàng vốn con nhà quan, năm 20 tuổi, nhờ học giỏi, thi đỗ cao, chàng được bổ một chân tri huyện ở một huyện vùng Bắc. Khác với bọn quan lại khác, Từ Thức vốn là người phóng khoáng, không chịu ràng buộc vào khuôn phép. Chàng lại không thích những chuyện nịnh trên, nạt dưới, mà chỉ thích uống rượu, ngâm thơ, và đi chơi ngắm cảnh. Ở gần vùng Từ Thức vừa nhận chức có một ngôi chùa lớn. Trước sân và xung quanh vườn chỉ trồng một loại cây mẫu đơn. Mỗi năm vào khoảng tháng giêng là mùa hoa nở rộ, cũng là kỳ cúng Phật. Nhân dịp đó, các thiện nam tín nữ các nơi đua nhau về chùa lễ Phật và ngắm hoa. Vì thế người ta cũng gọi là hội xem hoa hay là hội mẫu đơn.

Một năm, vào kỳ hội xem hoa, Từ Thức cũng có cái hứng đi hành hương ngắm cảnh. Để khỏi làm kinh động dân chúng, Từ Thức cải trang thành một người học trò. Chàng cũng không cho mang lính hầu và cáng xa đi theo. Hồi này các chùa chiền được triều đình vị nể, nên có những người lợi dụng chùa chiền ỷ thế hoành hành. Để bảo vệ hoa, chùa này đặt ra một cái lệ, ai bẻ hoa hoặc làm gãy cây sẽ bị phạt vạ một số tiền. Nếu không có tiền thì nhà chùa sẽ bắt làm công quả. Ngày hôm ấy có một cô gái đẹp đi xem, vô tình không biết lệ nhà chùa, thấy có hoa đẹp ở cạnh lối đi, bèn rón tay ngắt một bông. Thấy vậy, bọn thủ hộ trong chùa xông ra bắt giữ lại đòi tiền vạ. Cô gái thú thực là mình đi xem hội không mang tiền theo nên không biết lấy gì đền. Nghe nói thế, bọn thủ hộ liền giữ cô lại để đòi tiền chuộc.

Vừa lúc ấy, Từ Thức tiến vào cổng chùa. Thấy một người con gái yếu ớt bị làm khó dễ. Từ Thức không ngăn được cơn giận dữ. Chàng sấn đến đòi thả cô gái. Bọn thủ hộ nhất định không cho và chỉ vào mặt chàng:

- Này, nếu không có đủ một quan tiền chuộc thì anh chớ có động đến cô gái mà sinh chuyện rầy rà đấy.

Nghe chúng thách thức, cơn giận của Từ Thức bừng bừng bốc lên. Đã toan dùng đến chức vị của mình để trị bọn bất lương, nhưng rồi chàng lại kịp gạt đi vì chẳng muốn làm to chuyện. Không nghĩ ngợi, chàng cởi phăng chiếc áo ngoài vứt cho bọn thủ hộ để chúng trả tự do cho cô gái. Dây trói vừa cởi, cô gái ngỏ lời cảm tạ Từ Thức. Thấy nàng xinh đẹp lại bạo dạn, Từ Thức cũng muốn làm quen. Chàng hỏi:

- Nhà nàng ở đâu? Tôi nghe giọng nói hình như không phải là người vùng này.

Cô gái đáp:

- Quê thiếp ở tận trong Châu Ái huyện Tống Sơn... Không ngờ người đẹp lại là người cùng quê, Từ Thức càng thêm niềm mở. Hai người men theo lối cổng chùa, vừa đi vừa ngỏ ít lời tâm sự. Trước khi từ giã, nàng còn không quên mời chàng đến chơi nhà nếu có dịp về thăm quê.

Vốn không ưa cái nghề roi vọt trị dân. Từ Thức thường bị bọn quan trên hạch tội. Một lần vì để vụ thuế chậm trễ, chàng bị viên quan phủ gọi đến quở mắng nặng lời. Chàng than:

- Ta há vì mấy bó thóc mà chịu nhục như thế này ư! Lúc trở về huyện lỵ, lập tức chàng cởi bỏ ấn tín treo ở trước mái công đường, rồi bỏ đi biệt. Chàng đi thẳng về quê thăm bố mẹ và bà con làng nước. Ở nhà được ít lâu, nhớ đến lời mời của cô gái trong hội xem hoa. Từ Thức liền cất công ra đi. Theo lời chỉ dẫn, chàng lặn lội tìm kiếm, nhưng bóng chim tăm cá mịt mù. Vùng Tống Sơn có bao nhiêu cảnh đẹp, chàng đều có để lại dấu chân và những bài ca vịnh, vậy mà chàng vẫn ân hận không gặp lại người đẹp năm xưa. Mặc dầu vậy, Từ Thức vẫn không nản lòng.

Một hôm trên đường đi tìm, từ sáng sớm, Từ Thức đã trèo lên núi cao nhìn ra giữa cửa Thần Phù. Tự nhiên trước mắt chàng hiện lên một hòn đảo trông y như một đóa hoa sen giữa vùng biển cả. Say sưa nhìn ngắm, chàng bèn dong buồm ra khơi. Chẳng bao lâu thuyền đã ghé đảo. Đang mải mê nhìn, chàng bỗng thấy ở sườn núi đá gần đó có một cửa hang khá rộng. Bèn vịn cây rẽ cỏ tìm đến tận nơi. Vừa bước vào hang được một quãng thì bỗng dưng cửa hang tối sầm lại. Từ Thức vẫn cứ sờ soạng bước liều. Đi một đoạn nữa thình lình lại thấy có áng sáng. Trông ngược lên thấy núi cao chót vót, đá mọc lởm chởm. Khi leo lên đến đỉnh thì Từ Thức bỗng thấy cả một tòa nhà lộng lẫy hiện ra trước mặt. Chưa hết ngạc nhiên trước cảnh lạ, chàng bỗng thấy bóng hai người con gái nhỏ mặc áo xanh. Một người nói:

- Chú rể mới nhà ta đã đến kia kìa!

Chàng hết sức bỡ ngỡ nhưng vẫn bạo dạn đi theo hai cô gái. Trên đường đầy hoa thơm cỏ lạ. Đi một chốc thì đến lâu đài. Vừa bước lên thềm, Từ Thức đã thấy một người đàn bà dáng quý phái ra đón. Bà tươi cười bảo chàng:

- Đây là hang thứ sáu trong ba mươi sáu hang động ở cõi tiên. Từ lâu ta cai quản thế giới này. May mắn hôm nay lại được đón người trẻ tuổi phong nhã và chí tình. Thế nào, cảnh ở đây có làm cho du khách ưa thích không?

Thấy Từ Thức gật đầu, người đàn bà lại nói:

- Khoan đã. Để còn gặp một người quen cũ.

Đoạn, ra hiệu cho người hầu gái đi gọi. Chốc sau, một cô tiên từ trong hành lang bước ra, dáng thướt tha kiều diễm, mỉm cười chào chàng. Từ Thức nhìn kỹ thì ra đấy là cô gái bẻ hoa mẫu đơn năm nào. Chàng mừng rỡ nói to:

- Ô hay, tôi đi tìm nàng khắp nơi mà không thấy, không ngờ lại gặp ở đây!

Câu chuyện từ đấy trở nên thân mật đậm đà hơn. Bà chúa động nói:

- Em nó tên là Giáng Hương. Ngày trước đi xem hội mẫu đơn không may gặp rủi ro, nhờ có chàng tận tình cứu giúp. Âu đó cũng là duyên trời. Chàng đã có lòng cất công đi tìm, nay đến gặp nhau, hãy mở tiệc hoa để phỉ lòng khao khát.

Từ Thức thấy không có gì đẹp lòng hơn thế nữa. Lập tức đêm hôm ấy trong bữa tiệc tưng bừng có quần tiên hội tụ, hai người chính thức làm lễ giao bôi. Khách tiên từ các động vui vẻ cạn chén chào mừng chàng rể mới đến nhập tịch làng tiên, và chúc tụng cuộc tình duyên tốt đẹp của hai người.

Ngày lại ngày nối nhau trôi qua. Từ Thức làm rể cõi tiên bấm đốt ngón tay đã được ba năm. Cuộc đời mới hoàn toàn khác với cảnh sống trần gian ngày trước. Cơm ăn áo mặc và mọi vật dụng cần thiết, chàng đều có sẵn, không thiếu một thứ gì. Sắc đẹp tuyệt vời, tính nết hiền dịu của Giáng Hương luôn luôn làm cho chàng thỏa dạ. Chàng lại được đi ngao du các động tiên, thơ ngâm vịnh làm ra thao thao bất tuyệt. Tuy nhiên, dần dần Từ Thức lại thấy như thiếu một cái gì. Một hôm chàng tâm sự với Giáng Hương:

- Xa cha ngái mẹ đã lâu, muốn về thăm một chuyến có được chăng?

Thấy vợ ngần ngừ chàng nói thêm:

- Chỉ cho về gặp bà con xóm làng một lần chót, rồi tôi sẽ đến đây ở với mình mãi mãi.

Giáng Hương thủ thỉ khuyên dỗ chồng hãy bỏ cái ý nghĩ trở

về vì cõi tục và cõi tiên là hai con đường cách biệt. Nhưng Giáng Hương càng khuyên bao nhiêu thì nỗi nhớ nhà của Từ Thức càng nặng bấy nhiêu. Thấy chồng tuy không đòi về nữa nhưng nét mặt ngày một héo hon, Giáng Hương đành phải thưa với mẹ. Mẹ nàng thương hại:

Nói rồi cho người đẩy xe mây đến cho Từ Thức trở về. Chàng vội vã từ giã vợ và mẹ vợ, từ giã các bạn tiên, rồi bước lên xe. Chỉ trong chớp mắt, chàng đã thấy lại quê hương cũ. Các rặng núi, con sông, những lũy tre dưới mắt chàng vẫn không có gì khác xưa. Xe đặt chàng xuống giữa một bến sông, nơi mà ngày còn nhỏ chàng vẫn ra đấy tắm mát và bơi lội. Nhưng khi nhìn kỹ cảnh vật thì Từ Thức lấy làm ngỡ ngợ. Mới ba năm mà nhà cửa, vườn tược làm sao đã khác. Hỏi một người đi đường, người ấy cho biết đúng tên của làng chôn rau cắt rốn của mình. Nhưng khi hỏi đến bố mẹ và em gái thì ai cũng lắc đầu trả lời không biết.

Sau cùng, Từ Thức đem họ tên của mình hỏi thăm các cụ già trong làng, thì một người ngẫm nghĩ hồi lâu rồi đáp:

- Từ lúc còn nhỏ, tôi có nghe truyền lại rằng các cụ tổ năm đời nhà tôi có một cụ cũng tên họ như thế, trước làm quan huyện rồi treo ấn từ quan, một hôm đi chơi sa vào hang núi mất tích. Từ đó đến nay dễ gần ba trăm năm.

Nghe kể chuyện, Từ Thức mới thấm thía lời nói của vợ. Chàng bùi ngùi đứng nhìn cây đa mình trồng đầu ngõ bây giờ đã thành cổ thụ, cây cao to tận mây xanh, cành lá rườm rà, rễ buông từng chùm chi chít. Chàng thẫn thờ trước đám đông đang vây quanh mình. Sau cùng Từ Thức trở lại chỗ xe mây, thì không ngờ xe đã biến mất từ lúc nào. Buồn rầu vô hạn, chàng lại khăn gói lần mò đến cửa Thần Phù, định bụng tìm lại hang cũ dẫn đến động tiên nhưng mịt mù cây đá kín lối không thể tìm ra được nữa. Chàng đi, đi mãi, về sau không biết là đi đâu. Từ đấy người ta gọi là hang núi ở chỗ này là động Từ Thức.

Sự tích cái chổi

Ngày xưa ở trên cung điện nhà trời có một người đàn bà nấu ăn rất khéo tay. Bà chế những món bánh trái tuyệt phẩm, làm những thức ăn ngon đến nỗi chỉ nếm qua một miếng là không thể nào quên được. Cho nên Ngọc Hoàng thượng đế cho bà chuyên trông nom công việc nấu ăn cho mình ở thiên trù. Nhưng bà lại hay ăn vụng và tham lam. Lệ nhà trời những người hầu hạ đều có thức ăn riêng, nhất thiết không được đụng chạm đến ngự thiện, dù là Ngọc Hoàng ăn thừa cũng vậy. Nhưng luật lệ đó không ngăn được những người đang sẵn thèm khát. Người đàn bà vẫn tìm đủ mọi cách để làm cho kho thức ăn của nhà Trời hao hụt.

Tuy đã quá tuổi xuân, bà ta lại yêu một lão chăn ngựa cho thiên đình. Đời sống của những người chăn ngựa thì ở cõi trời cũng như cõi đất đều cực khổ không kém gì nhau. Ông ta thích rượu và từ khi gặp người đàn bà này lại thèm ăn ngon. Bà ta say mê ông tưởng trên đời không còn gì hơn được. Mỗi lúc thấy người đàn ông đó thèm thức ăn, đồ uống của nhà Trời, bà ta không ngại ngần gì cả. Đã nhiều phen bà lấy cắp rượu thịt trong thiên trù giấu đưa ra cho ông. Cũng nhiều phen bà dắt ông lẻn vào kho rượu, mặc sức cho ông bí tỉ.

Một hôm, Ngọc Hoàng thượng đế mở tiệc đãi quần thần. Bà và các bạn nấu bếp khác làm việc tíu tít. Chỉ vào chập tối, các món ăn đã phải làm đầy đủ. Rồi khi ánh nguyệt của đêm rằm sáng lòa là mọi người bắt đầu vào tiệc.

Nhưng giữa lúc cỗ đang bày lên mâm thì từ đàng xa, bà đã nghe tiếng lão chăn ngựa hát. Bà biết ông tìm mình. Bà lật đật ra đón và đưa giấu ông ta vào phía góc. Bà đưa cho ông mấy chén rượu, thứ rượu ngon nhất của thiên tào rồi trở ra làm nốt mẻ bánh hạnh nhân.

Người đàn ông đó mới đi tắm ngựa ở bến sông về. Bưng lấy bát cơm hẩm, ông sực nhớ đến rượu thịt bây giờ chắc đang ê hề ở thiên trù, nên vội lẻn đến đây. Trong bóng tối, ông nuốt ực mấy chén rượu lấy làm khoái. Chén rượu quả ngon tuyệt, hơi men bốc lên làm ông choáng váng. Ông bỗng thèm một thức gì để đưa cay. Trong bóng tối, trên giá mâm đặt ở gần đó có biết bao là mỹ vị mùi thơm phưng phức. Đang đói sẵn, ông giở lồng bàn sờ soạng bốc lấy bốc để...

Khi những người lính hầu vô tình bưng mâm ngự thiện ra thì bát nào bát ấy đều như đã có người nào nếm trước. Ngọc Hoàng thượng đế vừa trông thấy không ngăn được cơn thịnh nộ. Tiếng quát tháo của Ngọc Hoàng dữ dội làm cho mọi người sợ hãi. Bữa tiệc vì thế mất vui. Người đàn bà nấu bếp cúi đầu nhận tội. Và sau đó thì cả hai người cùng bị đày xuống trần làm chổi để phải làm việc luôn tay không nghỉ và tìm thức ăn trong những rác rưởi dơ bẩn của trần gian. Đó là tội nặng nhất ở thiên đình.

Lâu về sau, thấy phạm nhân bày tỏ nông nỗi là phải làm khổ sai ngày này qua tháng khác không lúc nào ngơi tay, Ngọc Hoàng thương tình ra lệnh cho họ được nghỉ ba ngày trong một năm. Ba ngày đó là ba ngày tết Nguyên Đán. Bởi vậy đời sau trong dịp tết Nguyên Đán, người ta có tục lệ kiêng không quét nhà. Người Việt Nam chúng ta có câu đố về cái chổi "Trong nhà có một bà hay la liếm" mô tả thần tình động tác quét nhà nhưng trong đó chắc còn có ngụ ý nhắc lại sự tích của cái chổi.

Sự tích cây Đào

Ngày xưa, ở phía đông núi Sóc Sơn, Bắc Việt, có một cây đào mọc đã lâu đời. Cành lá đào xum xuê, to lớn khác thường, bóng rậm che phủ cả một vùng rộng. Có hai vị thần tên là Trà và Uất Lũy trú ngụ ở trên cây đào khổng lồ này, tỏa rộng uy quyền che chở cho dân chúng khắp vùng.

Quỹ dữ hay ma quái nào bén mảng lui đến ắt khó mà tránh khỏi sự trừng phạt của hai vị thần linh. Ma quỷ rất khiếp sợ uy vũ sấm sét của hai vị thần, đến nỗi sợ luôn cả cây đào. Chỉ cần trông thấy cành đào là bỏ chạy xa bay.

Đến ngày cuối năm, cũng như các thần khác, hai thần Trà và Uất Luỹ phải lên thiên đình chầu Ngọc Hoàng. Trong mấy ngày Tết, hai thần vắng mặt ở trần gian, ma quỷ hoành hành, tác oai tác quái.

Để ma quỷ khỏi quấy phá, dân chúng đã đi bẻ cành đào về cắm trong lọ, nhỡ ai không bẻ được cành đào thì lấy giấy hồng điều vẽ hình 2 vị thần linh dán ở cột trước nhà, để xua đuổi ma quỷ.

Từ đó, hàng năm, cứ mỗi dịp Tết đến, mọi nhà đều cố gắng đi bẻ cành đào về cắm trong nhà trừ ma quỷ. Lâu dần, người Việt quên mất ý nghĩa thần bí của tục lệ này, không còn tin mấy ở ma quỷ thần linh như tổ tiên ngày xưa. Ngày nay, hoa đào hoa mai tươi thắm khắp nhà nhà vào dịp Tết, và sắc giấy đỏ hồng điều với câu đối hoà hợp được trang trí mấy ngày xuân trong không khí vui vẻ, trong sáng.

Sự tích cây Hoa Lan

Ngày xửa, ngày xưa có một người con gái tên là Hoa Lan. Sắc đẹp của nàng làm cho nhiều chàng trai say đắm. Thoạt đầu có một anh thợ bạc khéo tay, tự tay mình đánh những vòng nạm ngọc rất đẹp mang đến tặng Hoa Lan mong nàng để ý. Những chiếc vòng nạm ngọc làm hoa mắt Hoa Lan, nhưng Hoa Lan chỉ mỉm cười và nhận lấy tặng phẩm, không nói nửa lời cảm ơn.

Thấy người đẹp đã vui vẻ nhận tặng phẩm của mình, anh thợ bạc ra về lòng tràn trề hy vọng. Chàng trai thứ hai cũng vì say mê sắc đẹp của nàng mà ngày đêm mải miết lăn lộn trong rừng tìm một loại thuốc nhuộm màu tím óng ánh để nàng nhuộm vải may áo. Màu thuốc nhuộm quả thật là đẹp, rất vừa ý Hoa Lan.

Từ đấy, nàng chỉ mặc quần áo màu tím, nhưng công lao của người tìm ra thuốc thì nàng không hề để ý đến. Chàng trai thứ ba thì trồng dâu nuôi tằm, ươm tơ dệt mấy tấm lụa mịn màng óng ả. Trên mỗi vuông lụa, anh còn thêu những bông hoa còn đẹp hơn hoa thật. Làm xong, chàng đem đến tặng Hoa Lan. Hoa Lan nhận lụa, nhưng công lao của người thợ dệt nàng cũng không để ý đến. Còn chàng trai thứ tư thì làm một cái cơi đựng trầu khảm xà cừ, chàng trai thứ năm thì đi lấy nhụy hoa trong rừng để chế một thứ nước hoa rất quý. Cũng như đối với các chàng trai trước, Hoa Lan nhận tặng vật mà không hứa hẹn gì, chỉ mỉm cười, làm cho các chàng trai cứ tưởng là người đẹp chú ý đến mình. Thời gian trôi qua, cái ác tâm của Hoa Lan ngày một rõ. Các chàng trai biết là mình hy vọng hão.

Bị thất vọng, chàng trai thứ nhất nhảy xuống sông tự tử. Chàng trai thứ hai đi vào rừng sâu biệt tích. Chàng trai thứ ba

thì gầy sụt hẳn đi. Chàng trai thứ tư thì phát điên, còn chàng trai thứ năm thì nhai lá độc mà chết.

Những linh hồn đó cùng nhau họp lại, tìm đến vị thần trông coi việc nhân duyên để kiện Hoa Lan. Thần liền hoá phép biến Hoa Lan độc ác đó thành cô gái đa tình khổ sở. Chẳng bao lâu, Hoa Lan say mê chàng trai ở gần nhà. Ngày nào cũng vậy, từ sáng đến chiều, Hoa Lan trang điểm thật đẹp đứng ở góc đường, đợi chàng trai kia đi qua để nhìn ngắm cho thoả ước. Suốt ngày suốt đêm, nàng chỉ lẩm bẩm gọi tên người con trai đó, nhưng anh ta thì lại thờ ơ, không để ý tới nàng. Một hôm, Hoa Lan đánh bạo tới gặp chàng trai bày tỏ nỗi lòng mình. Nhưng chàng trai lấy làm ngạc nhiên, bảo thật với nàng:

Tôi đã có người yêu rồi.

Hoa Lan thất vọng phát điên, phát dại, suốt ngày hát nghêu ngao, đầu tóc rối bù, mặt đầy những vết cào cấu. Một hôm, Hoa Lan sực nhớ tới vị thần ở núi Tản Viên. Nàng quyết lặn lội tới đó để xin giúp đỡ. Vào một đêm không trăng, không sao, mưa gió sấm chớp ầm ầm, Hoa Lan một mình lên núi Tản. Dưới chân núi có một con rồng canh cửa, mồm nó lúc nào cũng phun lửa phè phè, nhưng Hoa Lan vẫn mạnh dạn đến xin rồng cho vào hang thần. Trong hang, từng đàn chim cú trừng mắt nhìn nàng. Hai bên vách đá thì có vô vàn rắn rết bò ngang bò dọc. Nhưng Hoa Lan vẫn không sợ, nàng bước đến trước mặt thần Tản Viên quỳ xuống thưa:

- Thưa ngài, lòng con đau như dao cắt. Con đến đây xin ngài ban cho con khỏi nỗi u buồn.

- Việc gì khiến con phải đau buồn như vậy?

Hoa Lan ngập ngừng đáp:

- Thưa ngài, con đã yêu chàng trai kia, nhưng chàng lại không yêu con.

Vị thần núi nghiêm nghị bảo:

- Còn năm chàng trai yêu con mà con không yêu họ để cho họ phải chết thì sao?

Hoa Lan xấu hổ cúi đầu. Thần nói tiếp:

- Chẳng lẽ con không thấy tội của con là nặng hay sao? Người ta yêu con, đem quà đến tặng con. Con không chỉ nhận quà mà lại còn gây cho họ mối hy vọng hão huyền. Họ đã chết cả, riêng con còn sống. Bây giờ, con lại đem lòng yêu người khác đã có người yêu. Tội kia chưa trả xong thì đã gây tội khác.

- Thưa ngài, ngài muốn trừng phạt thế nào con cũng xin chịu, nhưng xin ngài cho chàng trai kia yêu con!

Thần Tản Viên nổi giận quát mắng:

- Ngươi phải ra khỏi nơi này! Ngươi sẽ không bao giờ được ai yêu thương. Đó là một sự trừng phạt.

Hoa Lan biết là không thể cầu cứu được nữa. Nàng buồn bã bước ra khỏi hang thần. Đi được một quãng, Hoa Lan gặp một mụ yêu tinh thân người chân dê, hàng trăm răng nhọn hoắt, miệng đỏ ngầu. Mụ nhìn Hoa Lan từ đầu đến chân rồi cười phá lên. Hoa Lan sợ bủn rủn chân tay. Nhưng mụ yêu tinh lại lên giọng nhân đức:

- Này cháu gái xinh đẹp! Cháu đau khổ lắm thì phải? Cháu có muốn trả thù chàng trai kia không?

Hoa Lan nghe mụ yêu tinh nói. Nàng nhìn mụ nửa tin nửa ngờ. Thấy vậy, yêu tinh càng giở điều nhân nghĩa:

- Ta sẽ giúp con việc đó! Hãy trao linh hồn con cho ta, ta sẽ làm cho chàng trai kia không bao giờ thuộc về người khác.

Hoa Lan thấy vậy, liền bằng lòng trao linh hồn cho mụ yêu quái. Mụ ngắt một tàu lá chuối và lấy móng tay bấm thành nhiều mảnh hình tròn. Rồi mụ lấy kim chích vào tay Hoa Lan lấy máu vẽ bùa lên mảnh lá chuối, đào đất đem chôn dưới một gốc cây. Hoa Lan chưa rõ đầu đuôi thế nào thì mụ yêu quái đã biến mất.

Nàng vội vã quay về nhà. Suốt đêm nàng không sao chợp mắt được. Hình dáng mụ yêu quái làm nàng ghê sợ. Không biết mấy lá bùa chôn ở gốc cây sẽ đem cho nàng tai họa gì? Hoa Lan bắt đầu thấy sợ, nàng đi lang thang khắp nơi. Một hôm, đi vào khu rừng hoang vu. Tình cờ gặp lại chàng trai mà bấy lâu nay

nàng thương thầm nhớ trộm. Nàng định chạy đến nói mấy lời. Nhưng chưa kịp mở lời thì chàng trai kia rùng mình một cái rồi biến thành cây hắc đàn. Hoa Lan hoảng hốt kêu rú lên và ôm mặt khóc thảm thiết. Bỗng mụ yêu quái lại xuất hiện. Mụ ta há mồm cười khà khà tỏ vẻ đắc ý. Mụ đến gần Hoa Lan bảo:

- Cô gái xinh đẹp! Con đã hài lòng rồi chứ? Chàng trai kia sẽ không bao giờ phụ bạc con được nữa, chàng sẽ mãi mãi thuộc về con như lời ta đã hứa.

Lúc này nàng không biết sợ nữa, nàng quát vào mặt mụ yêu quái:

- Con mụ độc ác kia! Hãy trả lại chàng cho ta. Không thì ta chết đi còn hơn!

Mụ yêu quái không nói một lời, cười phá lên một hồi dài rồi biến mất. Hoa Lan đau khổ đến tột cùng, quỳ dưới gốc cây hắc đàn khóc than thảm thiết. Hai cánh tay của nàng ôm chặt lấy thân cây, tóc nàng xõa xuống, rồi nàng than thở:

- Chàng ơi! Hãy tha lỗi cho em. Vì em mà chàng ra nông nỗi này...

Nhưng cây hắc đàn vẫn không rung động. Hoa Lan càng khóc thảm thiết giữa khu rừng âm u, vắng lặng.

Tiếng khóc của nàng yếu dần, cho đến khi nàng gục xuống dưới gốc cây hắc đàn rồi chết.

Lúc đó, có một vị thần đi ngang qua. Trông thấy tình cảnh đáng thương, thần liền hoá phép cô gái biến thành một loài cây rừng, bám lấy cây hắc đàn để hồn nàng trọn kiếp sống bên người nàng yêu thương.

Năm tháng trôi qua, chiếc áo tím của nàng biến thành màu tím nhạt. Đôi mắt nàng trở thành những hạt màu vàng óng ánh. Da thịt nàng trở thành màu xám nhạt như hổ phách. Cánh tay mềm mại của nàng trở thành những cành lá vươn dài, ôm lấy cây hắc đàn như kêu than và hối hận...

Đó là sự tích cây Hoa Lan mà người ta thường thấy mọc rất nhiều bên những cây hắc đàn.

Sự tích cây lúa

Ngày xưa, con người sống rất khổ họ không có ăn có mặc chỉ độc có chiếc khố, họ cũng không biết ăn cơm mà chỉ ăn rau rừng quả dại cho qua ngày đoạn tháng. Họ sống lang thang hết vùng nọ đến vùng kia. Nơi nào có nhiều rau quả thì họ dựng lều ở tạm. Khi nào ở đó hết thức ăn thì lại cuốn gói dắt nhau đi nơi khác.

Con người sinh sôi nảy nở ngày một đông còn thức ăn ngày càng ít đi, hơn nữa họ đi đến đâu là tàn phá rừng đến đấy, cuộc sống của họ ngày càng chật vật khó khăn. Năm ấy thời tiết không thuận hoà, thức ăn ít hẳn nên hầu như mọi người đều bị đói. Nhiều người phải bỏ đi thật xa. Trong số ấy có hai vợ chồng trẻ cũng không chịu đựng được cảnh cơ hàn nên dắt nhau vào rừng sâu sinh sống. Họ đi mãi, chân đã mỏi, bụng đói cồn cào mà vẫn chưa tìm được chỗ nghỉ chân. Đến chiều tối, họ thấy một đàn chim bay sà xuống một vùng cỏ nâu vàng. Họ dừng lại đấy và dựng một túp lều con tạm nghỉ chân ở đó.

Hàng ngày, vợ lên núi kiếm rau tìm quả dại, còn chồng đặt bẫy bắt chim. Cuộc sống tạm ổn. Những con chim họ bắt được đều ăn một loại hạt màu vàng. Con nào con nấy béo tròn, thịt lại thơm ngon. Thấy chim ăn hạt màu vàng lại béo, thịt ngon, vợ liền nói với chồng.

- Thứ hạt mà chim ăn được chắc người cũng ăn được đấy. Chồng gật đầu tỏ vẻ đồng tình, rồi họ ăn thử thấy thơm ngon và ăn vào no lâu hơn ăn rau rừng. Một thời gian ăn hạt đó họ thấy người khoẻ ra.

Hai vợ chồng ra rừng lấy hạt đó để ăn dần. Năm tháng trôi qua người cùng chim ăn nhiều nên hạt cũng ít đi. Hai vợ chồng thử trồng một ít hạt màu vàng đó ở gần túp lều, họ thấy cây ngày càng xanh tốt.

Đến ngày thu hoạch, họ thấy trồng một hạt lại thu được các

chùm hạt. Năm sau, họ lại trồng nhiều hơn năm trước. Cứ thế họ không phải hái rau rừng ăn nữa mà dùng hạt thay thế rau.

Sau vài năm mưa thuận gió hoà, hai vợ chồng thu hoạch được rất nhiều hạt. Ăn không hết họ bàn nhau đưa hạt đó về cho người quen cũ trồng.

Sau bao ngày đêm vất vả lội suối băng rừng, cuối cùng hai vợ chồng cũng tìm được người quen ở một vùng xa xôi. Hai vợ chồng kể lại cách sinh sống làm ăn của mình trong mấy năm qua ở vùng rừng nọ và đưa cho mọi người những hạt vàng làm giống. Mọi người cảm ơn hai vợ chồng tốt bụng đã gặp may tìm được loại hạt vàng ăn thay rau rừng lại còn lấy được giống cho mọi người cùng trồng.

Hạt vàng đó chính là hạt lúa ngày nay.

Sự tích cây nêu ngày tết

Ngày ấy, không biết từ bao giờ và cũng không biết bằng cách gì, Quỷ chiếm đoạt tất cả đất nước. Người chỉ ăn nhờ ở đậu và làm rẽ ruộng đất của Quỷ. Quỷ đối với người ngày càng quá đáng. Chúng dần tăng số phải nộp lên gấp đôi và mỗi năm mỗi nhích lên một ít. Cuối cùng chúng bắt Người phải nộp theo một thể lệ đặc biệt do chúng nghĩ ra là "ăn ngọn cho gốc". Người không chịu. Chúng dùng áp lực bắt phải theo. Vì thế, năm ấy sau vụ gặt. Người chỉ còn trơ những rạ là rạ. Cảnh tượng xương bọc da thê thảm diễn ra khắp mọi nơi bên cạnh bọn Quỷ reo cười đắc ý.

Phật từ phương Tây lại, có ý định giúp người chống lại sự bóc lột tàn nhẫn của Quỷ. Sau mùa đó, Phật bảo Người đừng trồng lúa mà cào đất thành luống trồng khoai lang. Người cứ y lời làm đúng như lời Phật dặn. Quỷ không ngờ Người đã bắt đầu có mưu kế chống lại mình nên cứ nêu đúng thể lệ như mùa trước: "Ăn ngọn cho gốc".

Mùa thu hoạch ấy, Quỷ rất hậm hực nhìn thấy những gánh chạy về nhà Người đổ thành từng đống lù lù, còn nhà mình chỉ toàn những dây và lá khoai là những thứ không nhá nổi. Nhưng ác nỗi, thể lệ đã quy định, chúng đành cứng họng không chối cãi vào đâu được.

Sang mùa khác, Quỷ thay thể lệ mới là "Ăn gốc cho ngọn". Phật bảo người lại chuyển sang trồng lúa. Kết quả Quỷ lại hỏng ăn. Những hạt lúa vàng theo người về nhà, còn rạ phó mặc cho Quỷ. Quỷ tức lộn ruột nên mùa sau chúng tuyên bố "Ăn cả gốc lẫn ngọn". Lần này Quỷ nghĩ:

- Cho chúng nó muốn trồng gì thì trồng, đằng nào cũng không lọt khỏi tay chúng tao.

Nhưng Phật đã bàn với Người thay đổi giống mới. Phật trao cho Người hạt giống cây ngô để gieo khắp mọi nơi mọi chỗ.

Năm ấy lại một lần nữa, Người sung sướng trông thấy công lao của mình không uổng. Trong nhà Người thóc ăn chưa hết thì từng gánh ngô đã tiến về chứa từng cót đầy ăm ắp. Về phần quỷ lại bị một vố cay chua, uất ức hàng mấy ngày liền. Cuối cùng Quỷ nhất định bắt Người phải trả tất cả ruộng đất không cho làm rẽ nữa. Trong bụng chúng nghĩ:

- Thà không được cái gì cả, còn hơn là để cho chúng nó ăn một mình.

Phật bảo Người điều đình với Quỷ cho tậu một miếng đất vừa bằng bóng một chiếc áo cà sa. Nghĩa là Người sẽ trồng một cây tre bao nhiêu diện tích ở mặt đất là đất của Người sở hữu ở đó. Ban đầu Quỷ không thuận nhưng sau chúng nó suy tính thấy đất tậu ít mà giá rất hời bèn nhận lời:

- Ồ! Bằng chiếc áo cà sa có là bao nhiêu.

Chúng nó nghĩ thế. Hai bên làm tờ giao ước: Ngoài bóng tre là đất của Quỷ, trong bóng tre là đất của Người.

Khi Người trồng xong cây tre, Phật đứng trên ngọn, tung áo cà sa bay toả ra thành một miếng vải tròn. Rồi Phật hoá phép làm cho cây tre cao vút mãi lên, đến tận trời. Tự nhiên đất trời trở nên âm u: bóng của áo cà sa dần dần che kín khắp cả mặt

đất. Bọn Quỷ không ngờ có sự phi thường như thế, mỗi lần bóng áo lấn dần vào đất của chúng, chúng phải dắt nhau lùi mãi lùi mãi. Cuối cùng Quỷ không có đất ở nữa, phải chạy ra biển đông. Vì thế người ta mới gọi là Quỷ Đông.

Tiếc vì đất đai hoa màu đều thuộc về tay Người, Quỷ rất hậm hực, cố chiêu tập binh mã vào cướp lại. Lần này Người phải chiến đấu với Quỷ rất gay go vì quân đội của Quỷ có đủ một bầy ác thú như voi, ngựa, chó, ngao, bạch xà, hắc hổ, v.v... rất hung dữ. Phật cầm gậy tầm xích đánh giúp Người làm quân của Quỷ không tiến lên được.

Sau mấy trận bất lợi, Quỷ bèn cho quân đi dò xem Phật sợ gì. Phật cho chúng biết là sợ hoa qủa, oản chuối và cơm nắm, trứng luộc. Đổi lại Phật cũng dò hỏi và biết quân của Quỷ chỉ sợ độc có mấy thứ : máu chó, lá dứa, tỏi và vôi bột.

Lần giáp chiến sau đó, quân của Quỷ khuân rất nhiều hoa quả đến ném Phật, Phật bảo Người nhặt làm lương ăn rồi đem máu chó vẩy khắp nơi. Quân của Quỷ thấy máu chó, sợ hoảng hồn bỏ chạy.

Lần thứ hai, quân của Quỷ lại đem oản chuối vào ném quân Phật. Phật bảo Người nhặt làm lương ăn rồi giã tỏi phun vào quân địch. Quân của Quỷ không chịu được mùi tỏi, nên cũng cắm đầu chạy biệt tích.

Lần thứ ba, quân của Quỷ lại đem cơm nắm, trứng luộc vào ném quân Phật. Người ta tha hồ ăn và theo lời Phật dùng vôi bột vung vào Quỷ. Người lại lấy lá dứa quất vào chúng. Quỷ chạy không kịp, lại bị Phật bắt đày ra biển đông. Chúng rập đầu sát đất cố xin Phật thương tình cho phép một năm được hai ba ngày vào đất liền thăm phần mộ của tổ tiên cha ông ngày trước. Phật thấy chúng khóc váng cả lên mới thương hại hứa cho.

Vì thế, hàng năm cứ đến ngày tết Nguyên Đán là ngày Quỷ vào thăm đất liền, thì người ta theo tục trồng nêu để cho Quỷ không dám bén mảng vào chỗ người đang ở. Trên nêu có khánh đất nung, mỗi khi gió rung thì có tiếng động phát ra để luôn nhắc bọn Quỷ nghe mà tránh. Cũng trên đó có buộc một bó lá

dứa hoặc cành đa để cho Quỷ sợ. Ngoài ra, người ta còn vẽ hình cung tên hướng mũi nhọn về phía đông và rắc vôi bột xuống đất vào những ngày Tết để cấm cửa Quỷ.

Có câu tục ngữ:

Cành đa lá dứa treo kiêu (cao)
Vôi bột rắc ngõ chớ trêu mọi nhà.
Quỷ vào thì Quỷ lại ra.
Cành đa lá dứa thì ta cứa mồm

Ngày xưa người ta còn tin rằng những lúc cần đuổi quỷ như khi có dịch tễ chẳng hạn, thì treo một nắm lá dứa ở trước ngõ hay vẩy máu chó khắp nơi cho Quỷ khỏi quấy. Đàn bà thường buộc tỏi vào giải yếm là cũng có một mục đích gần như vậy.

Sự tích cây xấu hổ

Ngày xửa ngày xưa, ở một làng nọ có một người phụ nữ tính tình hiền lành. Bà luôn chăm chỉ làm ăn nhưng vẫn nghèo. Sống một thân một mình bà buồn lắm, nhiều lần bà cầu nguyện Giàng cho bà một đứa con để sớm hôm tuổi già.

Một hôm trên đường từ rẫy về, bà bị lạc đường đến một khu rừng lạ. Đói và khát khô cổ mà bà chẳng tìm ra thức ăn gì để ăn và uống cả, bà ngất đi. Khi tỉnh dậy, bà thấy trước mặt có một lùm cây: Lá xanh chi chít, hoa vàng li ti chen lẫn những chùm quả đỏ mọng. Bà cảm thấy thèm, bèn hái quả ăn. Quả ngọt lịm làm bà không còn thấy đói và khát nữa. Đầu óc bà dường như tỉnh táo hơn, và bà tìm thấy lối về. Hôm sau, bà thấy mình người khang khác, bụng bà cứ ngày một to dần. Đúng mười hai mùa trăng, bà đẻ ra một bé gái. Dân làng nhìn bà bằng con mắt khinh bỉ. Có người độc mồm độc miệng còn nói rằng: Bà đẻ ra ma núi. Bà vẫn cứ khăng khăng chịu đựng. Mặc dù nghèo khổ nhưng bà chăm đứa nhỏ rất chu đáo.

Đứa con gái càng lớn càng rực rỡ và xinh đẹp như đoá hoa trắng trong rừng. Ngày ngày nó vào rừng, ra suối bắt bướm, hái hoa rong chơi, nó lười biếng không chịu làm việc giúp mẹ. Bà mẹ ngày càng già yếu nhưng vì thương con bà cố gắng làm lụng vất vả để có cái ăn cái mặc cho con. Rồi một hôm,. bà mẹ mắc bệnh và qua đời. Dân làng xúm xít lo chôn cất bà mẹ và không lời quở trách đứa con tệ bạc. Quen thói lười biếng nên khi bà mẹ chết đi, đứa con không được ai chăm sóc nữa, hàng ngày nó tha thẩn tấm thân gầy còm đi ăn xin hết nhà này đến nhà khác. Mới đầu, người ta còn thương hại cho ít nhiều để nó sống qua ngày. Xin mãi người ta cũng chán. Đứa con đến đâu xin xỏ, thiên hạ cũng dè bỉu, mỉa mai. Lúc bấy giờ nó mới biết ăn năn, hối lỗi. Nó cảm thấy thương mẹ nó vô cùng và xấu hổ với dân làng nhiều quá. Nó chạy ra mộ mẹ, nằm khóc nức nở và luôn gọi: "Mẹ ơi, tha lỗi cho con!".

Rồi từ đêm đó, không ai gặp cô bé nữa, chỉ thấy bên mộ bà mẹ mọc lên một cây lạ, lá nhỏ li ti, mỗi khi có ai vô tình hay cố ý đụng đến, cây chợt rùng mình, khép nép như cố né tránh mọi người. Người ta gọi đó là cây xấu hổ.

Sự tích chim đa đa

Ngày xưa có một em bé mồ côi cha từ hồi còn nhỏ. Người mẹ sau một thời gian tang chế cũng đi lấy chồng. Vì bà con thân thích nội ngoại không còn ai nên nó phải theo mẹ về ở với bố ghẻ. Bố ghẻ tính rất vũ phu, coi cả hai mẹ con như kẻ ăn đứa ở. Nhất là thằng bé chưa biết làm gì cả, nên hắn lại càng ghét dữ. Nhiều lúc có việc trái ý, hắn đánh thằng bé thâm tím cả mình mẩy. Nhà hắn cũng không có gì. Hắn thường sinh nhai bằng cách lên rừng đốn củi. Người đàn bà vừa về với hắn được một ngày đã phải gánh củi của chồng đi bán ở chợ. Không may, năm đó trời làm mất mùa. Miếng ăn kiếm rất chật vật. Củi rẻ như bèo. Trước kia một gánh củi nuôi sống gia đình

được mấy ngày thì bây giờ không đủ nuôi được một bữa. Thằng bé chưa làm được nghề ngỗng gì cả, trở nên một cái gai trước mắt bố ghẻ.

- Thằng bé này chỉ ăn hại đái nát. Chỉ làm cho ta khó khăn thêm.

Hắn bảo vợ thế và khuyên vợ đem con đi bán cho kẻ khác nuôi. Nhưng người đàn bà nhất quyết không chịu. Thà là cả hai mẹ con cùng chết chứ bà không đời nào chịu lìa con. Người bố ghẻ bèn có ý định muốn giết chết con riêng của vợ. Mạng người lúc này nhỏ bằng cái tơ cái tóc. Huống chi đối với hắn, hắn chẳng coi ra gì.

Nạn đói coi chừng đang kéo dài và ngày càng dữ dội. Một gánh củi lớn bây giờ không đổi nổi một bát gạo. Hôm đó, chờ lúc vợ đi chợ sớm, hắn đưa thằng bé lên rừng. Hắn rủ:

- Mày có muốn trèo ổi và bắt bướm không? Trên ấy thì tha hồ. Thằng bé nghe thế lấy làm thích, cố xin đi theo cho được. Cảnh rừng có nhiều cái lạ làm cho thằng bé lon ton chạy theo bố ghẻ không biết mệt. Người đàn ông đưa nó vào rừng sâu. Khi đến chỗ mấy cây ổi rừng, hắn bảo thằng bé:

- Ổi đấy. Và có bát cơm đây. Chốc nữa tao lại tìm.

Thế rồi hắn bỏ mặc thằng bé, lẳng lặng bỏ đi, đến một chỗ khác kiếm củi. Nhưng buổi chiều, khi bước chân vào nhà hắn lấy làm ngạc nhiên thấy thằng bé đã về trước hắn rồi. Số là thằng bé trong khi đang bơ vơ giữa rừng rậm thì may mắn gặp một bọn đi đào khoai mài về ngang. Thế là họ đưa nó về. Nhờ có bát cơm, nó vẫn đủ sức đi được đến nhà. Nghe đứa bé kể, hắn bực mình vô hạn. Hắn vờ mắng:

- Chỉ vì mày, làm tao tìm mãi không được!

Một lần khác hắn lại dỗ được đứa bé đi theo lên rừng. Lần này hắn cố tâm đưa nó vào thật sâu, đến những nơi chưa ai dám tìm vào hái củi bao giờ. Khi trốn khỏi thằng bé, hắn nghĩ bụng: "Không chết vì thú dữ thì cũng chết vì lạc, không chết vì lạc thì cũng chết đói mà thôi".

Mãi đến chiều tối vẫn không thấy bố ghẻ trở lại, thằng bé khóc lóc, kêu gào nhưng chỉ có tiếng vọng của núi rừng trả lời nó thôi. Nó cuống cuồng chạy tìm khắp mọi ngả nhưng không hề thấy một bóng người. Khi đã mệt lử và đói bụng, nó tìm đến chỗ bát cơm của bố ghẻ để lại thì không ngờ đấy là một bát cát trên có rắc một lớp cơm với một quả cà để đánh lừa. Thằng bé nhặt những hạt cơm phủi cát bỏ vào miệng. Cuối cùng đói quá, nó cầm lấy bát chạy khắp nơi và kêu lên: "Bố ghẻ ơi! Bát cát quả cà! Bát cát quả cà!" Nhưng tiếng kêu gào của nó chỉ làm cho một vài con chim rừng giật mình mà thôi. Rồi thằng bé chết, hóa thành chim đa đa, luôn luôn kêu những tiếng "Bát cát quả cà! Bát cát quả cà!"

Đợi mãi không thấy con về, người đàn bà khóc thương vô hạn. Đoán biết thằng chồng tàn bạo đã ám hại con mình, bà ta đứng lên xỉa xói vào mặt hắn. Cuối cùng bà ta bắt hắn phải đi kiếm con mình về ngay, nếu không sẽ lên quan tố cáo. Túng thế hắn phải vào rừng. Hắn tìm mãi. Đột nhiên trong khu rừng hẻo lánh nổi lên mấy tiếng "Bát cát quả cà". Hắn rụng rời. Đích thị là oan hồn thằng bé đã lên tiếng vạch tội ác của hắn. Nghe luôn mấy tiếng liên tiếp, hắn không còn hồn vía nào nữa, vội bỏ chạy. Nhưng mấy tiếng "Bát cát quả cà" đuổi theo hắn. Hắn chạy mãi, băng hết khu rừng nọ sang khu rừng kia. Tự nhiên hắn vấp phải đá ngã xuống bất tỉnh nhân sự. Mấy ngày sau, những người tiều phu thấy thi thể hắn nằm vật ở mé rừng.

Sự tích chim tu hú

Ngày xưa có hai nhà sư Năng Nhẫn và Bất Nhẫn. Hai người cùng cạo đầu xuất gia từ ngày còn trẻ và cùng tu ở một chùa hẻo lánh. Sau một thời gian dài tu luyện thì bỗng một hôm, Năng Nhẫn được đức Phật độ cho thành chính quả.

Bất Nhẫn thấy mình tu hành không kém gì bạn mà không

được hưởng cái may mắn sớm như bạn thì rất buồn bực. Chàng đến trước toà sen kêu nài với đức Phật bày tỏ nỗi lòng chân thành tu đạo cùng mọi sự khổ hạnh đã trải qua của mình. Đức Phật bảo chàng:

- Nhà ngươi chuyên tâm cầu đạo, lại là người trong sạch, thật đáng khen ngợi. Nhưng tính tình nhà ngươi vẫn như con trâu chưa thuần, chưa thể đắc đạo được. Vậy hãy cố gắng tỏ rõ lòng nhẫn nhục trong một cuộc khổ hạnh trường kỳ rồi sẽ theo bạn cũng chưa muộn

Bất Nhẫn nghe lời bèn lên núi chọn một gốc cây bắt chước người xưa xếp bằng tu theo lối trường định. Chàng cương quyết ngồi im lặng như thế mãi trong ba năm, dù có phải thế nào cũng không chịu dậy.Và từ hôm đó, Bất Nhẫn như một vật vô tri vô giác. Những con sâu con kiến bò khắp mình chàng. Những con thú cà vào thân chàng. Những con chim la ỉa phẹt lên đầu chàng. Chàng đều không hề bận tâm. Chàng chỉ một mực tâm niệm những nghĩa lý của đạo Phật.

Cứ như thế, trải qua hai mùa hè và sắp sửa qua một mùa hè thứ ba là kết thúc tu luyện. Tự dưng một hôm có hai vợ chồng con chim chích ở đâu đến làm tổ ngay trong vành tai Bất Nhẫn. Chàng cứ để yên, mặc chúng muốn làm gì thì làm. Chúng đi về tha rác lên đầu, lên mặt. Rồi chim mái đẻ trứng. Rồi cả một thời kỳ hai vợ chồng thay phiên nhau ấp. Cho đến lúc những con chim non kêu léo nhéo suốt ngày. Nhưng Bất Nhẫn không lấy thế làm khó chịu.

Một hôm lúc ấy chỉ còn mười ngày nữa thì Bất Nhẫn hết hạn ngồi dưới gốc cây. Hôm đó, chim vợ đến lượt đi tìm thức ăn cho con. Suốt cả một buổi chiều nó vẫn không kiếm được một chút gì. Mãi đến gần tối, lúc lượn qua một cái hồ, chim vợ mới thấy một con nhện đang giăng tơ trong một đóa hoa sen. Nhện nhác thấy chim liền ẩn vào giữa những cánh hoa làm chim mất công tìm mãi. Không ngờ sen vừa tắt ánh mặt trời đã cụp ngay những cánh của nó lại, nhốt chim vào trong. Chim cố tìm lối chui ra nhưng những cánh hoa vây bọc dày quá đành chịu nằm lại đó.

Ở nhà, chim chồng hết bay đi kiếm vợ lại trở về. Đàn con đói mồi nháo nhác suốt đêm. Mãi đến sáng mai, chờ lúc hoa nở chim vợ mới thoát được bay về tổ. Một cuộc cãi lộn nổ ra bên tai Bất Nhẫn. Ghen vợ, chim chồng nhiếc vợ hết lời. Nhưng chim vợ hết sức bày tỏ nỗi lòng trinh bạch của mình. Cuộc đấu khẩu kéo dài suốt cả một buổi sáng và có cơ chưa chấm dứt. Bất Nhẫn rất khó chịu. Thêm vào đó, đàn con khóc đói chíu chít điếc cả tai. Nhè một lúc vợ chồng chim tiếp tục cuộc cãi vã, Bất Nhẫn bỏ tay lên tai giật cái tổ chim vứt mạnh xuống đất và nói:

- Đồ khốn! Chỉ có mỗi chuyện đó chúng mày làm điếc tai ông từ sáng tới giờ.

Thế là công sức tu luyện của Bất Nhẫn sắp hoàn thành thốt nhiên vứt bỏ trong chốc lát. Nhưng Bất Nhẫn vẫn không nản chí. Trước toà sen, chàng hứa sẽ kiếm cách tỏ rõ sự hối lỗi của mình. Chàng tìm đến một khúc sông nước chảy xiết tình nguyện làm người chèo đò đưa khách bộ hành quá giang mà không lấy tiền. Chàng quyết chở cho đến người thứ một trăm mới chịu nghỉ tay.

Một hôm Bất Nhẫn tỏ ra một người rất nhẫn nại. Tuy bến sông thường vắng khách, chàng vẫn không chịu bỏ dở công việc. Luôn trong hai năm chàng trở được chín mươi tám người mà không xảy ra việc gì.

Một hôm vào khoảng giữa thu, nước sông tự nhiên tràn về chảy xiết hơn mọi ngày. Trời bỗng đổ trận mưa lớn. Giữa lúc đó có một người đàn bà dắt một em bé đòi qua sông. Bà ta là vợ một viên quan sở tại, chưa bước xuống thuyền đã doạ Bất Nhẫn:

- Chú nhớ chèo cho vững nghe không. Che mui cho kín. Nếu để chúng ta mà ướt thì liệu chừng kẻo roi quấn đít đó.

Nghe nói thế Bất Nhẫn bừng bừng giận, nhưng chàng nín được và vẫn giữ vẻ mặt tươi cười đáp:

- Bà và cậu đừng sợ gì cả. Tôi xin hết sức.

Rồi chàng vận dụng hết tài nghệ để đưa hai mẹ con nhà nọ qua bên kia sông được vô sự. Lúc sắp lên bờ, người đàn bà bỗng kêu lên:

- Ta quên khuấy đi mất. Có một gói hành lý bỏ quên ở quán bên kia. Vậy nhà ngươi chịu khó chèo sang lấy hộ.

Bất Nhẫn nín lặng cắm cổ chèo qua sông giữa sóng gió. Mãi đến gần tối, chật vật lắm mới đưa được gói hành lý sang cho người đàn bà. Nhưng khi soát lại gói hàng, người đàn bà nọ lại kêu lên:

- Thôi rồi! Còn một đôi giày của thằng bé bỏ ở gậm giường. Thế nào ngươi cũng phải gắng lấy cho ta lần nữa.

Người đàn bà nói chưa dứt lời thì Bất Nhẫn đã giơ tay chỉ vào mặt:

- Cút đi đồ chó ghẻ ! Tao có phải sinh ra để hầu hạ mẹ con nhà mày mãi đâu. Nhưng người đàn bà ấy vốn là đức Phật Quan Âm hiện hình xuống để thử lòng người tu khổ đó, bấy giờ lại hiện nguyên hình và cất tiếng bảo chàng:

- Nhà ngươi vẫn chưa thực tâm nhẫn nhục, như thế thì không thể thành chính quả được!

Bất Nhẫn thẹn quá đành cúi đầu nhận lỗi. Phật bà Quan Âm sau đó bắt Bất Nhẫn hoá thành một giống chim mà người đời sau quen gọi là chim tu hú. Họ bảo thứ chim đó vào khoảng cuối hè sang thu hay xuất hiện, đúng lúc xảy ra câu chuyện giữa Bất Nhẫn với Phật Bà.

Sự tích chú Cuội cung trăng

Ngày xưa, ở một miền nọ có một người tiều phu tên là Cuội. Một hôm, như lệ thường, Cuội vác rìu vào rừng sâu tìm cây mà chặt. Khi đến gần một con suối nhỏ, Cuội bỗng giật mình trông thấy một cái hang cọp. Nhìn trước nhìn sau anh chỉ thấy có bốn con cọp con đang vờn nhau. Cuội liền xông đến vung rìu bổ cho mỗi con một nhát lăn quay trên mặt đất. Nhưng vừa lúc đó, cọp mẹ cũng về tới nơi. Nghe tiếng gầm kinh hồn ở sau lưng, Cuội chỉ kịp quẳng rìu leo thoát lên ngọn một cây cao. Từ trên nhìn xuống, Cuội thấy cọp mẹ lồng

lộn trước đàn con đã chết. Nhưng chỉ một lát, cọp mẹ lẳng lặng đi đến một gốc cây gần chỗ Cuội ẩn, đớp lấy một ít lá rồi trở về nhai và mớm cho con. Thời gian ăn chưa đầy một miếng trầu, bốn con cọp con đã vẫy đuôi sống lại, khiến cho Cuội vô cùng sửng sốt. Chờ cho cọp mẹ tha con đi nơi khác, Cuội mới lần xuống tìm đến cây lạ kia đào gốc vác về.

Dọc đường gặp một ông lão ăn mày nằm chết vật trên bãi cỏ, Cuội liền đặt gánh xuống, không ngần ngại, hái ngay mấy lá nhai và mớm cho ông già! Mầu nhiệm làm sao, mớm vừa xong, ông lão đã mở mắt ngồi dậy. Thấy có cây lạ, ông lão liền hỏi chuyện. Cuội thực tình kể lại đầu đuôi. Nghe xong ông lão kêu lên:

- Trời ơi! Cây này chính là cây có phép "cải tử hoàn sinh" đây. Thật là trời cho con để cứu giúp thiên hạ. Con hãy chăm sóc cho cây nhưng nhớ đừng tưới bằng nước bẩn mà cây bay lên trời đó!

Nói rồi ông lão chống gậy đi. Còn Cuội thì gánh cây về nhà trồng ở góc vườn phía đông, luôn luôn nhớ lời ông lão dặn, ngày nào cũng tưới bằng nước giếng trong.

Từ ngày có cây thuốc quý, Cuội cứu sống được rất nhiều người. Hễ nghe nói có ai nhắm mắt tắt hơi là Cuội vui lòng mang lá cây đến tận nơi cứu chữa. Tiếng đồn Cuội có phép lạ lan đi khắp nơi.

Một hôm, Cuội lội qua sông gặp xác một con chó chết trôi. Cuội vớt lên rồi giở lá trong mình ra cứu chữa cho chó sống lại. Con chó quấn quít theo Cuội, tỏ lòng biết ơn. Từ đấy, Cuội có thêm một con vật tinh khôn làm bạn.

Một lần khác, có lão phú ông ở làng bên hớt hải chạy đến tìm Cuội, van nài xin Cuội cứu cho con gái mình vừa sẩy chân chết đuối. Cuội vui lòng theo về nhà, lấy lá chữa cho. Chỉ một lát sau, mặt cô gái đang tái nhợt bỗng hồng hào hẳn lên, rồi sống lại. Thấy Cuội là người cứu sống mình, cô gái xin làm vợ chàng. Lão nhà giàu cũng vui lòng gả con cho Cuội.

Vợ chồng Cuội sống với nhau thuận hòa, êm ấm thì bỗng một hôm, trong khi Cuội đi vắng, có bọn giặc đi qua nhà Cuội.

Biết Cuội có phép cải tử hoàn sinh, chúng quyết tâm chơi ác. Chúng bèn giết vợ Cuội, cố ý moi ruột người đàn bà vứt xuống sông, rồi mới kéo nhau đi. Khi Cuội trở về thì vợ đã chết từ bao giờ, mớm bao nhiêu lá vẫn không công hiệu, vì không có ruột thì làm sao mà sống được.

Thấy chủ khóc thảm thiết, con chó lại gần xin hiến ruột mình thay vào ruột vợ chủ. Cuội chưa từng làm thế bao giờ, nhưng cũng liều mượn ruột chó thay ruột người xem sao. Quả nhiên người vợ sống lại và vẫn trẻ đẹp như xưa. Thương con chó có nghĩa, Cuội bèn nặn thử một bộ ruột bằng đất, rồi đặt vào bụng chó, chó cũng sống lại. Vợ với chồng, người với vật lại càng quấn quít với nhau hơn xưa.

Nhưng cũng từ đấy, tính nết vợ Cuội tự nhiên thay đổi hẳn. Hễ nói đâu là quên đó, làm cho Cuội lắm lúc bực mình. Đã không biết mấy lần, chồng dặn vợ: "Có tưới thì tưới nước trong, chớ tưới nước đục, cây dông lên trời!". Nhưng vợ Cuội hình như lú ruột, lú gan, vừa nghe dặn xong đã quên biến ngay.

Một buổi chiều, chồng còn đi rừng kiếm củi chưa về, vợ ra vườn sau, không còn nhớ lời chồng dặn, đem nước bẩn ra tưới cây, cứ nhằm vào gốc cây quý mà đổ, không ngờ chị ta vừa đổ xong thì mặt đất chuyển động, cây đảo mạnh, gió thổi ào ào. Cây đa tự nhiên bật gốc, lững thững bay lên trời.

Vừa lúc đó thì Cuội về đến nhà. Thấy thế, Cuội hốt hoảng vứt gánh củi, nhảy bổ đến, toan níu cây lại. Nhưng cây lúc ấy đã rời khỏi mặt đất lên quá đầu người. Cuội chỉ kịp móc rìu vào rễ cây, định lôi cây xuống, nhưng cây vẫn cứ bốc lên, không một sức nào cản nổi. Cuội cũng nhất định không chịu buông, thành thử cây kéo cả Cuội bay vút lên đến cung trăng.

Từ đấy Cuội ở luôn cung trăng với cả cái cây quý của mình. Mỗi năm cây chỉ rụng xuống biển có một lá. Bọn cá heo đã chực sẵn, khi lá xuống đến mặt nước là chúng tranh nhau đớp lấy, coi như món thuốc quý để cứu chữa cho tộc loại chúng. Nhìn lên mặt trăng, người ta thấy một vết đen rõ hình một cây cổ thụ có người ngồi dưới gốc, người ta gọi cái hình ấy là hình chú Cuội ngồi gốc cây đa...

Sự tích con Dã Tràng

Ngày xửa ngày xưa, có hai vợ chồng một ông già tên là Dã Tràng. Trong vườn họ có một hang rắn. Thường ngày làm cỏ gần đấy, ông già vẫn thấy có một cặp vợ chồng rắn hổ mang ra vào trong hang.

Một hôm, con rắn chồng bò ra khỏi hang một mình. Ông nhìn vào, thấy rắn vợ nằm cuộn ở trong. Vì mới lột nên mình mẩy của nó yếu ớt không cựa quậy được. Một lúc lâu rắn chồng bò trở về, miệng tha một con nhái đút cho vợ ăn.

Ít lâu sau, Dã Tràng lại thấy rắn vợ bò ra khỏi hang một mình. Lần này rắn chồng đến kỳ lột xác, nằm im thiêm thiếp, lốt da cũ còn bỏ lại bên hang. Hồi lâu, rắn vợ trở về, theo sau một con rắn đực khác khá lớn. Dã Tràng thấy hai con bò đến cửa hang thì dừng lại rồi quấn lấy nhau như bện dây thừng. Một lát sau, con rắn đực một mình bò vào hang. Dã Tràng biết con rắn đực này toan làm gì rồi. Ông cảm thấy tức giận, muốn trừ bỏ con rắn đó đi để cứu con rắn chồng đang lúc suy nhược. Lúc đó bên mình không có cái gì cả, ông bèn rút một mũi tên nhằm con rắn đực mới đến, bắn ngay một phát. Không ngờ mũi tên lại trúng vào đầu con rắn vợ chết tươi, còn con kia hoảng hồn chạy mất. Dã Tràng nghĩ cũng thương con rắn cái, nhưng trong cái thương có lẫn cả giận, nên ông chán nản bỏ đi về nhà. Từ đó ông không thèm để ý đến hang rắn nữa. Chừng dăm bảy ngày sau, một hôm Dã Tràng nằm võng thuật chuyện vợ chồng con rắn cho vợ nghe và vui miệng, ông kể luôn những việc mình đã thấy và đã làm. Ông kể vừa dứt lời thì bỗng nghe trên máng nhà có tiếng phì phì. Cả hai người hốt hoảng nhìn lên thì thấy có một con rắn hổ mang rất lớn, đuôi quấn lấy xà nhà, đầu vươn gần chỗ ông nằm, miệng nhả một viên ngọc. Ông vừa cầm lấy thì bỗng nghe được tiếng rắn nói:

- Ông là ân nhân mà tôi cứ ngỡ là kẻ thù. Mấy hôm nay tôi

đợi ông trên máng này chỉ chực mổ chết để báo thù cho vợ tôi. Nhưng hồi nãy nghe ông kể chuyện rõ ràng, tôi mới biết là lầm. Xin biếu ông viên ngọc này. Đeo nó vào mình thì có thể nghe được mọi tiếng muông chim ở thế gian.

Từ kinh ngạc đến sung sướng, Dã Tràng nhận viên ngọc quý và từ đó không bao giờ rời.

Một hôm, Dã Tràng đang hái rau, tự dưng có một bầy quạ đến đậu ở mấy ngọn cau nói chuyện lao xao. Chúng nó bảo Dã Tràng như thế này:

- "Ở núi Nam có một con dê bị hổ vồ. Hãy lên đó lấy về mà ăn nhưng nhớ để lòng lại cho chúng tôi với". Dã Tràng làm theo lời quạ, quả thấy xác một con dê trên núi Nam. Ông xẻo lấy một ít thịt xâu lại xách về. Đến nhà, ông vội mách cho xóm giềng biết mà đi lấy, không quên dặn họ để bộ ruột dê lại cho bầy quạ. Nhưng ông không ngờ người trong xóm nghe tin ấy, đua nhau đi đông quá, thành ra họ lấy tất cả, chẳng chừa một tí gì.

Lũ quạ không thấy ruột dê, cho là Dã Tràng đánh lừa, bèn đổ xô đến vườn ông réo om sòm. Thấy vậy ông biết là người trong xóm đã làm hại mình, không giữ chữ tín với bầy quạ. Ông phân trần mấy lần nhưng bầy quạ không nghe, cứ đứng đó chửi mãi.

Tức mình, ông bèn lấy cung tên ra bắn vào chúng. Chủ ý là để đuổi chúng đi chứ không định giết. Chẳng ngờ bầy quạ thấy vậy cho là ông lấy oán trả ân, liền cắp mũi tên có tên Dã Tràng ở đuôi, tìm dịp báo thù. Lúc bay qua sông, thấy một cái xác chết trôi, đàn quạ bèn đem mũi tên ấy cắm vào yết hầu xác chết. Khi quan sở tại đến làm biên bản, thấy mũi tên, liền đoán Dã Tràng là thủ phạm, sai lính bắt ông, hạ ngục.

Dã Tràng bị bắt bất ngờ, hết sức kêu oan, nhưng mũi tên là một chứng cớ sờ sờ làm cho ông đuối lý, đành chịu chui đầu vào gông. Tuy nhiên, ông vẫn một mực xin quan xét giải ông về kinh để vua phân xử.

Từ đề lao tỉnh, ông bị điệu đi. Dọc đường trời tối, bọn lính dừng lại quán ăn uống và nghỉ ngơi. Dã Tràng cổ bị gông, chân bị xiềng nằm trên đống rơm buồn rầu không ngủ được. Lúc trời

gần rạng, ông nghe có một đàn chim sẻ bay ngang đầu nói chuyện với nhau:

- Nhanh lên! Chuyến này sẽ không lo đói nữa mà cũng chả sợ ai đánh đuổi cả.

Một con khác hỏi:

- Của ai mang đến bỏ vương vãi như thế?

Con nọ trả lời:

- Của vua nước bên kia. Họ toan kéo sang đánh úp bên này. Ngày hôm qua, quân đội giáo mác kéo đi liên miên không ngớt. Nhưng xe thóc vừa sắp đến biên giới thì bị sụp hầm đổ hết. Họ đang trở về lấy thứ khác cho nên chúng ta tha hồ chén.

Nghe đoạn, chờ lúc bọn lính thúc giục lên đường, Dã Tràng bảo họ:

- Xin các ông bẩm lại với quan rằng việc oan uổng và nhỏ mọn, không nên bận tâm, mà giờ đây chỉ nên lo việc quốc gia trọng đại thôi, và còn cấp bách nữa là khác.

Bọn lính tra gạn ông mãi nhưng ông không nói gì thêm, chỉ nài rằng hễ có mặt quan, mình mới tỏ bày rõ ràng.

Khi gặp mấy vị quan đầu tỉnh, Dã Tràng liền cho họ biết rằng Hiến Đế ở phương bắc đã sai tướng cầm quân sang đánh úp nước mình. Hiện họ đang đóng quân đầy ở biên giới, chỉ vì bị sụp hầm, xe lương đổ hết, chưa tấn công được. Bây giờ họ đang vận thêm lương, chờ đầy đủ sẽ vượt cửa ải sang Nam. Bọn quan tỉnh lấy làm lo lắng nhưng cũng cố hỏi ông có dám chắc như vậy không. Dã Tràng chỉ vào đầu mình mà cam đoan rằng nếu có sai, ông sẽ xin chịu chết. Nhưng nếu lời của ông đúng thì xin bề trên thả ra cho. Ngay lúc đó, những tên quân do thám được tung đi tới tấp mọi ngõ để lấy tin. Và nội ngày hôm sau, Dã Tràng được thả vì lời mách của ông quả không sai và vừa vặn đúng lúc để chuẩn bị đối phó với địch.

Được tha, Dã Tràng đi bộ lần về quê nhà. Bóng chiều vừa ngả, ông mới đến vùng Hồng Hoa. Ông tìm vào nhà người bạn rất thân là Trần Anh nghỉ chân.

Gặp lại bạn cũ, vợ chồng Trần Anh vui mừng khôn xiết. Nghe tin ông bị tra tấn giam cùm và suýt mất đầu, hai vợ chồng

rất cảm thương bạn. Thấy bữa ăn tối đãi bạn không có gì, Trần Anh xuống bếp bảo vợ:

- Bạn ta đến, lại gặp lúc trong nhà chả có gì ăn. Sẵn có cặp ngỗng, con nó đã khôn, ta làm thịt một con, ngày mai đãi bạn lên đường.

Người vợ bằng lòng nhưng dặn chồng sáng sớm bắt ngỗng và cắt tiết vặt lông giúp mình một tay.

Trong khi hai vợ chồng bàn tính thì cặp ngỗng ở ngoài chuồng nghe được câu chuyện. Ngỗng trống bảo ngỗng mái:

- Mình ơi ! Mình hãy ở lại nuôi con, tôi sẽ đứng sẵn cho chủ nó bắt. Ngỗng mái không nghe, xin chết thay cho chồng. Nhưng ngỗng trống nhất quyết hy sinh, nên chạy ra sân từ giã đàn con:

- Con ơi! Các con ở lại với mẹ nghe. Cha sẽ không bao giờ gặp lại các con nữa.

Song ngỗng mái vẫn lạch bạch chạy theo, đòi chết thay chồng cho bằng được.

Lúc bấy giờ Dã Tràng nằm trên bộ ván đặt kề cửa sổ nên nghe được tiếng ngỗng than thở. Ông bỗng thấy thương con vật vô tội chỉ vì mình mà phải lìa đàn con bé bỏng. Ông toan nói trước với bạn, nhưng thấy bất tiện. Ông đành nghe ngóng ở chỗ chuồng ngỗng chờ lúc bạn ra bắt thì sẽ cản lại.

Suốt đêm hôm đó tuy mệt mà ông không dám ngủ. Quả nhiên, vào khoảng canh tư, Trần Anh thức dậy bước ra chuồng. Ngỗng trống xua ngỗng mái chạy rồi vươn cổ để cho bắt. Trần Anh sắp cắt cổ ngỗng thì Dã Tràng đã lật đật chạy xuống bếp nắm lấy dao. Ông nói:

- Xin bạn thả nó ra. Tính tôi không hay sát sinh. Tình thân của đôi ta đâu phải cỗ bàn mới thân. Nếu bạn giết nó thì tôi lập tức đi khỏi chỗ này.

Thấy bạn có vẻ quả quyết, Trần Anh đành thả ngỗng ra, rồi giục vợ chạy đi mua tép về đãi bạn.

Cơm nước xong, Dã Tràng từ giã bạn lên đường về nhà. Đến ao, ông đã thấy vợ chồng ngỗng cùng với bầy con đứng chực ở đấy. Ngỗng đực tặng Dã Tràng một viên ngọc và nói:

- Đa tạ ân nhân cứu mạng. Không biết lấy gì báo đền, chúng tôi xin tặng người viên ngọc này, mang nó vào người có thể đi được dưới nước dễ dàng không khác gì trên bộ. Nếu đem ngọc này xuống nước mà khoắng thì sẽ rung động đến tận đáy biển.

Ngỗng lại nói tiếp :

- Còn như con tép là vật đã thế mạng chúng tôi thì từ nay, dòng dõi chúng tôi sẽ xin chừa tép ra không ăn, để tỏ lòng nhớ ơn !

Dã Tràng không ngờ có sự báo đáp quá hậu như thế, sung sướng nhận lấy ngọc rồi về.

Khi đến bờ sông, Dã Tràng muốn thử xem công hiệu của viên ngọc mới, liền cứ để nguyên áo quần đi xuống nước. Thì lạ thay, nước rẽ ra thành một lối cho ông đi thẳng xuống đáy sông. Ông dạo cảnh hồi lâu rồi cầm viên ngọc khoắng vào nước nhiều lần để thử xem thế nào.

Hôm đó, Long Vương và các triều thần đang hội họp ở thủy phủ bỗng thấy nhà cửa lâu đài và mọi kiến trúc khác bỗng nhiên rung động, cơ hồ muốn đổ. Ai nấy đều nháo nhác không hiểu duyên cớ. Vua lập tức truyền cho bộ hạ đi dò la sự tình.

Bộ hạ Long Vương theo con đường sóng ngầm lọt vào cửa sông thì thấy Dã Tràng đang cầm ngọc khoắng vào nước. Mỗi lần khoắng như thế, họ cảm thấy xiêu người nhức óc. Tuy biết đích là thủ phạm, họ cũng không dám làm gì, chỉ tiến đến dùng lời nói khéo mời ông xuống chơi thủy phủ.

Gặp Long Vương, Dã Tràng cho biết đó là mình chỉ mới làm thử để xem phép có hiệu nghiệm chăng. Long Vương và triều thần nghe nói, ai nấy đều xanh mặt. Nếu hắn làm thật thì thế giới thủy phủ sẽ còn gì nữa! Vì thế, Long Vương đãi Dã Tràng rất hậu. Ông muốn gì có nấy. Đến lúc ông ra về, Long Vương còn đem vàng bạc tống tiễn rất nhiều để mong nể mặt. Dã Tràng lên khỏi nước có bộ hạ của Long Vương tiễn chân về tới tận nhà mới trở lại. Bà con xóm giềng thấy ông đã không việc gì mà lại trở nên giàu có thì ai cũng lấy làm mừng cho ông. Từ đó Dã Tràng rất quý hai viên ngọc. Ông may một cái túi đựng chúng và luôn luôn đeo ở cổ.

Một hôm Dã Tràng đi bộ nửa ngày đường đến nhà một người bà con ăn giỗ. Lúc đến nơi Dã Tràng sờ lên cổ giật mình mới nhớ ra vì vội vàng quá nên ông đã bỏ quên mất túi ngọc ở nhà. Ông thấy không thể nào an tâm ngồi ăn được. Mọi người đều lấy làm ngạc nhiên thấy ông vừa chân ướt chân ráo đến nơi đã vội cáo từ về ngay.

Nhưng khi về đến nhà, ông tìm mãi vẫn không thấy túi ngọc đâu cả. Ông rụng rời cả người. Đi tìm vợ, vợ cũng không thấy nốt. Nóng ruột, ông lục lọi khắp nơi. Cuối cùng ông bắt được một mảnh giấy do vợ ông viết để lại gài ở chỗ treo áo. Trong đó, vợ ông nói rằng có người của Long Vương lên bảo cho biết hễ ai bắt được túi ngọc đưa xuống dâng Long Vương thì sẽ được phong làm hoàng hậu. Bởi vậy bà ta đã trộm phép ông, đưa túi ngọc xuống thủy phủ rồi, không nên tìm làm gì cho mệt. Đọc xong thư vợ. Dã Tràng ngất đi. Ông không ngờ vợ ông lại có thể như thế được. Ông cũng không ngờ âm mưu của Long Vương thâm độc đến nước ấy. Nghĩ đến hai thứ bảo vật, ông tức điên ruột. Sau cùng, ông dự tính chở cát lấp biển thành một con đường đi xuống thủy phủ để lấy lại túi ngọc vì ông còn nhớ cả đường lối đến cung điện của Long Vương. Mặc dầu mọi người can ngăn, ông cũng không nghe, bèn dọn nhà ra bờ biển làm công việc đó. Ngày ngày ông xe cát chở đến bờ quyết lấp cho bằng được. Cho tận đến chết, Dã Tràng vẫn không chịu bỏ dở công việc. Chết rồi ông hóa thành con còng còng hay cũng gọi là con dã tràng ngày ngày xe cát để lấp biển.

Sự tích con Kền Kền

Trong xóm kia có hai người sống hai cảnh đời trái ngược. Một người giàu của để tận ngoài ngõ, chê cơm gạo đỏ không ăn, trong nhà thịt rượu ê hề. Lại có một người tàn tật, ít khi được bát cơm nóng. Rau dưa cũng không đủ no lòng. Lão nhà giàu phung phí tiền của, ra khỏi nhà là thuê người hầu người cáng khiêng. Chơi bời vô độ nên tóc còn đen, răng chưa rụng mà người lão đã gầy khô như cái xác chết. Anh nghèo mang tật từ lúc bé, chân tay co rúm, lưng còng, cổ queo, đi một bước vững cũng khó khăn. Quanh năm chỉ có hai mảnh quần áo rách.

Một năm kia, trời nắng kéo dài, rau cỏ cũng không mọc nổi. Những đám rau già quanh làng đã hết, anh tàn tật cố bò ra cây sung giữa đồng, nhặt quả ăn thay cơm. Đường từ nhà ra đây chẳng xa xôi gì. Người khỏe, hút chưa tàn điếu thuốc đã đi đến. Nhưng anh tàn tật phải bò suốt từ sáng sớm đến nửa buổi chiều. Cố lê được đến gốc cây sung anh đã mỏi mệt rã rời chẳng làm sao nhặt được quả rụng mà ăn. Đến chiều, khi mặt trời sắp lặn, có một cơn gió thổi qua rất mạnh. Cành sung oằn xuống, quả rụng chật đất. Anh tàn tật cố gượng dậy, lê đi nhặt lại thành đống định để ăn dần. Đêm đó anh ngủ bên gốc sung.

Sáng ngày hôm sau có một đàn chim từ hướng đông bay đến, đáp xuống ngọn cây sung. Đàn chim đi tìm quả sung chín, nhưng gió đã thổi rụng cả từ hôm qua, nên chúng ngơ ngác tìm kiếm một chốc rồi đáp xuống đất! Trông thấy đám quả sung của anh tàn tật, đàn chim đứng nhìn nhưng không dám lại gần. Anh tàn tật nhặt sung vãi ra:

- Có đói vào đây mà ăn...

Nghe anh nói, con chim có một cái khoang trắng trên cổ, óng ánh như bạc, nói lại rõ như tiếng người vậy:

- Chim không có công nhặt, sao người cho nhiều quả thế?

- Cây trời sinh, tôi không trồng, không tưới, công nhặt quả có đáng là bao, có đói thì cứ ăn.

Anh tàn tật lại bốc sung vãi thêm ra. Lũ chim không sợ nữa, xúm lại ăn. Ăn xong, con chim có khoang cổ lại hỏi:

- Người tàn tật mà tốt bụng. Quả ăn trừ cơm được mà không tiếc. Tôi đền lại người một điều ước, để trả ơn.

Đàn chim bay đi. Anh tàn tật ngồi một mình, ngẫm nghĩ về điều ước con chim đã cho. Lâu nay nghèo khổ, chưa được biết cái gì là sung sướng, nên cũng chẳng biết ước điều gì. Chợt thấy mấy người lính kiệu một viên quan đi qua. Thấy viên quan rất oai vệ, mà toán lính cũng bảnh bao. Anh tàn tật định ước được là một trong hai hạng người này. Nhưng khi bọn họ đến quãng đường lầy, thì toán lính đã bị thụt sâu, không đi nhanh được. Còn viên quan thì cau có, quát tháo, cầm gậy vụt đánh toán lính. Thấy vậy anh tàn tật tự bảo:

- Làm lính thì bị quan đánh, mà làm quan thì... mặt mũi cau có, đánh người thế kia, chẳng ai thương được.

Anh bỏ ý định ước làm quan, làm lính. Một chốc có mấy người thầy cúng đi qua. Người nào cũng quảy một xâu thịt, mấy chai rượu, tay chống gậy, đầu đội khăn rằn, khăn đỏ, buông xuống tận vai. Trông có vẻ an nhàn lắm. Anh tàn tật muốn ước làm thầy cúng. Bỗng cái cổ quẹo của anh đau nhói lên. Cái cổ này khi nhà còn tiền của, cha mẹ anh đã mời thầy cúng mãi mà không khỏi rốt cuộc vẫn tiền mất tật mang. Nhớ việc cũ, anh lại tự bảo:

- Thầy cúng là người dối trá. Người ốm mất tiền mà chẳng khỏi bệnh.

Một chốc anh lại thấy một lão nhà giàu đi đòi nợ về. Anh tàn tật toan ước làm một người giàu để được ăn no sung sướng. Nhưng lão nhà giàu đi chưa khuất đã thấy một toán người đến, tay dắt trâu, vai gánh thóc, mồ hôi nhễ nhãi, mặt mũi hốc hác, khổ sở. Anh bèn hỏi:

- Sao có trâu dắt mà không vui, có thóc gánh trên vai mà còn khóc?

Mấy người kia chỉ lão nhà giàu đang đi:

- Sắp đến mùa cày mà lão bắt mất trâu. Lúc có lúa, lão ấy đòi nợ! Ông ấy là chủ nợ. Chúng tôi là con nợ. Cảnh khổ anh đã biết rất rõ.

Anh lắc đầu:

- Làm người giàu sẽ gây khổ cho người nghèo.

Đắn đo một lúc, anh tàn tật, nhìn lại mình. Thấy cổ quẹo, lưng còng, anh liền ước:

- Thôi, chim hãy cho tôi lành lặn, có đủ sức khỏe nhổ trốc gốc cây sung này.

Lời ước vừa dứt, lưng anh đã thẳng ra, cổ hết quẹo, người to lớn lực lưỡng. Anh bước tới đến ghé vai vào cây sung, hai tay ôm choàng, nhổ thử. Cây sung bật cả gốc rễ. Anh cởi áo túm mớ quả sung còn lại, vác cả cây sung về trồng trước làng. Tên nhà giàu thấy anh tàn tật đã béo tốt đẹp trai liền đến hỏi:

- Mày làm sao chóng được khỏe vậy?

Anh tàn tật kể chuyện được sức khỏe cho tên nhà giàu nghe. Lão muốn vợ chồng con cái và mẹ nó được béo tốt như anh tàn tật, liền về dắt cả lũ đến với anh:

- Mày béo khỏe vậy là tốt lắm rồi. Mớ quả sung còn lại cho tao xin. Người nhà tao ai cũng gầy guộc quá. Tao muốn tao, mẹ tao, vợ con tao đều có sức khỏe như mày.

Anh tàn tật không định để mớ quả sung lại làm gì, nhưng anh chưa kịp cho thì lũ kia đã xúm lại cướp mỗi đứa một vốc, chạy lẹ ra đồng. Chúng nó ngồi thù lù bên chỗ cây sung anh đã nhổ trốc gốc, để chờ chim đến. Đàn chim đến thật. Mẹ, vợ và con lão nhà giàu không hiểu đổi chác thế nào, nên cứ trố mắt nhìn. Còn tên nhà giàu thì đưa quả sung ra nhử chim, hắn nói:

- Cây sung bị thằng tàn tật nhổ mất rồi. Từ nay kiếm được một quả sung chẳng dễ gì! Đây, những quả sung này ngon lắm, ngon gấp mười quả sung của thằng tàn tật kia! Chim có chịu đổi một trăm điều ước tao mới đổi.

Đàn chim đã đói, nhưng mỗi lần chỉ cho được một điều ước, nên không đổi được cho tên nhà giàu. Khi mặt trời gần lặn,

đàn chim chấp cánh sắp bay. Biết không thể đổi được hơn, tên nhà giàu mới chịu đổi. Được điều ước nó cười hả hê, giục cả nhà đứng dậy rồi lớn tiếng:

- Cho cả nhà tao trẻ lại... này, khỏe này, béo này...

Nhưng nói chưa hết câu, thì những cái mồm của lũ nó đã nhô ra nhọn hoắt, tay biến thành cánh, móng chân biến thành vuốt, lông mọc khắp người, hôi thối khét lẹt. Cả nhà nó hóa thành một đàn Kên Kên. Lũ Kền Kền bay dạt vào rừng. Giàu có, ăn uống sung sướng quen miệng, nay đã hóa thành Kên Kên, chúng vẫn giữ nguyên cốt cách như lúc còn làm người. Mỗi khi gặp con trâu, con bò chết là cả lũ bâu lại.

Sự tích con muỗi

Ngày xưa, có một chàng trai không giàu nhưng cũng không nghèo. Chàng này có một người vợ rất đẹp. Đời sống của hai người ấy đơn giản. Chàng thì lo làm trông ruộng lúa, còn vợ chàng thì chăn tằm ươm tơ. Nhưng mà thật ra, người vợ rất lười nhác, suốt ngày chỉ thích làm duyên, và mơ ước một cuộc sống giàu sang quyền quý.

Bỗng một hôm người vợ chết, anh chồng rất buồn, không muốn rời thân thể vợ và không muốn chôn vợ trong đất. Sau khi bán hết cả những đồ vật, anh ta mang theo quan tài vợ, leo lên một thuyền tam bản và xuôi theo dòng sông.

Một buổi sáng, chàng đến một ngọn núi xanh rờn và thơm ngát muôn hoa, tuyệt đẹp. Trên cây toàn đủ loài cây trái. Vui thích, chàng bước đi nhẹ nhàng như con bướm trong cảnh huy hoàng. Chàng gặp một ông già, tóc trắng như bông, đi chống gậy trúc, mặt đầy nếp nhăng nhưng sáng tươi như mặt của một đứa trẻ. Đó là vị thần sức khoẻ. Ông nói với chàng:

- Tôi đã biết những tiết hạnh của anh rồi. Vì vậy tôi đã dựng

núi trên lối đường đi của anh. Nếu anh muốn, thì tôi sẽ nhận anh trong nhóm đồ đệ của tôi

Chàng cám ơn ông thần, nhưng rồi nói với ông là chàng sẽ không bao giờ rời bỏ được thân thể của vợ chàng. Điều ước ao duy nhất của chàng chỉ là làm cho vợ thương mến hồi sinh lại thôi. Ông thần ngắm nghía chàng, rồi nói :

Nếu anh khao khát điều đó thì tôi sẽ chấp thuận điều mong ước đó, mong rằng anh sẽ không hối tiếc sau này.

Chàng mang người yêu ra khỏi quan tài, cắt ngón tay, và nhỏ ba giọt máu trên tim của nàng. Thần diệu! nàng dần dần mở mắt ra và tỉnh dậy.

- Cô đừng có quên nhiệm vụ của cô nhé, và mãi nhớ đến sự tận tâm của chồng cô - Ông thần nói - Thôi, bây giờ hai người sống hạnh phúc đi nhé.

Trên đường về, hai người dừng chân ở một bến cảng, người chồng đi mua đồ ăn. Trong lúc đó có một ghe bầu rất to lớn dừng bên thuyền của chàng. Người chủ của ghe đó là một người buôn bán rất giàu. Lúc ông nhìn thấy nàng ngồi đợi trong thuyền, thì ông bỗng kinh ngạc bởi sắc đẹp của nàng. Ông mời nàng lên ghe bầu uống trà, nhưng khi nàng ở trên tầu rồi, thì thuyền ông rời cảng và đi mất.

Người chồng trở lại không thấy người vợ đâu, chàng đi tìm mãi ba tháng sau mới nhìn thấy người vợ nhưng nàng sống trong cảnh xa hoa và không muốn trở về cùng chàng. Mặc dù rất đau buồn trong những phút đầu, cuối cùng chàng đành chấp nhận cho nàng đi, nhưng với một điều kiện:

- Nàng hãy trả cho ta lại ba giọt máu của ta đã tặng cho nàng, vì ta không muốn trong người nàng có một tí gì của ta cả.

Nàng rất vui mừng sẽ không phải sống với chàng nữa, lấy một con dao và chích máu ở ngón tay. Những giọt máu vừa chảy xong, đột nhiên mặt nàng biến sắc và tắt thở.

Nàng hóa thành một loài côn trùng, suốt ngày đi tìm người chồng xin lại ba giọt máu để có thể sống lại như loài người và luôn luôn kêu vo vo những tiếng hối hận. Con vật này luôn luôn

kêu than với chồng cũ, như van lơn, như oán hận, như tiếc thương, ngày đêm o o không ngừng. Về sau giống này sinh sôi nẩy nở rất nhiều, người ta đặt tên nó là con muỗi. Vì ghét kẻ phụ bạc, nên mỗi lần muỗi lại gần, người ta không tiếc tay đập cho nó chết.

Sự tích con Nhái

Ngày xưa có một vị Hòa thượng trẻ tuổi nổi tiếng chân tu. Mọi "thị dục" của bản thân, Hòa thượng đều cương quyết cắt đứt, chỉ một lòng chuyên chú vào lẽ hư vô của đạo Thiền. Nhà vua nghe tiếng, vô cùng kính trọng, mời về kinh đô, ban chức Quốc sư và sai tu bổ một ngôi chùa ở phía Nam kinh thành để sư tu trì. Nhưng hòa thượng từ tạ vua, chỉ xin phép đi xem chùa chiền, cảnh đẹp trong thiên hạ.

Một hôm, Hòa thượng một mình tìm đến một ngôi chùa xa ở vùng Bắc. Ở đó có một vị sư bạn trụ trì mà Hòa thượng lâu ngày chưa gặp.

Từ lâu Phật Bà Quan Âm đã nghe tiếng đồn về Hòa thượng này. Lần này nhân cuộc đi chơi của Hòa thượng, Phật bà định bụng thử xem con người đó như thế nào. Nếu quả đúng là chân tu thì Phật Bà sẽ đưa về Tây Trúc độ cho thành Phật.

Lúc Hòa thượng sắp qua một con sông rộng, Phật Bà hóa thành một cô gái rất trẻ đẹp chống đò cập bến chờ khách quá giang. Hôm ấy cũng theo phép mầu nhiệm của Phật Bà, khúc sông đó trở nên vắng vẻ, người và thuyền bè qua lại rất ít. Khi Hòa thượng chui vào trong khoang đò thì cô gái nhổ sào chèo ra giữa sông. Đoạn nàng bẻ lái cho thuyền tiến đến một bãi cát vắng đậu lại. Hòa thượng lấy làm lạ, hỏi cô gái vì sao không đi thẳng qua bờ bến kia? Cô gái chỉ đợi có câu hỏi ấy là buông chèo, cười một nụ cười rất tình tứ rồi cũng chui vào khoang trả lời một cách cợt nhã là thấy sư quá đẹp trai nên cắm sào

lại đây cầu xin được ân ái. Hòa thượng vốn nghe nói con gái ở vùng này có nhiều người đáo để nên nghiêm nét mặt lại:

- A Di Đà Phật! Mong người trần giới buông tha cho kẻ tu hành này.

Nhưng cô lái đò đâu có buông tha, cô sán lại gần gợi tình. Hòa thượng không nói gì, lẳng lặng mở gói lấy cuốn kinh ra tụng. Tiếng đọc của Sư mỗi lúc một lớn, át cả tiếng nói của cô lái đò. Nhưng cô lái đò vẫn cười nói không thôi. Rồi cô che tay lên quyển kinh. Hòa thượng ngoái cổ nhìn ra ngoài đò rồi nghiêm khắc cảnh cáo:

- A Di Đà Phật! Trong người bần Tăng hiện có một tờ lệnh chỉ của Hoàng đế. Trong đó Hoàng đế đã ra lệnh là hễ người nào phạm vào người bần Tăng sẽ bị án trảm quyết. Vậy bần tăng mong người đứng phạm vào phép của thiên tử.

Lời dọa của nhà sư không làm cho cô gái nhụt một chút nào. Cô nói:

- Em đang muốn chết đây! Em chỉ mong chàng đoái thương một tí rồi chết cũng thỏa.

Nhưng hồi lâu, thấy lòng nhà sư không chuyển, cô lái đò lại thi hành một mưu khác, cố quyến rũ cho bằng được. Cô bắt đầu cởi áo ra. Khi chiếc yếm cổ đuôi nhạn bỏ xuống thì Hòa thượng nhắm mắt lại. Hòa thượng quay về phía cái gói lấy chiếc áo của mình khoác vào người nàng. Trong khoang đò chật chội, tay Hòa thượng vẫn lần tràng hạt, miệng vẫn lẩm nhẩm đọc kinh. Trong khi đó những tiếng của cô gái như mật rót vào tai:

- Chàng thương em một tý... Chàng nhìn ra ngoài xem, không có một ai cả.

Nhưng vô hiệu.

Phật Bà Quan Âm rất cảm động. Những người con Phật như thế này rất xứng đáng chiếm một chỗ ngồi trên Nát-bàn. Nhưng đã thử thì phải thử cho trót. Lần thứ chín, cô lái vẫn bị cự tuyệt. Hơi thở của cô con gái trẻ và đẹp phảng phất ở trên má, nhưng nét mặt của Hòa thượng vẫn không thay đổi.

Nhưng đến lần thứ mười, cô gái không ngờ. Bàn tay Hòa thượng tự nhiên run rẩy bỏ lên mình nàng.

Thế là chuyến đó Phật Bà Quan Âm không được hài lòng. Giận vì Hòa thượng đã thiếu kiên trì trước sự cám dỗ của "thị dục", mà đã như thế thì thanh danh cũ không còn đáng đếm xỉa nữa, nên Phật bà đã nắm lấy cổ Hòa thượng vứt ngay xuống sông. Như thế mà Phật bà vẫn chưa cho là đáng tội, nên còn bắt hóa thành loài nhái, là một loài động vật hạ đẳng. Cũng vì thế mà người ta nói rằng ngày nay dòng dõi loài nhái cũng còn giữ cái thói quen của tổ tiên, ví dụ khi chúng bị chặt đầu, chúng vẫn chắp hai chân trước lại với nhau như người đang vái.

Sự tích hạt lúa

Ngày xưa, có một người đàn bà nghèo. Chồng chết sớm, bà ở vậy nuôi đứa con trai duy nhất. Điều đáng buồn là cậu con trai càng được cưng chiều, càng đâm ra hư hỏng, bất hiếu, và không nghe lời mẹ. Bởi vì nhà nghèo, không đủ miếng ăn, người đàn bà cực nhọc trồng bắp, nuôi gà.

Có trái bắp nào lớn đủ, bà luộc rồi đưa cả cho con ăn, phần mình ăn chỗ còn thừa lại. Khi nào làm thịt gà, bà để cho con ăn no nê, xong rồi bà kín đáo bòn mót đống xương vụn. Nhưng cậu con trai không thấy điều đó, cậu không thương yêu mẹ, lại còn hỗn xược, ham chơi nữa.

Một ngày kia, người đàn bà lâm bệnh nặng. Biết mình sắp chết, bà lo lắng, kêu đứa con trai lại, khuyên nhủ rằng:

- Ngày mẹ chết, con sẽ thấy ở chỗ mẹ nằm có một loại hạt nhỏ. Con hãy bỏ vào trong chậu đất, đổ nước vào, rồi quay về hoàng cung sẽ đổi được rất nhiều vàng bạc.

Ngày mẹ chết, cậu con trai tìm được trên gối nằm một loại hạt nhỏ bằng đầu ngón tay. Lòng tham lam, cậu liền làm theo lời mẹ dặn, bỏ hạt vào một chiếc chậu nhỏ, rưới nước vào, rồi bỏ lên lưng quay về phía hoàng cung.

Đường về hoàng cung rất xa, phải mất cả sáu, bảy tháng đi đường. Cậu con trai mệt mỏi, tiền hết, lương thực cạn dần. Cậu bắt đầu phải xin từng bữa ăn, và khó khăn lắm mới xin được chỗ trú ngủ qua đêm. Cậu dần dần nhận ra được công lao của mẹ đã cực nhọc nuôi nấng mình trong bấy lâu. Cậu hối hận vì đã đối xử tệ bạc với mẹ.

Về tới hoàng cung, lúc cậu bỏ cái chậu trên lưng xuống, ngạc nhiên vì thấy tự lúc nào, trên lưng cậu có một nhánh cỏ trĩu những hạt nhỏ, mầu vàng xinh xắn, mùi thơm thoang thoảng, nấu ra ăn thật bùi. Cậu con trai nhớ thương mẹ, bèn thôi không đem hạt vào cung vua nữa, trái lại cậu mang giống hạt ấy về trồng, rồi phân phát cho mọi người cùng trồng nữa...

Sự tích Hồ Gươm

Ngày xửa ngày xưa, vào thời giặc Minh đặt ách đô hộ ở nước Nam, chúng coi dân ta như cỏ rác, làm nhiều điều bạo ngược, thiên hạ căm giận chúng đến xương tủy. Bấy giờ ở vùng Lam Sơn, nghĩa quân nổi dậy chống lại chúng, nhưng trong buổi đầu thế lực còn non yếu nên nhiều lần nghĩa quân bị thua. Thấy vậy, đức Long Quân quyết định cho nghĩa quân mượn thanh gươm thần để họ giết giặc.

Hồi ấy, ở Thanh Hóa có một người làm nghề đánh cá tên là Lê Thận. Một đêm nọ, Thận thả lưới ở một bến vắng như thường lệ. Khi kéo lưới lên, chàng thấy nằng nặng, trong bụng mừng thầm, chắc là có cá to. Nhưng khi thò tay vào bắt cá, Thận chỉ thấy có một thanh sắt, chàng vứt luôn xuống nước, rồi lại thả lưới ở một chỗ khác.

Lần thứ hai cất lưới lên cũng thấy nặng tay, Thận không ngờ thanh sắt vừa rồi lại chui vào lưới mình. Chàng lại nhặt lên và ném xuống sông. Lần thứ ba, lại vẫn thanh sắt ấy mắc vào lưới. Lấy làm quái lạ, Thận đưa lại mồi lửa nhìn xem. Bỗng chàng reo lên:

- Ha ha! Một lưỡi gươm!

Về sau Thận gia nhập đoàn quân khởi nghĩa Lam Sơn. Chàng hăng hái gan dạ không nề nguy hiểm. Một hôm chủ tướng Lê Lợi cùng mấy người tùy tùng đến nhà Thận. Trong túp lều tối om, thanh sắt hôm đó tự nhiên sáng rực lên ở xó nhà. Lấy làm lạ, Lê Lợi cầm lấy xem và thấy có hai chữ "Thuận Thiên" khắc sâu vào lưỡi gươm. Song tất cả mọi người vẫn không biết đó là báu vật.

Một hôm, bị giặc đuổi, Lê Lợi và các tướng chạy tháo thân mỗi người một ngả. Lúc đi qua một khu rừng, Lê Lợi bỗng thấy một ánh sáng lạ trên ngọn cây đa. Ông trèo lên mới biết đó là một cái chuôi gươm nạm ngọc. Nhớ đến lưỡi gươm ở nhà Lê Thận, Lê Lợi rút lấy chuôi giắt vào lưng.

Ba ngày sau, Lê Lợi gặp lại tất cả các bạn trong đó có Lê Thận. Lê Lợi mới đem chuyện bắt được chuôi gươm kể lại cho mọi người nghe. Khi đem tra gươm vào chuôi thì vừa như in.

Lê Lợi nâng gươm lên ngang đầu nói:

- Đây là Trời có ý phó thác, đánh giặc Minh là chuyện lớn. Chúng tôi nguyện đem xương thịt của mình theo nghiệp lớn, cùng với thanh gươm thần này để báo đền Tổ Quốc!

Từ đó nhuệ khí của nghĩa quân ngày một tăng tiến. Trong tay Lê Lợi, thanh gươm thần tung hoành khắp các trận địa, làm cho quân Minh bạt vía. Uy thanh của nghĩa quân vang khắp nơi. Họ không phải trốn tránh như trước mà xông xáo đi tìm giặc. Họ không phải ăn uống khổ cực như trước nữa, đã có những kho lương của giặc mới cướp được tiếp tế cho họ. Gươm thần đã mở đường cho họ đánh tràn ra mãi, cho đến lúc không còn bóng một tên giặc trên đất nước.

Một năm sau khi đuổi giặc Minh, một hôm Lê Lợi bấy giờ đã làm vua, cưỡi thuyền rồng dạo quanh hồ Tả Vọng trước kinh thành. Nhân dịp đó, Long Quân sai rùa vàng lên đòi lại thanh gươm thần. Khi chiếc thuyền rồng tiến ra giữa hồ, tự nhiên có một con rùa lớn nhô đầu và mai lên khỏi mặt nước. Theo lệnh vua, thuyền đi chậm lại. Đứng ở mạn thuyền, vua thấy lưỡi g-ươm thần đeo bên người tự nhiên động đậy. Con rùa vàng

không sợ người, nhô đầu lên cao nữa và tiến về phía thuyền vua. Nó đứng nổi trên mặt nước và nói: "Xin bệ hạ hoàn gươm lại cho Long Quân!".

Vua rút gươm đưa cho rùa vàng. Nhanh như cắt, rùa há miệng đớp lấy thanh gươm và lặn xuống nước. Gươm và rùa đã chìm đáy nước, người ta vẫn còn thấy vật gì sáng le lói dưới mặt hồ xanh.

Từ đó hồ Tả Vọng bắt đầu mang tên là hồ Gươm hay hồ Hoàn Kiếm.

Sự tích quả dưa hấu

Ngày xưa có một chàng trai trẻ tuổi tên là Mai An Tiêm. Chàng là người ở đâu tận vùng biển phía Nam bị bán làm nô lệ. Một hôm, chàng bị bọn lái buôn chở đến bán cho vua Hùng Vương. Mai An Tiêm học nói tiếng Việt rất chóng. Chàng nhớ nhiều chuyện, biết nhiều điều thưởng thức, lại lắm tài nghệ. Càng ngày vua càng yêu mến, không lúc nào rời. Năm ba mươi lăm tuổi, chàng làm quan hầu cận, có ngôi nhà riêng ở gần cung vua. Vợ Mai An Tiêm là con gái nuôi của vua, năm đó đã sinh được một bé trai lên năm tuổi. Mai An Tiêm có đủ mọi người hầu hạ, trong nhà của ngon vật lạ không thiếu thứ gì. Tuy oai quyền không lớn lắm nhưng chàng được mọi người sợ phục. Nhiều kẻ vẫn thường lui tới cầu cạnh. Nhưng thấy Mai An Tiêm có địa vị cao, cũng không hiếm gì những kẻ đâm ra ghen ghét.

Một hôm, trong một bữa tiệc đãi các quan khách, giữa lúc mọi người không ngớt lời xưng tụng mình, Mai An Tiêm nhún nhường bảo họ:

- Có gì đâu! Tất cả mọi thứ trong nhà này đều là vật tiền thân của tôi cả!

Mai An Tiêm nói rất tự nhiên. Bởi vì tôn giáo ở xứ sở chàng vẫn bảo rằng cái sướng, cái khổ hiện tại bao giờ cũng là kết quả

của việc ăn ở tốt hay xấu từ kiếp trước. Nhưng trong số những người dự tiệc có mấy viên quan hầu cận vua, vốn ghét chàng từ lâu. Chộp lấy câu nói mà họ cho là ngạo mạn đó, họ bèn vội vàng về tâu cho vua biết.

Vua Hùng nghe nói vô cùng giận dữ. Sai lính bắt Mai An Tiêm lại.

Buổi chiều hôm ấy, Mai An Tiêm bị bắt bỏ vào ngục tối. Bấy giờ chàng mới biết là mình lỡ lời. Mai An Tiêm tự bảo: "Nếu từ nay ta bị đày đoạ là vì kiếp trước ta đã cư xử không tốt".

Trong khi đó thì ở triều, các quan họp bàn để xử án Mai An Tiêm. Nhiều người đề nghị xử tử. Có người đề nghị cắt gót chân, nhưng lời tâu của một ông quan già làm cho Hùng Vương chú ý:

- Hắn bị tội chết là đúng. Nhưng trước khi hắn chết ta nên bắt hắn nhận một cách thấm thía rằng những của cải của hắn là do ơn trời biển và bệ hạ chứ chả là vật tiền thân nào cả. Tôi nghe ngoài cửa Nga Sơn có một hòn đảo, cho hắn ra đấy với một hai tháng lương để hắn ngồi ngẫm nghĩ về "vật tiền thân" của hắn trước khi tắt thở.

Vua Hùng gật đầu chấp thuận, nhưng sau khi ra lệnh, vua còn dặn:

- Cho hắn lương vừa đủ trong một mùa và một cây rựa cùn.

Hôm đi đày, tuy ai nấy hết lời can ngăn nhưng vợ Mai An Tiêm cương quyết theo chồng ra hải đảo. Nàng bế cả con trai đi theo. Tất cả mọi người đều cho là việc rồ dại. Nàng thì tin ở lời chồng: "Trời sinh voi sinh cỏ. Lo gì!"

Nhưng khi bước chân lên bãi cát hoang vu mịt mù thì nàng gục vào vai chồng:

- Chúng ta đành chết ở đây thôi.

Mai An Tiêm ôm con, bảo vợ:

- Trời có mắt. Đừng sợ!

Hơn một tháng đầu, đời sống của vợ chồng đã tạm ổn. Nhà ở thì chui trong hốc đá đã được đan phên che sương gió. Nước uống thì đã có suối. Muối không có thì đã có nước biển. Nhưng còn việc kéo dài sự sống? Hai vợ chồng nhìn vào bò gạo đã vơi:

- Nếu như chúng ta có một nắm hạt giống thì quyết không lo ngại gì cả.

Bỗng nhiên một hôm có một đàn chim lớn bay từ phương Tây lại, đậu đen ngòm cả một bãi cát. Rồi chúng bay đến trước mặt hai vợ chồng kêu váng cả lên, thả xuống năm sáu hạt. Ít lâu sau từ những hạt ấy mọc một loại cây dây bò lan xanh um cả bãi, có rất nhiều quả xanh mướt, to bằng đầu người. Mai An Tiêm trẩy một quả, bổ ra thấy ruột đỏ hồng, hạt đen nhánh. Vợ chồng con cái cùng nếm thấy vị ngòn ngọt thanh thanh, Mai An Tiêm reo lên:

- Ồ! đây là thứ dưa lạ, chưa từng thấy bao giờ. Hãy gọi nó là dưa tây, vì thứ dưa này được bầy chim đưa từ phương Tây lại, từ đất liền ra cho chúng ta. Trời nuôi sống chúng ta rồi!

Từ hôm đó hai vợ chồng cố trồng thêm cho thật nhiều dưa. Họ trù tính ăn dưa thay cơm để đỡ phải dùng số gạo đã gần kiệt.

Một hôm, vợ chồng bắt gặp một chiếc thuyền đánh cá đi lạc ra đảo. Sau khi giúp họ sửa buồng lái để trở về đất liền, Mai An Tiêm còn đưa biếu một số dưa để họ đưa về cho mọi người nếm thử. Mai An Tiêm bảo họ chở gạo ra đổi lấy dưa. Chỉ cách mấy ngày, con thuyền thứ nhất đã đến cắm neo ở bến, chở ra cho hai vợ chồng khá nhiều gạo. Hai bên y ước, một bên nhận lấy gạo còn một bên xếp dưa xuống thuyền.

Từ đó trở đi, bữa ăn của họ đã khác trước. Ngồi bên nồi cơm trắng hơi lên nghi ngút, vợ Mai An Tiêm ôm lấy con, lẩm bẩm: "Trời nuôi sống chúng ta thực". Cũng từ hôm đó, vợ chồng trồng thêm nhiều dưa nữa. Kết quả là thuyền buồm có, thuyền chài có, lũ lượt ra đỗ ở hải đảo đưa gạo, áo quần, gà lợn, dao búa, lại có cả các thứ hạt giống khác, để đổi lấy dưa. Những người trong thuyền nói với Mai An Tiêm:

- Thật quả từ xưa đến giờ chưa hề có loại dưa quý hiếm đến thế. Ở vùng chúng tôi ai cũng ao ước được nếm một miếng dưa này dù phải đổi bao nhiêu gạo cũng không tiếc.

Ngày ấy người ta tranh nhau mua dưa lấy giống cho nên chỉ trong vòng vài ba năm giống dưa lan tràn khắp nơi. Tên tuổi của

vợ chồng Mai An Tiêm được truyền đi xa rộng. Dân tôn là "Bố cái dưa tây".

Lại nói chuyện vua Hùng một hôm la rầy viên quan hầu vì dốt nát để thợ dựng hỏng một ngôi nhà. Vua buột miệng than thở: "Phải chi có Mai An Tiêm thì đâu đến nỗi". Ngày hôm đó vua nhắc mãi đến chàng. Đã hai lần vua cho hỏi Lạc hầu xem hiện giờ Mai An Tiêm đang làm gì ở đâu. Lạc hầu liền đáp:

- Chắc hắn không còn sống nữa!

Nhưng vua không tin. Vua sai ngay một tên khác cấp cho lương ăn và thuyền để hắn ra ngoài đảo Nga Sơn tìm Mai An Tiêm. Một tháng sau, hắn ta mang về cho vua một thuyền đầy dưa tây và nói:

- Đây là lễ vật của vợ chồng ông Mai An Tiêm dâng bệ hạ.

Hắn kể cho vua biết rõ những ngày tận khổ và tình trạng hiện giờ của hai vợ chồng Mai An Tiêm. Rồi hắn tâu tiếp:

- Bây giờ ông bà Mai An Tiêm có nhà cửa ở ngoài ấy khá đẹp, còn đến hơn mười người hầu hạ, có bãi dưa, có ruộng lúa và rất nhiều lợn gà...

Vua Hùng càng nghe càng sửng sốt. Vua chặc lưỡi bảo mấy viên quan hầu cận ngày nọ đã tố cáo Mai An Tiêm:

- Hắn bảo là vật tiền thân của hắn, thật đúng chứ không sai!

Vua bèn sai một đoàn lính đi đón gia đình Mai An Tiêm, cho họ trở lại chức cũ trong triều đình.

Nhờ đó mà gia đình bé nhỏ của An Tiêm trở nên đầy đủ, cuộc sống phong lưu.

Vì chim đã mang hột dưa đến từ phương Tây, nên An Tiêm đặt tên cho thứ trái cây này là Tây Qua. Người Tầu ăn thấy ngon, khen là "hẩu", nên về sau người ta gọi là dưa hấu.

An Tiêm đem về dâng cho vua giống dưa hấu mà mình may mắn có được. Rồi phân phát hạt cho dân chúng trồng ở những chỗ đất cát. Bây giờ chỗ hải đảo An Tiêm sống trước đây, người ta còn gọi là bãi An Tiêm.

Sự tích quả sầu riêng

Ngày xưa, vào thời Tây Sơn khởi nghĩa, có một chàng trai người vùng Đồng Nai, có tài cả văn lẫn võ, đã vung gươm hưởng ứng sự bất bình của thiên hạ. Chàng từng cầm quân mấy lần đánh cho tan tác thầy trò Nguyễn Ánh.

Nhà Tây Sơn mất, Gia Long vừa thắng thế trên đất nước Việt thì cũng bắt đầu giết hại những người từng theo nhà Tây Sơn.

Nhân dân trong xóm quý mến chàng, khuyên chàng trốn đi thật xa. Họ giúp tiền gạo và mọi thứ cần dùng, trong đó có cả một chiếc thuyền nhỏ để tiện đi lại. Và chàng ra đi. Ngược dòng sông Cửu Long, chàng tiến sâu vào nước Chân Lạp.

Một hôm, chàng dừng thuyền, lên bộ để mua sắm thức ăn. Chàng bước vào một quán bên đường. Trong quán có một bà mẹ ngồi ủ rũ bên cạnh một cô gái nằm mê man bất tỉnh. Đó là hai mẹ con đi dâng hương trên núi Tà-lon, về đến đây thì người con bị ốm nặng. Vốn có biệt tài về nghề thuốc, chàng đã cứu chữa cho cô gái khỏi bệnh. Sẵn có thuyền, chàng chở họ về tận nhà.

Cô gái đem lòng quyến luyến chàng. Sau một tuần chạy tạ ơn Trời, Phật, mẹ nàng cho biết là Phật đã báo mộng cho hai người lấy nhau. Chàng vui mừng nhận lời và từ đó hai vợ chồng làm ruộng, nuôi tằm, xây dựng gia đình đầm ấm.

Mười năm thoảng qua như một giấc mộng. Hai vợ chồng quấn quýt nhau như đôi chim câu. Trong vườn nhà vợ có một cây ăn quả gọi là cây "tu-rên" mà ở xứ sở chàng không có. Mùa trái chín đến, vợ bổ một trái đưa cho chồng ăn. Trái "tu-rên" vốn có một mùi khó chịu. Thấy chồng nhăn mặt, vợ bảo:

- Anh ăn sẽ biết nó đậm đà như lòng em đây.

Không ngờ một ngày kia, vợ đi dâng hương Đế Thiên, Đế Thích về thì ngộ cảm. Chồng cố công chạy chữa nhưng không

sao cứu kịp. Cái chết chia rẽ cặp vợ chồng một cách đột ngột. Không thể nói hết cảnh tượng đau khổ của người chồng. Tuy cách trở âm dương, nhưng hai người vẫn gặp nhau trong mộng. Chồng hứa trọn đời sẽ không lấy một ai nữa. Còn hồn vợ thì hứa không lúc nào xa chồng.

Nghe tin Gia Long đã thôi truy nã những người thù cũ, bà con ở quê nhà nhắn tin lên bảo chàng về. Những người trong xóm cũng khuyên chàng tạm đi đâu cho khuây khỏa. Chàng đành từ giã quê hương thứ hai của mình. Trước ngày lên đường, vợ báo mộng cho chồng biết sẽ đi theo cho đến sơn cùng thủy tận. Năm ấy, cây "tu-rên" tự nhiên chỉ ra mỗi một trái. Trái "tu-rên" ấy lại tự nhiên rụng vào vạt áo chàng giữa lúc chàng ra thăm cây kỷ niệm của vợ. Chàng mừng rỡ, quyết đưa nó cùng về xứ sở.

Chàng lại trở về nghề dạy học, nhưng nỗi riêng canh cánh không bao giờ nguôi. Chàng đã ươm hạt "Tu-rên" thành cây, đem trồng trong vườn, ngoài ngõ. Từ đấy ngoài công việc dạy học, chàng còn có việc chăm nom cây quý.

Nhưng cây "Tu-rên" của chàng ngày một lớn. Lại mười năm nữa sắp trôi qua. Chàng trai ngày xưa bây giờ tóc đã lốm đốm bạc. Nhưng ông thấy lòng mình trẻ lại khi những cây mà ông bấy lâu chăm chút nay bắt đầu khai hoa kết quả. Ông sung sướng mời họ hàng, làng xóm tới nhà nhân ngày giỗ vợ và nhân thể thưởng thức một thứ trái lạ chưa hề có ở trong vùng.

Khi những trái "Tu-rên" được bưng ra đặt trên bàn, mọi người thoáng ngửi thấy một mùi khó chịu. Chủ nhân biết ý, đã nói đón: "... Nó xấu xí, có mùi khó chịu, nhưng chính những múi của nó ở trong lòng lại đẹp đẽ, thơm tho như mối tình đậm đà của đôi vợ chồng son trẻ...". Ông ta vừa nói vừa bổ những trái "Tu-rên" chia từng múi cho mọi người cùng nếm. Đoạn, ông ta kể hết câu chuyện tình duyên xưa mà từ khi về đến nay ông đã cố ý giấu kín trong lòng. Ông kể mãi, kể mãi. Khi kể xong, ở khóe mắt con người chung tình ấy, hai giọt lệ long lanh tự nhiên nhỏ vào múi "Tu-rên" đang cầm ở tay. Hai

giọt nước mắt ấy sôi lên trên múi "Tu-rên" như vôi gặp nước và cuối cùng thấm vào múi như giọt nước thấm vào lòng gạch.

Sau đám giỗ ba ngày, người đàn ông ấy bỗng không bệnh mà chết. Từ đấy, dân làng mỗi lần ăn thứ trái đó đều nhớ đến người gây giống, nhớ đến chuyện người đàn ông chung tình. Họ gọi "Tu-rên" bằng hai tiếng "sầu riêng" để nhớ mối tình chung thủy của chàng và nàng. Người ta còn nói những cây sầu riêng nào thuộc dòng loại hạt có hai giọt nước mắt của chàng mới là thứ sầu riêng có trái ngon và thơm hơn các thứ khác.

Sự tích sao Hôm, sao Mai

Ngày xưa có một anh tiều phu nọ đến suối thình lình gặp một bầy tiên đang tắm. Tiên vội khoác áo bay về trời, còn sót lại một cô bay không được vì bộ áo của cô bị anh tiều phu giấu. Nhờ vậy, anh tiều phu bắt cô tiên nọ về làm vợ. Anh giấu bộ quần áo thật kỹ dưới đáy bồ lúa, sợ vợ thấy được bay trở về trời.

Họ sinh được đứa con trai. Một hôm, anh tiều phu đi vắng nhằm lúc ở nhà có người đến xin lúa. Khi xúc tới đáy bồ, bộ xiêm y lộ ra. Vợ hết sức mừng rỡ, mặc vào rồi nói lại với đứa con:

- Mẹ đây vốn là tiên, không thể nào ở mãi dưới trần thế được. Con đừng buồn, mẹ để lại cho con cái lược này làm dấu tích.

Dứt lời nàng bay mất. Anh tiều phu về, hay được sự tình, ngã lăn ra khóc lóc, bất tỉnh. Từ đó, ngày này qua ngày khác, anh dắt con ra suối tìm hình dáng người xưa. Suối đó vốn là suối tiên. Khi về được nơi tiên giới rồi, nàng tiên nọ không dám trở lại nữa, nên sai Ngọc Nữ xuống múc nước thế cho mình.

Bữa đó hai cha con anh tiều phu gặp hai cô gái đang múc nước tại suối. Anh hỏi han tin tức nàng tiên, hai cô nọ trả lời không biết. Trong lúc nói chuyện qua lại đứa con anh làm rớt cây

lược vào trong hũ nước. Chừng đem hũ nước về tiên giới, nàng Tiên nọ nhận ra chồng con mình đến suối để tìm, Nàng nói:

- Ngọc Nữ hãy đem cái khăn này xuống cõi trần, bảo anh tiều phu và đứa con bịt nó ngang đầu, khăn phép này sẽ giúp họ lên được đây. Anh tiều phu làm theo lời dặn.

Quả nhiên đến cõi tiên gặp mặt vợ. Sau phút sum họp, nàng Tiên nói:

- Ta là Tiên, chàng là khách tục. Hai ta không thể sum họp được hôm nay chỉ tạm gặp mặt nhau, rồi đây phải từ biệt.

Nàng Tiên bèn thiết tiệc rồi bảo chồng và con lên ngồi trên một cái trống lớn có cơm đem theo để ăn dọc đường. Trên này có dây thòng xuống. Khi nào đến mặt đất thì anh phải đánh trống lên để trên này biết chừng mà chặt đứt dây.

Trống nọ thả xuống tòn ten giữa trời. Bỗng nhiên, có con quạ thấy đứa bé đang ăn cơm nên bu lại mổ vào. Trống kêu lên tung tung. Trên này, ngỡ là chồng và con đã xuống tới đất, nàng Tiên chặt đứt dây, hai cha con anh tiều phu nọ phải rơi xuống biển mà chết. Từ đó, sao Hôm và sao Mai mọc. Sao Hôm là anh tiều phu, sao Mai là nàng Tiên nọ. Họ không bao giờ gặp nhau. Đứa con thì hoá ra đòn gánh ở khoảng giữa mà ngóng cha trông mẹ.

Sự tích Tháp Báo Ân

Ngày xưa ở xã Bình Quân, huyện Cẩm Giàng, có vợ chồng phú ông sinh được một cô con gái. Cô xinh đẹp nhất làng, tính tình lại dịu dàng, hiền hậu. Nhân nhà có nuôi thầy cho con trai học, phú ông cũng cho con gái theo đòi nghiên bút. Cô rất thông minh, học chóng tấn tới, chẳng bao lâu đã thông kinh sách.

Nghe tin cô đẹp người, đẹp nết lại hay chữ, bọn con trai quanh vùng cũng đã có nhiều kẻ rấp ranh. Nhưng phú ông tự nhủ: " Con gái ta phải sánh duyên với người nào văn chương lỗi lạc, chứ về với bọn phàm phu tục tử thì thật là uổng phí xuân xanh". Nghĩ vậy, có mấy đám con nhà giàu có và quyền quý cho người tới dạm hỏi, ông đều lắc đầu từ chối.

Cô gái càng lớn càng xinh, lại càng chăm học, thơ phú làm ra khó ai sánh kịp. Nhưng không ngờ thật là trớ trêu. Trong người cô mang một chứng bệnh mà thầy thuốc đều bó tay, đó là bệnh hủi. Trước cô còn giấu kín không cho ai biết. Nhưng ngày một ngày hai, những chỗ sưng thối lở loét bắt đầu hành hạ, cô không thể che mắt thiên hạ được nữa. Thấy bà con làng xóm xì xào về bệnh tình của cô con gái và cũng e ngại truyền nhiễm, phú ông đành phải làm một ngôi nhà bên cạnh đường nhưng xa làng để cho cô ở riêng biệt, chỉ thỉnh thoảng cho con hầu mang tới gạo muối, tiền nong cho cô dùng hằng ngày. Cứ như thế, cô gái xấu số nọ chịu nhận một cuộc sống cô đơn buồn bã đã hơn một năm.

Một hôm, có một thầy cử trẻ tuổi trên đường đi thi Hội. Vừa đi lọt vào lùm cây thì trời bỗng đổ cơn mưa, anh nhanh chân tìm một gốc cây để ẩn nấp. Nhưng trận mưa cứ kéo dài mãi đến tối. Cho nên vừa ngớt cơn mưa, anh phải vội vã ra đi tìm chỗ nghỉ trọ. Vừa hay bên cạnh đường, anh thấy le lói có ánh đèn,

bèn chạy tới gọi cổng, không biết đấy là nhà cô gái hủi. Tiếng cô gái nói vọng ra:

- Ai đấy, hãy đi chỗ khác mà trọ, ở đây nhà cửa chật chội không ở được đâu!

Đứng ở ngoài cổng, thầy cử ta kèo nài:

- Tôi đây, xin làm ơn cho vào hơ nóng một tí, vì vừa rồi mưa ướt hết cả.

- Xin mời khách hãy gắng đi nữa sẽ có chỗ trọ, nhà tôi vắng vẻ, không tiện mời vào.

- Tôi là Cử nhân họ Trần đi thi Hội, vì làng xóm còn quá xa, xin cho nghỉ lại một tí, nếu không tiện thì tôi sẽ đi.

Thấy giọng có vẻ cầu khẩn, lại nghe khách tự xưng con nhà lễ giáo, cô gái bỗng động lòng thương, bèn ra mở cổng mời vào. Dưới bóng đèn, cô thấy khách là một chàng trai ngoài hai mươi tuổi, dáng người nho nhã, ăn nói lễ phép thì không nỡ từ chối, nên tươi cười, nói:

- Bố mẹ đi vắng, chỉ có mình thiếp ở nhà. Người xưa có nói: " Nam nữ thận trọng từ cái trao tay", mời chàng trọ ở đây thật là bất tiện. Nhưng nay chàng quả đi đường mệt nhọc và ướt át, chẳng dám khăng khăng giữ lễ, vậy mời chàng cứ nghỉ lại đây, có cần gì thiếp xin giúp đỡ.

Nói rồi, đốt lửa cho khách sưởi, lại thổi cơm mời ăn. Thầy cử thấy cô gái mặt mũi xinh đẹp, ăn nói khôn ngoan, tốt bụng, lại có vẻ con nhà có học, thì trong bụng lấy làm mến, bèn hỏi:

- Đa tạ cô chẳng nề phiền hà, hết lòng giúp đỡ, việc đó tôi không dám quên ơn. Tôi cũng không ngờ cô lại là kẻ theo nghiệp sách đèn. Chẳng hay cô là con cái nhà ai, bố mẹ làm gì?

Cô gái nói thật tất cả, trừ cái bệnh của mình.

Thấy cô gái học giỏi, thầy cử cùng cô xướng họa. Hai bên đối đáp với nhau đến khuya. Dần dần, từ chỗ yêu mến, thầy cử đâm ra bạo dạn, lại thấy chủ nhân một thân một mình, thầy bèn ngỏ lời đính ước. Thương thân tủi phận, cô gái rơi nước mắt, nói:

- Phận thiếp xấu số không đáng là kẻ nâng khăn sửa túi cho

chàng. Xin chàng hãy để tâm vào việc thi cử trước mắt, sau này có gì cũng chưa muộn.

Thấy nàng sụt sùi, thầy cử không biết ẩn tình, bèn bước lại khuyên dỗ. Cuối cùng anh nắm lấy tay và đòi cầu thân. Cô gái tuy e lệ nhưng cũng không từ chối. Hai bên coi nhau như vợ chồng.

Sáng dậy, thầy cử vội ra đi cho kịp ngày thi. Khi hai bên từ giã, anh hẹn:

- Một lời vàng đá, thề quyết trăm năm. Xin nàng hãy chịu khó chờ. Chuyến này dù đỗ hay không, tôi cũng sẽ cậy người đưa sáu lễ đến rước nàng làm vợ.

Sau khi thầy cử ra đi, cô gái nghĩ đến số phận hẩm hiu thì lấy làm đau khổ. Cô tự nghĩ: " Ta may mắn được chàng thương tới, nhưng chàng đâu có biết ta bệnh hoạn khốn khổ thế này. Nếu chàng mà biết thì ta còn mặt mũi nào nữa, chẳng thà chết còn hơn".

Suốt ngày hôm ấy, nàng vừa tưởng nhớ vừa tuyệt vọng. Trong một cơn phẫn chí đến cực độ, cô gái bỗng ngất đi, hồn lìa khỏi xác.

Sau đó mấy ngày, vợ chồng phú ông mới hay tin, cả nhà tới chỉ còn biết thạn khóc và an táng người bạc mệnh ở ngay trong ngôi nhà của nàng.

Lại nói chuyện thầy cử sau khi từ giã, đi luôn mấy ngày mới đến kinh kỳ. Hình ảnh cô gái tài hoa gặp nhau trong một đêm đầy tình nghĩa ái ân, choán hết tâm trí chàng trẻ tuổi. Vào trường thi, bài của anh làm rất trôi chảy. Nhưng khi vào kỳ cuối, bài "văn sách" đầu đề có phần hiểm hóc, nhưng cuối cùng anh cũng viết thành bài. Trở về quán trọ, anh mới nhớ là mình đã viết sai mấy chỗ. Anh lắc đầu tắc lưỡi: Chết thật! Thế này thì con đỗ đạt thế nào được nữa.

Lúc ông chủ khảo chấm đến bài của anh thì thấy không thể đỗ được. Sắp hạ bút phê chữ " liệt" (kém) thì chủ khảo bỗng thấy tay mình như bị ai giữ cứng. Ông đành phải bỏ bút xuống bàn. Bỗng ông cảm thấy buồn ngủ ríu mắt. Chợp đi một lúc, ông mơ

màng thấy có một cô gái rất xinh tiến đến trước mặt, chắp tay vái lia lịa và nói:

- Đây là quyển thi của chồng tôi, xin Ngài làm ơn rộng bút cho.

Tỉnh dậy, chủ khảo lấy làm lạ, bèn đọc lại bài văn một lần nữa, thì cũng thấy không thể đỗ được. Toan cầm bút phê thì quản bút tự nhiên rơi xuống đất, ông chưa kịp nhặt lên thì bỗng lại chợp đi, bóng cô gái lúc nãy lại hiện ra trước mặt, một hai xin hãy vớt quyển văn ấy. Ông bèn hỏi:

- Nàng ở đâu?

- Tôi là con gái họ Nguyễn, quê quán xã Bình Quân, huyện Cẩm Giàng...

Thế rồi, bóng cô gái lại biến mất. Chủ khảo giật mình tỉnh dậy. Ông hết sức ngạc nhiên, miệng lẩm bẩm:

- Quái lạ, nhà thí sinh này hẳn có một âm công gì đây, nên âm hồn theo từ xa đến để báo, ta cũng không nỡ thẳng tay. Nghĩ vậy, cuối cùng ông cũng lấy vớt cho đỗ.

Bây giờ thầy cử đã là quan tân khoa, cùng các bạn đến chào chủ khảo, thì ông này lưu một mình tân khoa họ Trần lại, đoạn hỏi anh:

- Anh đã có vợ chưa?

Anh đáp:

- Thưa chưa.

- Thế nhà anh có làm "âm công" gì không?

Anh lắc đầu:

- Tôi không nghe ai nói gì, chắc là chẳng có.

Chủ khảo bèn kể cho nghe về một cô gái hai lần báo mộng trong khi chấm bài, sau này ráp "phách" lại mới biết đó là bài của anh, rồi nói:

- Anh đáng lý không được đỗ vì bài "văn sách" làm kém, được đỗ cũng nhờ cô gái ấy.

Nghe đoạn, anh ngẫm nghĩ hồi lâu, nhưng cũng không hiểu ra thế nào cả, đành nói ít lời cám ơn rồi cáo từ ra về.

Lần vinh quy ấy, quan tân khoa họ Trần nhắn người nhà phải sắm thêm một cái võng thứ hai. Anh dự định khi đoàn về ngang ngôi nhà của người yêu thì đón nàng về luôn thể: "vinh quy cùng với vu quy một ngày". Không ngờ khi mở cổng bước vào, đã thấy một ngôi mả mới nằm ở giữa nhà. Anh giật mình tưởng như có gáo nước lã giội vào lưng, nghĩ rằng lần trước mình gặp phải ma. Lập tức anh cho người nhà đi dò hỏi. Người nhà trở về báo cho anh biết đó là mả cô gái con nhà phú ông, nhưng bị hủi phải ở riêng tại đây, chỉ mới mất trong vòng nửa tháng nay. Bấm đốt tay, anh mới biết người yêu mất sau khi mình đi một ngày. Sực nhớ tới câu chuyện kể của chủ khảo, anh hết sức thương cảm, miệng lẩm bẩm:

- Như thế là hồn nàng đã theo ta đến kinh kỳ để giúp ta khỏi bị thi hỏng.

Sau khi việc vinh quy đã xong, anh tìm đến nhà phú ông kể hết mọi việc, rồi nói:

- Mặc dù nàng đã chết, cũng xin ông cho tôi được làm rể, vì một ngày cũng là nghĩa.

Phú ông không ngờ có chuyện lạ lùng như thế, chối từ không dám nhận. Nhưng vì quan nghè nói mãi, cuối cùng ông đành phải vâng lời. Bây giờ anh mới sắm sửa một lễ tế trọng thể đưa đến nhà nàng lấy danh nghĩa chồng tế vợ. Lại thuê thợ xây bên cạnh mả một cái tháp, trong lòng tháp có mấy chữ: " Cô Nguyễn Thị... là vợ của Tiến sĩ họ Trần".

Dân quanh vùng vẫn gọi tháp ấy là Tháp Báo Ân.

Sự tích thành Cổ Loa

Khi đã chiếm được đất Văn Lang, An Dương Vương đổi tên nước là Âu Lạc, đóng đô ở Phong Khê.

Khu đất chọn để đắp thành là một quả đồi đất rắn như đá. Đám đông người hì hục đào đất, khuân đất hết ngày nọ sang ngày kia, tòa thành cao dần. An Dương Vương cùng đoàn tùy tùng đến xem rất lấy làm hài lòng, cho là một tòa thành có thể đứng vững muôn đời, sấm sét không lay chuyển, mưa bão không làm sạt được, và quân giặc cũng không thể phá nổi.

Nhưng một đêm cả bức tường thành quanh co đều đổ sập xuống như đất bằng. Vua An Dương Vương đến xem rất lấy làm tức giận. Ngài hỏi dò dân chúng gần đó, họ kể lại: Ban đêm họ nghe thấy những bước chân rầm rập ở các khắp ngã kéo đến với những tiếng xì xào có thể là ma quỉ. Người đâu mà lại đông đến thế ! Họ sợ quá nên không dám nhìn ra. Rồi họ lại nghe những tiếng đổ ầm ầm như sấm dậy.

An Dương Vương sai các tướng lãnh đốc thúc đắp lại thành cho kỳ được. Đám người hăng hái đắp lại không ngừng. Tường thành mỗi ngày một cao dần và lại cao như tường thành cũ. Nhưng rồi một đêm cả dãy tường thành lại sập xuống như đất bằng. An Dương Vương sai người đi hỏi dân chúng ở gần đó thì họ lại nói như trước. Ban đêm họ cũng nghe thấy những bước chân rầm rập như thiên binh vạn mã trẩy qua rồi lại những tiếng huỳnh huỵch tiếp đến những tiếng ầm ầm như sấm động.

An Dương Vương lại xem chỗ địa thành để cầu trời phù hộ mình đắp cho xong tòa thành. Vua đi vòng quanh chân tường vừa đi vừa suy nghĩ. Đột nhiên vua thấy một ông già râu tóc bạc từ phía xa đi lại. Đến gần An Dương Vương ông tự xưng mình là thổ thần của vùng đất này, nói với vua rằng:

Nhà vua đừng lo, sáng mai nhà vua ra đợi ở bờ sông sẽ có

sứ giả Thanh Giang đến giúp nhà vua đắp thành. Nói xong ông già biến mất.

Hôm sau mới tờ mờ sáng, An Dương Vương đã ra tận bờ sông để đợi Giang sứ. Vừa bắt đầu tan sương thì có một con rùa vàng rất lớn nổi lên mặt sông từ phía đông bơi vào bờ đến gần nhà vua, rùa tự xưng mình là thần Kim Quy sứ giả của vua Thủy Tề. An Dương Vương sai đặt Giang sứ lên một chiếc mâm vàng và khiêng vào cung.Vua hỏi kế đắp thành, thần Kim Quy bảo rằng:

- Ở núi Thất Diệu có một con gà trắng sống lâu năm thành tinh có phép biến hoá khôn lường. Nó thường hãm hại khách qua đường và khách ngủ ở quán trọ trong vùng này. Các vua thời trước cùng bọn nhạc công chết đi đều chôn ở núi Thất Diệu, những u hồn ấy từ lâu không tan lẩn khuất trong khe đá ở hang sâu. Những u hồn ấy có thù với nhà vua nên đêm thanh vắng họp thành từng đàn từng lũ đến xúi dục con tinh gà trắng phá thành đang xây của nhà vua. Con tinh gà trắng đã dẫn những u hồn ấy đến chân thành dùng phép ma phá đổ tường thành rồi gần sáng lại bay về núi. Con tinh gà trắng có tiền duyên với con gái lão chủ quán gần chân núi nên hay hiện hình làm khách bộ hành ghé vào nhà lão khi thì nhập vào con gái lão khi thì nhập vào con gà trắng của lão. Muốn đắp cho được thành, trước hết phải trừ cho tiệt giống yêu ma và giết đứa con gái cùng con gà trắng của lão chủ quán kia đi.

Nghe lời thần mách bảo, Vua sai mấy viên tướng đem quân vào rừng mai phục rồi vua cải trang cùng thần Kim Quy giả làm khách bộ hành đến quán xin ngủ trọ. Chủ quán từ chối lấy cớ là trong núi có nhiều yêu quái hay làm hại khách đi đường. Nhưng An Dương Vương và thần Kim Quy nhất định xin ở. Chủ quán phải chiều theo ý hai người.

Đêm đêm An Dương Vương nghe thấy những bước chân rầm rập ở ngoài. Những bước chân từ khắp các ngả đi lại rộn ràng rồi thốt nhiên có bàn tay rất mạnh đập vào cái phên nhà lão chủ quán tiếp đến tiếng gọi người con gái lão. Thần Kim Quy

lên tiếng nạt nộ, tiếng ngoài im ngay. Những tiếng chân bước cũng xa dần.

Gần sáng lại có những tiếng chân rầm rập ở ngoài, thần Kim Quy bảo An Dương Vương mở cửa phên ra gọi quân mai phục đuổi theo đám yêu tinh đang rút lui về Thất Diệu, quân lính vừa đuổi vừa giương nỏ bắn theo. Cứ một loạt tên bay đi là lại nổi lên những tiếng ma kêu quỷ khóc rùng rợn. Tiếng rên rỉ khóc than mỗi lúc một thưa dần. Đến khi mặt trời mọc thì yêu khí tan. Quân lính của An Dương Vương đào được rất nhiều hài cốt và nhạc khí cổ trong các hang núi, họ chất thành từng đống cao đốt đi rồi tro than đổ xuống suối cho tan hẳn oan hồn.

An Dương Vương và thần Kim Quy trở về quán trọ bảo chủ quán hiến cho mình con gà trắng để tạ trời đất. Gà vừa bị cắt tiết thì con gái chủ quán cũng lăn ra chết. Giữa lúc ấy có một con chim tứ trong nhà bay vụt ra, thần Kim Quy biết đó là con yêu tinh đã tìm đường chạy trốn, liền tung phép giết chết.

Yêu ma đã trừ xong, thần Kim Quy lại hiện nguyên hình là con rùa vàng rất lớn. Thần rút một cái móng của mình trao cho An Dương Vương, dặn rằng :

- Nhà vua giữ lấy móng chân này để làm lẫy nỏ. Khi có giặc thì đem ra bắn, một phát có thể giết được hàng ngàn quân giặc.

Nói xong, thần biến mất, nhờ có thần Kim Quy trừ hết yêu ma. An Dương Vương ra lệnh cho quân lính và nhân dân xây lại thành. Chẳng bao lâu tòa thành đắp xong, rộng tới ngàn trượng, vừa dầy vừa cao xoáy vòng như hình con ốc, nên gọi là Loa thành.

Sự tích trái thơm

Ngày xưa, có một người đàn bà góa sống với đứa con gái độc nhất của mình. Bà rất cưng chiều con gái và đặt tên con là Thơm.

Từ khi chồng qua đời, đứa con gái là nguồn hạnh phúc duy nhất của bà.

Bà làm lụng vất vả không tiếc sức để nuôi con khôn lớn. Bà đi làm thuê, nhận đuổi chim, bảo vệ hoa màu.

Suốt ngày bà chỉ đứng một chỗ, tay cầm cây sào dài, mắt căng ra để nhìn cho kỹ từng cánh chim.

Loài két xanh có bộ lông hợp với màu lá, nếu ta không nhìn rõ thì không dễ nhìn thấy nó đáp xuống.

Chủ nhà bắt bà làm lụng vất vả mà chỉ phát cho bà những đấu gạo thừa có lẫn nhiều đất sạn.

- Đấy! Bà mang gạo về nhà ăn rồi mai sang đây làm tiếp cho tôi.

- Xin vâng!

Buổi tối về nhà, bà lại phải mất công tìm những hạt sạn lẫn trong gạo trước khi nấu cho con ăn.

- Mẹ ơi! Sao mắt mẹ tinh thế. Hạt sạn bé tí mà mẹ vẫn trông thấy.

- Ồ! Vì mẹ sợ con ăn phải sạn đau răng!

Lâu lâu được chủ cho ít tiền, bà mua vải, thức đêm may áo cho con.

- Mẹ ơi! Sao mắt mẹ tài vậy. Đường kim mũi chỉ bé như thế mà mẹ vẫn may được trong bóng tối!

- Ờ! Vì mẹ muốn con có áo mới để mặc!

Tình thương và sự hi sinh gian khổ của người mẹ đã giúp bé

thơm lớn nhanh như thổi. Thơm dần dần trở thành cô gái xinh đẹp nhất vùng.

Một hôm trong vùng có lễ hội tất cả mọi người xa gần đều đến dự hội.

- Mẹ cho con được đi dự hội cùng các bạn nhé!

- Áo quần con đẹp bằng ai đâu mà đi dự hội với hè!

Tuy nói vậy, nhưng bà mẹ vẫn chiều con gái. Từ sáng sớm, cô đã nô nức sửa soạn.

- Mẹ ơi! Cái áo của con, mẹ thấy ở đâu không?

- Con đeo trên bục cửa ấy mà!

- Còn đôi giày và cái khăn trùm đầu nữa, mẹ có thấy không?

- Khăn thì con vắt ở đầu giường, còn giầy thì con cũng để ở đầu giường, sao cứ hỏi mãi thế!

- Nhưng còn cái áo khoác của con, mẹ nói thử xem nó ở đâu?

- Con treo trên thành ghế kia!

Cuối cùng thì Thơm cũng sửa soạn xong, trở thành một cô gái hết sức xinh đẹp.

- Mắt mẹ tài quá! Cái gì để đâu mẹ cũng thấy cả!

- Chỉ vì mẹ để ý đó thôi!

Trong buổi dạ hội, mọi người đều hết sức trầm trồ ngợi khen Thơm.

- Sao lại có người đẹp đến thế nhỉ? Có phải là con của một nhà quyền quý nào chăng?

Con trai của một quan lại trong vùng cứ quấn quýt mãi bên Thơm.

- Tôi mong được mãi mãi là bạn với cô!

- Tôi là kẻ nghèo hèn, đâu dám kết bạn với người quyền quý.

- Nhưng cô có diễm phúc, có được một người mẹ rất đáng quý. Chính bà đã làm cho cô thêm xinh đẹp.

- Công tử dạy quá lời.

- Được bà mẹ như thế, cô còn đáng quý hơn những kẻ giàu có kia nhiều.

- Tôi cũng rất hãnh diện về mẹ tôi. Mẹ đã dạy tôi nhiều bài học quý giá.

Đêm hôm ấy, cô gái trở về nhà thật khuya.

- Mẹ ơi! Hôm nay mọi người đều khen con đẹp!

- Người ta khen con cho vui lòng đấy thôi! Chớ con thì đẹp bằng ai!

- Thật mà mẹ! Chính công tử con nhà quan cũng rất khen con. Chàng bảo có được diễm phúc có được người mẹ như mẹ!

- Lạ thật! Sao họ biết con là con của mẹ nhỉ?

Từ hôm đi hội chợ về, Thơm cứ nghĩ là mình xinh đẹp, suốt ngày lo chăm chút sắc đẹp sửa soạn quần áo. Cô chẳng ngó ngàng gì đến mọi việc trong nhà, làm bà mẹ rất buồn lòng.

Ở trong vùng này không ai đẹp bằng mình đâu. Công tử đã nói như vậy. Chắc là đúng đấy!

Những việc mẹ nhờ, Thơm cũng bỏ bê không làm, mặc dù cô vẫn hứa.

- Hôm nay mẹ bận việc suốt ngày, con giặt hộ mẹ tấm áo này nhé!

- Mẹ cứ để đó cho con!

Buổi chiều, bà mẹ trở về, áo vẫn còn nguyên.

- Thơm ơi, sao con chưa giặt giũ gì cho mẹ vậy?

- Áo mẹ để đâu con tìm không thấy?

- Hôm nay con dọn dẹp nhà cửa giúp mẹ vậy. Con đã lớn rồi. Nhà ta tuy nghèo nhưng xưa nay vẫn sạch sẽ ngăn nắp, không ai chê cười được!

- Vâng! Mẹ cứ yên tâm, con sẽ làm ngay mà!

Nhưng rồi cũng như lần trước, lời bà mẹ dặn tựa gió thoảng mây bay.

- Thơm ơi, con dọn dẹp nhà cửa chưa?

- Ơ... Mẹ ơi! Cây chổi mẹ để đâu con tìm không thấy?

- Cái gì con cũng không tìm thấy khi con cũng có mắt như mẹ. Phải chăng do tâm hồn con không chú tâm vào công việc?

- Nhưng mắt mẹ tinh hơn mắt con nhiều.

Bà mẹ buồn rầu, rồi ít lâu sau lâm bệnh. Thơm hết sức lo lắng, suốt ngày quanh quẩn bên mẹ.

- Mẹ ơi! Mẹ có sao không mẹ?

- Mẹ không sao cả. Nếu con làm cho mẹ vui lòng, thì mẹ sẽ chóng khỏi bệnh thôi.

Trong vùng lại có lễ hội, Thơm nôn nóng đi chơi, nhưng bà mẹ bệnh nặng làm cho nàng phân vân, rụt rè khi xin phép.

- Mẹ ơi! Tối nay mẹ cho con đi dự hội nhé. Tan hội là con về ngay với mẹ.

- Lẽ ra mẹ đau ốm thế này, con phải ở nhà kề cận, chăm sóc mẹ. Song con muốn đi chơi thì mẹ cũng không ngăn. Có điều mẹ đang ốm, Không sửa soạn được cho con!

- Con sửa soạn lấy cũng được mẹ ạ. Miễn là mẹ cho phép con đi.

- Con cứ đi mẹ cho phép đấy!

Thơm mừng rỡ sửa soạn quần áo, nhưng khác với lần trước, lần này không có mẹ giúp và quen tính bừa bãi, nàng luôn tìm kiếm hết cái nọ đến cái kia.

- Mẹ ơi! Cái khăn quấn cổ của con đâu rồi?

- Mẹ ơi cái áo của con đâu rồi?

Vì thế, đã muộn giờ khai hội mà nàng vẫn chưa đi được.

- Mẹ ơi, còn cái áo khoác của con để đâu?

- Cái mũ của con nữa?

- Đôi giày của con đâu?

Cuối cùng Thơm ù té chạy, đến nơi rất muộn, áo quần luộm thuộm, tóc tai bơ phờ và mặt mày thì hốc hác.

"Mình đến muộn mất rồi! Thấy mình chắc mọi người sẽ..."

Nhưng trái với điều dự đoán của nàng, nàng đến nơi âm thầm như một cái bóng. Chẳng ai hỏi han hay ngó ngàng gì đến Thơm.

Lạ quá, sao hôm nay chẳng thấy ai khen mình đẹp. Chẳng ai tới làm quen với mình, trò chuyện với mình? Ngay đến công tử cũng thế.

Thơm tủi thân vì cô đơn lạc lõng. Đêm hội chưa kết thúc, cô đã buồn bã trở về khóc với mẹ.

- Mẹ ơi! Hôm nay chẳng có ai thèm tiếp con... Con... Ồ! Mẹ sao thế này?

Bà mẹ nằm trên giường bất động, tay chân lạnh ngắt, Thơm đến sờ vào người mẹ rồi òa lên khóc.

- Mẹ ơi! Mẹ đừng bỏ con... Mẹ tôi sao thế này? Ai làm ơn cứu giùm mẹ tôi với! Mẹ ơi! mẹ...

Bà mẹ vẫn nằm bất động, Thơm khóc sướt mướt, đau đớn, hối hận. Chợt có một vệt sáng từ trên cao sà xuống trước mặt nàng, óng ánh, rồi vụt hiện lên một ông lão nhìn Thơm với ánh mắt hiền từ.

- Làm sao con khóc?

- Thưa ông, mẹ con bị ốm, chẳng hiểu làm sao nằm bất động. Ông làm ơn cứu giùm mẹ con khỏi bệnh được không?

Ông lão mỉm cười chậm rãi:

- Chỉ vì con ham vui cho mình không ngó ngàng, săn sóc gì đến mẹ trong khi mẹ đang ốm, nên bệnh tình của mẹ càng nặng hơn. Con có muốn mẹ con khỏi bệnh không?

- Dạ muốn! Xin ông hãy giúp con với!

- Ta giúp, nhưng con phải chăm sóc mẹ. Nếu con còn để mẹ con bực bội, cáu bẳn thì tai họa tức thì sẽ đến với con ngay, không có cách nào cứu được con có chịu không?

- Dạ con chịu!

Ông tiên cúi xuống, đưa bàn tay vuốt nhẹ một lượt trên khắp mặt bà mẹ. Bà mẹ vụt hồng hào ấm áp trở lại.

- Con hãy nhớ lời hứa đấy nhé. Ta đã đưa mẹ trở lại với con đấy!

- Dạ. Con xin đội ơn ông!

Thế là bà mẹ đã khỏe hẳn lại. Thơm ôm chầm lấy mẹ, sung sướng.

- Mẹ yêu quý của con, từ nay con sẽ cố làm vừa lòng, không để mẹ bực bội nữa đâu! Mẹ có gì để sai bảo con không?

- Con đi nấu cháo cho mẹ ăn đi. Mẹ đã đói lắm rồi!

Thơm chạy xuống bếp, lục hết chỗ này, chỗ nọ mà chẳng nhóm được cái bếp vì cô chẳng bao giờ chú ý đến công việc.

- Mẹ ơi, gạo để đâu?

- Lửa ở chỗ nào mẹ?

- Con dao bửa củi ở đâu con không thấy?

- Cái nồi ở đâu rồi?

- Mẹ thấy lọ muối để đâu không?

Bà mẹ nằm nghỉ không yên đâm ra bực mình cáu gắt:

- Cái gì cũng hỏi! Có mắt mà không thấy sao? Phải chi con có luôn cả trăm mắt để nhìn cho thấu rõ!

Mãi không nghe thấy con trả lời, bà mẹ lần xuống bếp thì xiết bao kinh ngạc, không thấy Thơm đâu. Bà chỉ thấy giữa đống nồi niêu, bếp, củi, gạo, ngổn ngang có một quả gì rất lạ.

- Ôi? Con tôi đâu rồi? Thơm! Thơm ơi! con của mẹ đâu?

Thì ra cô gái đã biến thành thứ quả lạ kia. Quả có màu vàng, xanh như màu áo cô đang mặc, có hàng trăm con mắt bám quanh mình như lời mắng của bà mẹ. Để nhớ tên cô gái, từ đó người ta gọi thứ quả lạ này là quả Thơm.



Sự tích trầu cau

Ngày xưa, một nhà quan lang họ Cao có hai người con trai hơn nhau một tuổi và giống nhau như đúc, đến nỗi người ngoài không phân biệt được ai là anh, ai là em. Năm hai anh em mười bảy mười tám tuổi thì cha mẹ đều chết cả. Hai anh em vốn đã tình thương yêu nhau, nay gặp cảnh hiu quạnh, lại càng yêu thương nhau hơn trước.

Không còn được cha dạy dỗ cho nữa, hai anh em đến xin học ông đạo sĩ họ Lưu. Hai anh em học hành chăm chỉ lại đứng đắn nên được thầy yêu như con. Thầy Lưu có một cô con gái tuổi chừng mười sáu mười bảy, nhan sắc tươi tắn, con gái trong vùng không người nào sánh kịp.

Trông thấy hai anh em họ Cao vừa đẹp vừa hiền, người con gái đem lòng yêu mến, muốn kén người anh làm chồng, nhưng không biết người nào là anh, người nào là em.

Một hôm, nhân nhà nấu cháo, người con gái lấy một bát cháo và một đôi đũa mời hai người ăn. Thấy người em nhường người anh ăn, người con gái mới nhận được ai là anh, ai là em. Sau đó, người con gái nói với cha mẹ cho phép mình lấy người anh làm chồng.

Từ khi người anh có vợ thì thương yêu giữa hai anh em không được thắm thiết nữa. Người em rất là buồn, nhưng người anh vô tình không để ý đến.

Một hôm hai anh em cùng lên nương, tối mịt mới về, người em vào nhà trước, chàng vừa bước chân qua ngưỡng cửa thì người chị dâu ở trong buồng chạy ra lầm chàng là chồng mình, vội ôm chầm lấy. Người em liền kêu lên, cả hai đều xấu hổ. Giữa lúc ấy, người anh cũng bước vào nhà. Từ đấy người anh nghi em có tình ý với vợ mình, càng hững hờ với em hơn trước.

Một buổi chiều, anh chị đều đi vắng cả, người em ngồi một mình nhìn ra khu rừng xa xa, cảm thấy cô quạnh, lại càng buồn

tủi, vùng đứng dậy ra đi. Chàng đi, đi mãi cho đến khu rừng phía trước mặt, rồi theo đường mòn đi thẳng vào rừng âm u. Trời bắt đầu tối, trăng đã lên, mà chàng vẫn cứ đi. Đi đến một con suối rộng nước sâu và xanh biếc, chàng không lội qua được, đành ngồi nghỉ bên bờ. Chàng khóc thổn thức, tiếng suối reo và cứ reo, át cả tiếng khóc của chàng. Đêm mỗi lúc một khuya, sương xuống mỗi lúc một nhiều, sương lạnh thấm dần vào da thịt chàng, chàng chết mà vẫn ngồi trơ trơ, biến thành một tảng đá.

Người anh cùng vợ về nhà, không thấy em đâu, lẳng lặng đi tìm, không nói cho vợ biết. Theo con đường mòn vào rừng, chàng đi mãi, đi mãi, và rồi cũng đến con suối xanh biếc đang chảy cuồn cuộn dưới ánh trăng và không thể lội qua được, đành ngồi bên bờ suối, tựa mình vào một tảng đá. Chàng có ngờ đâu chính tảng đá là em mình! Sương vẫn xuống đều, sương lạnh rơi lã chã từ cành lá xuống. Chàng rầu rĩ khóc than hồi lâu, ngất đi và chết cứng, biến thành một cây không cành, mọc thẳng bên tảng đá.

Ở nhà, vợ không thấy chồng đâu, vội đi tìm và cũng theo con đường mòn đi vào rừng thẳm. Nàng đi mãi, bước thấp bước cao, rồi cuối cùng gặp con suối nước sâu và xanh biếc. Nàng không còn đi được nữa. Nàng ngồi tựa vào gốc cây không cành mọc bên tảng đá, vật mình than khóc. Nàng có ngờ đâu nàng đã ngồi tựa vào chồng mình và sát đó là em chồng. Nàng than khóc, nhưng tiếng suối to hơn cả tiếng than khóc của nàng. Đêm đã dần về sáng, sương xuống càng nhiều, mù mịt cả núi rừng, nàng vật vã khóc than. Chưa đầy nửa đêm mà nàng đã mình gầy xác ve, thân mình dài lêu nghêu, biến thành một cây leo quấn chặt lấy cây không cành mọc bên tảng đá.

Về sau chuyện ấy đến tai mọi người, ai nấy đều thương xót. Một hôm, vua Hùng đi qua chỗ ấy, nhân dân đem chuyện ba người kể lại cho vua nghe và đến xem. Vua bảo thử lấy lá cây leo và lấy quả ở cái cây không cành nghiền với nhau xem sao, thì thấy mùi vị cay cay. Nhai thử, thấy thơm ngon và nhổ nước

vào tảng đá thì thấy bãi nước biến dần ra sắc đỏ. Nhân dân gọi cái cây mọc thẳng kia là cây cau, cây dây leo kia là cây trầu, lại lấy tảng đá ở bên đem về nung cho xốp để ăn với trầu cau, cho miệng thơm, môi đỏ.

Tình duyên của ba người tuy đã chết mà vẫn keo sơn, thắm thiết, cho nên trong mọi sự gặp gỡ của người Việt Nam, miếng trầu bao giờ cũng là đầu câu chuyện, để bắt đầu mối lương duyên, và khi có lễ nhỏ, lễ lớn, cưới xin, hội hè, tục ăn trầu đã trở thành truyền thống của dân tộc Việt Nam.

Sự tích vì sao hổ không ăn thịt mèo

Ngày xưa, có hai chị em hổ đói bụng dẫn nhau đi tìm cái ăn, nhưng vì mùa đông giá rét không kiếm được mồi ăn, bụng hai đứa đói cồn cào, chân tay run lẩy bẩy. Vừa qua khỏi eo núi đá cuối cùng, xa xa chị em hổ thấy trong một nhà đang đun vạc gì đó lửa than cháy rừng rực và có cảm giác ấm hẳn người lên! Hai con hổ ngồi xuống hướng mặt vào nhà, hổ em ngồi sát nép vào hổ chị miệng thủ thỉ: "Chị ơi! Ước gì mình cũng được một ít lửa đó để sưởi ấm như các bé ngồi trong đó!". Hổ chị mãi nhìn bà cụ bóc cái gì đưa cho cháu bé ăn, nghe thấy hổ em nói hợp ý mình, liền bàn: "Hình như nhà người đang nấu bánh tết ấy! Nhiều lửa lắm em vào nhà xin đi!". Hổ em trông thấy cái thang bắc lên sàn nhà cao quá, một cậu bé đang dùng một con dao nhọn hoắt lưỡi sáng loáng gọt đẽo cái gì đó đâm sợ, liền thưa: "Chị nhanh chân khoẻ tay, chị đi đi! Em đói, chân em nhỏ không trèo nổi cái thang đó đâu!".

Thích thú và thèm muốn có lửa, chị em hổ cứ dùng dằng, đưa đẩy nhau không ai chịu ai. Mãi tận canh khuya, chúng biết hai đứa bé đã ngủ say chỉ còn có bà cụ canh chừng bếp củi. Con chó mực không còn thấy nằm ngoài sân nữa, lại bị hổ chị

bắt buộc nên hổ em đánh liều lên nhà xin lửa. Nhưng trời về khuya, sương dày đặc, hổ em mò từ trên eo núi đá xuống chân núi, lại mò lên được tới nhà nên thân hình mình bị ướt sũng, lông bết hết vào da trông nhỏ xíu, răng đánh vào nhau run cầm cập. Bà cụ trông thấy con vật lạ, dáng gầy nhom, lại hiền lành như thế giữa đêm khuya, nên bà cụ dùng hai tay bế vào ngay cạnh bếp cho nó sưởi, lấy ít bánh trái mà hai đứa cháu vừa ăn cho nó ăn.

Sau khi đã khô lông, bụng lại được no, hổ em nán chờ cho bà đưa cháu vào buồng trong sẽ lẻn xin một ít lửa đem cho hổ chị thì tiếng chó nhà trên xóm dưới sủa ăng ẳng, đâu đấy tiếng pháo giao thừa nổ đì đùng. Thấy thế thì hổ chị ba chân bốn cẳng phóng thẳng vào rừng sâu. Khi hổ em lấy được lửa tới tìm mãi không còn thấy hổ chị ở eo núi nữa, nó đành đem lửa trở lại nhà gia đình chủ và xin bà ở sưởi tới đêm sau lại đi tìm.

Từ khi được sống trong nhà, lại luôn gần lửa và được hai cháu bé bà cụ yêu chiều, đứa thì cho gặm xương chân gà, thằng thì cho khúc đầu cá lúc nào cũng no nê, hắn cứ "khò khè" nằm cạnh bếp suốt buổi, cũng có lúc hắn thấy hoảng sợ kêu "meo meo" làm cho tụi trẻ càng thêm thích thú và chính vì thế, không mấy khi chúng để cho nó được tự do. Mấy đêm liền, hổ chị qua làng tìm hổ em nhưng tụi chó bản sủa quá không dám tới gần nhà. Mãi tới tận một đêm trời gần về sáng, thấy nhà im ắng không một tiếng động hổ chị mò vào gần sàn nhà, trông lên thấy em ngủ gáy "khò khò" ngon lành bên bếp than hồng, hổ chị cất tiếng "meo meo" gọi, chợt mấy con chó ở đâu xô tới, hổ chị phải lao ngay lên tảng đá có chùm rễ si thòng xuống mới thoát khỏi đàn chó! Và cũng từ bữa đó hổ chị rất lấy làm căm hổ em, tức con mèo nhà ngày nay.

Do xa xưa quan hệ "chị em" với mèo nhà như vậy, cho nên hổ không bao giờ ăn thịt mèo, nếu có cắn chết hoặc bắt sống được mèo, hổ cũng lấy về làm "đệm ngồi" cho tới lúc nào xác mèo lạnh cứng thì hổ mới bỏ đi chỗ khác.

Tấm Cám

Tấm và Cám là hai chị em cùng cha khác mẹ. Mẹ Tấm chết từ hồi Tấm mới biết đi. Sau đó ít năm, người cha cũng chết. Tấm ở với dì ghẻ là mẹ của Cám. Tấm phải làm lụng quần quật suốt ngày, còn Cám được mẹ nuông chiều, chơi dông dài ngày nọ qua ngày kia.

Một hôm, mẹ Cám đưa cho Tấm và Cám mỗi người một cái giỏ, bảo ra đồng hớt tép, ai đầy giỏ thì được thưởng một cái yếm đỏ. Tấm ra đồng không quản trời nắng, mải miết hớt được đầy một giỏ vừa tôm vừa tép. Còn Cám nhởn nhơ hết bờ này bụi nọ, hái hoa, bắt bướm, trời đã về chiều mà giỏ của Cám vẫn chưa có tí gì. Thấy Tấm giỏ đầy tép, Cám bảo chị:

- Chị Tấm ơi, đầu chị lấm, chị hụp cho sâu, kẻo về mẹ mắng.

Tấm tin là thật, xuống ao, ra tận chỗ sâu tắm rửa. Tấm xong, Tấm lên bờ, sờ đến giỏ tép thì chỉ còn giỏ không: Cám đã trút hết tôm tép của Tấm vào giỏ mình và về trước mất rồi.

Tấm ngồi xuống bờ ruộng, bưng mặt khóc nức nở. Thốt nhiên, Tấm thấy sáng ngời trước mặt... Bụt hiện lên hỏi:

- Làm sao con khóc?

Tấm kể sự tình cho Bụt nghe, Bụt bảo:

- Con thử xem trong giỏ còn có gì không?

Tấm nhìn vào giỏ và thưa:

- Chỉ còn có con cá bống.

Bụt bảo Tấm:

- Con đem cá bống về thả xuống giếng mà nuôi, mỗi bữa, đáng ăn ba bát thì con ăn hai, còn một thì đem cho Bống. Mỗi lần cho ăn thì con nhớ gọi: *Bống bống bang bang, lên ăn cơm vàng cơm bạc nhà ta, chớ ăn cơm hẩm cháo hoa nhà người.*

Dứt lời, Bụt biến mất. Tấm theo đúng lời Bụt dặn, mỗi bữa ăn, Tấm bớt một bát cơm, giấu đi đem cho Bống. Mỗi lần, nghe tiếng gọi là Bống lại ngoi lên mặt nước, đớp kỳ hết cơm, rồi mới lặn.

Thấy sau bữa ăn nào Tấm cũng ra giếng, mụ dì ghẻ sinh nghi, sai con đi rình. Một lần kia, sau bữa ăn, Cám ra giếng, nấp sau một bụi cây. Nghe Tấm gọi Bống, Cám nhẩm cho thuộc, về kể cho mẹ nghe.

Sáng hôm sau, mẹ Cám nắm sẵn một nắm cơm, gọi Tấm đến đưa cho, dặn rằng:

- Con ơi, con! Hôm nay, chăn trâu thì chăn đồng xa, chớ chăn đồng nhà, làng bắt mất trâu.

Tấm vâng lời dì ghẻ, cho trâu đi ăn thật xa. Ở nhà, hai mẹ con Cám đem bát cơm ra giếng, cũng gọi Bống như Tấm đã gọi. Bống nổi lên mặt nước, hai mẹ con Cám vội bắt lấy đem về làm thịt.

Đến chiều Tấm dắt trâu về. Cũng như mọi lần ăn xong, Tấm đem cơm cho Bống. Tấm đứng trên bờ giếng gọi mãi mà mặt nước vẫn phẳng lặng, không thấy Bống đâu cả. Một lúc lâu, một cục máu nổi lên, Tấm bưng mặt òa khóc.

Giữa lúc ấy, Bụt hiện lên, hỏi Tấm:

- Làm sao con khóc?

Tấm kể hết sự tình. Bụt bảo:

- Con Bống của con, người ta ăn thịt mất rồi. Con về nhà nhặt lấy xương nó, kiếm lấy bốn cái lọ mà đựng, rồi đem chôn ở chân giường.

Về nhà, Tấm tìm mãi, không thấy được cái xương nào. Con gà thấy thế, kêu:

- Cục ta cục tác, cho ta nắm thóc, ta bới xương cho!

Tấm bốc cho gà nắm thóc. Gà vào bếp bới một lúc thì xương Bống phơi cả lên mặt tro. Tấm nhặt bỏ vào bốn cái lọ, đem chôn ở bốn chân giường.

Mụ dì ghẻ bắt Tấm làm việc mỗi ngày một nhiều, còn hai

mẹ con mụ thì ăn trắng mặc trơn, không hề nhúng tay vào một việc gì.

Được ít lâu, có tin vua mở hội. Hai mẹ con Cám hí hửng sắm sửa quần lành, áo tốt, còn Tấm vẫn quần áo rách mướp. Đến ngày hội, mẹ con Cám lấy một đấu gạo trộn với một đấu thóc, bảo Tấm rằng:

- Phải nhặt cho xong mớ gạo lẫn thóc này, mới được đi xem hội. Dặn xong, mụ tất tả đưa con gái đi ngay.

Ngồi nhặt thóc được một lúc, Tấm bực dọc, tủi thân, òa lên khóc. Bụt lại hiện lên hỏi:

- Làm sao con khóc?

Tấm thưa:

- Hôm nay là ngày hội, dì con đem thóc trộn với gạo, bắt con nhặt hết thóc mới được đi xem...

Bụt bảo Tấm:

- Để ta sai một đàn chim sẻ xuống nhặt giúp con.

Đàn chim sẻ bay xuống kêu ríu rít, nhặt thóc ra đằng thóc, gạo ra đằng gạo. Chỉ trong chớp mắt, đàn chim đã nhặt xong.

Nhưng nhìn đến bộ quần áo rách như xơ mướp của mình, Tấm tủi thân muốn khóc. Bụt lại hiện lên bảo Tấm:

- Con hãy đào bốn cái lọ ở chân giường lên thì sẽ có quần áo mặc.

Tấm đào lên thì thấy đủ cả quần áo, khăn, giày đẹp đẽ. Một bộ áo mới ba mầu quan lục, mầu hoa đào, mầu hoàng yến, một cái yếm mầu hoa hiên, một cái quần nhiễu điều, rồi nào thắt lưng hoa đào, khăn nhiễu tam giang. Đến đôi giày văn hài thì thật xinh xẻo, chỉ đôi chân bé nhỏ của Tấm mới đi vừa. Tấm mặc quần áo, lồng chân vào giày, thấy thứ nào cũng đều vừa cả. Tấm lại lấy ở một cái lọ ra được một con ngựa bé tí tẹo. Tấm vừa đặt con ngựa xuống đất thì nó hí lên một tiếng rồi lớn lên bằng con ngựa thật, có đủ cả yên cương.

Vui sướng quá, Tấm tắm rửa sạch sẽ, rồi thay bộ quần áo mới vào, cưỡi ngựa đi xem hội. Đến chỗ lội, Tấm đánh rơi

một chiếc giày xuống nước. Tấm vội xuống ngựa, mò mãi mà không thấy.

Một lúc sau, voi của vua đi đến chỗ lội, cứ gầm lên không chịu đi. Vua sai lính hầu thử xuống nước mò xem thì nhặt được một chiếc giày văn hài thật xinh xắn. Vua ngắm nghía chiếc giày, rất vừa ý. Vua truyền lệnh hễ trong đám đàn bà, con gái đi xem hội, ai thử vừa chiếc giày thì vua sẽ lấy làm vợ.

Đàn bà, con gái trong đám hội chen nhau đến thử chân. Cả hai mẹ con Cám cũng đến thử, nhưng không chân ai vừa cả. Đến lượt Tấm xin đến thử, thì vừa vặn xinh. Chiếc giày văn hài mà lính nhà vua nhặt được cùng với chiếc giày Tấm đang cầm ở tay vừa đúng một đôi.

Cám đứng ngoài xem, thấy một người con gái tươi giòn rõ là Tấm, liền gọi mẹ bảo rằng:

- Mẹ ơi, trông ai như chị Tấm nhà ta!

Mẹ nó bảo:

- Chuông khánh còn chẳng ăn ai, nữa là mảnh chĩnh ném ngoài bờ tre. Chị Tấm nhà mày làm gì có quần áo đẹp mà đến đây!

Đến khi quân lính đem kiệu đến rước Tấm về cung, hai mẹ con con Cám sán đến gần xem, mới biết đích là Tấm. Hai mẹ con đều lấy làm lạ, không biết Tấm đã lấy được quần áo và ngựa ở đâu mà đẹp thế.

Vào cung vua, Tấm rất sung sướng, nhưng Tấm vẫn nhớ con trâu mình thường chăn dắt trên đồng cỏ xanh, nhớ vườn ruộng mình thường chăm bón những ngày sương thu, nắng hạ. Nhân ngày giỗ bố, Tấm xin phép vua về thăm nhà.

Thấy Tấm bây giờ sung sướng, mụ dì ghẻ rất ghen ghét, nhưng ngoài mặt thì niềm nở, vui cười. Mụ bảo Tấm:

- Con trèo lên cây cau, xé lấy một buồng để cúng bố.

Tấm vâng lời, trèo lên cây. Tấm đang mải với tay xé buồng cau thì mụ dì ghẻ chặt gốc cây. Thấy cây rung mạnh, Tấm hỏi thì mụ trả lời:

- Dì đuổi kiến cho con đấy mà!

Cây cau gãy, Tấm ngã lộn xuống ao chết. Mụ dì ghẻ lột hết quần áo của Tấm, mặc vào cho Cám và đưa con gái mình vào cung vua, nói dối là Tấm không may bị ngộ cảm chết, nên đưa em vào thay chị.

Tấm hóa chim vàng anh, bay thẳng vào cung vua. Vua đi đâu, chim cũng bay theo. Thấy Cám thua chị đủ mọi bề, và thấy con chim quấn quýt mình, vua thương nhớ Tấm, bảo chim vàng anh rằng:

- Vàng ảnh vàng anh, có phải vợ anh chui vào tay áo!

Vua vừa nói dứt lời, chim vàng anh chui tọt vào tay áo vua.

Một hôm, trong khi Cám giặt áo cho vua, chim vàng anh đậu ở cành cao, bảo nó:

- Giặt áo chồng ta, thì giặt cho sạch, phơi áo chồng ta, thì phơi bằng sào, chớ phơi bờ rào, rách áo chồng ta!

Nghe chim kêu, Cám vừa lo sợ vừa tức giận. Vua rất yêu chim, cho chim ở lồng son, đi đâu cũng xách đi theo. Thấy thế, Cám càng thêm ghét chim.

Một hôm, Cám về nhà chơi, đem chuyện kể với mẹ. Mẹ nó bảo: Bóp chết con chim đi, đem nướng cho mèo ăn, rồi chôn lông chim cho mất tích. Về cung vua, Cám rình lúc vắng, bóp chết chim vàng anh, nướng cho mèo ăn, còn lông chim nó đem chôn sâu ngoài vườn, đúng như mẹ nó dặn. Chẳng bao lâu, ở chỗ chôn lông chim mọc lên một cây xoan đào thật đẹp, cây lớn rất mau, cành lá sum suê. Vua thấy cây xoan đào đẹp, liền mắc võng vào cây nằm nghỉ. Cứ mỗi khi nằm dưới bóng mát cây xoan đào, vua như thấy hình ảnh Tấm hiện ra trớc mắt, nên lại càng vấn vít với cây, không thiết gì đến Cám. Cám không nói ra, nhưng trong lòng ghen lồng ghen lộn.

Nhân một ngày gió bão, vua lại đi vắng xa, Cám chặt cây đi, lấy gỗ xoan đào đóng thành khung cửi. Trong khi Cám ngồi dệt vải, con ác bằng gỗ trên khung cửi kêu: "*Cót ca cót két, lấy tranh chồng chị, chị khoét mắt ra!*". Nghe con ác kêu, Cám vô cùng sợ hãi, vội ném thoi đi, không dám dệt nữa.

Cám về kể với mẹ, mẹ nó bảo: "Đốt khung cửi đi và đem tro

đổ rõ xa". Cám đốt khung cửi, rồi đem tro đổ tận bên đường, thật xa cung vua.

Ở đống tro bên đường, chẳng bao lâu mọc lên một cây thị lớn, cành lá sum suê. Cây thị ra nhiều hoa, nhưng chỉ đậu có một quả thật to ở một cành cao vút.

Gần đó, có một bà cụ bán hàng nước rất hiền hậu. Mỗi khi đi qua dưới gốc thị, bà lại ngẩng đầu lên nhìn quả thị, tấm tắc khen: "Sao mà thị đẹp thế!". Một hôm, bà thấy quả thị đã chín vàng, bà tần ngần đứng dưới gốc cây giơ bị ra hứng, nói lầm rầm:

- Thị ơi! Thị rụng bị bà, bà để bà ngửi, chứ bà không ăn.

Bà cụ nói dứt lời thì quả thị rụng ngay vào giữa bị. Bà cụ đem thị về nâng niu trên tay. Đêm ngủ, bà để thị ở đầu giường. Ngày nào đi chợ, bà cũng dặn thị:

- Thị ở coi nhà, để bà đi chợ, mua quà thị ăn.

Bà cụ vừa đi khỏi nhà, thì một cô gái bé tí từ trong quả thị chui ra, và chỉ phút chốc, cô bé đã trở thành cô Tấm xinh đẹp. Tấm quét dọn nhà cửa sạch sẽ, làm cơm canh để phần bà cụ. Lần nào đi chợ về, bà cũng thấy mọi thứ đều ngăn nắp, có sẵn cơm dẻo, canh ngọt để phần.

Một hôm bà giả vờ đi chợ, rồi rón rén trở về nấp ở ngoài cửa. Tấm lại ở trong quả thị chui ra như mọi lần, thu va thu vén trong nhà. Nhìn thấy một người con gái xinh đẹp lại hay làm như thế, bà cụ vui sướng quá, chạy ngay vào ôm chầm lấy Tấm và xé tan vỏ thị đi. Từ đó, Tấm ở với bà cụ hàng nước, hai người thương yêu nhau như mẹ con. Người ngoài không ai biết, tưởng Tấm là con gái bà cụ mới ở xa về. Bao nhiêu công việc gói bánh, têm trầu, Tấm đều làm hết, chỉ riêng việc bán hàng, mời khách, là Tấm để bà cụ.

Một hôm, vua đi qua, thấy quán nước sạch sẽ, ghé vào ngồi nghỉ. Bà cụ rót nước, đưa trầu vua ăn. Thấy trầu têm cánh phượng rất khéo, giống hệt như miếng trầu vợ mình têm khi xưa, vua liền hỏi bà cụ:

- Trầu này ai têm?

Bà cụ đáp:

- Con gái già têm.

Vua ngỏ ý muốn gặp con gái bà cụ. Bà cụ gọi Tấm ra! Vua nhận ra ngay vợ mình, hai vợ chồng mừng mừng tủi tủi. Vua kể rõ sự tình với bà cụ và xin đón Tấm về cung. Thế là Tấm lại được sống hạnh phúc bên nhà vua. Còn mẹ con nhà Cám thì bị trừng trị đích đáng.

Thánh Gióng

Vào thời Hùng Vương có một người đàn bà đã nhiều tuổi nhưng sống một thân một mình. Một buổi sáng thức dậy bà đi thăm nương, bỗng nhìn thấy một vết chân giẫm nát cả mấy luống cà. Bà kinh ngạc kêu lên:

- Ồ! Bàn chân ai mà to thế này!

Bỗng bà cảm thấy rùng mình khi đưa bàn chân ướm thử vào dấu chân lạ. Từ đó bà có mang. Đủ ngày tháng, bà sinh một đứa con trai bụ bẫm đặt tên là Gióng. Nhưng thằng bé lên ba tuổi rồi mà vẫn nằm ngửa đòi ăn, không biết ngồi biết lật, cũng không biết nói, cười gì cả.

Ngày ấy có giặc Ân kéo sang cướp nước ta. Giặc Ân rất hung hăng tàn ác, cầm đầu là một viên tướng tên gọi là Ân Vương, hình dung cổ quái dữ tợn. Chúng nó đi đến đâu là đốt phá nhà cửa, giết người cướp của đến đấy. Quân đội Hùng Vương nhiều phen xuất trận, nhưng đánh không nổi. Vua Hùng Vương lấy làm lo lắng vội phái sứ giả đi khắp mọi nơi trong nước tìm bậc tướng tài để giúp vua cứu nước.

Một hôm sứ giả đi đến làng chú bé Gióng. Nghe tiếng rao nói đến việc nhà vua cần người tài, bà mẹ Gióng đang ru con, liền bảo đùa con rằng:

- Con ơi! con của mẹ chậm đi chậm nói vậy thì biết bao giờ mới đi đánh giặc giúp vua được đây.

Tự nhiên Gióng nhìn mẹ bật lên thành tiếng:

- Mẹ gọi sứ giả vào đây cho con! Nói xong lại im bặt. Bà mẹ vừa mừng vừa sợ, vội đi kể chuyện với xóm giềng. Mọi người đổ tới, ai nấy đều cho là một sự lạ. Sau cùng một người nói:

- Ta cứ đi mời sứ giả đến xem thử nó muốn cái gì.

Khi sứ giả của nhà vua bước vào thì nhìn thấy chú bé Gióng liền hỏi rằng:

- Mày là đứa trẻ lên ba mới học nói, mày định mời ta đến đây để làm gì?

Gióng trả lời rất chững chạc:

- Về bảo với vua rèn cho ta một con ngựa sắt, một thanh gươm sắt, một áo giáp sắt và một cái nón sắt ta sẽ đánh đuổi giặc giữ nước cho!

Cho là thần linh xuất hiện, sứ giả lập tức phi ngựa về tâu vua. Nghe nói, Hùng Vương mừng rỡ liền ra lệnh cho thợ rèn góp tất cả sắt lại rèn ngựa, gươm, áo giáp và nón như lời xin của chú bé. Mọi thứ rèn xong, nặng không thể tưởng tượng nổi. Hàng chục người mó vào thanh gươm mà không nhúc nhích. Vua Hùng Vương cho hàng ngàn quân sĩ tìm mọi cách chở đến cho chú bé Gióng. Khi được tin quân sĩ khiêng ngựa sắt sắp đến làng, mẹ Gióng sợ hãi chạy về bảo con:

- Con ơi! Việc nhà vua không phải là chuyện chơi. Hiện quân sĩ đang kéo ầm ầm ngoài bãi biết làm thế nào bây giờ?

Nghe nói thế, Gióng vụt ngồi dậy, nói:

- Việc đánh giặc thì mẹ đừng lo. Nhưng mẹ phải cho con ăn thật nhiều mới được.

Người mẹ vội thổi cơm cho con ăn, nhưng nấu lên được nồi nào thì Gióng ăn hết ngay nồi ấy. Mỗi lần ăn một nồi cơm thì Gióng lại lớn thêm một ít và đòi ăn thêm. Mẹ càng cho con ăn thì con lại càng lớn như thổi, bỗng chốc đã thành một chàng thanh niên khoẻ mạnh. Hết gạo, bà đi kêu gọi xóm làng. Mọi người nô nức đem gạo, khoai, trâu, rượu, hoa quả, bánh trái đến đầy sân. Nhưng đưa đến bao nhiêu, Gióng ăn vơi bấy nhiêu, mà vẫn đòi ăn không nghỉ.

Sau đó Gióng lại bảo tiếp:

- Mẹ kiếm vải cho con mặc.

Người ta lại đua nhau mang vải lụa đến may áo quần cho Gióng mặc. Nhưng thân thể Gióng lớn vượt một cách kỳ lạ, áo quần may xong đã thấy chật, thấy ngắn, lại phải mang vải lụa tới để chắp nối thêm. Chẳng mấy chốc đầu Gióng đã chạm nóc nhà. Ai nấy đều chưa hết kinh ngạc thì lúc ấy quân sĩ đã hì hục khiêng được ngựa, gươm, áo giáp và nón sắt tới. Gióng bước ra khỏi nhà vươn vai một cái, người bỗng cao to sừng sững, chân dài hơn trượng hét lên một tiếng như tiếng sấm:

- Ta là tướng nhà trời!

Thế rồi Gióng mặc giáp sắt, tay cầm gươm múa quanh mấy vòng. Đoạn từ biệt mẹ và dân làng, nhảy lên lưng ngựa. Ngựa sắt bỗng chồm lên phun thẳng ra đằng trước một luồng lửa đỏ rực. Gióng thúc chân, ngựa phi như bay, sải trong bước dài hàng chục con sào, rung chuyển cả trời đất. Chỉ trong chớp mắt ngựa đã xông lên đồn trại giặc bấy giờ đang đóng la liệt cả mấy khu rừng. Lưỡi gươm của Gióng vung lên loang loáng như chớp giật. Quân giặc tiến ra chừng nào chết từng ấy. Ngựa thét ra lửa thiêu cháy từng dãy đồn trại, lửa thiêu luôn cả mấy khu rừng. Khói bụi mù mịt, tiếng la hét kêu khóc như ri.Nhưng tướng giặc Ân Vương vẫn cố gào thét hò quân xông tới.

Gióng càng đánh càng khoẻ, thây giặc nằm ngổn ngang đầy rừng. Bỗng chốc gươm gãy. Không bối rối, Gióng thuận tay nhổ những bụi tre hai bên đường quật tới tấp vào các toán giặc đang cố nhào tới theo lệnh chủ tướng. Chẳng mấy chốc quân giặc đã tẩu tán khắp nơi. Ân Vương bị quật ngã chết tan xác. Bọn tàn binh giặc lạy lục xin hàng. Quân của Hùng Vương cũng như dân làng chỉ còn việc xông ra trói nghiến chúng lại. Không đầy một buổi, Gióng đã trừ xong nạn nước. Lúc bấy giờ Gióng đã tiến đến chân núi Sóc Sơn. Đến đây, Gióng bèn cởi áo giáp, bỏ nón lại rồi cả người lẫn ngựa bay thẳng lên trời.

Sau khi thắng trận, để nhớ ơn người anh hùng, Vua Hùng sai lập đền thờ Gióng ở làng quê, phong làng Phù Đổng Thiên Vương.

Ngày nay chúng ta còn thấy dấu vết những dãy ao tròn nối nhau kéo dài suốt từ Kim Anh, Đa Phúc, cho đến Sóc Sơn,

người ta bảo đó là những vết chân ngựa của Thánh Gióng. Khu rừng bị ngựa sắt phun lửa thiêu cháy nay còn mang cái tên làng cháy. Những cây tre mà Gióng nhổ quật vào giặc bị lửa đốt màu xanh ngả thành màu vàng, ngày nay giống ấy vẫn còn, người ta gọi là tre lá ngà (hay đằng ngà).

Thạch Sanh

Ngày xửa ngày xưa, có hai vợ chồng bác tiều phu, tuổi đã cao mà không có con. Vợ chồng bác ngày đêm lo buồn, càng ra sức làm việc nghĩa để mong trời thương tình mà cho một mụn con. Quả nhiên đã không phụ lòng mong mỏi của hai vợ chồng già. Vợ bác tiều phu đã mang thai nhưng mãi ba năm mà vẫn chưa sinh nở. Người cha chưa được nhìn mặt con đã qua đời. Thế rồi một ngày kia vợ bác tiều phu đã sinh ra một bé trai khôi ngô, tuấn tú, bác đặt tên con là Thạch Sanh. Chẳng bao lâu mẹ Thạch Sanh qua đời, từ đó Thạch Sanh sống côi cút một mình trong túp lều dưới gốc đa. Gia tài chẳng có gì ngoài một mảnh khố che thân và một chiếc rìu đốn củi. Năm Thạch Sanh mười ba tuổi, Ngọc Hoàng thương tình sai tiên xuống dạy chàng đủ các môn võ nghệ, mọi phép thần thông.

Một hôm có anh buôn rượu tên là Lý Thông đi ngang qua đó ghé lại nghỉ chân. Lý Thông thấy Thạch Sanh khoẻ mạnh lại mồ côi, có thể lợi dụng được bèn kết nghĩa anh em, rồi đưa Thạch Sanh về nhà.

Bấy giờ ở trong vùng có một con trăn tinh thường bắt người ăn thịt, quan quân mấy lần vây đánh nhưng không lại nên truyền lập miếu thờ rồi cứ hàng năm nộp cho nó một mạng người. Năm ấy đến lượt Lý Thông phải đi nộp mạng. Mẹ con Lý Thông nghe tin, rất hốt hoảng liền bàn mưu tính kế đưa Thạch Sanh đi chết thay. Chiều hôm đó Thạch Sanh đi kiếm củi về, Lý Thông đã đợi sẵn để đãi rượu rồi bảo: "Hôm nay có việc quan trọng, triều đình cắt phiên cho anh đi gác miếu thờ. Ngặt vì trót

cất mẻ rượu, sợ hỏng việc ở nhà, mong em chịu khó đi thay anh một đêm". Nghe nói Thạch Sanh không nghi ngờ gì cả thuận tình đi ngay.

Nửa đêm giữa khu rừng rậm gió bỗng thổi mạnh, cây rung, không khí lạnh buốt, trăn tinh hiện ra giơ nanh vuốt phun lửa phì phì, định ăn thịt Thạch Sanh. Thạch Sanh bình tĩnh đánh nhau với trăn tinh, hồi lâu thì con yêu quái bị giết chết, hoá ra một con trăn lớn. Thạch Sanh chặt lấy đầu mang về. Đến nhà thì hết canh ba, Thạch Sanh gọi cửa, mẹ con Lý Thông ngỡ là hồn Thạch Sanh hiện về báo oan, ở trong nhà hai mẹ con cứ lạy lục khấn vái. Thạch Sanh mới rõ dã tâm của hai mẹ con Lý Thông cố tình đưa mình đến chỗ chết. Nhưng Thạch Sanh tính tình vốn hiền lành, không giận, mà lại còn vui vẻ kể chuyện giết trăn tinh cho mẹ con Lý Thông nghe. Lý Thông nghe xong, nảy ra một âm mưu, Lý Thông doạ Thạch Sanh rằng trăn tinh là của nhà vua nuôi xưa nay, bây giờ giết đi tất thế nào cũng bị tội chết, rồi hắn khuyên Thạch Sanh trở về nơi cũ gốc đa, còn Lý Thông thì đi tâu vua về chiến công của hắn đã diệt trừ được trăn tinh nên hắn đã được đức vua phong chức đô đốc.

Bấy giờ, nhà vua mở hội kén phò mã cho công chúa nhưng vẫn không chọn được ai vừa ý. Một hôm công chúa đi dạo trong vườn hoa, bỗng một con đại bàng sà xuống cắp đi mất. Tình cờ đại bàng bay ngang trên cây đa, Thạch Sanh thấy vậy liền giương cung bắn một phát trúng ngay vào cánh, nhưng đại bàng rút tên vứt xuống rồi tiếp tục bay đi. Thạch Sanh liền theo vết máu đỏ, thấy đại bàng chui vào một cái hang rất kiên cố. Chàng đánh dấu lối vào hang và trở về.

Khi nghe tin công chúa bị đại bàng bắt, nhà vua rất đau lòng, truyền cho Lý Thông đi tìm, hứa nếu tìm được sẽ gả công chúa và truyền ngôi cho. Lý Thông vừa mừng vừa lo, bèn lập mưu mở hội hát xướng trong mười ngày, mục đích là để nghe ngóng tin tức. Tám chín ngày đã qua mà không nghe ai nói lời gì về chuyện đại bàng bắt người cả. Tin Lý Thông mở hội hát xướng đến tai Thạch Sanh, chàng lần về thăm. Gặp

Thạch Sanh, Lý Thông tỏ mối lo không tìm được công chúa. Thạch Sanh thật thà kể lại chuyện bắn trúng chim đại bàng. Lý Thông mừng lắm, lập tức nhờ Thạch Sanh dẫn đường mang quân lính đến cửa hang đại bàng. Tới nơi, Thạch Sanh tình nguyện xuống hang tìm công chúa hộ Lý Thông, quả nhiên gặp công chúa ở đó. Gặp lúc đại bàng ngủ không biết gì, Thạch Sanh buộc dây vào người công chúa, ra hiệu cho Lý Thông kéo lên. Xong việc, Thạch Sanh chuẩn bị lên theo, nhưng Lý Thông đã kịp cho quân lính lấp cửa hang lại. Giữa lúc ấy đại bàng tỉnh giấc. Thấy mất công chúa, lại có một người lạ mặt trong hang, hắn nổi giận lôi đình, gầm lên, vách đá ầm ầm rung chuyển. Thạch Sanh hoá phép đánh nhau với đại bàng, cuối cùng đại bàng cũng bị giết chết. Thạch Sanh mò tìm lối ra. Đi thêm một đoạn, chàng thấy có một cái cũi sắt, bên trong giam một người con trai. Thì ra đó là thái tử con trai vua Thuỷ tề bị đại bàng bắt giam ngót một năm. Thạch Sanh lấy cung vàng bắn tan cũi sắt, cứu thái tử ra. Thái tử mời Thạch Sanh về cung vua để vua cha đền ơn. Vua Thuỷ tề mừng lắm, tặng Thạch Sanh vô số vàng bạc châu báu nhưng chàng đều từ chối không nhận, chàng chỉ lấy một cây đàn làm kỷ niệm, rồi từ dã vua và thái tử trở về chốn cũ nơi gốc đa. Lý Thông lại nghe tin Thạch Sanh trở về túp lều ở gốc đa, e lộ chuyện bèn sai người lấy ngọc ngà châu báu vứt vào lều Thạch Sanh rồi vu cho chàng ăn cắp để hắn lấy cớ bắt Thạch Sanh giam vào ngục tối.

Lại nói về công chúa, từ khi được cứu lên khỏi hang, chứng kiến Lý Thông lấp mất cửa hang, công chúa uất ức mà hoá câm. Khi trở về ai hỏi gì nàng cũng không nói. Vua buồn rầu sai Lý Thông lập đàn cầu nguyện, đàn đã lập một tháng mà công chúa vẫn không nói được. Lúc ấy Thạch Sanh đang bị giam trong ngục, buồn tình chàng lấy cây đàn ra gẩy, không ngờ cây đàn ấy là cây đàn thần. Đàn phát ra những lời ai oán như trách móc:

Đàn kêu tích tịch tình tang,
Ai mang công chúa dưới hang trở về.

Tiếng đàn vang vọng trong cung vẳng đến tai công chúa. Nghe tiếng đàn, công chúa bỗng reo mừng, cười nói, xin vua cha cho gọi người gẩy đàn. Vua đòi Thạch Sanh đến và trước cả triều thần, bá quan văn võ, Thạch Sanh kể lại sự tình cho vua nghe. Nghe xong, vua tức giận truyền lệnh cho bắt mẹ con Lý Thông giao cho Thạch Sanh toàn quyền xử tội. Thạch Sanh thương tình xin vua tha tội cho hai mẹ con Lý Thông để họ trở về làng. Nhưng dọc đường về, hai mẹ con gặp cơn mưa dông và cả hai đều bị sét đánh chết.

Sau đó vua cho Thạch Sanh kết hôn cùng công chúa. Tin ấy truyền đi, thái tử mười tám nước chư hầu hận vì gả công chúa cho một tên mồ côi nghèo xơ xác liền cất binh mã đến hỏi tội. Vua sai Thạch Sanh ra dẹp giặc. Khi giáp trận, Thạch Sanh không muốn gây đổ máu vô ích bèn đem cây đàn của mình ra gẩy. Tiếng đàn khi khoan khi nhặt, êm ái lạ thường, khiến cho quân địch phải xúc động. Người thì bồi hồi thương con, nhớ vợ, kẻ thì bâng khuâng nhớ quê hương, nên không còn một ai nghĩ đến đánh nhau nữa. Thái tử mười tám nước chư hầu thấy thế khiếp sợ vội vàng xin hàng. Thạch Sanh dọn một niêu cơm nhỏ cho chúng ăn mãi không hết, vì niêu cơm cứ vơi lại đầy. Chúng cảm phục Thạch Sanh dập đầu lạy tạ rồi kéo nhau về nước.

Sau khi quân giặc đã chạy hết, vua liền làm lễ nhường ngôi cho Thạch Sanh. Khi lên ngôi, công việc đầu tiên của Thạch Sanh là xá thuế, phóng thích tù nhân, và khuyến khích muôn dân trăm họ theo nghề trồng nông trang . Từ đó, nhân dân mới được yên ổn làm ăn, nhà nhà được no ấm đông vui.

Thần Giữ Của

Ngày xưa ở vùng Lai Triều thuộc trấn Sơn Nam, có một người lái buôn nước ngoài sang ta sinh cơ lập nghiệp. Sau mấy chục năm nhờ có mánh khoé tích trữ: buôn lúc đầu mùa, bán khi giáp hạt, lãi mẹ đẻ lãi con, hắn trở nên giàu có lớn. Trong nhà hắn, vàng bạc châu báu kể có ức vạn, vương hầu cơ hồ không có ai bằng.

Khi trong tay đã có tiền ròng bạc chảy, hắn nghĩ đến chuyện chuyển của về nước để cho con cháu ở bên đó hưởng. Nhưng ngặt một nỗi hồi ấy triều đình ta có lệnh cấm tất nghiêm, không cho khách buôn nước ngoài đưa vàng bạc ra khỏi bờ cõi. Đã có nhiều người lén lút đưa ra nhưng không che mắt được nhà chức trách nên của cải bị tịch thu, còn người thì bị đuổi ra khỏi nước. Vì thế, hắn mới nghĩ cách chôn giấu một số vàng bạc ở bên này để rồi ngày sau, chờ khi có cơ hội tốt, con cháu hắn sẽ sang lấy về. Hắn chuẩn bị việc đó rất kỹ lưỡng. Lấy cớ thờ Phật, hắn sẽ xin phép làng sở tại dựng một ngôi chùa trên một cái đồi hoang ở gần nhà. Và trong khi đào móng làm chùa, hắn sẽ bí mật xây một cái hầm chôn của xuống đất. Còn việc bảo đảm cho của khỏi mất, hắn sẽ tìm một người con gái đồng trinh chôn luôn bên cạnh vàng bạc để làm thần giữ của. Nếu không phải là người hô đúng tín hiệu mà hắn ước hẹn với thần thì đừng hòng đưa một ly của cải lên khỏi mặt đất. Thần sẽ vật chết bất cứ một người lạ đến cửa hầm. Khi mưu tính đã kỹ lưỡng, hắn bèn để ý tìm một người con gái đồng trinh.

Hồi ấy, trong vùng có một ông Giám sinh, nhà không một mảnh đất cắm dùi. Ông có một người con gái tuổi mới mười tám, chưa có chồng. Nghe tin, người khách buôn vội mang cau rượu đến hỏi cô gái về làm vợ lẽ. Tuy biết hắn giàu có, con mình có thể được nơi nương tựa, nhưng ông Giám sinh không chút bằng lòng vì không những ông không muốn gả con cho

người nước ngoài mà ông còn ghét cái thói con buôn, cho vay nặng lãi của những bọn như hắn. Hắn cũng biết thế, bèn đặt lên mâm một trăm lạng vàng, nói là xin đưa làm sính lễ. Trông thấy những nén vàng sáng chói, ông Giám sinh nghĩ đến mấy món nợ chưa cách gì trả được. Cuối cùng ông đành nhận lời gả con cho hắn.

Từ khi lấy vợ về, người khách buôn cho nàng ở một buồng riêng. Hắn rất chăm chút, rất ghen tuông, nhưng có một điều là chẳng bao giờ ăn nằm với nàng. Cả đến cá thịt, hành tỏi, hắn cũng không cho ăn, lấy cớ là phải ăn chay niệm Phật. Ba tháng một lần, hắn lại cho nàng một bộ áo mới.

Cứ như thế sau hai năm, cô gái vẫn phòng không bóng chiếc.

Một hôm, nàng cố xin phép chồng về nhà thăm cha. Từ chối mãi không được, bất đắc dĩ hắn phải để cho đi nhưng căn dặn phải kiêng một số việc và phải trở về ngay. Cha con lâu ngày gặp nhau, mừng mừng tủi tủi. Ông Giám sinh tỉ tê hỏi:

- Từ khi con ra đi, cha rất hối hận. Nếu nhà ta không túng đói thì con đâu chịu cảnh lẽ mọn này. Vậy thường ngày nó đối đãi với con ra làm sao? Vì sao về đã hai năm vẫn chưa sinh nở gì cả?

Nghe cha hỏi thế, cô gái khóc lóc kể hết sự tình. Ông Giám sinh ngạc nhiên:

- Thôi rồi! Chắc là nó chọn con làm thần giữ của, không nghi ngờ gì nữa. Vậy con có thấy trong nhà nó có chuyện gì lạ không?

- Trước kia, ăn cơm tối xong là nó khóa cửa ngủ ngay. Chỉ có độ vài tháng nay, tối nào cũng thấy bố con nhà nó vác cuốc thuổng đi, gần sáng mới lại về.

Nghe nói, ông Giám sinh kêu lên:

- Con hãy về sớm cho nó khỏi ngờ. Hễ lúc nào nó đem con đi đâu thì nhớ rắc những hạt này xuống bên lối đi, để cho cha biết mà tìm.

Từ đó, ông Giám sinh đến thăm con luôn: Có khi ba ngày một lần, có khi năm ngày một lần. Ông không vào nhà rể, chỉ

có đứng ngoài cổng nhìn vào. Hễ thấy mặt con gái, ông mới yên tâm lui gót.

Một lần ông giở bận chút việc chưa đến được. Mãi mười ngày sau mới tới thì đã không thấy bóng con đâu nữa. Chờ lâu sốt ruột, ông vội bước vào nhà rể, làm bộ tới thăm. Người lái buôn thấy ông đến, lăng xăng tiếp đón ra chừng thân mật. Hắn cho ông biết là vợ mình còn bận lên kinh đô cất hàng chưa về. Ông Giám sinh vẫn giữ vẻ mặt tự nhiên, nhận lời mời của rể ngồi lại ăn cơm trưa. Thừa dịp đi tiểu, ông ra sau vườn nhìn quanh nhìn quất, quả thấy hai bên lối đi dẫn ra đồng, vừng và cải đã mọc xanh lăn tăn như đánh dấu.

Lập tức, ông đi một mạch đến dinh trấn Sơn Nam. Trước mặt quan Trấn thủ, ông trình bày mọi việc xảy ra. Quan Trấn thủ liền điểm lấy năm trăm quân sĩ đi suốt đêm về Lai Triều. Quan cho đòi người lái buôn nước ngoài đến đối chất thì hắn chối lấy chối để. Người ta theo chân ông Giám sinh lần theo con đường mà vừng và cải đã kín đáo mách hộ, đi cách nhà người khách chừng nửa dặm, thì đã thấy một cái am con vừa mới xây xong trên một cái đồi hoang. Ông Giám sinh thưa:

- Hẳn chỗ này chứ không sai. Xin cho đào lên để khám!

Nhưng người rể của ông nhất định không chịu. Hắn lấy cớ động mạch đất có quan hệ với vận mệnh nhà hắn nên cố tình không cho lính đào.

Liền đó, quan Trấn thủ bắt hai bên làm tờ cam kết. Nếu đào không thấy gì thì ông Giám sinh phải bỏ tiền ra xây lại am và phải bồi thường thiệt hại cho chàng rể. Trái lại, nếu phát hiện được tiền nong của cải gì thì người chủ cái am đó không được nhận. Giấy làm xong, người khách buôn không chịu ký, nhưng cũng nhất định không chịu thú nhận. Thấy thế, quan lại càng ngờ vực, liền hạ lệnh cho lính cứ đào ngay, chủ muốn hay không cũng mặc.

Mới đào được một khoảng rộng bằng cái nong thì đã thấy hiện ra một bờ gạch xây chìm. Bờ gạch chạy dài chừng một gian nhà, sâu xuống ngập đầu người, trên xây theo lối cuốn bằng gạch rất kiên cố.

Trong khi người khách buôn lăn ra khóc nức nở thì một toán lính đã tìm được cửa hầm. Lớp gạch vừa đổ xuống đã hiện ra ánh sáng le lói của hai ngọn đèn. Họ đi lần vào thì thấy cô gái ngồi bên cạnh đèn, trên một cái ghế dựa bằng đá, đầu gục xuống, hai chân dạng ra hai bên, mỗi chân đạp lên một cái cong lớn. Ông Giám sinh mếu máo ôm chầm lấy con. Nhưng ông không sao nhấc con lên được vì hai tay cô gái đã bị trói vào bành ghế mà miệng thì bị gắn kín bằng nhựa. Cạy nhựa ra thấy trong miệng có một củ nhân sâm chưa tan hết. Ngực nàng vẫn còn đập thoi thóp. Người ta vội vực nàng lên để cứu chữa, đồng thời đóng gông tên lái buôn gian ác giải đi.

Khi toán lính soát mọi vật thì thấy hai cái cong mà cô gái đạp chân lên, mỗi cong có đề mấy chữ: "Một nghìn cân hoàng kim". Bên tả bên hữu có hai dãy cong nhỏ mỗi dãy mười cái, ngoài đều có đề: "Năm trăm cân bạch kim". Mở ra điểm lại, đúng như số đã đề. Hai cây đèn cũng một bằng vàng, một bằng bạc.

Nhờ được sự chăm sóc chu đáo, nên cô gái dần dần tỉnh lại. Nghe kể chuyện, người ta mới biết là cô bị chôn sống đã được mười ngày. Quan trấn thủ chia số của cải đó ra làm ba: Cha con ông Giám sinh được hưởng một phần, còn bao nhiêu tịch thu làm của công. Còn người lái buôn bị đem ra pháp trường xử trảm.

Thần Gió - Thần Mưa

Ngày xửa ngày xưa, Thần Gió và Thần Mưa là láng giềng thân thiết của nhau. Một hôm, nhân có chuyện vui vẻ nên họ cùng nhau uống rượu, tới mức say khướt. Họ nói với nhau như hai kẻ say rượu.

Thần Gió nói:

- Tôi là thần mạnh nhất thế gian. Mỗi khi tôi trổ tài thì cây đổ, nhà bay, thuyền bè trong sông, ngoài biển cũng bị lật nhào.

Thần Mưa khoe khoang:

- Thế đã là gì? Tôi mà nổi giận ấy à, nước sông nước hồ sẽ dâng lên cao, nhấn chìm đồng ruộng, xóm làng dưới biển nước mênh mông...

- Dù thế đi nữa, anh vẫn phải tôn tôi là vị thần tối cao! - Thần Gió gào lên.

- Anh bạn, đừng khoác loác, huyênh hoang. Tài giỏi thì đọ sức xem sao, anh sẽ dưới tướng tôi thôi! - Thần Mưa cũng không kém.

Lời qua tiếng lại, lời lẽ càng nặng nề, cuối cùng hai thần hầm hè xông vào nhau, ẩu đả kịch liệt. Sấm chớp đùng đùng, gió thét, mưa gào, sông, hồ cuộn sóng, nước ngập khắp nơi.

Cuối cùng thì ai thắng ai thua? Thần Mưa quật ngã Thần Gió xuống đất, móc lấy mắt và tim của Thần Gió, ném vào một hang động vừa sâu lại vừa tối.

Thần Gió bị thua nhưng không chết, bởi các vị thần sống mãi. Tuy vậy, ông ta vô cùng đau đớn vì không có mắt nên chẳng biết đường nào mà đi; Không có tim nên đầu óc quay cuồng, thân tàn, sức kiệt.

Một hôm, Thần Gió nằm nghĩ ngợi: "Làm thế nào để trả

mối thù này?" Nghĩ ngợi mãi, bỗng Thần Gió nghe thấy gần đó có tiếng dê kêu. Lắng tai, ông ta đoán là có hai con dê già dẫn một đàn dê con đến uống nước bên dòng sông nhỏ. Thần Gió bèn than vãn:

- Đến như dê mà cũng còn có con có cái thì cớ gì ta lại không có nhỉ? Có con cái thì thế nào ta cũng báo được mối thù?

Thế là Thần Gió lắc mình thật mạnh, thật là lạ lùng, thần biến thành một chàng trai trẻ đẹp. Chàng trai liền đến một làng quê, yêu và lấy một cô gái làm vợ. Năm sau, vợ Thần Gió đã sinh cho thần một cậu con trai.

Con trai Thần Gió dần dần khôn lớn, chàng chỉ thấy cha mình là một người hiền từ, chứ không hề biết cha mình là một vị thần. Một hôm, chàng ra sông tắm và gặp con gái của Thần Mưa. Vừa gặp nhau hai người đã cảm mến nhau. Liền đó, cả hai đều về xin cha mẹ cho họ được chung sống với nhau.

Thần Gió nghe con trai nói, bèn nghĩ ngay đến chuyện báo thù và kể cho con trai nghe về thân phận của mình. Ông ta bảo:

- Con trai yêu quý của ta! Con hãy đem ngay lễ vật để cầu hôn con gái Thần Mưa. Sau khi ông ta bằng lòng thì nhân đó xin mang về mắt và quả tim của cha.

Theo lời dặn dò của cha, Con trai Thần Gió đã đem được con mắt và quả tim về cho cha mình.

Con trai của Thần Gió và con gái của Thần Mưa được lấy nhau, sống rất thuận hòa.

Một hôm, bỗng nghe vọng lại tiếng trời long, đất lở. Chẳng lẽ, hai người cha của họ lại đánh nhau hay sao?

- Con xin cha! Đừng đánh nhau nữa! - Con trai Thần Gió gào lên.

Nhưng Thần Gió không nghe. Ông ta vừa đánh, vừa chửi rủa:

- Ta nhất quyết phải báo thù, giết chết kẻ đã móc mắt, moi tim của ta!

- Con xin cha! Đừng đánh nhau nữa! - Con gái Thần Mưa gào lên:

Thần Mưa cũng không chịu nghe theo. Ông ta vừa đánh, vừa chửi ầm ầm:

- Vì thương con gái ta, ta đã trả lại tim và mắt cho mi, vậy mà mi không biết điều. Lần này, ta quyết không tha cho mi nữa.

Thần Gió và Thần Mưa đánh rất lâu mà chẳng phân thắng bại. Đánh nhau chán, họ lặng lẽ trở về nhà mình. Nhưng, chỉ được ít lâu, hễ có dịp gặp nhau là họ lại xông vào đánh nhau.

Những ngày nào có mưa to, gió lớn là do Thần Gió và Thần Mưa lại đánh nhau kịch liệt. Nếu như gió êm, mưa nhỏ thì chắc là Thần Gió và Thần Mưa đánh nhau mệt quá, ai nấy phải trở về nhà mình. Còn khi nào có gió mà không có mưa, hoặc chỉ có mưa mà không có gió thì ắt là Thần Gió hoặc Thần Mưa ở nhà, lo liệu công việc của họ.

Thầy lang bất đắc dĩ

Ngày xưa có một anh chàng tên là Tân làm nghề cày ruộng. Anh là người thông minh nhưng tính tình có phần nhút nhát, lại phải cái hay phũ phàng với vợ. Người vợ căm giận, quyết tìm dịp báo thù cho bõ ghét.

Một hôm người vợ đi chợ, bỗng nghe văng vẳng có tiếng gọi loa: - "Ai có tài chữa bệnh thì mời về triều sẽ được thưởng quan cao lộc hậu". Hỏi mọi người, chị mới hay đó là sứ giả nhà vua đi tìm thầy lang giỏi về cứu chữa cho công chúa bị hóc xương. Thấy cơ hội báo thù đã đến, người vợ bèn tìm gặp sứ giả, nói:

- Tôi biết trong làng này có một thầy lang chữa bệnh hay như thần, có thể chữa cả những người sắp chết.

Sứ giả đi mấy ngày chẳng gặp một ai, nay một người mách thì lấy làm mừng, vội hỏi:

- Thế thì hay quá. Có thật thế chăng?

- Thật đấy! Nhưng ông thầy này có một điều lạ là không muốn tự nhận mình là thầy lang, luôn luôn giả bộ ngờ nghệch. Ai nhờ chữa thì bao giờ cũng chối đây đẩy, chỉ có roi đánh quấn đít mới chịu nhận và mới chữa mát tay.

- Thế thầy lang hiện giờ ở đâu?

- Ngài cứ theo con đường này dẫn ra đồng. Hễ thấy người nào râu cá trê, đang cày với một con bò đen trên một đám ruộng khoai, thì chính là thầy lang. Tên thầy là Tân.

Sứ giả cùng mấy người lính hầu vội rẽ ra đồng. Khi gặp người đúng như lời mách, sứ giả lễ phép nói:

- Chúng tôi vâng thánh chỉ mời thầy về triều chữa cho công chúa bị hóc xương đã ba ngày nay. Anh chàng Tân thấy việc trớ trêu lấy làm lạ, bèn đáp:

- Ô hay! Các quan nhầm rồi. Tôi quê mùa dốt nát, có biết làm thuốc bao giờ, đâu phải là thầy lang mà mời.

Nhớ đến lời dặn của người đàn bà, sứ giả toan dụng võ ngay, nhưng cũng cố đấu dịu:

- Xin thầy đừng giấu nghề, vả lại việc này là việc cấp bách và theo lệnh của hoàng đế, xin thầy hãy vui lòng tiến kinh cùng chúng tôi. Người bệnh lại là con vua cháu chúa, không nên từ chối.

- Tôi nói thật đấy mà! Hằng ngày tôi chỉ tay cày tay cuốc, làm gì biết đến việc hệ trọng như việc xem bệnh bốc thuốc.

Nghe những lời khăng khăng từ chối, sứ giả bụng bảo dạ:

- Thật thân lừa ưa nặng, tất phải dùng roi vọt mới xong. Nghĩ vậy, hắn bèn thét lính ra roi túi bụi. Tân không chịu đựng nổi mười roi, vội vã kêu lên:

- Thôi thôi, xin các quan ngừng tay. Tôi là thầy lang đây. Sứ giả mừng quá vội cho Tân lên ngựa phi về hoàng cung, đưa vào buồng công chúa.

Bấy giờ công chúa đang nằm chờ chết, cái xương còn mắc ở cổ, khạc mấy cũng không chịu ra. Tân vừa đến, lấy làm bối rối không biết cất tay động chân thế nào.

- Hừ, ta thử làm cho công chúa cười một chút xem sao?

Nghĩ vậy, trước mặt công chúa, anh bèn nheo mắt méo miệng làm ra trăm kiểu ngộ nghĩnh như anh vẫn từng quen gây cười trước đám đông làng xã. Chưa đến trò thứ ba thì công chúa và bọn cung nữ hầu hạ chung quanh đã bật cười, và còn đua nhau cười ngặt nghẽo. Tự nhiên cái xương trong cổ công chúa văng ra lúc nào không biết. Thế là lành. Mọi người đều trầm trồ kinh ngạc. Nghe tin, nhà vua và cả hoàng cung lật đật chạy vào mừng cho con gái và tíu tít cảm ơn thầy. Vua liền phong Tân làm chức thái y, sai lấy vàng bạc mũ áo ban thưởng. Về phần Tân bụng bảo dạ:

- Ta dùng một mẹo nhỏ may mắn mà lành, thật là chó ngáp phải ruồi. Vậy ta hãy cố chối từ, thà về cày ruộng còn hơn là ở đây. Bèn đáp:

- Tâu bệ hạ, kẻ hạ thần này thực sự quê mùa dốt nát không biết việc thuốc men là gì. Vậy xin nhường chức tước ấy cho các vị lang y, còn hạ thần chỉ xin bệ hạ cho phép được trở về làng quê.

Vua vốn đã được nghe sứ giả cho biết tính tình kỳ lạ của người thầy thuốc, bèn quát thị vệ ra roi.

Tân cuống quít xin nhận mũ áo.

Lại nói chuyện khi nghe tin có thầy lang đại tài được vua đón về kinh đô, mới chữa một vụ hay như thần, thì các con bệnh kinh niên khó trị từ bốn phương lục tục kéo nhau về, hy vọng được thầy ra tay cứu chữa. Chẳng bao lâu con số đã tăng lên đến tám mươi người. Hằng ngày họ đứng chực trước cửa Ngọ môn đợi thầy ra, lính đuổi mấy cũng không đi. Nghe tin này, một hôm nhà vua bảo Tân:

- Dân chúng còn có người đau khổ là lòng ta chưa yên. Vậy nhà ngươi hãy đem tài thánh y gắng chữa cho con đỏ của ta được lành.

Tân lo lắng, vội nói:

- Tâu bệ hạ, kẻ hạ thần tài hèn chẳng có gì, mà con bệnh nan y quá đông, làm sao chữa xuể.

Vua hất hàm cho thị vệ chuẩn bị roi vọt. Thấy thế, Tân đành nhắm mắt nhận lệnh không dám từ chối. Nhưng để có thì giờ suy nghĩ, anh cũng xin vua cho được ở riêng cùng với bệnh nhân để tiện xem bệnh. Vua bèn ra lệnh đưa cho thầy cùng các bệnh nhân đến sở dưỡng tế của kinh kỳ.

Khi đã được một mình cùng tám chục bệnh nhân, Tân liền sai đóng cửa lại, ra lệnh cho lính gác cổng chỉ cho người ra mà không cho vào. Rồi sai sắp củi đốt một đống lửa giữa sân, đoạn dõng dạc lên tiếng:

- Chữa cho các ngươi thật là vất vả, song ta sẽ cố gắng. Ta có môn thuốc thần hiệu là cho thiêu một người sống, lấy tro ấy luyện thuốc trong ba tháng. Sau khi luyện xong thì thuốc của ta sẽ "bách bệnh tiêu tán, vạn bệnh khử trừ", thần diệu không thể nói hết. Tục ngữ có câu: "Liều một người, cứu muôn người" là thế. Vậy trong số các ngươi đây, ai là người bệnh nặng nhất thì hãy chịu hy sinh tấm thân, tình nguyện để ta thiêu sống. Ta sẽ luyện thành thảo dược chữa bệnh cho bảy mươi chín người còn lại. Nào, ai đó chịu liều thân, hãy bước đến bên đống lửa!

Các bệnh nhân đang hăm hở, nay nghe nói vậy thì rụt cả lại, ai nấy kinh hoảng, mặt tái như gà cắt tiết. Tân lại tiếp:

- Nào mau lên. Trừ những ai bệnh nhẹ hoặc chưa đến nỗi nào, còn trong số những người bệnh nặng, người nào nặng nhất, hãy trông gương người xưa, chịu liều mình để phước lành cho con cháu. Vậy ai là người bệnh nặng nhất, ra đây!

Không một ai nhúc nhích. Tân lại tiếp:

- Có lẽ các ngươi chưa biết bệnh của mình là như thế nào đâu. Thế thì các ngươi hãy để cho ta khám từng người một để chọn một người nặng nhất.

Chỉ vào một con bệnh đứng gần, Tân hỏi:

- Nào lại đây. Ta trông nhà ngươi xanh xao, chắc là sức yếu lắm.

Người kia không dám bước lên, run lập cập nói:

- Thưa tôi khoẻ lắm ạ!

- Thế thì nhà ngươi vào đây làm gì?

Hắn lật đật lùi dần, lùi dần, rồi bỏ chạy ra khỏi cổng. Tân lại chỉ vào một người thứ hai:

- Nhà ngươi có vẻ hom hem tợn. Nào bước lên đây cho ta bắt mạch.

Hắn ta chẳng những đã không bước lên mà còn lùi lại sau, mặt cố giấu bớt vẻ nhăn nhó, đáp:

- Không, bệnh tôi đã nhẹ đi nhiều.

Nói rồi hắn cũng lẩn mất. Cứ như thế, Tân đã làm vợi hẳn số bệnh nhân. Người cuối cùng vừa chạy ra cổng thì gặp lúc nhà vua cũng vừa xa giá tới. Vua nhìn hắn hỏi:

- Nhà ngươi đã lành rồi ư! Vừa rồi bệnh nặng lắm kia mà?

- Tâu bệ hạ, kẻ hạ thần đã đỡ nhiều, hắn đáp.

Vua bước vào giữa lúc sở dưỡng tế đã sạch bóng bệnh nhân. Vua ngợi khen Tân hết điều. Sau đó vua cho phép chàng trở về quê quán. Vợ chàng không ngờ kết quả trớ trêu của cách báo thù của mình là làm cho chồng được quan cao lộc hậu.

Trạng Hiền

Vào thời nhà Trần, ở một làng nọ, bấy giờ thuộc về Nam Định, có một em bé tên là Hiền. Hiền được cha mẹ cạo đầu làm tiểu, cho ở với một ông sư trên chùa. Hằng ngày, Hiền phải hầu hạ sư, quét dọn chùa và làm các công việc vặt rồi mới được sư dạy cho học. Thế nhưng Hiền học một biết mười, chả mấy chốc mà nổi tiếng thần đồng.

Một hôm, Hiền quét chùa, nhân đề nghịch vào lưng một pho tượng mấy chữ "đày ba ngàn dặm". Đêm ấy Hòa thượng trụ trì nằm mộng thấy một vị Tôn Giả đến từ giã mình, bảo rằng có việc phải đi xa. Tỉnh dậy, Hòa thượng trong bụng lấy làm phân vân, khi nhìn thấy lưng tượng Phật có mấy chữ Hán, đoán biết là chữ của Hiền, vội quát, bắt phải lấy nước rửa ngay. Đêm hôm ấy, Hòa thượng lại mộng thấy vị Tôn Giả lại đến cảm ơn mình. Từ đấy cả chùa đều đoán biết Hiền sẽ làm nên sự nghiệp hơn người.

Năm 12 tuổi, Hiền đi thi và đậu luôn Trạng Nguyên. Khi Hiền vào bái mạng trước sân rồng, Vua thấy Trạng bé loắt choắt trong bộ áo mũ quá khổ bèn phán hỏi:

- Trạng học với ai?

Hiền đáp ngay:

- Tâu bệ hạ, tôi lúc nhỏ ở chùa, không học với ai cả, chỉ khi nào không hiểu mới hỏi nhà sư một vài chữ mà thôi.

Vua thấy Trạng đối đáp cộc lốc, cho là trẻ con chưa biết lễ phép, bèn cho Trạng về nhà học lễ phép trong ba năm, sẽ lại cho làm quan.

Hồi ấy có sứ nhà Nguyên đưa sang ta một câu đố để thử

xem nước Nam có nhân tài chăng. Triều đình nhà Trần mở Quốc thư ra chỉ thấy có bốn câu thơ chữ Hán:

Lưỡng nhật bình đầu nhật,
Tứ sơn điên đảo sơn,
Lưỡng vương tranh nhất quốc,
Tứ khẩu tranh tung hoành gian.

Cả vua lẫn quan đều ngẩn ra, không biết làm sao mà đoán được. Mấy ông cụ già trong Viện Hàn Lâm, trong Quốc Tử Giám, vắt óc cố suy nghĩ nhưng lâu lắm vẫn không tìm ra câu trả lời. Mãi về sau, có người nhớ tới Trạng Hiền, Vua vội sai một viên quan văn đi mời ngay Trạng về triều để may ra có thể giải quyết việc bối rối cho cả nước.

Viên quan không quản ngại ngày đêm, phi ngựa nước đại tìm về làng Trạng. Thấy một lũ trẻ đang đùa nghịch ở gốc đa đầu làng, viên quan thử ra một câu đối để dò xem Trạng có mặt trong đám ấy chăng:

- Tự là chữ, cất giằng đầu, Tử là con: con ai con ấy?

Hiền tay vẫn chơi đùa, miệng đáp lại ngay:

- Vu là chưng, chặt ngang lưng, Đinh là đứa: đứa nào đứa này.

Đáp đoạn, bỏ chạy về nhà. Khi viên quan tìm được vào nhà thì thấy Hiền đang đun bếp. Hắn lại ra một câu đối:

- Ngô văn quân tử viễn bào trù, hà tu mị áo (Tôi nghe người quân tử xa chỗ bếp núc, sao lại nịnh ông Bếp?).

Hiền đối lại:

- Ngã bản hữu quan cư đỉnh nại, khả tạm điều canh (Ta vốn ở ngôi khanh tướng, nhưng nay tạm nêm canh).

Biết đích là Trạng, viên quan đưa chiếu chỉ của Vua ra, mời Trạng về triều để hỏi một việc quan trọng. Nhưng Hiền lắc đầu nói:

- Trước đây vua bảo ta không biết lễ phép, nhưng chính vua cũng không biết lễ phép nữa là ai.

Nói rồi nhất định không chịu đi.

Về sau Vua phải cho quân gia mang cờ quạt, võng lọng đến đón Hiền vào triều. Trước mặt sứ thần của một cường quốc, ông Trạng nhỏ tuổi ấy cầm cục than viết ra một chữ "điền" giữa sân rồng. Thấy giải đáp đúng, sứ thần lủi thủi rút lui. Vua và đình thần thở dài khoan khoái. Về sau, vua ban thưởng cho Trạng rất hậu và tuy Trạng còn nhỏ tuổi cũng phong chức Thượng Thư.

Truyền thuyết hạt lúa thần

Tục truyền rằng: ngày xưa khi vua Hùng mới dựng nước, ven các con sông Thao, sông Đà, sông Lô đất đai màu mỡ, cây cối tốt tươi. Cư dân Văn Lang vẽ chàm vào người xuống đồng bắt cá về ăn. Vùng đồng kẻ Gáp, kẻ Vầy cá nhiều vô kể, ăn cá mãi cũng chán. Các cụ già làng thường thấy trên những bãi bồi hàng năm nở lên những vạt cây tốt nhanh, lá giống lá mía, thân như thân lau, nở từng bụi xum xuê, bông trĩu, quả to, có quả như cái thuyền con, khi quả chín rụng xuống đất, chim chóc cứ mổ mà ăn không xuể.

Các già làng liền rủ nhau lấy rìu bổ ăn thử, ăn vào đến đâu thấy dễ chịu đến đấy, nếu đem cho vào ống nứa đốt như nấu khoai mài, ăn thấy càng thơm ngon. Thấy vậy, dân làng rủ nhau đi nhặt về để dành ăn vào mùa đông rét mướt.

Nhưng có năm cây vẫn tốt, lúc ra hoa trời nắng bông lại lép kẹp, bông thì to nhưng cứ giơ thẳng lên trời như những mũi mác, cả làng cả bản tha hồ đốt cây trầm hương gọi là vía, gọi hồn hạt cũng không to, bông vàng không trĩu xuống.

Vua Hùng thấy vậy, cùng các già làng tìm một ngọn núi cao im lặng trèo lên trên đỉnh, đốt hương khấn vái bốn phương mong Long Quân về phù hộ. Vua Hùng cùng các già làng cầu khấn mãi từ sáng đến hết đêm. Sáng hôm sau, bỗng nhiên trời nổi sấm sét, mưa từ đâu như trút nước xuống, rồi từ trong đám

mưa có vị thần nói to lên rằng: "Từ nay trở đi cứ sáng mồng một Tết, nhà nào cũng phải quét sạch nhà cửa cổng ngõ sân bãi đến giờ "dần" sẽ có lúa thần về mới được ăn, bằng trái ý là lúa bay đi".

Tan cơn mưa, vua Hùng và các già làng như tỉnh giấc mộng, nhìn thấy ngay trước mắt mình một hạt lúa thần thật to bằng chiếc thuyền con.

Từ đó về sau năm nào cũng vậy, cứ khoảng tháng bảy, tháng tám khi nước các con sông rút đi là tất cả cư dân Văn Lang, cùng với vua Hùng nghe theo lời thần dạy, ra những bãi bồi ven sông cày bừa vun xới, chăm chút nâng niu những cây lúa thần. Từ đấy năm nào lúa cũng về đều đặn, dân cư no lành, vui mừng ca hát, nhảy múa. Nhưng bỗng một năm có hai vợ chồng nhà quan lang còn trẻ, chị vợ ngủ trưa, khi mở mắt ra những tia sáng của thần trời đã le lói chiếu qua khe liếp nhà, mới vội vàng cầm chổi đi quét sân. Chị vợ đang quét thì lúa tới giờ đã lăn từ ngoài bãi bồi lăn về. Hạt lúa thật to, thật đẹp, nhưng cổng nhà rác quá, lúa không vào được, chị vợ sợ chồng mắng mới quay ra mắng lúa:

- Lúa gì mà chưa đến giờ đã mò về.

Lúa giận rồi bỏ đi. Trước khi đi, lúa còn bảo: "Nhà chị lười quá, từ nay cứ lấy ngoèo tre, lưỡi sắt cắt từng bông chứ đừng hòng ta lăn về cho mà ăn nữa".

Chị vợ hối hận chạy theo van nài, nói thế nào cũng không được. Lúa thần bay đi, cư dân Văn Lang lại lao đao vì thiếu cái ăn. Vua Hùng lại phải cùng các già làng lên đỉnh núi cầu khấn trời đất, thắp hương suốt ngày đêm, gọi vía lúa, lúa thần vẫn không về. Còn những cây lúa hằng năm vẫn chăm sóc ở bãi bồi ven sông thì lá bé đi, bông nhỏ lại chỉ bằng phần nghìn, phần vạn hạt lúa thần và phải lấy cái ngoèo tre, đóng một miếng sắt (gọi là liềm) đi cắt từng bông một mang về.

Từ đó, hằng năm cứ sắp đến mùa lúa nở, cư dân Văn Lang và vua Hùng lại cầu khấn thần lúa. Và mỗi khi nước sông rút đi, lại ra sức chăm sóc những cây lúa ven sông rồi mang ngoèo tre, lưỡi sắt đi cắt từng bông lúa mang về.

Truyền thuyết hoa hồng

Ngày xửa ngày xưa thật xưa lắm, có một vương quốc ở tận phương trời xa xôi bên một khu rừng rộng lớn và rậm rạp. Vương quốc này sống thật hòa bình và yên vui sau một thời gian dài triền miên người dân phải đấu tranh để dành quyền độc lập. Và vị anh hùng chỉ huy người dân của quốc gia này đã được dân chúng tôn lên làm vị vua đầu tiên.

Sau thời gian dài chinh chiến, họ chỉ lo an hưởng thái bình và sống cho những quyền lợi của cá nhân mình. Vị hoàng đế kia cũng vậy, ngất ngưởng trên ngai vàng và hào quang của quyền vị, ông đã bỏ bê việc nước, quên cả chăm sóc cho dân và để mặc lũ bầy tôi tham danh lợi cai trị dân chúng. Vì muốn hoàng đế lãng quên với việc triều chính, bọn tham quan đã chọn một thiếu nữ đẹp tuyệt vời để vua lập làm hoàng hậu. Nhưng trái với ý muốn của bọn quan lại, hoàng hậu lúc nào cũng hết lời khuyên răn nhà vua nên lo cho dân chúng và chỉnh đốn việc triều chính. Lũ quan lại rất ghét hoàng hậu, nhưng không làm gì được vì nhà vua quá thương yêu nàng.

Cho đến một ngày kia, sau một thời gian thụ thai, hoàng hậu sinh ra một đứa bé thật kháu khỉnh, dễ thương. Lạ lùng thay, thân thể của đứa bé trai đó lại trong suốt như pha lê, đến độ thấy rõ từng đường gân, mạch máu và trái tim. Thấy cơ hội đã đến, bọn tham quan bèn dèm pha với nhà vua rằng hoàng hậu là một phù thủy trá hình và tuyên truyền tin này ra ngoài cho toàn dân.

Trước áp lực của bầy tôi và sự phản đối của dân chúng, nhà vua đã phế truất hoàng hậu ra khỏi hoàng cung cùng với đứa bé lạ lùng kia. Trở thành một thường dân, hoàng hậu đem

con đi khỏi hoàng cung. Đi tới nơi đâu cũng bị dân chúng chửi mắng và xua đuổi. Suốt con đường tìm nơi ẩn trú, hoàng hậu đã bị bao kẻ ném đá, dùng gậy đánh đập mà chỉ biết cắn răng dùng thân thể mình để che chở cho đứa con thơ. Với bao vết thương trên mình, hoàng hậu bế con đến khu rừng già và ngã ra vì kiệt sức. Nhìn hài nhi mới ra đời trong lúc biết mình sắp chết, hoàng hậu không biết làm gì hơn là đưa tay vuốt ve con mình vài lần, nước mắt tuôn ra và trút hơi thở cuối cùng.

Đứa bé nằm bên mẹ không ai cho ăn nên khóc lên thảm thiết vì cơn đói. Tiếng khóc vang lên tận chín tầng trời làm Thượng Đế động lòng ngó xuống trần gian. Khi thấy hoàn cảnh thương tâm đó, Thượng Đế nổi giận vì lòng tàn ác của người dân vương quốc kia. Ngài bèn sai thiên thần mang đứa bé vào rừng chăm sóc cho nó lớn lên trong tình thương của thiên nhiên và muông thú. Sau đó, ngài ban một lời nguyền khiến cho toàn thân thể của từng người dân bị gai nhọn mọc đầy người, để suốt đời không ai được gần gũi ai cho đến khi mọi người biết thương yêu nhau. Từ đó người dân của quốc gia này đều mang trên mình một lớp gai, từ vua tôi cho đến hạng bần cùng. Nhưng dù cho lớp gai trên mình ngày một dài và cứng nhọn theo lòng tham ngày càng to lớn, họ cứ sống cho cá nhân mình mặc dù phải trả giá cho lòng vị kỷ đó bằng sự cô đơn khủng khiếp dằn vặt tâm linh.

Một ngày kia, nghe tin vương quốc này đang trở nên yếu thế, một quốc gia khác bèn đem quân sang xâm lấn lãnh thổ. Khi quân xâm lăng tràn qua bờ cõi, toàn dân trong nước ai cũng tự lo thân và trốn tránh nghĩa vụ. Nhà vua lúc đó đã lớn tuổi mà vẫn bị lũ bầy tôi tham sống sợ chết làm áp lực bắt đem một toán quân ra chiến đấu. Sức mình thì yếu, sức địch thì mạnh. Sự thất bại đến với nhà vua thật nhanh chóng. Dẫn toàn quân chạy về hoàng thành thì mới hay lũ tham quan đã đem dâng cho giặc từ bao giờ. Phẫn chí, nhà vua quyết liều mình đem quân cố chiếm lại thành trì nhưng cuối cùng phải ngã ngựa vì một mũi tên có tẩm thuốc độc. Nhà vua được một

số quân trung thành cứu thoát và chạy trốn đến bên bìa rừng. Nhìn lại binh sĩ lớp bị thương, lớp bỏ mình chung quanh, nhà vua lấy làm hối hận rằng mình đã không nghe lời hoàng hậu khuyên ngày trước. Nhớ đến hoàng hậu, nhà vua lại nhớ đến đứa con thơ vô tội của mình ngày xưa. Rồi nhà vua ngã bệnh vì vết thương hành hạ. Bên ngoài thì địch quân vây khốn, trong rừng thì binh sĩ liều mạng để tử thủ với quân thù. Nhà vua lập đồn trong rừng làm chiến khu và để tập luyện binh sĩ.

Ngày qua ngày, dưới ách đô hộ nghiệt khắc của quân xâm lăng, người dân của vương quốc đó càng nghe đồn thêm về một quốc gia trong khu rừng già huyền bí nọ. Dần dần, người dân tìm cách trốn đi và tìm vào rừng để gia nhập. Phía quân xâm lăng cũng tìm cách cho người trà trộn vào trong rừng nhưng kế hoạch không thi hành được vì không thể nào giả mạo được lớp gai cứng mọc trên thân thể của người dân bản xứ. Người dân đã biết đoàn kết để tạo cho khuyết điểm trên thân thể mình thành ưu điểm để chống giặc ngoại xâm. Một ngày kia, với binh hùng tướng mạnh, nhà vua bắt đầu công cuộc giành lại quê hương. Lần này, với đoàn quân thiện chiến và với lòng tin thống nhất, nhà vua đã chiếm lại được thành trì và xua đuổi quân xâm lăng ra khỏi lãnh thổ.

Không may, trong trận chiến cuối cùng nhà vua lại bị thương. Vốn đã yếu sức vì tuổi già, lại còn lao lực trong trận chiến dài đằng đẵng, nhà vua bệnh ngày càng thêm nặng. Toàn dân trong nước chưa kịp reo mừng dành lại độc lập đã phải mang nỗi buồn cho tình trạng ngày càng nguy ngập của nhà vua. Biết mình sắp chết, nhà vua trong cơn sốt đã thốt lên rằng:

"Ta chết cũng đành lòng, nhưng trời ơi, sao ta thèm được một lần ôm đứa con mà ta chưa hề biết mặt !"

Bỗng nhiên có tin báo từ bên ngoài thành có một người thầy thuốc nói sẽ trị hết bệnh cho nhà vua. Cửa hoàng thành rộng mở. Người thầy thuốc bước vào hoàng cung với tấm vải

thô che kín thân thể mà không ai nhìn thấy mặt. Khi đến gần giường bệnh, người thầy thuốc đứng lặng yên thật lâu bên nhà vua mà không nói tiếng nào. Khi nghe nhà vua gọi con trong cơn sốt, người thầy thuốc rơi lệ. Giọt lệ nhỏ xuống trên gò má nhăn nheo của nhà vua làm nhà vua thức tỉnh và mở mắt nhìn người đang đứng bên cạnh mình. Khi nhà vua đưa tay lên với, người thầy thuốc bèn nắm chặt lấy tay nhà vua, quỳ xuống bên cạnh người và nói rằng:

"Thưa phụ hoàng, con đây !".

Rồi người thầy thuốc hất tấm vải thô che mình xuống đất để lộ ra một thân thể trong suốt như pha lê. Để chữa bệnh cho cha, vị hoàng tử nâng vua cha lên và ôm người thật chặt vào lòng, mặc cho những gai nhọn đâm vào người thật sâu. Và máu chàng đã chảy ra. Lạ thay, khi máu của chàng thấm lên thân thể của nhà vua thì nhà vua cũng thấy mình khỏe lại. Và kỳ diệu hơn nữa, lớp gai nhọn trên thân thể nhà vua cũng tan biến dần theo từng giọt máu của vị hoàng tử đổ xuống.

Sau đó vị hoàng tử bèn đặt nhà vua nằm lại trên giường để dưỡng bệnh. Từ từ đứng dậy và bước đến người đứng gần mình nhất, vị hoàng tử ôm lấy người đó và nói:

"Chúng ta hãy thương yêu nhau. Bất cứ hình phạt nặng nề nào của Thượng Đế cũng đều được giảm bớt nếu chúng ta biết chân thành yêu thương nhau".

Rồi cứ thế từ người này sang người khác, chàng đi khắp thành mà ôm từng người một, từ ông lão nghèo nàn đến người thương gia giàu sang, từ em bé tật nguyền đến chàng thanh niên khỏe mạnh. Và cứ thêm mỗi người được ôm thì vị hoàng tử càng yếu dần theo từng giọt máu ứa ra trên thân thể họ. Cho đến lúc kiệt sức, chàng quỵ xuống bên đường. Tuy vậy, chàng vẫn mở rộng vòng tay kêu gọi mọi người đến cùng chàng mà chia sự sống. Mọi người nức nở khóc trước tình thương bao la của chàng. Những người sau cùng chưa được thoát bệnh đồng quỳ xuống bên chàng mà nói:

"Chúng tôi xin hoàng tử đừng lao lực thêm nữa. Chúng tôi thành tâm nguyện mang lớp gai này trên mình để người còn được sống cùng chúng tôi".

Lạ thay, từ trên thinh không bỗng có tiếng nhạc thánh thót vang lên và có lời truyền của Thượng Đế phán rằng:

"Lành thay ! Các người hiểu được tình yêu thương chân thật và bỏ đi lòng tị hiềm, ích kỷ. Dám hy sinh bản thân mình cho đồng loại là định nghĩa của yêu thương vậy".

Rồi cùng với thinh âm tan dần vào không gian, các lớp gai trên thân hình của những người còn lại đều biến mất đi. Khi người ta nhìn lại thì vị hoàng tử đang khép mắt lại với lời nói thật hiền hòa thoát ra theo làn hơi thở sau cùng:

"Hạnh phúc là có nhau hôm nay để sống. Yêu thương là biết sống làm sao để ta có nhau ngày mai. Các bạn của tôi ơi, hãy nhớ rằng hạnh phúc không phải là của riêng ta để cho đi hay lấy lại. Hạnh phúc chỉ đến với ta khi ta biết yêu thương lẫn nhau và chia sẻ cho nhau tình thương đó..."

Rồi chàng lìa đời sau câu nói đó. Ngày hôm sau, dưới sự hướng dẫn của nhà vua, toàn dân trong thành đã đưa thi thể của chàng xuống lòng đất muôn đời, bên cạnh khu rừng nọ. Lạ thay, khi xác của chàng vừa được chôn dưới lòng đất, người ta bỗng thấy có những chim muông, cầm thú kéo thành đoàn từ trong rừng ra nằm quanh ngôi mộ của chàng thật lặng yên và buồn bã. Một năm sau, người ta thấy trên ngôi mộ của chàng và xung quanh khu vực đó mọc lên những bông hoa đỏ tươi như máu với thật nhiều gai nhọn từ gốc đến ngọn. Người ta cho đó là sự kết tinh lại của tình thương của chàng hoàng tử để nhắc nhở cho người đời bài học cao cả nhất về yêu thương và hạnh phúc. Và người ta gọi loài hoa đó là hoa Hồng. Và mãi mãi đến ngày nay, dù mang nhiều màu sắc khác nhau, loài hoa đó vẫn tượng trưng cho sự yêu thương.

Trí khôn của ta đây

Ngày xưa, có một con cọp từ trong rừng đi ra, thấy một anh nông dân cùng một con trâu đang cày dưới ruộng. Trâu cặm cụi đi từng bước, lâu lâu lại bị quất một roi vào mông. Cọp lấy làm ngạc nhiên lắm. Đến trưa, mở cày, Cọp liền đi lại gần Trâu hỏi:

- Này, trông anh khỏe thế, sao anh lại để cho người đánh đập khổ sở như vậy?

Trâu trả lời khẽ vào tai Cọp:

- Người tuy nhỏ, nhưng người có trí khôn, anh ạ!

Cọp không hiểu, tò mò hỏi:

- Trí khôn là cái gì? Nó như thế nào?

Trâu không biết giải thích ra sao, đành trả lời qua quýt:

- Trí khôn là trí khôn, chứ còn là cái gì nữa? Muốn biết rõ thì hỏi người ấy!

Cọp thong thả bước lại chỗ anh nông dân và hỏi:

- Trí khôn của anh đâu, cho tôi xem một tí có được không?

Anh nông dân suy nghĩ một lát rồi nói:

- Trí khôn tôi để ở nhà. Để tôi về lấy cho anh xem. Anh có cần, tôi sẽ cho anh một ít.

Cọp nghe nói, mừng lắm.

Anh nông dân toan đi, lại làm như sực nhớ ra điều gì bèn nói:

- Nhưng mà tôi đi khỏi, lỡ anh ăn mất trâu của tôi thì sao?

Cọp đang băn khoăn chưa biết trả lời thế nào thì anh nông dân đã nói tiếp:

- Hay là anh chịu khó để tôi buộc tạm vào gốc cây này cho tôi được yên tâm.

Cọp ưng thuận, anh nông dân bèn lấy dây thừng trói cọp thật chặt vào một gốc cây. Xong anh lấy rơm chất chung quanh Cọp, châm lửa đốt và quát:

- Trí khôn của ta đây! Trí khôn của ta đây!

Trâu thấy vậy thích quá, bò lăn ra mà cười, không may hàm trên va vào đá, răng gãy không còn chiếc nào.

Mãi sau dây thừng cháy đứt, Cọp mới vùng dậy ba chân bốn cẳng chạy thẳng vào rừng không dám ngoái nhìn lại.

Từ đó, cọp sinh ra con nào trên mình cũng có những vằn đen dài, vốn là dấu tích những vết cháy, còn trâu thì chẳng con nào có răng ở hàm trên cả.

Viên ngọc thần

Ngày xưa, có một người tính tình thật thà, ngay thẳng, thấy ai bị hà hiếp, dù thiệt mình anh vẫn cố sức bênh vực. Ai thế yếu cô đơn, anh đều sẵn lòng giúp đỡ. Vì vậy, bọn nhà giàu trong vùng rất ghét anh. Chúng tìm cách lấn át, chèn ép. Anh phải bỏ nhà vào núi ở, lấy nghề săn bắn thú làm vui. Tuy tình cảnh khốn đốn, anh không bao giờ giết những con thú chửa hay đang nuôi con, thà vác ná về không, chứ anh quyết không bắn chúng, nhất là lúc con cái và con đực đi sóng đôi.

Đi săn nhiều năm, anh thuộc núi rừng như thuộc ngõ ngách trong làng, nhận ra những con hươu con nai thường gặp. Trong những con vật anh thường trông thấy, có hai vợ chồng con rắn. Hai con rắn to như cây chuối, da đen như than, dài đến mấy sải, cùng ở chung trong một hang đá rất sâu. Sáng nào vợ chồng nó cũng đưa nhau đi kiếm ăn. Mỗi khi con rắn cái thay da, con rắn đực tha mồi về tận hang. Mùa đông năm đó, đến lượt con rắn đực thay da, nằm yên một chỗ. Bỗng con cái thay

lòng đổi dạ. Nhân con rắn chồng ốm yếu, con rắn cái theo con đực khác, rồi định đưa con rắn đực ấy về hang cắn chồng.

Thấy hai con rắn kia xấu xa, anh thợ săn căm ghét, đến ngồi rình trước hang, định giết cả hai con. Nhưng khi chúng nó đến anh chỉ kịp bắn con cái. Con rắn đực chạy thoát vào rừng. Chờ đến bữa ăn, không thấy vợ tha mồi về, con đực đang thay da bò ra cửa hang đón. Trông thấy vợ chết, mắt bị một mũi tên xuyên qua, con rắn đực biết người thợ săn vẫn gặp hàng ngày bắn vợ mình, nên chờ dịp báo thù. Khi đã thay da xong, nó bò đến cửa nhà anh thợ săn nằm chờ. Cũng tối hôm đó, anh thợ săn ngủ không ngon giấc. Mới nửa đêm đã tỉnh, nằm mãi không ngủ được, anh đánh thức vợ dậy, kể chuyện con rắn cái "ăn ở hai lòng" và đã bắn chết nó để cứu con rắn đực đang thay da.

Con rắn đực nằm ngoài cửa nghe rõ mọi điều. Bây giờ nó mới hiểu được anh thợ săn cứu nó thoát nạn, nếu anh không bắn chết vợ nó thì nó đã bị vợ cùng con rắn đực kia cắn chết rồi. Từ mắc oán sang mang ơn, con rắn cúi đầu, lách mình chui qua khe cửa nhà anh thợ săn, nghe động, anh thợ săn choàng dậy, vớ cái ná. Trông thấy con rắn anh giương ná lên toan bắn. Nhưng con rắn đang thu mình, nằm co đầu cúi xuống, không lè lưỡi. Nó gật đầu mấy cái liền, thả ra một viên ngọc, rồi lặng lẽ chui ra. Anh thợ săn nhận ra con rắn vẫn gặp thường ngày liền đến nhặt viên ngọc lên xem. Người thợ săn rất đỗi ngạc nhiên, cầm viên ngọc, anh nghe tiếng của lũ muỗi nói trong đêm tối, tiếng của lũ kiến đang giục nhau đào hang, và xa xa tiếng lũ chim đêm gọi nhau sợ lạc đàn. Rồi anh nghe rõ cả tiếng con rắn đực nói "đền ơn cứu sống, trả nghĩa công bằng".

Một hôm, anh bắn được con bò rừng rất to, vợ chồng đang ra tay xẻ thịt phơi khô thì một đàn quạ bay đến sà xuống cướp. Anh gào rát cả cổ mà lũ quạ cứ sấn vào. Phát cáu, anh lấy ná lắp tên, bắn một phát. Chẳng may mũi tên trúng đầu con quạ chúa. Đàn quạ cắp xác chúa và mũi tên bay qua khắp làng mạc thôn xóm, vẫn chưa tìm được cơ hội để báo thù người thợ săn.

Khi bay qua sông, thấy xác một người chết đuối trôi tấp vào bờ, lũ quạ đem mũi tên cắm vào xác người chết ấy. Họ hàng người này tìm được đem cả người và mũi tên đến cung vua để kiện. Vua truyền khắp nước, ai có ná, có tên phải mang vào chầu. Những người có ná, có tên từ vùng cao, đến các làng hẻo lánh đều y lệnh vua. Anh thợ săn cũng vào chầu, mang theo cả viên ngọc. Vua truyền mọi người đem tên của mình ra so với tên ghim ở trên xác chết. Mỗi người đều so mấy lượt. Chỉ có mũi tên của anh thợ săn có viên ngọc là giống. Vua bắt anh cùm lại, chờ ngày xử tội.

Vạ giữa đường mang vào cổ, anh thợ săn nói thế nào vua cũng không nghe. Bọn nhà giàu làng anh lại được dịp nói thêm nói bớt không ngớt lời. Anh thợ săn đang phải chờ đền mạng người chết đuối.

Ở trong tù, nhớ vợ, nhớ nhà, nhớ rừng núi, anh không thể nào ngủ được. Mới nửa đêm, nhờ có viên ngọc mang theo, anh nghe đàn kiến bò trên tường giục nhau: - Trời sắp lụt to rồi, phải vào kho nhà vua tha thóc để dành ăn, nếu chậm thì đói to. Sáng hôm sau, anh lại nghe chim sẻ, chim cu mách nhau: - Chỉ có vào kho vua mới được nhiều. Trong kho vua lắm thóc lắm. Đàn chuột quá mải chơi, sợ hết phần nên gắt gỏng om sòm: - Thóc trong kho nhà vua, chim sẻ, chim cu và kiến tha gần hết rồi. Không vào tranh nhau với chúng thì chết đói đấy. Lụt rất lớn và rất lâu ngày. Chim cu, kiến, chuột nói, anh thợ săn nghe rõ cả. Đến buổi, người lính canh đem cơm vào, anh thợ săn nhắn: - Nói cho vua hay, trời sắp lụt bão to, thóc gạo trong kho chim chuột đã tha để ăn chạy lụt cả rồi. Bảo vua chạy đi kẻo chết. Người lính vào tâu với vua. Vua cười mỉa: - Chó lại còn dạy hổ nhảy cao, nếu có giỏi, nó chẳng xin ta cho làm quan thiên văn, địa lý, chứ dại gì đi cướp của giết người. Nó muốn tìm mưu chạy trốn đấy. Hãy đóng chặt thêm chiếc gông lại.

Người thợ săn bị quân lính cùm chặt hơn. Hôm vợ vào thăm, anh cho vợ biết trời sắp lụt và bảo vợ về làng cũ nói với xóm làng. Tin lời vợ chồng anh thợ săn, mọi người lo gặt sớm để lúa lên chòi cao, làm bè, làm thuyền, nắm cơm, rang gạo để sẵn.

Chỉ có bọn nhà giàu nói gièm việc làm của vợ anh thợ săn, rồi lại đi mách vua. Vua lại kết tội vợ chồng anh thông đồng làm loạn, sai quân lính đến bắt trói chân, trói tay khiêng về chờ ngày chém.

Ngày xử án đã đến, vợ chồng anh thợ săn bị đưa ra pháp trường. Hai người vừa bị trói đứng vào hai cột thì bỗng nhiên có gió thổi mạnh, mây lởn vởn trên đầu, trời sập tối rồi đổ mưa. Vợ chồng anh thợ săn bị trói cách nhau có mấy bước mà không trông thấy nhau được, nước đã ngập đến đùi, rồi đến ngực. Lũ quan và quân lính rủ nhau chạy mất cả. Hai cây cột trói vợ chồng anh cũng bị trốc gốc, anh tự cởi trói cho mình rồi đến cởi trói cho vợ.

Nước đã ngập đến cổ, hai người đang bì bõm lội giữa vùng nước ngập mênh mông thì có một chiếc bè chuối ghé đến. Người trên bè nắm tay hai vợ chồng anh thợ săn kéo lên. Khi tỉnh dậy, vợ anh thợ săn nhận ra người đưa bè chuối đến cứu vợ chồng mình chính là người được chị đưa tin báo trời lụt trước nhất.

Mưa vẫn kéo dài, gió thổi mạnh, cả triều đình vua chúa đều chìm nghỉm dưới nước. Chiếc bè chuối của người hàng xóm tốt bụng chở vợ chồng anh thợ săn về làng cũ. Bọn nhà giàu và bọn điêu ngoa thóc mách đều bị chết trôi. Chỉ có những người nghèo, nghe lời vợ chồng anh thợ săn là còn sống trên những chiếc bè, trên các ngọn cây cao.

Vụ kiện Châu Chấu

Ngày ấy có một con châu chấu mải mê kiếm ăn lạc mất đường về. Tối đến, trời rét lại mưa rơi rả rích, làm cho chấu ta run rẩy. Nó muốn tìm một chỗ ngủ, nhưng bóng đen dày đặc chẳng biết đường nào mà lần.

- Ta cứ bò liều may gặp chỗ nào khỏi ướt thì nằm tạm một đêm. Nghĩ vậy, chấu ta cứ lồm cồm bò mãi trên một cành cây mới bám được. Cuối cùng, không ngờ nó lại lọt được vào nhà chim ri. Đến đây, châu chấu thấy ấm áp dễ chịu. Nhưng một tiếng hỏi cất lên:

- Đêm hôm khuya khoắt, ai vào nhà tôi đó? Khéo kẻo đạp lên mấy đứa con tôi!

Thấy chim ri mẹ đứng lên hỏi thế, chấu rên rỉ đáp không ra hơi:

- Tôi là chấu đây!... Đêm lạnh quá... Làm ơn cho ngủ nhờ một đêm, sáng dậy đi ngay.

- Nhà rách nát lại chật chội, mấy mẹ con nằm không đủ. Thôi chú đi tìm nơi khác đi!

Nhưng chấu vẫn kêu nài:

- Cho ghé lưng nằm một tí phía ngoài này cũng được, kẻo tôi lạnh cóng không thể bước đi đâu được nữa.

Nghe nói, chim ri mẹ thương hại, bèn đáp:

- Thôi được, cho chú mày nằm ghé bên kia, nhưng phải co cẳng kẻo đạp vào mấy đứa con ta.

Thế là chấu xếp hai càng vào bụng, đặt lưng ngay bên cạnh mấy con của chim ri. Chỉ một chốc sau, chấu cũng như chim ri ai nấy đều ngon giấc.

Đang ngủ say sưa, bỗng nhiên một tiếng nai kêu "tác" bên cạnh nhà. Tiếng kêu quá to làm cho châu chấu giật mình tỉnh

dậy. Chấu vươn vai rồi quên mất lời chim ri dặn, duỗi thẳng đôi cẳng dài thượt của nó. Nhà chim ri vốn đặt lơ lửng trên một cành na, nhà quá rách nát vì gió đánh tả tơi lâu ngày chưa kịp chữa. Châu chấu duỗi mạnh đôi càng làm cho cả một chỗ nằm kêu răng rắc:

- Ôi chao! Đổ mất, đổ mất.

Chim ri mẹ kêu to lên. Quả nhiên cái duỗi chân của chấu đã làm hại nó. Mấy con chim con bị đạp dồn về một phía, cái nhà nghiêng hẳn, chỉ một chốc rời khỏi cành na, một con chim non còn ngủ say cũng lăn theo và rơi tõm xuống sông. Mẹ con chim bay loạn xạ đi tìm thì nó đã bị nước cuốn đi mất.

Tức giận vì châu chấu tự dưng vô cớ đến gây tai họa cho nhà mình, sáng hôm sau mẹ con chim ri bèn đi kiện với Bụt. Nghe nguyên cáo trình bày đầu đuôi, Bụt liền theo đến tận nơi xem xét rồi gọi châu chấu đến hỏi:

- Tại sao nhà ngươi đêm hôm đến làm hại nhà người ta?

Châu chấu cúi đầu nhận rằng quả nó có gây tang tóc cho nhà chim ri, nhưng nó cũng cho Bụt biết rằng nó vốn không có ác ý:

- Tôi không phải là kẻ vô ơn bạc nghĩa đâu. Vì con nai tự dưng ở đâu đến kêu thét vào tai làm cho tôi giật nảy mình. Chính vì thế mà tôi duỗi chân theo thói quen nên mới ra nông nỗi.

Thấy châu chấu tình thực nên Bụt cũng thương hại, bèn cho gọi nai đến, kể cho nai biết đầu đuôi sự việc xảy ra, rồi bảo:

- Nhà đổ, con chết, rõ ràng là tại tiếng kêu thét của nhà ngươi. Tại sao nhà ngươi đêm hôm khuya khoắt đến đây kêu rống lên làm gì để gây nên tai vạ?

Nai vội vàng trả lời:

- Oan tôi quá! Lúc ấy tôi cũng đang lim dim đôi mắt. Tự nhiên một quả na xanh rơi xuống trúng vào mặt làm cho tôi toáng đảm kêu lên. Vậy là tại quả na chứ không phải tại tôi.

Nghe nai bày tỏ có lý, Bụt lại quay sang hỏi cây na:

- Vì sao ngươi lại để cho quả xanh rơi trúng vào mặt con

nai, làm cho nó hét tướng lên, gây tai vạ cho nhà người ta. Ngươi đã biết tội chưa?

Na đợi Bụt buộc tội xong, lập tức trả lời:

- Bẩm ngài. Tôi đâu có muốn quả xanh của tôi rơi. Vì con sâu nó làm hại tôi, nó cắn cuống quả xanh, cho nên quả mới rụng đấy ạ!

Đến lượt sâu được Bụt sai gọi đến kể cho nghe sự tình rồi kết tội:

- Nhà ngươi đã thấy rõ chưa? Nếu nhà ngươi không cắn quả na xanh thì làm gì có tai vạ xảy đến cho nhà chim ri. Vậy ngươi không tránh được tội lỗi.

Nhưng Bụt không ngờ sâu cũng không nhận tội. Sâu đáp:

- Bẩm ngài, tôi vốn sống yên ở trong đám lá khô dưới kia. Ở đó tôi có nhiều thức ăn ngon lành. Nhưng mấy hôm nay có con gà ở đâu đến sục sạo tìm giết cả họ nhà tôi rất là kinh khủng. May mắn làm sao, tôi ba chân bốn cẳng bò được lên đây. Chẳng có gì nhét vào bụng nên tôi phải gặm chút vỏ quả na xanh cho đỡ đói. Nếu có rơi trúng vào nai hay là con gì khác thì điều đó không phải tại tôi mà là tại con gà kia.

Lại đến lượt gà được gọi đến đối chất. Gà vốn không phải quê tại khu vực này. Nó có một đàn con. Mẹ con thường dẫn nhau đi kiếm ăn. Nhưng thức ăn ngày một hiếm. Ngày hôm kia, mẹ gà nhờ được vịt, chỗ quen biết chở qua sông hứa sẽ xin ấp trứng vịt để đền ơn. Vì thế mấy hôm nay gà được no bụng. Nhưng khi nghe Bụt buộc tội vì đã gây tai vạ cho chim ri, gà đớ người không biết tìm câu gì để chống chế vì khu vực này không phải là quê quán của mình. Hỏi đến ba lần, gà không trả lời được, nên bị Bụt sai giam lại.

Bầy con của gà có bốn con mái, một con trống. Khi nghe vịt cho biết là mẹ mình bị giam ở bên kia sông thì chúng nó hết sức hốt hoảng. Chúng khẩn khoản nhờ vịt chở qua thăm mẹ. Bốn con gà mái nhớ thương mẹ quá, tranh đi trước. Chúng nó chỉ biết kiếm sâu tìm dế nuôi mẹ mà không biết kêu van với Bụt để mẹ được tha nên cuối cùng lại về không. Hôm sau đến

lượt con trống con đi thăm mẹ nó. Khi nghe mẹ nó kể đầu đuôi sự tình vì sao bị Bụt bắt giam, gà trống con bèn đi tìm Bụt rồi phân trần:

- Bẩm ngài, ngài bắt giam mẹ con thật quả oan ức.

Bụt chau mày hỏi:

- Lại còn oan nỗi gì. Nếu mẹ mày cứ kiếm ăn ở bên kia sông đừng qua bên này, thì làm gì có chuyện con sâu bò lên cắn quả na xanh, làm gì có chuyện quả na xanh ấy đứt cuống rơi vào mặt con nai để con nai kêu thét lên, rồi làm gì có chuyện con châu chấu giật mình duỗi chân đạp đổ nhà chim ri và làm cho con nó chết. Chính thủ phạm là mẹ mày, mày còn kêu oan nỗi gì.

Gà trống con lễ phép thưa:

- Bẩm ngài, chính vì thế mà con phải kêu oan cho mẹ con, vì rõ ràng trong lục súc sáu loài, loài nào loài ấy khi sinh con đẻ cái đều được trời cho có sữa nuôi con. Riêng loài gà chúng con thì tuyệt nhiên không có lấy một giọt sữa. Vì thế gà phải chạy vạy tần tảo nuôi con. Mẹ con phải vất vả đi các nơi kiếm thức ăn là vậy. Bên kia người khôn của khó nên phải lần mò sang bên này. Tình cảnh khó khăn buộc phải thế, đâu có phải là tội tại mẹ con!

Bụt thấy gà trống con cãi cho mẹ có lý có lẽ, đành phải thả cho mẹ nó về.

Thấy gà trống bé người mà khôn ngoan, ai nấy đều khen ngợi. Từ đó mỗi lần có kiện tụng việc gì, người ta thường mang gà trống theo, hy vọng nhờ sự có mặt của nó mới thắng kiện. Còn gà thì phải ấp trứng vịt để trả ơn, dòng dõi của nó sau này vẫn thế.

MỤC LỤC






PHẦN CD – MP3 QUÀ TẶNG

Kể chuyện: Cô giáo Trịnh Minh Thanh

1. Ăn trầu ngắt đuôi
2. Ông Dài ông Cụt
3. Ông Nghè hóa hổ
4. Vì sao đít khỉ bị đỏ
5. Bánh chưng bánh dày
6. Cái chén sơn son
7. Chử Đồng Tử
8. Con cóc là cậu ông Trời
9. Hồn Trương Ba da hàng thịt
10. Lạc Long Quân và Âu Cơ
11. Lưu Bình Dương Lễ
12. Mỵ Châu Trọng Thủy
13. Ngưu Lang Chức Nữ
14. Sơn Tinh Thủy Tinh
15. Sự tích ông Ba Mươi
16. Sự tích cây lúa
17. Sự tích chú Cuội cung trăng
18. Sự tích Hồ Gươm
19. Sự tích thành Cổ Loa
20. Sự tích trầu cau

CỔ TÍCH VIỆT NAM

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ - THÔNG TIN

Số 43 Lò Đúc - Hà Nội

ĐT: (043) 9719512 – 9722613

Chịu trách nhiệm xuất bản

LÊ TIẾN DŨNG

Chịu trách nhiệm nội dung

VŨ THANH VIỆT

Biên tập : **Vũ Thu Vân**
Trình bày : **Hồng Nhung**
Sửa bản in : **Kim Dung**
Thiết kế bìa : **Trọng Kiên**

Liên kết xuất bản:
CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HOÁ HUY HOÀNG
110D Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội
Tel: (043) 736.5859 - 736.6075 Fax: 043.7367783
Email: info@huyhoangbook.vn
CHI NHÁNH PHÍA NAM
357A Lê Văn Sỹ, P1, Q. Tân Bình, TP. HCM
Tel: (083) 991 3636 - 991 2472 Fax: (083) 991 2482
Email: cnsaigon@huyhoangbook.vn
www.huyhoangbook.vn
www.facebook.com/huyhoangbookstore

In 2.000 cuốn khổ 16 x 24 cm tại: Công ty TNHH PT Minh Đạt.
Số đăng ký KHXB: 187 - 2014/CXB/132 - 09/VHTT.
Số QĐ của NXB VHTT: 153/VHTT-KH ngày 18/02/2014.
In xong nộp lưu chiểu năm 2014.

CỔ TÍCH VIỆT NAM



HUY HOANG

ISBN: 978-604-50-1444-8



95.000 VNĐ
(Sách tặng kèm CD-MP3)